NĂM THỨ TÁM • #98 • JUNE 1997

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

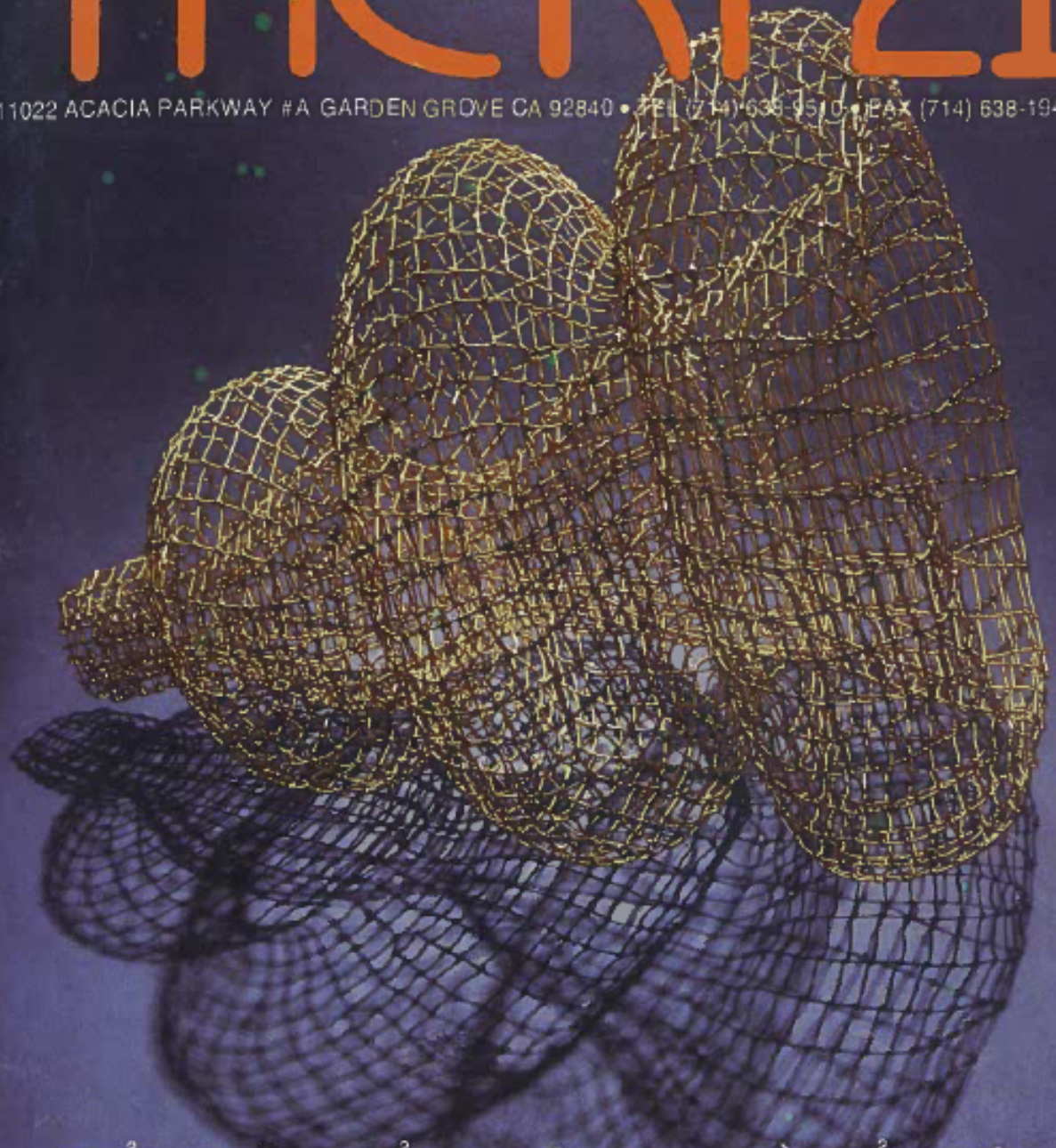

ĐOẢN VĂN CỦA MỘT NGƯỜI TỬ TRẬN

TRẦN MỘNG TÚ

ARLEQUIN **VŨ THƯ HIÊN**

NGƯỢC DÒNG MÊ KÔNG 1866-1873

NGÔ THẾ VINH

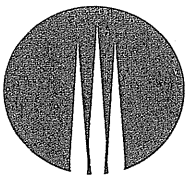

VNCR
VIETNAM
CALIFORNIA
RADIO
106.3 FM

Phát thanh 5 ngày mỗi tuần
từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Buổi sáng: 5am đến 7am
Buổi chiều: 12pm đến 4pm

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt
ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ
VĂN NGHỆ CHỌN LỌC
GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH
HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640

MỚI LẠ! SAY MÊ! KINH NGẠC!

Với kỹ thuật tân kỳ về ÂM THANH và ÁNH SÁNG đi trước của năm 2000

Tất cả video Paris by Night từ trước đến nay, kể cả 37 và 38 dù đã lên TOP thị trường trong và ngoài nước, tất cả đều chào thua cuốn video xuất sắc nhất vừa mới thực hiện

PARIS BY NIGHT 39

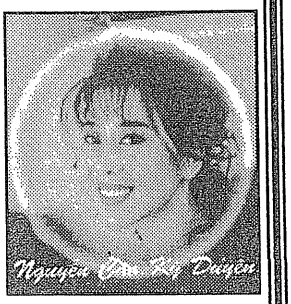

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYÊN CAO KỲ DUYÊN

Chủ Đề: **ÁNH ĐÈN MÀU**

với sự góp mặt các tài danh:

- Ái Vân - Bích Chiêu - Ý Lan - Như Quỳnh - Họa Mi
- Lưu Bích - Bảo Hân - Mỹ Huyền - Hoàng Lan
- Trang Thanh Lan - Lynda Trang Đài - Thiên Kim
- Thảo Mi - Đức Huy - Don Hồ - Thái Châu - Thế Sơn
- Nguyễn Hưng - Tommy Ngô- Hoài Nam - Khánh Hoàng
- Lay Minh - Ban Nhạc M.F.L. Toronto (Canada)

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

GIÁ $28 1/BỘ

MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 • Westminster, CA 92683 - USA • Tel.: (714) 893-2860 • Fax (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave D'Ivry - 75013 • Paris, France • Tel.: 45-83-34-30
ÚC: 323 Chapel Rd. • Bankstown - N.S.W. 2200 • Australia - Tel.: (02) 796-722

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA		□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*		□ 1 năm / *1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*		□ 1 năm / *1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL: (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

MÓN QUÀ TAO NHÃ TẶNG CHO NGƯỜI MÌNH QUÝ MẾN BUỔI ĐẦU XUÂN
KHÔNG GÌ HƠN LÀ MỘT CUỐN SÁCH

TỦ SÁCH CÀNH NAM
GIỚI THIỆU SÁCH MỚI:

KINH THI

Bìa hai lớp, In offset - 600 trang - Ấn phí tại Hoa Kỳ $25 ***Cần nhiều Đại lý***

MỌI THƯ TỪ, NGÂN PHIẾU, CHI PHIẾU, XIN ĐỀ CHO:

TỦ SÁCH CÀNH NAM

2607 N. MILITARY RD. ARLINGTON, VA 22207

(703) 525 - 4538

Phiếu Đặt Mua Sách

Tôi tên: . . . . . .

Yêu cầu gửi . . . . cuốn . . . . . .

Về địa chỉ . . . . . .

. . . . . State . . . . .Zip code . . . . .

Tôi gửi kèm ngân phiếu trị giá . . . . . .

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

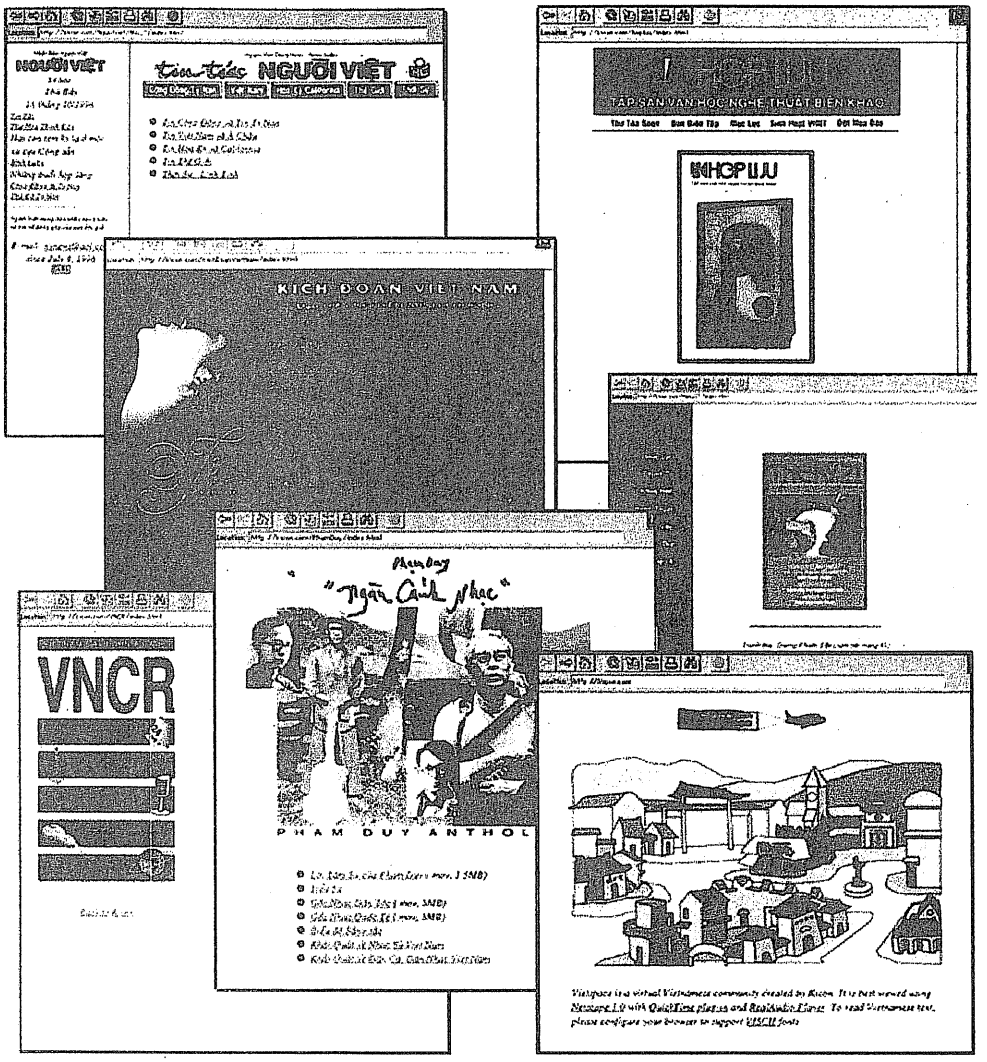

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
¤ *Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ◻ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

---

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

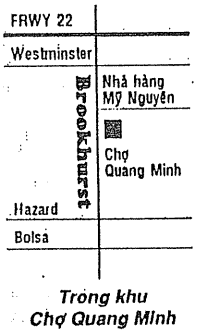

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

NHÀ XUẤT BẢN

NGƯỜI VIỆT

Hân hạnh giới thiệu ba ấn phẩm mới nhất:

Món quà cho
cho các em thiếu nhi
Món quà cho
người yêu nhạc
Món quà cho
những người
bạn ngoại quốc

Mỗi gia đình
Việt Nam đều nên
có trong tủ sách
gia đình

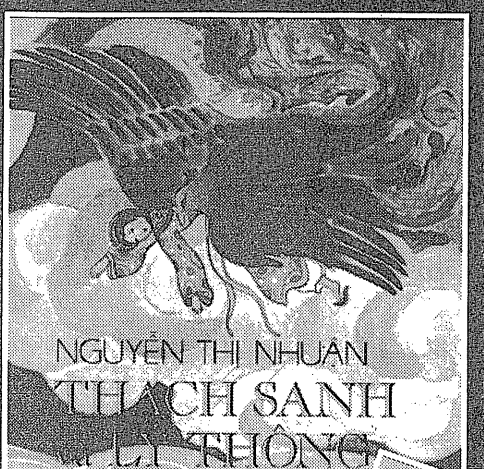

Truyện cổ tích
Việt Nam
bằng tranh
cho các em
thiếu nhi
bằng hai thứ tiếng
Anh - Việt
của Nguyễn Thị Hợp
và Nguyễn Thị Nhuận
Giá: US$ 10

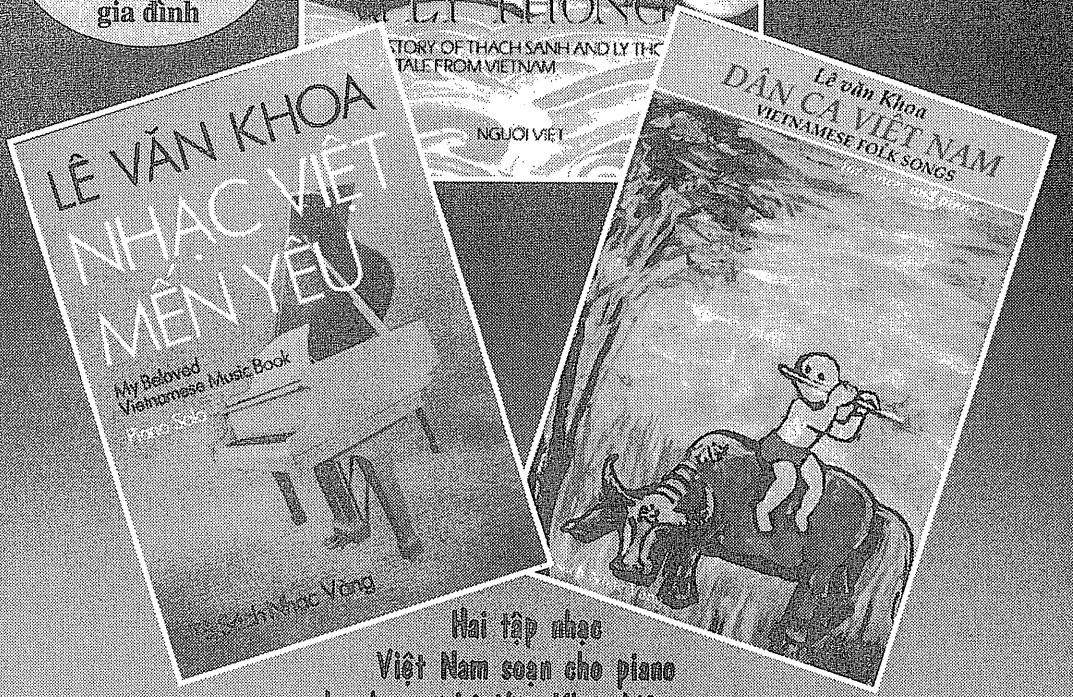

Hai tập nhạc
Việt Nam soạn cho piano
do nhạc sĩ Lê Văn Khoa biên soạn
Giá: US$ 12/mỗi tập

Hỏi mua tại các nhà sách địa phương hoặc liên lạc:

NHÀ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT
14891 MORAN ST., WESTMINSTER, CA 92683
TEL: (714) 892-9414 - FAX: (714) 894-1381
E-mail: nvnews@aol.com - World Wide Web: http://kicon.com/NguoiViet

Tranh bìa: **Hoàng Vũ**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường**
Ảnh: **Lê Tam Ca**

MỤC LỤC

Số 98 . Tháng Sáu 1997

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12 Việt Cộng và Việt Kiều - **Nguyễn Hữu Chung**
17 Trí thức và mục tiêu dân chủ hóa đất nước - Phỏng vấn **Hà Sĩ Phu**
41 Nhìn lại Việt Nam sau 10 năm đổi mới - **Lê Mạnh Hùng**
68 Ngược dòng sông Mê Kông thời hoang dã - **Ngô Thế Vinh**

TÔN GIÁO - XÃ HỘI

28 Giê-Su và Phật - **Luc Ferry - Lại Như Bằng** dịch
107 Thăm dò xã hội và phục vụ cộng đồng - **Trần Thành**

HỘI HỌA - KHOA HỌC

67 Một mùa xuân vĩnh cửu - **Thái Tuấn**
94 Vũ trụ, ông là ai - **Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh**

VĂN HỌC

26 Die Zweite Heimat - Quê hương thứ hai - **LM Hồ Ngọc Thỉnh**
51 Phùng Cung, nhà thơ của cố hương **Trần Duy**
55 Thi sĩ đạo sĩ, thi sĩ tiên tri, thi sĩ chiến sĩ - **Đào Mộng Nam**
64 Mấy giai thoại về Nguyễn Bính - **Bảo Vân**
98 Thơ thẩn và thơ thơ - **Đỗ Quý Toàn**

TIẾNG VỌNG

32 Ngày nay Khổng Giáo còn giá trị không? - **Tôn Thất Thiện**

VĂN

20 Cuộc tuyệt thực ở trại Cổng Trời - **K. Vĩnh**
48 Trở về thăm Pittsburg - **Phan N. Huyên**
59 Arlequin - **Vũ Thư Hiên**
74 Tình cũ nghĩa xưa - **Nguyễn Bá Phúc**
78 Hai người đi trong rừng - **Khả Vi**
85 Đoản văn của một người tử trận - **Trần Mộng Tú**
87 Những miếng tồi tàn - **Nguyễn Lê Hồng Hưng**
91 Đêm nhìn lên vầng trăng bật khóc - **Nguyễn Trung Dũng**

THƠ

50. Hoàng hôn - **Võ Doãn Nhẫn.** Dư âm - **Nguyễn Văn Cường. 63.** Về giữa đám mây xanh - **Đinh Tuấn. 73.** Nhớ tuổi mười lăm - **Lưu Nguyễn. 83.** Khai trừ, Lão - **Hoàng Xuân Sơn.** Thức - **Bùi Duy Thuyết. 90.** Tinh cầu, Tiếng chim, Hình bóng - **NPT. 93.** Đêm ở SP - **Đoàn Nhật. 97.** Cuộc đối thoại..., Những dấu vết thời đồ đá - **Du Tử Lê**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư Tòa soạn - **Vương Hữu Bột**
9 Bạn đọc viết
10 Hộp thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
34 Sổ tay
99 Khách trong tháng: Mây cuối mùa Xuân - **Lê Đình Điểu**
100 Vòng chân trời Văn học Nghệ thuật - **Lê Tam Ca**
105 Sách báo trong tháng - **Hà Châu** •

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@kicon.com**
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Hội Đồng Quản Trị:

Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: *Trích Thế Kỷ 21.*

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện:* 45 83 19 12
2.*Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Canada: *Hoàng Chiểu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

Giết Vũ Xuân Trường không làm xã hội tốt hơn

Những tử tội đã bị xử trong vụ án tham nhũng Tamexco và đường dây ma túy Hà Nội - Điện Biên có tội đối với xã hội. Họ đã làm hại cho nhiều người, đã làm các việc ác lớn. Nhiều người nghĩ rằng nên giết các tử tội để làm gương, mục đích là ngăn ngừa, giảm bớt các việc ác sau này có thể xảy ra. Và những vị có quyền chắc sẽ muốn làm nguôi cơn giận của đa số.

Nhưng chúng tôi nghĩ ông Lê Đức Anh nên cho hoãn việc thi hành các án tử hình, nếu chưa ân xá. Giết người không làm giảm tội ác như đa số tưởng lầm. Những xứ đã bỏ án tử hình cũng không có nhiều tội phạm hơn những xứ còn án tử hình. Những kẻ phạm tội, khi ra tay làm việc ác, thường do lòng tham và cơn giận dữ thúc đẩy, họ cũng ít khi tính toán về kết quả của tội ác, không cân nhắc các hình phạt một cách tỉnh táo. Tham tối mắt, giận mất khôn, những người phạm tội giống như đánh bạc, ít có ai nghĩ rằng mình sẽ thua. Các bản án tử hình không có công hiệu ngăn cản người phạm tội như chúng ta tưởng.

Việc giết một người, nhân danh lợi ích chung của xã hội, mà chính lợi ích đó không chắc chắn, người có lòng nhân từ không nỡ làm như vậy. Và đồng bào chúng ta khi đã có thời gian giúp nguôi bớt giận, chắc chắn sẽ làm theo lòng nhân từ thay vì để cho cơn giận dữ quyết định.

Làm sao để cho những người có ý định xấu, khi lựa chọn giữa phạm tội hay không phạm tội, họ thấy nhiều phần sẽ thua trong canh bạc của tội ác. Đó là cách chắc chắn nhất để giúp giảm bớt tội ác. Bắt càng nhiều tay tham nhũng càng chứng tỏ ai đánh canh bạc tham nhũng là dại. Nhưng nhiều người có khi sẽ phải tính toán giữa hai lựa chọn khác hẳn: Hoặc phải nhìn vợ con chịu thiếu thốn, đói rách, hoặc tham nhũng. Bệnh tham nhũng ở nước ta đã truyền nhiễm ra tất cả các bàn giấy có quyền đóng con dấu. Rất nhiều người thấy họ cũng là nạn nhân của sự phân chia lợi tức bất bình đẳng. Theo lối thi hành công lý "Viễn Tây," họ coi việc nhận hối lộ là tái phân lợi tức cho công bằng. Khi các tay cao bồi sách súng đi lập "tòa án tư" để xử các tên ăn trộm ngựa, thì các "sê ríp" đã bất lực, chưa bảo vệ công lý.

Công lý, hiểu theo nghĩa có vay có trả, cũng không nhờ các bản án tử hình này mà sáng rỏ hay vững chắc hơn, vì trong vụ án nào cũng còn mối nghi ngờ bỏ sót. Nói lời cuối trước tòa, ông Vũ Xuân Trường nhận tội, và tố cáo hai thượng cấp thúc đẩy ông ta vào đường tội lỗi: "Họ đòi từng đồng một!" Lời nói khi biết mình sẽ chết chắc là lời nói thật. Nhưng còn cả guồng máy, cả xã hội chung quanh đang lo sống chụp giựt và không niềm tin, chúng ta có chia sẻ phần nào trách nhiệm hay không? Phải bắt những ai đền tội nữa mới đủ thi hành Công lý? Nói như một nhà văn của chúng ta, Công lý cũng khác miếng bánh mì, khi hạ giá 50% thì không còn là Công lý nữa.

Nhưng điều quan trọng nhất là chúng ta không thể trông cậy việc giết một số người sẽ giúp tạo ra một xã hội tốt hơn. Nói như một nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp, chỉ có điều thiện mới sinh ra điều thiện. Trong các hạt gien di truyền của nhân loại đã có các ký hiệu bảo mọi người nên tin tưởng và cộng tác với nhau để chủng loại có xác suất tồn tại cao hơn. Từ 3, 4 tỷ năm trước, các tế bào đơn thuần nhất đã học được một điều là có cộng tác với nhau thì mới tồn tại. Từ 100 triệu năm nay, các tổ kiến đã chứng tỏ nguyên tắc cộng tác đưa tới phúc lợi chung. Ngẫm lại, những đức tính mà chúng ta gọi là Thiện đều có tác dụng khuyến khích xã hội loài người tin nhau và cộng tác với nhau, "tối ưu hóa" cuộc sống chung cả. Khi nói, "Chỉ điều thiện sinh ra điều thiện," lời nói đó có cơ sở khoa học.

Tham nhũng, ma túy, ai cũng ghét. Nhưng nên bỏ thói quen nuôi dưỡng lòng thù ghét, nên để cho các việc thiện tự do phát triển, nên tin người dân Việt Nam ai cũng có trí khôn và mối từ tâm, muốn cải tạo xã hội cho tốt hơn nên bắt đầu như vậy.

Vương Hữu Bột

TỪ CHUNG

Nếu không có ba tờ tạp chí quí vị tổ chức Lễ Tưởng niệm Từ Chung thì chính tôi cũng quên mất nhà ký giả đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ một nhà báo chân chính như ông. Cảm ơn quí vị. Điều tôi rất cảm kích là được đọc lại những bài như của cố Luật sư Trần Thúc Linh. Bây giờ ở Việt Nam không thấy có ai như các ông Từ Chung và Trần Thúc Linh, gặp nhau để bàn về quyền tự do báo chí thay vì bàn chuyện xuông, để cổ động cho quyền tự do này...trong chế độ Nguyễn Văn Thiệu, không phải là chế độ tự do như chúng ta mong muốn. Còn nhà văn Khái Hưng, quí vị đã nói sẽ làm giỗ suốt năm nay để ghi nhớ 50 năm sau ngày ông bị hạ sát, sao chưa thấy gì thêm?

Phan Thúc Trần (Virginia)

Chúng tôi biết có nhiều người đang ở Việt Nam cũng đang tha thiết đến Tự do báo chí như Từ Chung và Trần Thúc Linh, nhưng cơ chế kiểm soát của chế độ cộng sản bây giờ chặt chẽ gấp trăm lần hơn thời Việt Nam Cộng Hòa nên họ không được phép viết trên báo. Có lẽ ông đã nghe chuyện các ông Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, Nguyễn xuân Tụ, Nguyễn Thanh Giang, v.v. bị đàn áp như thế nào. Ngay trong số các đảng viên cộng sản cũng nhiều người đang đòi tự do báo chí, như ông Trần Độ.

THÔI BỎ QUA

Tôi đã đọc bài trả lời tôi của ông Nguyễn gia Tiến về Tư tưởng HSP đăng trong Thế Kỷ 21 số 95. Thấy lời nhận xét cuối cùng của quý tòa soạn cũng đủ nên tôi cũng bỏ qua, không cần phải nói thêm nhiều nữa.

Lan Thạch (Montréal)

DA THỊT VÀ TÌNH NGƯỜI

Ông Hồ Minh Dũng đánh lừa tôi bằng cái tên rất hấp dẫn "Một lần da đến thịt." Tôi đã tưởng sắp được đọc một truyện ngắn rất ướt át cho nó nhẹ, sau khi đi qua các bài "trí não" của *Thế Kỷ 21*, ai ngờ... Câu chuyện ông Hồ Minh Dũng kể đáng lẽ phải đặt tên là "Tình Người" đọc xong truyện tôi cũng chảy nước mắt như vị linh mục trong đó. Truyện tuyệt hay, dù không như tôi chờ đợi. Trong số báo trước tôi rất thích chuyện rất ngắn của Kinh Dương Vương (tại sao ông (hay bà) ấy lại lấy bút hiệu như vậy? Rồi ai sẽ lấy bút hiệu là Lạc Long Quân hay là Âu Cơ?)

Tuyết Mai (Irvine)

VƯƠNG PHỤ CHI KHÔNG PHẢI VƯƠNG THỦ CHI

Kính thưa các bác, các chú. Bài kỳ trước có một số lỗi đánh máy, nhưng không hại đến đại thể chung. Nếu có thể được, cháu xin TK 21 đính chính giùm là tên của triết gia Trung Hoa nhắc đến là VƯƠNG PHU CHI (tên tự là Thuyền Sơn) nên viết tắt là VPC chứ không phải là Vương Thủ Chi (VTC) hiệu Thuyền Sơn. Xin có nêu một vài ý kiến về bài ông Tham Hưnh Nhơn viết (T.K 21 số 96). Không nên khẳng định về kết quả của những công trình nghiên cứu khoa học, nhất là khi chưa ăn khớp với nhau, hoặc khi ngành nghiên cứu ấy còn thiếu độ chính xác,... như trong dân tộc học (vấn đề huyết thống, các phân biệt bằng phần loại máu và sọ đã lỗi thời, nhưng tiếc là chưa có các công trình về di truyền học - qua các gien, vấn đề văn hóa: Văn hóa Đông Nam Á khác với văn hóa Hoàng Hà nhưng dân di cư có thể lây nhiễm văn háo người bản địa - trường hợp Triệu Đà, ngôn ngữ học -tiếng Việt được xem là dạng đứng giữa gia đình Môn-Khmer và gia đình Thái mà gia đình Thái lại có người xếp nằm trong gia đình Trung Hoa.), v.v. Ngoài ra xin ông cho thư mục về những điều ông đưa ra - riêng cháu thì không biết gì về giống dân Keo.) Vì đồng tình nên mới có vài nhận xét như trên,xin các chú tha lỗi.

Xin chúc các bác các chú và mọi người ở TK 21 luôn mạnh khỏe và hăng hái làm báo nhà mỗi ngày mỗi đẹp, hay hơn.

Nguyễn Đại Bằng (Paris)

Xin bạn Đại Bằng tha lỗi, vì chữ bạn rất khó đọc nên người đánh máy đã nhầm, cũng như số này chắc còn nhiều lầm lỗi về đánh máy vì hai người phụ trách trong tòa soạn, trong đó Phạm xuân Đài phụ trách mục thư tín này, đã đi Âu châu hơn một tháng trời.

Chúng tôi rất cảm động trước tám lòng thành của các bạn trẻ ở nước ngoài còn muốn đóng góp với một tạp chí bằng tiếng Việt.

HỢP ĐỒNG XÃ HỘI

Những người Việt Nam cùng thế hệ với chúng tôi chịu ảnh hưởng quá lớn của lối giáo dục mẫu quốc từ thời Pháp thuộc để lại, cho nên nói đến Hợp đồng Xã hội là nhắc đến tên sách của Rousseau. Người đầu tiên nêu lên ý kiến này là Thomas Hobbes (1588-1679), qua đời 33 năm trước khi Rouseau sinh ra.... (tòa soạn xin phép cắt những

đoạn giới thiệu Hobbes.) Một câu hỏi cần đặt ra là ý niệm Hợp đồng xã hội nghe có lọt tai người dân nước ta bây giờ để khích lệ đồng bào đòi hỏi các quyền tự do cơ bản hay không? Rất khó. Ý niệm về hợp đồng xã hội bắt đầu từ hai nguồn gốc. Thứ nhất là thái độ tôn thờ lý trí có tính cách triết học, vì chỉ những con người đủ lý trí và chỉ dùng lý trí trong giao tiếp với nhau mới cần ký hợp đồng. Thứ hai là sự phát triển của nền kinh tế thị trường, vì chính các hợp đồng kinh tế giữa hai cá nhân, giữa các người góp cổ phần đã làm mẫu cho ý niệm Hợp Đồng Xã Hội của các triết gia. Hai nền tảng đó có đầy đủ nơi các giới trí thức chịu ảnh hưởng giáo dục Tây phương, nhất là những người đang sống ở tây phương. Quí vị có thể tiếp tục viết về đề tài này, nhất là các vị luật gia nghe nói đến hợp đồng là thấy hấp dẫn, quí vị có thể thỏa mãn bộ óc trí thức cao siêu rất đáng của quí vị, nhưng tôi không tin rằng cuộc thảo luận của quí vị thay đổi được cái gì cả. Có lẽ quí báo nên dùng các trang giấy của mình bàn các vấn đề thiết thực hơn, nên nghe ngóng xem người dân Việt Nam bây giờ đang nghĩ gì, muốn gì, trước khi "tìm đường cứu nước!"

Nguyễn Văn Chánh (London)

THÍCH ĐỌC LÊ TẤT ĐIỀU NHƯNG...

Đã lâu lắm tôi mới được đọc một bài văn hay như Buổi chiều bên Đại Vực của nhà văn Lê tất Điều mà tôi vẫn mến mộ, nhưng thưa các ông tôi thấy ông Lê tất Điều nói đến Trời mà không có chút kính nể nào cả như vậy thì thật là không được đúng theo thiển ý của tôi, tôi mạn phép nêu ý kiến này thôi chứ không phải bảo các ông nhà văn phải thay đổi gì đâu, các ông tha lỗi cho.

Phan Bích Liên (Houston)

KHÔNG CẦN BIỆN MINH CHO KẺ SĨ

Tôi tự coi mình là con cháu của những người có thể gọi là kẻ sĩ của nước ta từ nhiều đời đến đời tôi có thể là đời thứ chín, những đời trước thì tôi không biết vì gia phả chỉ đến đó thôi, cho nên tôi phải nói là không thấy kẻ sĩ Việt Nam cần có ai biện minh cho họ cả, xin cám ơn. Tại sao Nguyễn Đình Chiểu lại cần có ai biện minh cho cụ? Tại sao Nguyễn Trãi phải nhờ các luật sư bào chữa? Cụ Nghè Tân, Cụ Cử Nguyễn Cao làm gì đến nỗi phải "thanh minh thanh nga" với đàn con cháu bây giờ? Thay vì mang chữ nghĩa Khổng Tử và Mạnh Tử ra thanh minh thì chúng ta chỉ cần kể lại tấm gương Chu Văn An, Nguyễn Thiếp, Phan Đình Phùng, và xa hơn nữa như Tô Hiến Thành. Các cụ chỉ có một điều kém hẳn con cháu bây giờ là không biết tiếng Anh tiếng Pháp, nhất là ... tiếng Đức. Nhưng qui vị thử đọc lại các bài Ngô Tất Tố, Phan Khôi, Phạm Quỳnh, Huỳnh Thúc Kháng tranh luận với nhau, rồi so với các bài "Bút chiến" trên báo chí bây giờ thì thấy nếu như chúng ta theo được gót các kẻ sĩ còn sót lại ở thế kỷ 20 này không thôi cũng à quí hóa lắm rồi đấy!

Nguyễn Văn Thắng (Roma)

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Nguyễn Công Oanh (Hayward CA), Nguyễn Đức Chính (GERMANY), Phan Như Huyên (Garden Grove CA), Nguyễn Thiệp (Garden Grove CA), Nguyễn Như Lưu (AUSTRALIA), Nguyễn Quốc Đạt (Garden Grove CA), Nguyễn Thị Ngọc Chi (Tustin CA), Trần Vũ Huyền (Montclair CA), Phan T Nguyễn (San Diego CA), Tina Đoàn (West Covina CA), Vũ Quốc Kha (Cranbury NJ), Đỗ Nguyên Thái (Tulsa OK), Dương Phước Tấn (Fort Smith AR), Nguyễn Nga Mỹ (Gahanna OH), Hoàng Cầm (Jacksonville FL), Dương Đức Nhự (Houston TX), Phan Kim Nguyên (Oakland CA), Phương Ngọc Châu (JAPAN), Phương Xuân Ly (West Bloomfield MI), Dương Đình Nghiệp (Northridge CA), Nguyễn Tùng (CANADA), Lê Văn Thành (CANADA), Lê Minh Châu (Rosemead CA), Quang D Trần (Lowell MA), Bùi Thị Kiều Trang (GERMANY), Phạm Ngọc Cường (GERMANY), Ethnic Studies Library (University of CA), Lê Thị Lang (San Jose CA), Nguyễn Hưng Quảng (Bridgeport CT), Hung Phan (Tacoma WA), Đoàn Nhựt Quang (Houston TX), D. Nguyễn (Hawthorne CA), Doãn Kim Nguyễn (Overland Park KS), Hoang Hoa Khoi (FRANCE), Nguyễn Hữu Hùng (CANADA), Hải Dương (CANADA), Dau T Le (Virgina Beach VA), Phú Lê (Fairborn OH), Đặng Quốc Chiến (Honolulu HI), Thái Vĩnh Khiêm (Fountain Valley CA), Georgetown University Lib (Washington DC), Oslo Kretsfengsel Biblioteket (NORWAY), Reservoir Lib (AUSTRALIA), Andre & Lana Bửu Sao (Orlando FL), Nguyễn Thanh Giản (Pinole CA), Phan Tài Phú (Minneapolis MN), Danh N Nguyễn (Sacramento CA), Nhan Minh Trang (Houston TX), Lại Hữu Lợi (Burbank CA), Nguyễn Hùng Vũ (Chino Hills CA), Trần Đức Thuận (Hayward CA), Phạm Văn Hưng (Petersburg FL), Kim Nguyễn Gonzales (Las Vegas NV), Q. Anh Hòa (Phoenix AZ), Nguyễn Tri Thức (Burnsville MN), Nguyễn Văn Khoa (Phoenix AZ), Nguyễn Thanh Vân (Kentwood MI), Độc giả văn hữu Olympia - 98513.●

Mừng Sinh Nhật VNCR

Hoàng Trọng Thụy

Hồng Nga

Phan Mỹ Sương

Y Sa

"Trong hai năm qua, chúng ta chỉ được *văn kỳ thanh*, ở đây là nghe tiếng nói qua radio hay điện thoại. Riêng chúng tôi, được nghe rất nhiều tiếng nói ấm áp của quý thính giả khuyến khích hay góp ý cho những chương trình chúng tôi phụ trách, mà chưa được *kiến kỳ hình*. Ngày 8 tháng Sáu tới đây, VNCR tổ chức sinh nhật lần thứ hai tại khiêu vũ trường Majestic. Rất mong được gặp quý vị, vì đây là dịp để chúng ta thật sự *một thấy hơn mười nghe*, phải không quý vị?"

7 giờ tối Chủ Nhật mùng 8 tháng Sáu 1997
tại Khiêu vũ trường MAJESTIC
trên đường Beach, Huntington Beach, CA

Liên lạc: PHAN MỸ SƯƠNG

11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92840
(714) 534-9430; 534-9431; 534-9432. FAX (714) 534-9433

VIỆT CỘNG VÀ VIỆT KIỀU

NGUYỄN HỮU CHUNG

(Tặng những người bạn trẻ tôi được gặp trong mấy năm qua)

Từ khá lâu, tôi đã thấy một điều: muốn cho cuộc đời còn lại của tôi thanh thản, hạnh phúc, thì tôi phải quên hai chuyện. Thứ nhất là quên nước Việt Nam, thứ hai là quên tôi. Nhưng tôi cũng hiểu rằng kiếp nầy tôi tu chưa đủ để có thể quên tôi. Cái nghiệp còn khá lớn. Về nước Việt Nam thì sau nhiều năm cố gắng quên, tôi đã thất bại. Đây cũng là một cái nghiệp lớn. Tôi trót sanh ra làm người Việt Nam và không một dân tộc nào trên thế giới nhận tôi là người của dân tộc họ. Tôi phải lấy quốc tịch nơi tôi đang sinh sống để dễ làm ăn, đi lại, nhưng tôi không có cái "quyền văn hóa" của một người bản xứ, hay của một người Tây phương cũng là di dân như tôi. Hôm nọ tôi đi xem football, đội Dolphin của Miami đấu với đội Jets của New York. Khi tôi bàn luận với thằng em cột chèo của tôi, vốn là một thằng Mỹ, thì ông bạn Mỹ khác ngồi kế bên nghe coi bộ chịu nên đã chen vào nói chuyện. Hồi đầu, anh ta tưởng tôi là người gốc Cuba sống tại Miami, nên đôi lúc lại xổ ra vài tiếng Xì. Nhưng nói chuyện một lúc thì anh ta biết tôi là du khách nên hỏi tôi từ đâu tới. Tôi bảo tôi là dân Canadian. Anh này khen Canada là một xứ tốt, anh ta thích các tiệm ăn ở khu phố cổ Montreal, nơi anh ta đã viếng hai lần. Vui vẻ! Nhưng anh ta lại hỏi thêm tôi người người gốc gác xứ nào. Tôi trả lời Việt Nam. Anh ta bảo rằng cách nay hai năm anh ta có qua Việt Nam vì công việc. Tôi hỏi công việc làm ăn khá không và chừng nào ông lại qua đó nữa. Anh ta cười lạt, lắc đầu bảo rằng một lần đã đủ. Tự nhiên, tôi bắt đầu ghét thằng cha nầy, ghét nụ cười lạt của hắn. Từ đó, tôi không nói chuyện với hắn nữa. Anh ta cũng không còn khơi chuyện nói với tôi như hồi trước. Tôi nghĩ nếu tôi là một tên da trắng, khi trả lời rằng tôi là dân Canadian thì chắc chắn không ai hỏi thêm gốc gác tôi là xứ nào. Câu chuyện nầy là một trong hàng trăm câu chuyện khác đã xảy đến cho tôi khiến tôi không thể quên tôi là người Việt Nam và tôi phải nghĩ về xứ Việt Nam, nơi duy nhất tôi có thể trở về làm một người dân đích thực, cũng như một người Do Thái phải có một nơi để trở về, dù đó là sa mạc bên biển chết (dead sea). Nhưng nỗi bất hạnh của tôi là vì tôi là một trong số nhỏ những lưu dân trên thế giới mà xứ sở mình không nhận mình là con dân. Xứ Việt Nam đã không nhận tôi là công dân và xếp tôi vào một giống người có tên là "Việt kiều." Tôi rất ghét cái tên đó. Tôi biết rằng vì thù nghịch mà đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN) đã đối xử phân biệt với tôi, tuy rằng chỉ vì một sự tình cờ của lịch sử mà tôi ở Nam còn các ông ở Bắc và tôi vì quá sợ các ông đã bỏ xứ lưu vong. Các ông đã cố tình loại những người như tôi ra khỏi dân tộc Việt Nam, tước bỏ quyền làm người Việt Nam của chúng tôi. Nước Pháp và dân tộc Pháp không gọi những người Pháp sống ngoài xứ họ là Pháp kiều. Họ gọi là người Pháp (un francaispoint). Không có gì phân biệt, không có chánh sách riêng, luật lệ riêng đối với những người nầy khi họ trở về Pháp để chơi, để sống hay để chết. Chỉ có những xứ khác mới gọi những người Pháp sống trên đất họ là Pháp kiều (a French national). Hàng trăm dân tộc khác cũng vậy, không nước nào gọi dân mình sống ở ngoại quốc là *X kiều* hay *Y kiều* và có chánh sách đối xử riêng biệt. Lý do là vì các nước đó không có chánh sách thù nghịch và kỳ thị đối với dân của họ, những người vì bất cứ lý do nào, phải sống ở các nước khác. Trước 1975, ở Sài Gòn, người ta gọi người Pháp ở đây là Pháp kiều, người Hoa là Hoa kiều... nhưng chẳng ai gọi người Việt Nam sống ở Pháp trở về là Việt kiều. Người Việt Nam sống ở Pháp là Việt

kiều đối với xã hội Pháp, vì lý do muốn phô trương sự chọn lựa chánh trị của mình trong việc ủng hộ đảng CSVN, đã hội lại để *lập ra cái gọi là hội "Việt Kiều Yêu Nước." Điều nầy để nói rằng ai không theo khuynh hướng chánh trị nầy là những người Việt Nam không yêu nước.* Sau 1975, hơn 1 triệu người đã bỏ nước ra đi sống khắp nơi trên thế gới và đã được coi là những người Việt thù nghịch với chế độ mới và được những người thừa kế của ông Hồ Chí Minh cho mang cái tên phản động là "Việt kiều." Ông Hồ Chí Minh, một "Việt kiều" đã sống ở ngoại quốc trên 35 năm, đã mang đủ loại quốc tịch, đã có năm, bẩy tên khác nhau, nhưng đã có trở về Việt Nam làm chẳng những công dân mà còn là công dân số 1 của nước nầy. Những người thừa kế của ông Hồ Chí Minh không quên điều đó, nhưng họ đã cố ý loại trừ tất cả những người Việt Nam phải bôn ba hải ngoại như ông Hồ, vì lý do chánh trị hay vì bất cứ lý do nào khác. *Họ tạo ra một quy chế cho "Việt kiều" để làm cho những người nầy không còn là dân Việt Nam nữa.*

"Việt kiều" không có quyền về xứ làm ăn, sinh sống như một người Việt Nam. Họ bị đối xử như một người ngoại quốc. Nhưng ngược lại, khi có vấn đề pháp lý thì họ không được đối xử như một người ngoại quốc, không được các tòa đại sứ bảo vệ. Mới đây, một đạo luật đã được ban hành quy định những điều kiện kỳ khôi cho những ai muốn trở về Việt Nam sống hay chết. Đó là những biện pháp nhằm phân biệt đối xử với người Việt Nam nước ngoài. Một người như tôi, *sanh ra và lớn lên trên nước Việt Nam, ra đi hồi 36 tuổi vì lý do chánh trị, nếu không thể làm người Việt Nam thì ông Hồ Chí Minh, một người ra đi hồi 18 tuổi vì lý do kinh tế, làm sao có thể trở về làm công dân Việt Nam?* Nhưng ông đã có thể trở về vì ông đã trở về bằng con đường bạo lực, bằng một cuộc cướp chánh quyền năm 1945. *Phải chăng chỉ có thể có con đường đó cho những người lưu vong?* Xét cho kỹ thì trong thời thực dân Pháp cai trị xứ ta, họ không cấm ông Hồ Chí Minh về làm dân như họ đã không cấm các ông Trần Văn Thạch, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Nguyễn An Ninh về nước. Bây giờ, một cách vô tình hay cố ý, những người thừa kế ông Hồ Chí Minh đã cho người Việt Nam sống ở nước ngoài hiểu rằng họ chỉ có thể trở về Việt Nam làm công dân với tất cả quyền lợi của nó bằng con đường của ông Hồ Chí Minh, đó là lập đổi lại chánh quyền đang đàn áp dân mình và muốn loại trừ mình. *Nếu không thì họ có thể trở về làm công dân hạng nhì, một loại công dân còn tệ hơn dưới thời thực dân Pháp.* Rất tiếc, tôi không phải là người chủ trương trở về bằng con đường bạo lực vì tôi nghĩ rằng dân tộc Việt Nam từ lâu đã là nạn nhân của bạo lực quốc tế và bao nhiêu khổ đau, chết chóc cũng quá đủ rồi. Tôi chủ trương rằng nước Việt Nam phải được phát triển trong tự do, dân chủ và trong hòa giải, hòa hợp dân tộc. Mỗi thành phần dân tộc phải chấp nhận nhau và tôn trọng nhau. Không phải chỉ hòa giải vì cuộc chiến vừa qua. Cuộc chiến chỉ là một. Còn nhiều yếu tố khác như chế độ thực dân, chế độ cộng sản, vấn đề địa lý, vấn đề tôn giáo v.v... đã gây nhiều chia rẽ và hiềm khích giữa các thành phần dân tộc. Chánh sách của những người thừa kế ông Hồ Chí Minh trong 21 năm qua là một nụ cười lạt đối với những người chủ trương như tôi. Một nụ cười lạt giống như nụ cười mà ông bạn Mỹ ném cho tôi ngày nào trên sân vận động. Ngoài ra, tôi còn nhận những nụ cười lạt từ phía những người Việt Nam chủ trương trở về bằng bạo lực, vì theo họ, phải có một biến cố đầy bạo động mới có thể làm thay đổi tình hình chính trị Việt Nam, mới có thể tự do dân chủ. Những vị nầy đã có lý, ít ra trên quan điểm xét đoán chánh quyền CSVN. Tôi đã bị ít nhất là ba phía cười vào đầu tôi:

- những người ngoại quốc có đến Việt Nam trong thời gian qua,
- chánh quyền Cộng Sản Việt Nam,
- và những người chống Cộng khát máu.

Văn Phòng Luật Sư

ROBERT M. VIEFHAUS & ASSOCIATES

27 NĂM KINH NGHIỆM HÌNH LUẬT VÀ BỒI THƯỜNG TAI NẠN

* Trộm cắp - Gian lận
* Tàng trữ - Mua bán ma túy
* Say rượu lái xe - DMV hearing
* Thiếu niên phạm pháp
* Đả thương - Vợ chồng xô xát
* Vi phạm probation - Xóa tiền án
* Tất cả tội đại hình & tiểu hình

* Bồi thường thương tích tai nạn
* Trial lawyer - nhanh chóng tối đa
* Những trường hợp đặc biệt đã thắng: 500 ngàn - 1 triệu - 3 triệu
* Luật Gia Đình: Ly dị, cấp dưỡng
* Luật Di Trú: Bảo lãnh, công hàm
* Luật Phá sản - Di chúc - Thừa kế

Bus. Hrs:
Mon - Fri: 9:00 AM - 5:00PM
Saturday: 10 AM - 3:00 PM

MẪN PHẠM, J.D.
Phone: (714) 895-5533 - Pager: (714) 570-4986

7777 Center, Ste #470
Huntington Beach, CA 92647
(Gần ngã tư Beach & Edinger Trong Liberty National Bank)

Nhưng chưa hết. Còn những người khác cười tôi nữa vì họ chê tôi dại. Đó là những ông bạn đã về, đã vui vẻ nơi quê hương. Có anh đã nói: *"Dại, bây giờ mà còn chống với báng. Kệ tụi nó. Đi về cho thằng công an phi bản 10 đồng, cho thằng công an phường 20 đồng thì mọi chuyện đều yên, tha hồ mà chơi."* Một ông bạn khác đã bảo: *"Về chơi đi ông, mai mốt già rồi đi không nổi nữa à."* Tôi cảm thấy mình dại hơn những người này vì đã sống theo những nguyên tắc không thực tế. Nhưng tôi có vấn đề của riêng tôi. Dù trước đây tôi thuộc phe đối lập và đã chống đối dữ dội chánh sách của chánh quyền đương thời, tôi cũng đã là một thành phần của chế độ Việt Nam Cộng Hòa, là một dân biểu quốc hội (được dân chúng Sài Gòn bầu lên trong một cuộc bầu cử chắc chắn là không có gian lận) với cái danh dự nhỏ nhoi của nó. Việt Nam Cộng Hòa thua trận nên tôi cũng phải thua trận, phải chấp nhận sự đầu hàng và phải bỏ chạy. Nếu chế độ CSVN cũng vững mạnh như chế độ Bolchevik bên Nga trong vòng 70 năm và đảng CSVN quên chúng tôi thì tôi cũng như mọi người Việt Nam không có vấn đề gì cả. Cứ chết ở đây như hai, ba thế hệ người Nga đã chết ở ngoại quốc, không thắc mắc gì cả. Nhưng vì chủ nghĩa cộng sản đang giãy chết và đảng CSVN đã phải theo tư bản, theo kinh tế thị trường, đã mở cửa và kêu gọi người Việt Nam ra khỏi sự nghèo đói v.v... mà vấn đề hôm nay mới được đặt ra. Việc mở cửa này đã làm tôi và nhiều người, nhất là các bạn trẻ, phải quay lại với Việt Nam. tôi không thể làm ngơ việc dân Việt Nam là một trong những dân tộc nghèo nhất thế giới trong khi người Mỹ, người Pháp, người Canada đang bàn về chuyện nầy và đang kéo vào Việt Nam để giúp đỡ. Ai cũng thấy rằng Việt Nam phải chọn con đường dân chủ và hòa giải dân tộc để phát triển đất nước, nhưng vừa thoát khỏi tình trạng nguy ngập sắp sụp đổ nhờ những đồng đôla mà người Việt Nam và người ngoại quốc mang vào, đảng CSVN đã chứng nào tật nấy, tráo trở như trong quá khứ, vừa kêu gọi mọi người đoàn kết, yêu nước hôm qua, hôm nay đã tái lập chánh sách đối xử phân biệt, kỳ thị, chánh sách lý lịch. Vì vậy mà cái danh dự nhỏ nhoi của tôi không cho phép tôi trở về, tuy rằng trong quá khứ tôi đã khuyên các bạn trẻ có hỏi ý tôi là các bạn nên về, không về để chơi bời mà để biết về Việt Nam, về mang theo cái giáo dục, cái tư cách và cái tinh thần của các bạn, để giúp thân nhân các bạn. Nhiều người đã về với những ý hướng tốt đẹp. Nhưng việc CSVN có chánh sách đối xử phân biệt, cố ý gán cho người CSVN ngoài nước cái tên "Việt kiều" để người Việt Nam trong nước kỳ thị với họ, đã làm cho nhiều người ngao ngán sau một lần viếng thăm Việt Nam. *Chánh quyền CSVN đã có chánh sách làm cho người trong nước đối đãi với đồng bào mình như đối với ngoại quốc xa lạ và làm cho người Việt Nam trở về cảm thấy bỡ ngỡ với quê hương. Xin hãy chấm dứt chánh sách đối kỵ nầy để bình thường hóa mối bang giao giữa người Việt Nam với nhau, người Việt Nam trong và ngoài nước.* ***Cũng như cần phải thay đổi chánh sách để bình thường hóa mối liên hệ giữa những người Việt Nam trong xứ với nhau, giữa người Bắc và người Nam, giữa người theo đảng Cộng Sản và người không theo đảng Cộng Sản.***

Trong hiện tại, có ít nhất 100 ngàn người Việt Nam trẻ hơn 40 tuổi, tốt nghiệp đại học, đang sống rải rác khắp nơi trên thế giới. Tôi đã gặp rất nhiều người có tâm trạng bơ vơ khi phải nói đến quê hương. Họ muốn nói một quê hương, không phải chỉ để về chơi, về khai thác, bóc lột mà để về thương yêu, xây dựng. Họ không phải là những người trở về để buôn hàng chuyến hay chỉ để tìm vui. Họ chỉ muốn tìm quê hương. Thật là tội nghiệp khi trở về họ thấy chẳng những một quê hương xa lạ mà còn là một quê hương đầy ngờ vực đối với mình, nhất là khi họ phải trực diện với những luật lệ lạ lùng, thi hành bởi những người có thái độ lạnh lùng không có thói quen trả lời thẳng một câu hỏi nhã nhặn.(tn)

Một trăm ngàn người Việt Nam trẻ nầy có khả năng giúp đỡ nhiều cho nước Việt Nam bằng sự hiểu biết của họ, bằng cung cách của họ. Rất nhiều người không có nhu cầu trở về làm ăn sinh sống, nhưng họ có nhu cầu có một quê hương để nói đến mà không bị người khác ném cho một nụ cười lạt. Họ sẵn sàng giúp quê hương họ. Nhưng tại sao chánh quyền hiện tại lại loại bỏ họ ra khỏi dân tộc Việt Nam, dán cho họ cái nhãn "Việt kiều" và tiếp nhận họ với nhiều nghi kỵ? Họ không hề dính líu đến chiến tranh, không hận thù, không đố kỵ, sao không thể coi họ như một người Việt Nam 100%?

Tìm Người Thân

Anh NGUYEN CONG KHANH,
vợ là DO THI HUE,
các con là Cong Hoan, Nhu Thuy, Nhu Thoa, Truong An, Nhu Thanh;
trước kia ở Vĩnh Viễn, Rạch Giá.
Nay ở đâu xin liên lạc về
NGUYEN TRUONG CHIEN
19 Egan Place, Midland,
WA 6056 AUSTRALIA
ĐT: 061 08 9250.
FAX: 061 08 9250 1336

Sợ họ về ăn hết cơm, hết của, mua hết đất à? Không đâu, nhưng việc nầy đã có người ngoại quốc làm rồi. Người Việt chỉ về với quê hương.

Một chánh quyền vì dân tộc và được ủng hộ của dân chúng có thể huy động tiềm năng lớn lao của người Việt ngoài nước qua những chương trình viếng thăm và làm việc có tổ chức như chánh phủ Israel mỗi năm tiếp nhận hàng ngàn thanh niên Do Thái khắp thế giới về quê hương họ. Người Việt Nam ngoài nước mỗi năm gởi cả tỉ đôla về Việt Nam, tại sao chánh quyền Việt Nam lại có chánh sách kỳ thị với họ mà hậu quả làm thiệt hại lớn lao cho dân tộc Việt Nam?

Nếu sợ có những người nguy hiểm cho chánh quyền thì chánh quyền cứ nói thẳng ra là cấm những người đó, nói rõ ra rằng tôi và anh thù nghịch, tôi không muốn anh về. Bằng không, nếu đã cho về, nhất là đã kêu gọi về giúp quê hương thì nên coi mọi người là người Việt Nam bình đẳng. Tôi thiết nghĩ chánh quyền hiện tại phải có một chánh sách rõ rệt đối với người Việt Nam ngoài xứ.

1. Chánh quyền chấp nhận song tịch

Bốn nước lớn nơi có đa số người Việt Nam cư ngụ là Mỹ, Canada, Pháp và Úc đều chấp nhận song tịch. Sự chấp nhận nầy là hậu quả của một quan niệm rộng rãi về nhân quyền và di trú, về một xã hội mở cửa và nhất là về sự tự tin nơi xã hội mình. Nước Pháp không sợ một "Pháp kiều" có quốc tịch Mỹ về uống hết rượu chát của họ nên không có đặt bất cứ một điều kiện nào cho việc đi hay về của anh nầy. Trái lại, nước Pháp biết rằng người Pháp mang quốc tịch Mỹ kia là người tích cực trong việc giúp xuất cảng nhiều rượu chát sang Mỹ và do đó giúp phát triển nền ngoại thương của Pháp. Việc chấp nhận cho người Việt Nam ở xứ ngoài có hai quốc tịch chỉ có thể là một điều lợi cho nước Việt Nam. Dĩ nhiên là một người còn mang quốc tịch Việt Nam khi về Việt Nam sẽ được đối xử như một người Việt Nam và có đủ bổn phận và quyền lợi của một người Việt Nam, chiếu theo luật lệ Việt Nam. *Nhưng phải hiểu rằng đây là một sự lựa chọn không đơn giản cho chánh quyền của một quốc gia còn chậm tiến, nhất là một chế độ độc tài, nơi mà nhà nước muốn kiểm soát mọi vật thể ra, vào xứ và cả đến các sinh hoạt ngoài xứ của người dân xứ mình. Không thể có cởi mở vì không có tự tin.* Trở lại trường hợp của Israel, tất cả người Do Thái sống khắp thế giới đều có quốc tịch các nước họ đang cư ngụ, nhưng khi trở về Israel, nếu muốn, họ có thể lấy quốc tịch Israel và có đủ quyền hoạt động như tất cả mọi người.

2. Không chấp nhận song tịch

Những biện pháp hành chánh có thể khiến người Việt Nam ngoài nước phải lựa chọn một quốc tịch, mang một giấy thông hành mà thôi. Một người Việt Nam có quốc tịch ngoại quốc sẽ được đối xử như một người ngoại quốc khi vô Việt Nam. Người Việt Nam còn mang quốc tịch Việt Nam sẽ được đối xử như một người Việt Nam. Giải pháp này sẽ làm cho người Việt đang sống ngoài nước có nhiều khó khăn, trăn trở trong sự lựa chọn, nhưng đó là một sự lựa chọn dứt khoát và sáng tỏ của cả hai phía chánh quyền và người dân đang ở ngoại quốc. Chắc chắn nó sẽ làm cho mọi người đỡ rắc rối hơn tình trạng hiện nay. Cái cán cọn dao nằm trong tay chánh quyền, tùy chánh quyền quyết định có cắt mối liên hệ với một số người ngoài nước hay không. Nhưng cắt hay không thì xin có chánh sách rõ rệt vì Việt Nam dù muốn dù không cũng phải theo chân thế giới bước vào kỷ nguyên tin học, kỷ nguyên của sự sáng tỏ và sự chính xác. Người ta nói rằng *"chánh trị là nghệ thuật của những cơ hội,"* nhưng đảng CSVN đã thành công trong 50 năm qua không phải chỉ nhờ những cơ hội mà còn nhờ một *"nghệ thuật cao cấp về sự mập mờ." Đối với người Việt Nam ngoài nước, chánh quyền cộng sản miệng thì bảo rằng đây là đồng bào ruột thịt, là khúc ruột ngàn dậm xa xôi... nhưng khi đối xử thì kỳ thị, phân biệt, chỉ nhắm khai thác, không có chút tôn trọng* vô theo. Theo hình ảnh nầy thì đảng CSVN như một người ngồi trong đêm tối, không mùng mền, đang sờ soạng đập muỗi trong cơn ngáy ngủ. Ông nầy cũng biết rằng đập là đập lấy lệ, chứ còn khi ông đã ngủ thì ai đập cho ông. Sau khi ông ngủ dậy thì bao nhiêu vi trùng sốt rét đã vào trong máu ông. Nhưng biết làm sao, khi căn phòng kín nóng nực, ẩm thấp, đầy chất phế thải do chính mình bài tiết đã trở thành ngộp thở thì ông phải mở cửa! Tôi nghĩ rằng các bạn không phải là ruồi muỗi mà là gió mát. Tự bản chất, gió mát là một điều tốt. Nhưng ông già cũng lại đang sợ gió mát, lo ngại gió lạnh đêm khuya, khi ông không có mùng mền, không đủ áo quần và đã quá kiệt lực... Nhưng tôi không muốn bàn với các bạn về cơn bịnh của ông, tôi chỉ muốn bàn với các bạn về cái không khí trong lành mà các bạn sẽ mang vào cho những người cần nó.

Quê hương Việt Nam đang cần 100 ngàn người trẻ trở về, mỗi người một vài tháng. Mấy năm trước, tôi đã nói với các bạn là chúng ta không nên chống lại việc người Mỹ bỏ cấm vận Việt Nam, chống việc bang giao với nước Mỹ, vì không có Mỹ thì Việt Nam cũng sẽ bang giao với các nước đàn em Mỹ ở Á Châu. Các nước nầy thuộc vào loại tư bản hạng 2, hạng 3, không có "văn hóa chính trị" cao, doanh nhân của họ không có tinh thần dân chủ, không thượng lưu, chỉ biết có tiền, lo hối lộ cao để mua hàng giá thấp hay để giao những món hàng phẩm chất thấp. *Những nước này đã đến Việt Nam trong khi Mỹ còn đang cấm vận, và họ đã đến làm toàn những điều bất lợi cho dân tộc Việt Nam, đồng thời làm giàu cho một thiểu số cán bộ tham nhũng.* Tất cả các bạn đã biết việc người Đại Hàn đến,

thay vì người Mỹ, để làm giày NIKE cho Mỹ và đã nhục mạ nhân công Việt Nam như thế nào! Bây giờ, như tôi được biết, nước Mỹ sắp thiết lập tòa đại sứ ở Việt Nam và đang muốn có những liên hệ quân sự với Việt Nam. Nước Nhật vừa cho Việt Nam vay 80 tỷ Yen và cũng đang thảo luận về vấn đề liên hệ quốc phòng với Việt Nam. Hai cường quốc đồng minh nầy cho thấy họ đã có phối hợp trong hành động. Họ sẽ đến Việt Nam trước hết bằng những phương tiện kinh tế và tôi mong rằng Việt Nam sẽ không tiếp đón họ như đã tiếp đón mấy nước khác trong những năm qua, lúng túng, ngờ nghệch. Thật là một điều tai họa nếu Việt Nam sẽ đón nước Mỹ và nước Nhật như các nước Á Châu khác đã đón họ 40 năm trước đây, bởi vì những gì xảy ra cho các nước đó trong những ngày đầu của cuộc phát triển hãy còn là những vết thẹo trên mặt họ. Cuộc tiếp đón mấy ông tư bản hạng nhì trong năm năm qua cũng sẽ để lại cho Việt Nam những vết thẹo trên mặt. Điều lo ngại là khả năng tiếp nhận của nước Việt Nam ngày hôm nay cũng chỉ bằng khả năng của các nước Á Châu khác 40 năm về trước. Nhưng với 100 ngàn người trí thức trẻ Việt Nam trở về, người dài hạn, kẻ ngắn hạn, sẽ có khả năng tăng gấp đôi tiềm lực tiếp nhận người ngoại quốc. Các bạn sẽ giúp Việt Nam đốt giai đoạn, để chỉ phải đi sau các nước Á Châu khác 20 hay 30 năm, thay vì 40 năm. *Nhưng câu hỏi đầu tiên đặt ra là Việt Nam có muốn tiếp nhận trước hết các con dân của nó hay không??? Tôi yêu nước thì nước cũng phải yêu tôi. Tôi giúp nước không cần thù lao, nhưng tôi cũng muốn được trực tiếp nhận với sự chân thành, không nghi kỵ, không gian dối.* Một quốc gia, dù ai muốn nghĩ thế nào đi nữa, cũng được đại diện bởi chánh quyền đang cai trị nó. Có một sức mạnh vô hình kéo chúng ta về với quê hương. Chánh quyền hiện tại đang muốn lợi dụng sức mạnh vô hình ấy để kéo chúng ta về, nhưng chỉ cho vào nhà bằng cửa sau, ở trong nhà bếp để làm những việc bếp núc quét dọn hay đứng chơi nhìn người khác giết cầy làm món tiết canh chó dọn cho khách ăn. Hiện trạng là như vậy. Ta phải làm sao? Câu trả lời thuộc về từng bạn. Nhưng đã là trí thức thì mình phải có những câu trả lời rõ rệt cho những câu hỏi trong đầu mình, nếu không biết thì câu trả lời phải là "tôi không biết," chớ không nên ờ ờ rồi quên lãng. Đây là một câu trả lời mang tánh cách chánh trị. Rốt cuộc, ai trong các bạn cũng phải có những câu trả lời chánh trị cho riêng mình vì chánh trị bao trùm tất cả. Ai không suy nghĩ để tìm những câu trả lời chánh trị cho riêng mình thì hành động như đi một con thuyền không lái.

Các bạn nên suy nghĩ kỹ và biểu lộ một thái độ rõ rệt về vấn đề này: **Chánh sách quản lý mối liên hệ của bạn và quê hương của chánh quyền. Bạn có chấp nhận chánh sách đó không?**(tn)

(Montreal tháng Hai 1997)

■ *Thưa các đồng chí, bài diễn văn hơi dài, trước khi dứt lời tôi xin các đồng chí tha lỗi vì hôm nay tôi quên đeo đồng hồ.*

-Nhưng thưa Ngài Bí thư, chúng tôi biết vậy nên đã để một cuốn lịch ngay trước mặt ngài.

Vừa phát hành tại Paris

RONG BIỂN

của nhà văn

TRẦN THỊ DIỆU TÂM

Đọc RONG BIỂN để thấy tình yêu giữa mộng và thực

do An Hiên xuất bản

Giá bán: 80FF (US$16.00)

Xin liên lạc:
Mme Trần Thị Diệu Tâm
158 Boulevard Masséna
75013 Paris - FRANCE

Trí thức và mục tiêu dân chủ hóa đất nước

(Phỏng vấn Hà Sĩ Phu)

Một số bạn trẻ Đông Âu thực hiện

Trong tháng Tư vừa qua, nhà cầm quyền Hà Nội đã cắt đứt điện thoại của hầu hết những trí thức, nhà báo, văn nghệ sĩ thường liên lạc với bên ngoài như các ông Hoàng Minh Chính, Hoàng Tiến ở Hà Nội, Tiêu Dao Bảo Cự ở Đà Lạt. Riêng điện thoại của Hà Sĩ Phu cũng còn liên lạc được. Trong cuộc điện đàm hôm 15 tháng Tư năm 1997, chính ông Hà Sĩ Phu cũng dự báo rằng: "Chưa biết mối liên lạc đó bị cắt lúc nào." Đài VNCR đã không phát thanh nhiều cuộc phỏng vấn vì không muốn tạo cái cớ cho Hà Nội làm khó dễ ông. Nhưng hôm nay, điện thoại của ông cũng đã bị cắt luôn. Điều đó chứng tỏ Cộng Sản Việt Nam sợ tiếng nói của ông cất lên ở hải ngoại, và bằng cách này hay cách khác, vọng về ở trong nước. Tiếng nói của Hà Sĩ Phu và tiếng nói của những người cùng theo đuổi mục tiêu dân chủ hóa đất nước như Hoàng Minh Chính, Hoàng Tiến, Tiêu Dao Bảo Cự... phải ngưng cất lên trong lúc này. Nhưng âm vang của những lời nói trình bày sự thật cũng như khát vọng dân chủ của họ vẫn còn, và chắc chắn đã được chuyển đi rất xa, rất rộng và rất mãnh liệt, để trong một tương lai không xa, sẽ thành đợt sóng xô đổ bức tường ô nhục của bưng bít thông tin do đảng Cộng Sản Việt Nam dựng lên. Sau đây, là cuộc chuyện trò của một nhóm bạn trẻ ở Đông Âu với nhà trí thức Hà Sĩ Phu ở Đà Lạt do TRẦN NGỌC TUẤN thực hiện vào cuối tháng Ba vừa qua.

Nhóm bạn trẻ ở ĐÔNG ÂU: *Trong cuốn "Chia tay ý thức hệ," anh có viết "di vật quá hóa duy tâm"! Câu nói đó thể hiện rõ trên bình diện nào?*

HÀ SĨ PHU: Trước hết đấy là một mệnh đề có tính chất triết học. Triết học Mác xít, vấn đề tự hào về tính khoa học của mình thể hiện ở tính duy vật và tính khách quan. Nhưng có duy vật thật không và có khách quan thật không? Về nhận thức luận thì triết học Mác xít lại coi ý thức chỉ là sản phẩm riêng của con người. Trong khi đó, đáng lẽ phải hiểu là nhận thức tức là một thuộc tính vốn có của cả thế giới vật chất nói chung. Khi tôi lấy vật chất tiến hóa từ vô cơ, mà cho cao nhất là đến con người, thì thuộc tính nhận thức của nó cũng tiến hóa từ mức độ nhận thức có tính vô cơ đến mức độ nhận thức tính phức tạp của con người. Đáng lẽ phải coi ý thức của mình chỉ là một bộ phận nằm trong cái chuỗi ý thức tiến hóa từ thấp lên cao và vốn đã được bao hàm ở trong vật chất rồi, thì triết học Mác xít lại coi con người là trung tâm xuất phát của ý thức, đem ý thức đặt đối diện với vật chất, như thể nếu không có con người thì thế giới vật chất sẽ không được nhận thức và sẽ hoàn toàn mù mịt và vô hồn. Đấy là đặc điểm của triết học duy tâm chủ quan.

Ngày nay những thành tựu nghiên cứu về bản năng thích nghi của các sinh vật từ những sinh vật rất thấp đến sinh vật cao, rồi nghiên cứu về các tập tính và tâm lý của động vật, rồi vạch rõ cái cơ chế cơ học rất đơn giản của những máy tính rất siêu đẳng làm nên những trí tuệ nhân tạo rất ghê gớm mà có những phần vượt khỏi cái khả năng làm việc bình thường của trí óc con người. Nhưng cơ chế có lẽ hết sức đơn giản này lại phản bác lại dòng tư duy duy tâm chủ quan của các chuyên gia Mác xít. Đấy là mặt triết học.

Còn hệ quả về mặt xã hội của tư duy có tính chất duy tâm mà chủ quan này chính là bệnh kiêu ngạo của Cộng Sản. Từ cái nhận thức về ý thức và tính chất cải tạo thế giới của ý thức như thế, thì

những người Mác xít coi những người cộng sản là những người trung tâm của thế giới, là người có nhận thức tiền phong duy nhất đúng, và là cái lực lượng duy nhất có sứ mệnh điều khiển sự vận động của thế giới loài người.

NBT Đ.ÂU: *(Nguyễn Văn Minh, thành viên của Tổ chức Dân Chủ Việt Nam). Những người cộng sản cấp tiến văn nghệ sĩ trí thức Việt Nam theo cách hiểu của chúng tôi là lực lượng chính trong tiến trình dân chủ hóa, điều này nó khác với quan điểm của Mác: giai cấp công nhân tự quyết định. Nhưng thực tế ở Đông Âu cho ta thấy Mác đã hoán vị nhầm chỗ hạt nhân của mọi cuộc cách mạng. Anh có thể nói sâu về vấn đề này?*

HSP: Câu hỏi của anh vừa rồi muốn xuất phát từ một lý luận chung nhất để đi đến kết luận là lấy số đông quần chúng lao động là chủ lực của cuộc cách mạng và nó có đúng với thực tiễn không? Tôi thì lại không xuất phát từ cái lý luận chung đó, mà tôi xuất phát từ thực tiễn Việt Nam rồi sau đó tôi liên hệ đến cái nguyên lý chung thì tôi thấy thế này:

Trước hết là đối với cuộc dân chủ hóa ở Việt Nam thì điều gì là quan trọng nhất? Theo tôi, điều quan trọng nhất là phải nhận thức được đúng cái vị trí tất yếu của công cuộc dân chủ hóa ở trong dòng tiến hóa của xã hội Việt Nam: nhận thức đúng những đặc điểm riêng về lịch sử và dân tộc của Việt Nam, và nhận thức đúng các đặc điểm chung của thế giới ngày nay.

Việt Nam chúng ta qua một thế kỷ đầy máu lửa thì một nước Việt Nam phong kiến thuộc địa về chính trị, nông nghiệp lạc hậu về kinh tế, mới thoát khỏi cái bậc thang thuộc địa để thành một nước độc lập mới làm được một việc đó thôi! Nhưng oái oăm thay là yếu tố rút cho dân tộc ta có sức mạnh để làm giai đoạn đầu đó — giai đoạn giành độc lập — lại chính là một học thuyết phong kiến, và đầy tính ảo tưởng, tức là học thuyết Mác xít. Chính học thuyết ấy quả nhiên có đóng góp phần đem lại sức mạnh cho dân tộc Việt Nam để giải quyết nhiệm vụ giành độc lập. Nhưng chữ "oái oăm" này rất có lý, và thành qui luật. Một nước Việt Nam như thế, nông nghiệp phong kiến, lạc hậu thì tiếp nhận chủ nghĩa đó một cách hết sức là tự nhiên. Nhưng phải ghi nhận rằng quả nhiên học thuyết có tính chất ảo tưởng và phong kiến ấy nó mới đem lại được sức mạnh cho số đông quần chúng mà rất tương xứng với nó. Thế nhưng độc lập rồi thì xã hội nông nghiệp lạc hậu và còn nguyên cái chất phong kiến tất yếu phải chuyển sang giai đoạn công nghiệp hóa, thị trường hóa, và dân chủ hóa.

Hai giai đoạn giành độc lập rồi tiến sang dân chủ hóa nó kề nhau một cách liên tiếp, cái giai đoạn ổn định ở giữa, giai đoạn trung gian rất là ngắn ngủi. Vì trong tình hình thế giới hiện nay, văn minh tin học đâu có thể tồn tại ổn định của một xã hội phong kiến lâu được nữa. Chính những lực lượng đã làm nên chiến công của giai đoạn trước thì nay vừa phải là người tiến hành, vừa chính là đối tượng cần cải tạo của giai đoạn sau - đối tượng tiến hành vẫn là nó mà đối tượng cải tạo cũng chính là nó. Một bộ phận tiên tiến nhất của giai đoạn trước, từ phía này hay phía khác, lại trở thành chủ lực của giai đoạn sau. Cho nên nhìn hẹp, thì lực lượng dân chủ và phi dân chủ là đối lập nhau và những cuộc chuyển mình của lịch sử khó có thể nhẹ nhàng vì ai cũng biết rằng về chính trị chẳng có giai cấp nào họ chấp nhận tự rút lui khỏi cái ghế lịch sử của mình. Nhưng nhìn rộng thì từ lịch sử Việt Nam như thế, chúng ta lại thấy đây chỉ là một cuộc vận động tất yếu của nội bộ dân tộc, cuộc vận động dân chủ này lại diễn ra với tâm lý Việt Nam, với cách ứng xử Việt Nam, vừa có mặt dở nhưng có mặt hay của nó. Như vậy, ai hiểu được bản chất của tình hình và tận dụng được những đặc điểm thực tế thì sẽ thành công. Từ cách nhìn của Việt Nam như thế, tôi trả lời lại câu anh vừa nêu, thì ở Việt Nam, những người cộng sản cấp tiến, những người trí thức văn nghệ sĩ là những người đóng vai trò hàng đầu trong cuộc dân chủ hóa hay không? Điều đó nó có chứng minh rằng học thuyết Mác xít về vai trò của giai cấp công - nông chủ lực là sai không? Trình độ của một dân tộc luôn được đo bằng hai đại lượng: (1) đo ở trình độ khát vọng của số đông, đó cũng là một đặc sinh của dân tộc; (2) đo bằng trình độ và khát vọng của thiểu số tiên tiến. Hai điều này là thuộc vấn đề cơ bản rồi.

Ở cuộc vận động dân chủ thì là cuộc vận động có tầm văn hóa cao hơn, thì đại lượng thứ hai (2) có vai trò to lớn hơn hẳn giai đoạn trước (1). Mặc dù bất kỳ một cuộc vận động cách mạng nào hay vận động xã hội lớn nào, kể cả hai yếu tố này của

Thưa bác sĩ, nhìn qua tôi một lần ông có thể nói mắt tôi có cái gì bất thường không?

- Thưa bà tôi có thể nói ba điều với bà. Thứ nhất là mắt bà sửa bên lớn bên nhỏ Thứ hai, bà tô lông mày đậm quá Và thứ ba, tôi là bác sĩ sản khoa, bác sĩ nhãn khoa ở phòng bên cạnh

Trông anh tôi lại nhờ đến thằng Hùng, cái thằng khỉ gió...

-Nhưng tôi với thằng Hùng có giống nhau chút nào đâu?

- Có, cả hai đều nợ tôi 100 đồng từ năm ngoái

Tại sao vợ chồng bác Cảnh lại ghi tên đi học tiếng Quảng Đông nhỉ?

-Có gì đâu, họ mới xin được đứa con gái nuôi, nó mới ra đời hồi tháng trước ở tận Quảng Châu, mà bố mẹ nó không thích con giá. Họ đi học tiếng Quảng để có thể hiểu con khi nó bắt đầu biết nói.

dân tộc, đều có vai trò cả. Tuy vậy, xã hội chỉ có thể chuyển biến khi khát vọng của thiểu số tiên tiến ấy được biến thành sức mạnh của số đông. Ngoài ra, cũng nên nhớ rằng những người cộng sản cấp tiến đã là những người tiên phong trong giai đoạn giành độc lập thì những người tiên tiến tách ra từ trong phía hàng ngũ đó, dứt khoát phải có một vai trò rất quan trọng trong công đoạn sau. Và tôi cho rằng đặc điểm này nếu mà coi nhẹ, thì khó có thể thành công được.

NBT Đ.ÂU: *(Nguyễn Văn Khôi, Tổng biên tập tờ báo Nhân Quyền) Việc anh bị chính quyền Việt Nam bắt giữ trước Đại hội Đảng có thể hiểu đó là một đòn dằn mặt các tiếng nói đối lập của đảng Cộng Sản Việt Nam hay không?*

HSP: Có thể nhìn vấn đề này từ ba phía?

(1) Trước một cuộc sinh hoạt chính trị lớn trong nước thì nhà cầm quyền thường củng cố lại mạng lưới an ninh để giữ tay những người có tiếng nói độc lập, nên họ đã làm những việc đó và cũng là dằn mặt để cho toàn bộ cán bộ trí thức văn nghệ sĩ trong nước, biết rằng ở trong cái thể chế xã hội chủ nghĩa không chấp nhận tự do tư tưởng đâu. Nên họ bắt Hà Sĩ Phu để mọi người nhận ra điều đó và đừng mơ hồ về điều đó.

2) Người nói lý luận một cách có hệ thống nhất chứng minh rằng chúng ta phải từ bỏ ý thức hệ lạc hậu là ý thức hệ Mác xít mà bản chất của nó chỉ là ý thức hệ phong kiến chấp vá chứ không là gì cả - Người nguy hiểm nhất trong ý thức hệ đó là tôi, trước sau riêng đối với bản thân tôi, cũng phải có một sự trừng trị đích đáng không thì tư tưởng của tôi lan rộng ra thì rất là phiền, nên đã có những chương trình đặt sẵn, kịch bản đặt sẵn nhằm để trừng trị cá nhân tôi.

(3) Vụ án của tôi và ông Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang thì nó vừa đánh vào ba anh trí thức lý luận, nhưng nó cũng có liên quan đến văn bản của ông Võ Văn Kiệt, như vậy nó cũng có thể liên quan đến những biến động bên trong nội bộ đảng nữa. Như vậy một mũi tên đánh được nhiều đích như vậy - thực ra đấy chỉ là những lời bàn, chẳng có cơ sở gì mà quyết đoán là cái này hay là cái khác!

NBT Đ.ÂU: *(Phạm Bích Thủy) Anh đã từng được đào tạo ở Đông Âu, anh nghĩ thế nào về vai trò người Việt Đông Âu trong công việc phục hưng đất nước?*

HSP: Tôi nghĩ rằng những anh em được cử đi học ở Đông Âu tức là đã được nhân dân nuôi dạy và nhất là những người đã đi ở giai đoạn sớm thì phải nói là nhân dân đã dành cho mình một ưu tiên. Hơn nữa, được đào tạo như thế thì có lẽ hầu hết anh em chúng ta đi lên đều có một hoài bão rất to lớn là đem cái học tập được ở nước bạn về xây dựng đất nước mình. Nhưng khi đi về, tôi thấy hoài bão khoa học của mình phải nói là bị lộn ngược, không thể thực hiện được trong một xã hội lộn xộn, mánh mung tiêu cực, thậm chí có khi còn rất bậy bạ nên phải gác chuyện làm khoa học lại.

Lúc ở Tiệp tôi hi vọng ghê lắm, ngày đêm quên hết tất cả mọi hoạt động, chẳng thiết đi dancing, chẳng thiết đi đâu cả, suốt ngày chỉ học. Nhưng lúc về đến quê nhà thì vỡ mộng hoàn toàn. Nhưng tôi nghĩ nếu mình có nhiệt huyết và có một trí tuệ, thì không làm được việc này thì mình phải làm ngay một việc khác. Nhiều anh em đã hỏi tôi "Sao ông lại bỏ nghề khoa học mà ông đi sang viết lách cái chuyện xã hội?" Tôi có nói đùa: "Khoa học bây giờ rất là khó, vì khoa học bây giờ phải có đề tài, kinh phí, lại phải có phòng thí nghiệm... cái gì cũng thiếu. Trong khi đó làm văn học chất liệu thì lại ngổn ngộn ngay, mở cửa ra là xã hội đầy chất liệu của văn học; Xã hội ta bây giờ biến động, phong phú về mọi mặt còn hơn cả thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh, trong lịch sử Việt Nam chưa có giai đoạn nào mà phong phú về cái mặt xã hội khủng khiếp như bây giờ; Thế hệ của con em chúng ta sau này có khi còn tị vì đã không được sống trong xã hội phong phú, biến động ghê gớm như bây giờ. Tôi đã quyết định bỏ tay phải của mình mà làm cái tay trái."

Tôi nghĩ rất nhiều anh em ở Đông Âu hiện nay cũng ở như hoàn cảnh của tôi: thực ra mình cũng định làm một việc khác nhưng mà không tiếp tục được cái đường thẳng đó, tuy vậy nếu anh em nào có tâm và có trí tuệ,ở bất cứ hoàn cảnh nào mình cũng làm được thôi. Trong cái chung đó thì riêng anh em Đông Âu, tôi có một thiện cảm là nó có thuận lợi thôi chớ chẳng có gì — người tốt thì ở đâu cũng có, và mỗi chỗ có ưu thế của nó — anh em Đông Âu có hai ưu điểm: (1) gần với thực tiễn trong nước của mình trước đây, (2) khi sang Đông Âu hiểu được thể chế cộng sản ở các nước đó, các nước vốn đã có một nền dân chủ, đã sống với chế độ cộng sản và sau đó nó lột xác trở thành xã hội dân chủ như thế nào. Thì tất cả những hiện thực đó tôi nghĩ là những chất liệu rất quí giúp cho tư duy, và từ những tư duy đó có thể đóng góp không xa vời, không có ảo tưởng giống như những anh em khác chưa có những thực tiễn như vậy.(tn)

CÁO LỖI

Báo *Thế Kỷ 21* trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc:

1. Báo tháng Năm 1997 (số 97) gửi đi vùng Âu Châu và một phần vùng Úc Châu sẽ nhận được rất trễ (gần một tháng) vì một sự nhầm lẫn của Bưu Điện Hoa Kỳ về hệ thống gửi IPA. (Bưu Điện đã gửi lời xin lỗi).

2. Do các lý do kỹ thuật, số báo tháng Sáu 1997 (#98), tức số báo mà quý vị đang cầm trên tay, ra mắt bạn đọc trễ một tuần, và có một số điểm bất như ý.

Tòa soạn *Thế Kỷ 21* rất lấy làm tiếc đã gây các phiền hà trên cho bạn đọc và các đại lý, mong quý vị vui lòng lượng thứ cho. Xin đa tạ.

CUỘC TUYỆT THỰC Ở TRẠI CỔNG TRỜI

K. VĨNH

L.T.S. *Tác giả bài này không ghi rõ danh hiệu, chỉ ký tên tắt mà chúng tôi đoán là K. Vĩnh. Bản thảo viết tay nét chữ không dễ đọc, từ trong nước đã được gửi sang cho Thế Kỷ 21 vào đầu năm 1997, với tựa đề "Cuộc Tuyệt Thực". Tòa soạn đã mạn phép thêm "Ở Trại Cổng Trời." Chúng ta đã đọc nhiều cuốn hồi ký về chế độ lao tù ở miền Bắc Việt Nam dưới chế độ cộng sản. Nhưng hầu như chưa có ai viết về Trại Cổng Trời. Đọc ký ức của K. Vĩnh chúng ta biết Nguyễn Hữu Đang đã bị giam ở Cổng Trời, nhưng trong bài viết nổi tiếng của cố Thi sĩ Phùng Quán về Nguyễn Hữu Đang không hề nói đến cái tên ghe gớm đó. Trong cuốn hồi ký của Vũ Thư Hiên, ông nhắc đến Nguyễn Hữu Đang, nhưng cũng không kể chuyện cụ Đang đã bị giam ở Cổng Trời.*

Trong cuốn Đêm Giữa Ban Ngày" của Vũ Thư Hiên mới xuất bản, ông viết về Trại Cổng Trời như sau: Cổng Trời là một trại giam ở xa tít mù tắp mãi tận Hà Giang, bên kia Mù Cang Chải, giáp giới Trung Quốc. Cổng Trời đi vào huyền thoại, là nỗi kinh hoàng của tù. Những người đã từng sống ở Cổng Trời thậm chí không muốn kể về nó, không phải vì sợ bị công an trừng phạt (nghiêm cấm nói đến bí mật của các trại), mà còn vì sợ người nghe nghĩ mình bịa đặt. Hình như Tôn Thất Tần đã ở cái trại kinh khủng đó, nhưng ông ngậm tăm. Những người tù nói rằng ai đã lên Cổng Trời mà còn về được coi như sống lần thứ hai....Chế độ giam giữ ở đây rất khe khắt. Hơi một tí là bị khoá cánh tiên, bị hạ huyệt, còn nếu bị cùm hộp thì coi như đời đi tong. Vũ Thư Hiên đã mô tả ba lối hành hạ Khóa cánh tiên, Hạ huyệt và Cùm hộp trong cuốn hồi ký của ông, mà thú nhận chỉ mới được thấy cảnh người bị "khóa cánh tiên" (có người chỉ chịu được vài phút là ngất xỉu, có người chịu được hàng giờ trong đó có thi sĩ Nguyễn Chí Thiện,) còn hai lối giết người kinh khủng kia ông chưa được thấy chỉ nghe kể lại.

Sau đây là những kỷ niệm ở Cổng Trời của K. Vĩnh.

*
* *

Tôi xin nhắc lại: Tôi không theo đạo Thiên Chúa, và điều ấy có thể đã làm cho tôi sống được đến hôm nay, năm 1994. Vì những người Cộng Sản căm những người theo đạo Thiên Chúa nhất nên tất cả mũi nhọn của nền chuyên chính đều chĩa vào họ. Thứ nhất là các đấng bậc trong Giáo Hội, rồi đến các tu sĩ cả nam lẫn nữ. (Tôi đã gặp hai bà sơ bị bắt vào xà lim), rồi đến các chánh trương, trùm trưởng, cả đến hội trống hội kèn cũng bị bắt đi tù hàng loạt.

Tôi trông họ hiền lành, ngơ ngơ nói năng chẳng rõ họ mắc tội gì mà bị hành hạ đến như vậy: Họ có mỗi một tội là tin vào Chúa Jê Su. Thế thôi.

Còn tôi, chả hiểu làm sao, tôi thiếu đức tin đó, và điều đó đã cứu tôi sống. Nói thế không có nghĩa là tất cả mọi người công giáo đi tù đều chết hết đâu. Còn chứ, còn anh Thi, anh Thọ, chú Diệp, những người trong vụ nổi loạn ở Ba Làng Thanh Hóa năm 1954, còn Nguyễn Công "Cửa" tức Môn, ngư dân vượt biển, còn Nguyễn Hữu Bổn người thôn Vạn Lộc, Nam Lộc, Nam Đàn...

Tôi có nghe nói lại là khi đọc lệnh tha anh Thi, anh không chịu ra khỏi tù, họ phải lôi anh ra, anh mới chịu ra.

Ngay cả giáo dân họ cũng kiên cường như vậy, thảo nào mà những người Cộng Sản đặt họ lên hàng đầu để tàn sát họ, tiêu diệt họ.

Cho đến hôm nay năm 1994, tôi vẫn mong mỏi gặp lại vài người còn sót lại trong số 72 người đầu tiên lên Cổng Trời mà vẫn chưa gặp lại ai, ngoài một người Cộng Sản là anh Nguyễn Hữu Đang.

Khi ở khu A còn thưa thớt người thì tù ở các trại dưới được dồn lên để lấp vào các chỗ trống, nên có sự sắp xếp lại.

Tôi được chuyển sang khu B dưới quyền quản

giáo mới tên là Duật người Nam Hà.

Khu B nhẹ hơn khu A, chế độ ăn uống có hơn đôi chút, được đi lao động nhẹ ở sân trại. Ba tháng được viết thư một lần và được phép nhận thư.

Tôi vừa chuyển sang khu B, chưa được viết thư về nhà thì đã nhận được thư của mẹ tôi gửi lên với địa chỉ:

Công trường 75A Hà Nội C65 HE.

Mọi người đều ngạc nhiên, cả tôi nữa.

Lúc đó nhà tôi ở số nhà 7 phố Thi Sách gần ngay đằng sau Chợ Hôm-Hà Nội

Tính từ khi lên Cổng Trời, đã được hơn ba năm có lẻ tôi chưa được viết thư về nhà lần nào, thế mà tại sao mẹ tôi lại biết được địa chỉ này mà viết thơ cho tôi, và mẹ tôi có biết là tôi đang ở Cổng Trời Hà Giang không?

Mãi đến khi được tha tù lần thứ nhất (1970) tôi về gặp lại mẹ tôi, tôi mới rõ. Thì ra sau khi tôi được chuyển lên Cổng Trời -1960- thế là mất hết tin tức về tôi. Tất nhiên là mẹ tôi không chịu để mất. Mẹ tôi lên trại cũ ở Bất Bạt Sơn Tây để hỏi. Chánh giám thị trại là thiếu tá Thanh trả lời là ông ta không rõ!

Quay về Hà Nội mẹ tôi đến bộ Công An ở Phố Trần Bình Trọng hỏi. Họ không cho vào gặp. Nhưng từ nhà tôi ở chợ hôm ra đến hồ Thiền Quang chưa đến một Km nên hầu như liên tục khi nào mẹ tôi dắt cháu đi chơi là mẹ tôi lại tạt vào quấy rầy họ. Đến nỗi người thường trực cứ trông thấy mẹ tôi là tránh mặt không tiếp.

Mẹ tôi cứ đi. Kiên trì dắt cháu đi hỏi. Hỏi mãi. Riết rồi họ đành phải trả lời. Nhưng cũng mất một quãng thời gian là hơn ba năm họ mới cho mẹ tôi cái địa chỉ đó: Công Trường 75A Hà Nội.

Mẹ tôi lại hỏi tiếp: Thế cái Công trường này nó ở chỗ nào ở cái đất Hà Nội này. Họ bảo họ cũng không biết.

Mẹ tôi đời nào chịu.

Và cuối cùng họ đành phải trả lời là tôi đang ở Cổng Trời Hà Giang.

Thế là mẹ tôi đi Hà Giang.

Đi với hai bàn tay trắng: Không có mảnh giấy đi tiếp tế cho tù.

Quy định đi thăm tù phải có giấy giới thiệu của địa phương cấp, mà địa phương được lệnh không cấp giấy cho mẹ tôi vì thành phần gia đình tôi là địa chủ cường hào đại gian đại ác. Bố thì bị bắn chết trong cải cách ruộng đất, còn tôi thì đi tù nên gia đình tôi là đối tượng của cách mạng cần phải chuyên chính. Mặc, không có giấy giới thiệu mẹ tôi vẫn cứ đi.

Nhưng lên được đến Hà Giang, chưa qua được đèo Quyết Tiến thì bị Công An theo dõi và bắt quay về Hà Nội.

Mẹ tôi đành viết thơ cho tôi theo địa chỉ trên. Thế là tôi nhận được thư.

Thế ra mẹ tôi vẫn còn sống và tôi, tôi vẫn còn sống.

Cũng có một phần do mẹ tôi không chịu mất dấu vết của tôi, làm phiền họ, quấy rầy họ, mà trên bộ Công An chưa bật đèn xanh cho Ban giám thị trại xóa tên tôi trong danh sách tù nhân ở Cổng Trời này.

Đã có lần họ cho người giả làm tù ở cùng trại với tôi về báo tin là tôi đã chết. Nhưng mẹ tôi khăng khăng không tin. Mẹ tôi cứ làm tới, sấn tới, và điều đó phần nào đã cứu sống tôi.

Vả lại ở trên Cổng Trời này, đối với các bậc như Cha Vinh, cha Quế, tu sĩ Đỗ Bá Lang, tu sĩ Nguyễn Trung Chính tức Nhẫn, tôi là hạng bét so với các đấng bậc ấy nên mũi nhọn của cuộc tàn sát không chĩa vào tôi. Ban giám thị trại đem so tôi với các bậc thánh đó thấy rằng tôi là một phần tử tiến bộ trong số này.

Này nhé: Tôi không cầu kinh, không làm dấu thánh, không ăn chay trước lễ phục sinh. Không cần nghỉ lễ Giáng Sinh, thế là tôi chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của Ban Giám thị rồi còn gì nữa.

Còn với các đấng bậc kia:

Cấm cầu kinh, cứ cầu

Cấm làm dấu thánh trước khi ăn. Cứ làm Ngày lễ Giáng Sinh cứ nghỉ không chịu đi làm.

Và nhất là chuyện tôi cứ ăn không chịu tuyệt thực cùng các vị đó khi có lệnh cấm làm dấu thánh trước khi ăn.

Câu chuyện tuyệt thực xảy ra như sau: "...Đây là nhà tù, chứ không phải là nhà thờ của các anh, nên cấm mọi hành vi tôn giáo và tịch thu mọi thứ: thánh giá, kinh bổn, tràng hạt". Tịch thu thì được. Còn cấm thì hơi khó hơn, nếu không nói là không cấm được.

Cấm cầu kinh các vị ấy cứ cầu, vì làm thế nào mà biết các vị đang cầu kinh?

Ăn xong, rồi ngồi chơi nhìn nhau. Im lặng không nói chuyện, không đi lại, thế là cầu kinh đấy.

Chỉ có đêm đến, lệnh cấm ngồi là có hiệu lực, chứ ban ngày chả nhẽ lại cấm ngồi bắt nằm mãi sao.

Ban Giam Thị uất lắm!

Sau chuyện tu sĩ Đỗ Bá Lang, Chánh giám thị

Em phải biết, rượu đâu có giết nhiều người bằng nước?

-Anh nói lạ! Nước giết chết người ta bao giờ?

-Hứ, thế những trận lụt ở sông Hoàng Hà, sông Dương Tử, sông Mekông, em quên hết rồi à?

Bác Tám, hôm nay bác có cần dùng đến máy cắt cỏ không nhỉ?

- Có chứ, tôi đang định cắt cỏ ngay bây giờ!

-Thế thì hay quá, thế là bác không đi đánh tennis, bác cho tôi mượn cái vợt được rồi.

Nguyễn Quang Sáng tỏ ra quyết liệt hơn, cứng rắn hơn, dấn tới một bước nữa.

Cấm triệt để làm dấu thánh trước khi ăn cơm. Nhưng lần này thì Nguyễn Quang Sáng phải chịu thua.

"Ai cho các anh ăn? Chúng tôi. Chúng tôi cho các anh ăn chứ không có Chúa nào cho các anh ăn cả."

"Cấm cầu kinh, các anh vẫn lén lút cầu kinh vậy bây giờ trước khi ăn, tôi cấm các anh làm dấu. Các anh phải cảm ơn người cho các anh ăn. Đúng lắm, nhưng đó là chúng tôi đây chứ không có chúa nào hết.

Không có con mẹ Maria, thằng Jê su nào cả. Biết chưa?"

(Nguyên văn như vậy, tôi xin lỗi các vị phải viết đúng, không dám xuyên tạc, bịa đặt, báng bổ gì).

Và đến bữa ăn. Quản giáo đứng đó. Mọi lần thì cửa mở, chúng tôi bê cơm vào trong phòng. Đóng cửa lại. Chúng tôi chia nhỏ từng xuất một và ăn. Không có sự hiện diện của ai cả.

Nhưng hôm ấy, bê cơm vào, cửa vẫn mở, Quản Giáo đứng đó kiểm soát và nhắc lại lệnh cấm của Ban Giám Thị.

Tất cả, cả tôi, không ai phải bảo ai, không chia cơm ra ăn. Đứng mãi chán, Quản Giáo đóng cửa lại đi về.

Đến chiều, tù nhà bếp đến lấy thùng. Cơm canh vẫn nguyên. Cơm canh đều chia vào hai cái thùng gỗ to, chứ không chia xuất một như ở xà lim.

Buổi chiều, đích thân Chánh Giám Thị xuống, mọi việc lại diễn ra đúng như buổi sáng. Mặt tái vì giận dữ. Nhưng làm thế nào mà bắt họ ăn cho được?

Không có khí thế hừng hực đấu tranh như những người Cộng Sản ở Sơn La, Côn Đảo tuyệt thực, không có hô khẩu hiệu, tất cả đều lặng lẽ ngồi im.

Không thể dùng lưỡi lê và sức mạnh để nhét cơm vào mồm họ được.

Họ không ăn, thế thôi. Không hò reo, không gõ bát, gõ đĩa, không ai diễn thuyết, kích động, yêu sách điều gì.

Im lặng, ai ngồi chỗ ấy. Giám thị Sáng đứng đó, không một ai thèm nhìn vào mặt ông ta cả. Tất cả đều quay mặt đi chỗ khác.

Giám thị Sáng đành phải ra về.

Đêm đến: Tôi đói không thể nào ngủ được. Đã một ngày trôi qua, và hai bữa không ăn. Suốt mười năm tù đầu tiên, tôi không bỏ một bữa cơm nào, ngoài hai bữa hôm ấy.

Chỉ có khi nào đến ngày giỗ người sinh ra tôi bị bắn chết, là tôi lặng lẽ khai ốm và báo cháo, vì tôi nghĩ: Đói ngày giỗ cha, no ba ngày Tết.

Dạ dầy tôi là dạ dày thép, nó ngốn và nghiền nát tất cả mọi thứ mà đối với người khác bình thường, cùng tù với tôi cũng không kham nổi.

Sắn sống, khoai sống, ngô sống, om on sống, cả cây ngô non tôi cũng ăn được, khoai hà chỉ có ngỗng mới ăn, tôi cũng ăn được khoai sọ tôi ăn cả vỏ, rong diềng ăn cả vỏ, có lần đi làm tôi lẩn vào ruộng trồng đỗ Mèo ních một bụng quả đỗ sống, chiều về say gần chết.

Ra suối tắm, quả vả mọc hoang tôi bứt ăn, cũng say gần chết.

Chỉ gần chết thôi chứ chưa chết hẳn. Ngất ngư lảo đảo thôi.

Sắn ăn say, ngày nào mà tôi chả say sắn, mà theo cái đầu óc ngu dốt của tôi chính có lẽ do say sắn triền miên mà tôi vẫn còn sống đến hôm nay.

Chả là rét quá, tôi bị sưng phổi. Cứ thấy ho, sốt, tôi không dám nói láo cứ cúi xuống ngẩng lên là nghe trong phổi có tiếng óc ách...

Ở Cổng Trời không phải khai ốm, vì có còn khai với ai được. Ốm mặc, không có thuốc men gì hết.

Quản Giáo trực thấy tôi nằm ốm, hỏi làm sao. Hỏi để mà hỏi. Rồi thôi. Để đấy. Tôi cứ ăn sắn, say sắn. Và rồi khỏi. Mọi người đều coi chuyện đó là chuyện thường tình.

Mãi đến khi về, năm 1970 tôi đi khám ở Bệnh viện A để kiểm tra phổi. Sau khi chụp X quang, kết luận: dầy dính màng phổi. Bác sĩ Kim hỏi tôi là tôi bị sưng phổi bao giờ và ở đâu hút cho.

Tôi trả lời là quên mất thời gian và chưa ai hút ra bao giờ. Bác sĩ Kim rất ngạc nhiên.

Qua chuyện trên, tôi đi đến kết luận là Acide Cyanidrique ở trong sắn đã cứu tôi thoát khỏi bệnh. Đấy là tôi nghĩ thế, theo đầu óc ngu dốt của tôi thôi.

Ở Cổng Trời, khu nọ cách biệt với khu kia bằng một hàng rào bao quanh khu. Cấm liên lạc nhưng khi trả thùng cơm canh, thì đem đến một cái sân chung để nhà bếp tiện lên lấy. Có lần khu C: họ được mua sắn cải thiện để ăn thêm. Chả hiểu sao cả khu say, và chết đâu mất năm người.

Sáng ra, quản giáo trực vào thấy chết vì say sắn bèn ra lệnh tịch thu số sắn còn lại, cấm không cho ăn, và đem ra tập trung ở chỗ trả thùng cơm.

Hôm ấy đến lượt tôi bưng thùng ra trả. Tôi thủ ngay một thùng sắn luộc rồi dấu vào bụng đem về buồng ăn.

Cái vị tu sĩ bảo tôi: Họ ăn chết hàng loạt kia kìa, lấy về làm gì?

Tôi bảo: Họ có nhiều họ ăn mới chết! Chứ mình cứ củ một ăn, chết thế nào được. Và tôi ăn . Ăn củ một, thấy đắng quá thì thôi. Hơi say một chút chẳng sao cả. Và những chất say ở sắn đã làm tôi khỏi bệnh phổi, làm tôi no, và có thêm một hiện tượng là hai bên quai hàm tôi to bạnh ra.Say sắn có khổ nhưng không khổ bằng đói: tôi chọn cái ít khổ hơn.

Điều này là sự thật 100%, cứ ăn sắn nhiều là hai bên quai hàm to bạnh ra. Xin các nhà khoa học giải thích hộ cho. Kể lại với quý vị như thế, để quý vị biết tôi đói đến thế nào. Tôi đói lắm ấy!

12kg cả gạo cả sắn một tháng, với sức tôi cao 1m76 nặng 78kg và ba mươi tuổi thì các vị chắc

cũng hiểu cho được.

Lại quay trở về với câu chuyện tuyệt thực. Thế là qua một ngày và hai bữa không ăn.

Tôi xin phép được nhắc lại, mười năm tù đầu tôi không nhịn bữa nào ngoài hai bữa cơm tuyệt thực đó, và tất nhiên là tôi đói lắm.

Ở trong Mein Kamp (Cuộc Chiến Đấu Của Tôi) Hitler viết: "Cái đói nó theo tôi như một cái bóng..." tôi xin thêm: Nó hành hạ tôi khổ sở nữa.

Tối hôm đó, đã hơn chín giờ mà tôi không thể nào ngủ được, cứ dở mình trằn trọc.

Tu sĩ Chính tức Nhẫn ở xứ Trung đồng Thái Bình, nằm cạnh tôi khỏi khẽ:

"Đói không ngủ được à."

"Vâng, đói lắm không ngủ được."

"Vậy, có lẽ mai Vĩnh cứ ăn đi. Tôi sẽ đứng ra chia cơm để Vĩnh ăn nhé."

Tôi, xin thưa rằng, phần xác tôi nặng, nặng lắm nhưng cơ thể tôi lúc đó thì rất nhẹ. Tôi cân nặng 49kg.

Tôi gầy đến "lõ đít" ra. Tôi xin phép được dùng từ này, vì đúng là tôi gầy đến như vậy. Những lúc ngồi chơi, hoặc luyện yoga tôi nhìn xuống đùi, đầu gối ống chân đều trơ xương ra khẳng khiu khô khắc.

Trước đó ít hôm ra khênh cơm vào, có một anh bạn ở nhà bếp nhìn thấy tôi ra hiệu bằng cách lấy hai bàn tay vuốt vào hai má, chúm cái miệng lại ra cái điều là gầy quá má hóp, yêu miệng.

Tôi cũng biết vậy, tôi yếu lắm rồi, tay nắm không chặt, hai bàn tay xoa vào nhau như sự cọ sát của hai thanh củi khô, không có cái mềm mại của da thịt. Ở Cổng Trời này không có gương để soi, xem mặt mũi hình hài của mình nó ra sao. Mỗi lần cắt tóc, quản giáo đưa cho một cái tông đơ, cắt cả tóc lẫn râu thế thôi không có gương lược, dao kéo gì. Có lần muốn nhìn cái bản mặt mình, tôi đã bắt chước Nguyễn Tuân đái một bãi xuống đất rồi soi mặt mình vào đó. Nào có thấy rõ chó gì đâu mà cái nhà ông Nguyễn chỉ nói ngoa ngôn, phóng đại xui dại anh em thôi.

Vì gầy thế, nên hai cái mông teo lại, cái xương cùng nó thò dài ra, khi đi ngoài, chùi nó chạm đâm vào tay mình.

Chính lúc ấy tôi mới cảm nhận thấy hết cái từ gầy lõ đít.

Mười năm tù, lúc nào tôi cũng ước ao có một bữa no, thèm muốn làm sao mà được ngồi trước nồi cơm nóng bốc hơi nghi ngút, muốn ăn bao nhiêu thì đơm bấy nhiêu, và có đầy một bát muối để ăn cho mặn. Cả muối tôi cũng thèm nhạt. Chỉ có một ước muốn đơn sơ ấy, thế mà suốt trong 10 năm tù lần thứ nhất ngay cả ở các trại dưới tôi cũng không đạt được nói chi nữa là ở trại Cổng Trời này.

Tất cả các nhà tù của Cộng Sản miền Bắc mà tôi đã đi qua và sống ở đó đều đói và có thể chết đói được.

Khi còn ở trại Bất Bạt Sơn Tây, tôi ở toán kiên giam, biệt lập: phải xay lúa giã gạo ở khu biệt lập kiên giam này, tôi nhớ tới phim "Samson và Đalila" anh chàng Samson mù quay cối xay. Chúng tôi cũng vậy. Rào kín và hẹp chả nhìn thấy gì ở ngoài cả. Chế độ ở kiên giam Bất Bạt cũng học đòi cách quản lý và đối xử với tù của Cổng Trời, nhưng mà là học trò hạng bét.

Cũng tù hình sự đem cơm đến để đấy rồi chạy.

Cũng không được ra khỏi khu cấm!

Nhưng vẫn còn được viết thư về nhà và còn được gặp và nhận đồ tiếp tế của người nhà đi thăm nuôi.

Chứ ở trại Cổng Trời Cấn Tỷ không một ai được thăm nuôi. Không một ai trong suốt thời gian bảy năm tôi ở đó.

Khi đói, tôi kêu. Tôi kêu đến nỗi Quản Giáo phụ trách Giáo dục tên là Kích người liên khu năm Bình Định đi tua nghe thấy, gọi tôi ra ngoài lục vấn, lên lớp và đe dọa tôi:

"Anh Vĩnh, anh định kích động mọi người, phải không. Cẩn thận. Không có lại đi suốt đấy."

"Thưa ông, tôi đói thật, ông ạ. Phàm cái gì uất ức, đau khổ quá cũng phát ra thành tiếng. Có thế thôi.

Thứ tôi mà đi kích động hở ông. Vả lại tôi là một sĩ quan chiến đấu, võ biền. Ông xét xem, tôi sẽ kích động được ai trong số những tu sĩ ở cùng với tôi trong buồng. Tôi nói rất thật, để chứng minh điều đó ông làm ơn súc cho tôi một bát cám lợn kia tôi sẽ ăn hết ngay trước mặt ông cho ông xem (Chả là chỗ nói chuyện gần chỗ nuôi lợn của nhà bếp mà)."

Chừng quản giáo Kích cũng hiểu ra, nên không

VNCR

Nghe chương trình phát thanh trên lưới

http://www.kicon.com/vncr

Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu, buổi sáng từ 5 giờ đến 7 giờ, và buổi chiều từ 12 giờ đến 4 giờ (giờ California), quý vị có thể nghe trực tiếp chương trình VNCR đang phát thanh. Ngoài những giờ trên, quý vị có thể nghe lại chương trình lưu trong ngày.

Liên lạc:

(a)về chương trình VNCR:

- ĐT (714) 534-9431
- FAX (714) 534-9433
- E-mail vncr@kicon.com

(b)về kỹ thuật lên lưới c/o Kicon :

- ĐT (714) 590-3080
- FAX (714) 590-3084
- E-mail info@kicon.com

trấn áp tôi thêm nữa cho tôi trở về buồng.

Trên đường về đi qua dàn su su, quả mới bé bằng ngón tay cái, tôi vốn cao, nên với tay vặt ngay lấy dăm bẩy quả đút túi về ăn sống.

Trần Liệu bảo tôi: "Được ra khỏi buồng, bất cứ cái gì động đậy đều vồ lấy ăn hết, chỉ trừ khi vồ nó mà nó kêu "Ối giời ôi" thì chịu không ăn mà thôi".

Hắn ăn dun, ăn dế, ăn gián, ăn cả trứng con bọ hung nữa...

Chúng tôi cười với nhau

Trần Liệu cũng đói lắm Hắn to con gần bằng tôi và vốn là đồ tể Quỳnh Lưu Cầu Giát, rất thích ăn tiết canh "me" (bê non)

Nhưng tôi cũng phải phục hắn; thế mà hắn cũng chịu được hai ngày liền theo các đấng bậc tu sĩ đấy.

Hắn là con chiên cực kỳ ngoan đạo. Ông Chính bảo tôi: "Mai tôi sẽ chia cơm để Vĩnh ăn. Vĩnh cứ ăn đi. Không sao cả. Có gì tôi sẽ nói với anh em trong phòng để họ cảm thông trường hợp của Vĩnh."

Tu sĩ Chính là người có uy tín nhất ở trong số tu sĩ còn lại đó.

Tôi im lặng. Đối với ông, tôi có một món nợ lớn lắm! Lớn lắm mà không bao giờ có thể trả được.

Tôi vốn có duyên nợ nhiều với đất Thái Bình và ông, ông là người sinh ra ở đó và tu ở đó. Tôi và ông có rất nhiều điểm tương đồng. Ông hay nói chuyện với tôi lắm.

Tôi ở với ông từ ngày đầu đi tù, từ trại Bất Bạt Sơn Tây lên ở khu A Cổng Trời, ở cho đến lúc ông bị gọi đi chết.

Những năm 50, ở Thái Bình tôi có may mắn gặp Đức Giám mục người Tây Ban Nha coi sóc địa phận, cha Chính, cha Trụ ở thị xã, rồi các cha ở Sa Cát, Phương Xá, Bái Bồ Trung, Phù Lưu (ngã ba Đọ) Cao Mái v.v... Tôi hành quân giải vây cho các nhà thờ bị vây hãm.

Tóm lại tôi có nhiều kỷ niệm đẹp về các xứ đạo ở đó lắm.

Tôi nói chuyện với tu sĩ Chính về các kỷ niệm xưa đó, hai người rất tâm đầu ý hợp.

Thấy tôi kêu la nhiều, có một hôm, tu sĩ Chính ốm, ốm ở đây ít ai bỏ ăn. Ở Cổng Trời, ốm phải không? Tốt. Tốt lăm! Nếu ốm chết thì hay quá: Khỏi phải giết! Đỡ mệt hơn.

Hôm ấy tu sĩ Chính bỏ ăn. Ông rất ít khi ốm, từ Bất Bạt tôi thấy ông không ốm bao giờ tuy rằng ông rất gầy và xanh. Nhưng sự chịu đựng gian khổ, đầy đọa của ông thì tôi phải ngã mũ kính cẩn vái chào.

Lúc nào cũng ôn tồn, nhỏ nhẹ, điềm tĩnh cười nói như không cho dù có điều gì xảy ra.

Tôi còn mấy viên thuốc cảm, đưa ông dùng ông bảo không sao đâu. Chỉ có miệng ông đắng và bụng ông nó không ổn, thế thôi. Buổi chiều qua đi ông cũng bỏ cơm. Chúng tôi thường ăn vào độ ba, bốn giờ chiều. Cấm mọi hình thức nấu nướng đun lại. Với chúng tôi chín giờ đêm là khuya rồi. Tu sĩ Chính lay tôi dậy và bảo:

"Vĩnh ăn hộ tôi đi, chứ để mai thiu, bỏ đi. Phí của lắm."

Tại sao tôi lại có thể ăn xuất cơm của tu sĩ Chính như thế được chứ. Tôi từ chối: Tu sĩ cố ăn đi chứ?

"Thật tình tôi đắng miệng lắm, và bụng tôi nó nóng như lửa, quặn đau lắm, không thể ăn được. Vĩnh ăn hộ tôi đi."

Không để đến mai thì phải đổ đi mất! Họ có cho đun đâu mà bảo nấu lại được.

"Ăn đi. Ăn hộ tôi, khỏi phí. Vĩnh ạ.

Nếu Vĩnh không ăn, sáng mai nhà bếp nó lên nó lấy đổ cho lợn thì uổng lắm Vĩnh ạ."

Tôi nghĩ thấy đúng như ông nói. Ở các trại dưới, cơm có thể phơi khô để dành. Chứ còn ở đây, thì chỉ còn có đổ xuống nhà bếp cho lợn ăn mà thôi.

Thế thì tại sao lại cho lợn ăn nhỉ? Trong khi ấy tôi đói, tôi đói lắm, tôi thèm lắm. Tôi thấy thế và nghĩ đúng như thế.

Lúc đó đã là 10 giờ đêm rồi.

Thế là tôi ăn hai xuất cơm đó, các vị đọc tới đây, tất có vị sẽ chửi rủa tôi. Xin các vị cố hiểu mà đánh chữ đại xá cho.

Tôi ăn, ăn cả hai xuất cơm canh trong nháy mắt và nằm ngủ.

Ngủ yên và say cho đến sáng. Lâu lắm tôi mới được "sín-dề" và được một bữa tương đối.

Cám ơn tu sĩ Chính tức Nhẫn. Cám ơn nhiều.

Sáng hôm sau, như thường lệ, mọi người và cả tu sĩ Chính dậy sớm cầu kinh và ông bảo tôi ông thấy đỡ nhiều. Chỉ đến chiều hôm ấy, tôi đã hiểu ra là tu sĩ đã nhịn cho tôi ăn.

Cám ơn ông. Cho đến tận hôm nay ba mươi năm trôi qua tôi vẫn còn món nợ đối với ông mà

không thể nào trả được.

Chỉ còn biết cầu Chúa, để Chúa biết đến sự hy sinh cao cả của ông, đến sự vất vả nhọc nhằn của ông khi ông vác cây thánh giá của Chúa theo Chúa đến chết.

Cầu sao cho linh hồn ông được tới Thiên đàng.

Sáng hôm thứ hai của tuyệt thực, tù lại khênh cơm lên.

Quản giáo lại đứng đấy để giám sát. Không ai nhúc nhích gì. Không ai ăn cả, kể cả tôi. Lúc ấy tu sĩ Chính đứng dậy cầm bát chia cơm canh của tôi ra cái thùng gỗ của nhóm năm người, tôi vẫn ăn cùng với tu sĩ. Tu sĩ Chính xúc vào bát của tôi, cơm canh đầy đặn và lặng lẽ bê đến trước mặt tôi.

"Đây phần của anh, anh ăn đi và về ngồi lại ở chỗ mình."

Một lần nữa tôi lại xin các vị cố hiểu cho tôi và bỏ qua cho tôi.

Tôi không theo đạo Thiên Chúa và không làm dấu thánh bao giờ.

Tôi ăn. Hà tất gì tôi lại nhịn không ăn. Không có điều gì thúc đẩy buộc tôi bắt tôi không ăn cả.

Tôi nghĩ đúng như vậy.

Nhân cơ hội ấy, Quản Giáo bèn lên tiếng:

"Đấy các anh thấy không? Anh Vĩnh, anh ấy ăn cơm không cần làm dấu thánh. Có sao đâu nào. Anh ấy vẫn ăn được một cách ngon lành, thế thì tại sao các anh lại không ăn?

Các anh là đồ ngu dốt, cuồng trí, dại dột dám chống lại Đảng và Chính phủ.

Rồi các anh sẽ biết"

Không một tu sĩ nào trả lời đáp lại.

Có tôi lên tiếng:

"Xin lỗi ông, chắc ông đọc lý lịch của tôi thì ông đã rõ, tôi không theo đạo nào cả

Phật không, chúa cũng không, mà lệnh của các ông thì chỉ có cấm làm dấu thánh trước khi ăn mà thôi.

Tôi, tôi từ thuở cha sinh mẹ đẻ chưa làm dấu thánh bao giờ. Vì vậy tôi ăn có thế thôi."

Đứng cho đến lúc tôi ăn xong. Quản giáo thấy trơ trẽn quá, quay gót khóa cửa ra về.

Đến buổi chiều không thấy mặt ai cả. Cả Giám thị, cả Quản giáo cả lính coi tù.

Tu sĩ Chính đứng dậy chia cơm cho một mình tôi. Tôi ăn.

Các đấng bậc và kể cả T.H Liệu cũng không ăn.

Hai ngày trôi qua.

Sáng hôm thứ ba tù khênh các thùng cơm canh nguội lạnh còn nguyên xuống nhà bếp và rồi lại khênh lên với cơm canh mới hãy còn nóng.

Không có ai đi kèm.

Ban Giám thị không.

Quản giáo không.

Khênh cơm canh vào buồng. Khóa cửa lại.

Chia đều.

Và các đấng bậc tu sĩ lại làm dấu thánh trước khi ăn.

Chẳng ai cười cợt, nói năng, hát hò, reo vui gì trước cuộc đấu tranh đã dành được thắng lợi lẫy lừng và vang dội đó (như các bài báo của Cộng Sản mà tôi đã đọc viết về các cuộc tuyệt thực của họ cả)

Và cuộc sống của chúng tôi lại lặng lẽ trôi như thế cho đến khi tôi được về và các vị còn lại chết hết.

1/8 Âm lịch năm 1994

K. Vĩnh

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

hân hạnh giới thiệu
hai tập nhạc Việt Nam soạn cho piano
do nhạc sĩ **Lê Văn Khoa*** biên soạn

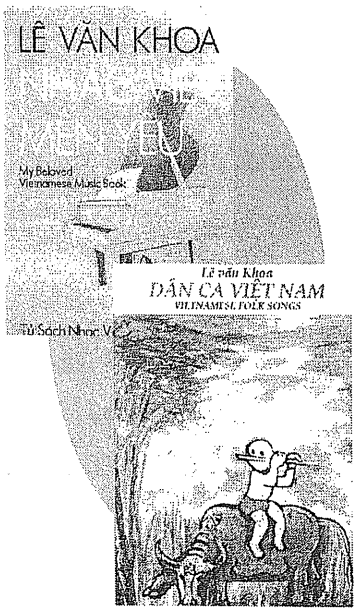

Giá: US$12.00 mỗi tập (kể cả cước phí).
Nếu mua cả hai tập: US$22.00 (kể cả cước phí).

Liên lạc: VAALA
11022 Acacia Parkway #A,
Garden Grove CA 92840 USA
ĐT (714) 537-8352 • FAX (714) 638-1944
E-mail: vaala@kicon.com •
Web : http://kicon.com/vaala

Hoặc: Người Việt,
14891 Moran St., Westminster CA 92683 USA
ĐT (714) 892-9414 • FAX (714) 894-1381
E-mail: nvnews@aol.com •
Web: http://kicon.com/nguoiviet

*nhạc sĩ Lê Văn Khoa hiện là Phó Chủ Tịch
Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA)

Die Zweite Heimat - Quê Hương Thứ Hai

Linh Mục **HỒ NGỌC THỈNH** *giới thiệu*

Người tị nạn tới Đức, từ tháng hai năm 1979, cảm nghiệm ý nghĩa sâu xa của câu cách ngôn Nga xô: "Quê hương nguyên thủy là hiền mẫu, còn quê hương thứ hai là mẹ ghẻ".

Nghiều người trong chúng ta chắc còn nhớ tới con tàu định mệnh Cap Anamur, đã từng là biểu tượng và bằng chứng cho lòng nhân ái của dân tộc Đức đối với người tị nạn Việt Nam từ hơn 20 năm nay. Nhưng từ khi được cứu nguy, hay "vớt người ngoài biển khơi" tới lúc hội nhập vào xã hội này là cả một đoạn đường dài. Và tiến trình ấy được cơ quan Caritas, với sự cộng tác chặt chẽ của bà M.T.Bùi Công Tằng, đặc biệt theo dõi, nâng đỡ và cổ võ trong miền Frankfurt và phụ cận. Nhìn lại 15 năm qua, kể từ tháng 2 năm 1979 khi tiến sĩ W.Wallmann - lúc ấy còn làm thị trưởng thành phố Frankfurt (sau đó làm Thủ Tướng tiểu bang Hessen) - đón đợt đầu người Việt tị nạn vào thành phố, ai cũng thấy đó là một chặng đường khó khăn, lởm chởm sỏi đá nhưng cũng tràn đầy hy vọng và tin tưởng. Tiến sĩ Manderscheid đã nhắc nhở độc giả rằng trong sự hội nhập những khó khăn về xã hội, kinh tế không khó giải quyết bằng những khó khăn do sự va chạm giữa hai nền văn hóa gây ra và ông mong rằng người Việt tị nạn khắc phục những khó khăn để biến "bà mẹ ghẻ" thành một hiền mẫu thực sự cho chính cuộc sống của mình. Ông viết trong lời Giới thiệu một cuốn sách, khi ông nhắc đến câu cách ngôn Nga nói trên.

"Die Zweite Heimat" - "Quê Hương Thứ Hai" là một quyển sách viết về người Việt tị nạn chúng ta mà tôi có dịp đọc vào mùa Giáng Sinh vừa qua và vì lợi ích chung nên tôi muốn giới thiệu cùng độc giả xa gần. Cuốn sách trên được viết bằng Đức ngữ do một tác giả người Việt. Đó là bà Marie Thérèse Bùi Công Tằng, tức là Công Tằng Tôn Nữ Tiếu Diện, một nhà sư phạm xã hội, cộng tác viên của cơ quan Caritas giáo phận Frankfurt. Nhà xuất bản Lambertus-Verlag tại Freiburg Im Breisgau in cuốn sách này và được Bộ "Gia Đình, Người Cao Niên, Phụ Nữ và Thanh Thiếu Niên" của chính phủ Đức khích lệ. Tên sách có phụ đề: Tiến trình hội nhập của người tị nạn Việt Nam tại Frankfurt am Main và vùng phụ cận từ năm 1979 và 1994"

"Quê Hương Thứ Hai" sẽ cống hiến bạn đọc những điều cần thiết và hữu dụng, đặc biệt cho người ngoại quốc muốn tìm hiểu người Việt hay muốn gội sạch một số thành kiến căn bản và do đó làm sáng tỏ những gì đã từng khiến họ tự nhiên nghi kỵ ngoại kiều.

Nội dung của cuốn sách có năm phần chính:

Phần 1: Lịch sử biến cố "Quê Hương Thứ Hai" tại miền Frankfurt và phụ cận, từ lúc khởi sự (1979) qua các giai đoạn đón tiếp, chuẩn bị cuộc sống mới, tiến trình hội nhập. Sự giúp đỡ nhiệt tình của dân bản xứ trong công tác kiếm chỗ ăn ở, việc làm và huấn nghệ.

Phần 2: Những khó khăn của người Việt tị nạn đối với người Đức và trên nước Đức. Đối với giới trẻ: họ phải đương đầu với gánh nặng quá khứ, đối diện với các va chạm văn hóa mới, xung đột với người lớn tuổi cũng như khó khăn trong các gia đình nhận nuôi họ. Đối với người lớn: họ bị cô lập, mặc cảm vì thua kém, "mất mát" ngoài xã hội, không còn danh vọng chức tước như xưa, nhà cửa và việc làm không được vừa ý v.v..

Phần 3: cuộc sống trên miền đất xa lạ, giao động tâm thần và văn hóa. Ở đây tác giả muốn giới thiệu cho người ngoại quốc (cũng như cho các bạn trẻ Việt đã quên gốc gác và ngôn ngữ của mình) lịch sử và địa lý quê hương Việt Nam: đời sống xã hội và gia đình với các giá trị luân lý và tôn giáo cổ truyền; giáo dục trong gia đình cũng như tại học đường và ngoài xã hội khác xa với những gì người Việt tị nạn đang thấy và phải đương đầu ở đây.

Phần 4: Tiến trình hội nhập qua việc chấp nhận và thắng vượt các khác biệt cũng như trở ngại văn hóa. Các phương pháp được đưa ra để thí nghiệm và áp dụng gồm có các loại chính sau đây: tổ chức các nhóm, tổ chức gặp gỡ hội họp sinh hoạt văn hóa và tôn giáo đồng thời tạo cơ hội trao đổi giữa các bạn trẻ đã "hội nhập" với các bạn còn "chân ướt chân ráo" và giữa họ với giới trẻ địa phương.

Phần 5: "Hội nhập thất bại hay thành công?" đây là một câu hỏi được đặt ra với mục đích khích lệ: chúng ra đã làm được nhiều rồi, nhưng còn phải tiếp tục làm thêm để kiện toàn công việc hội nhập. Con đường trước mắt còn dài, nhưng chúng ta đã biết đâu là những khúc quanh và đâu là hướng đi. Tác giả có ý nêu ra một số ví dụ cụ thể trên hai bình diện: chọn trường học thích hợp với khả năng

của con cái hơn là theo ý cha mẹ và thay đổi quan niệm về các bậc thang trong xã hội, nơi đây không còn phải là: "nhất sĩ nhì nông" hay "con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa thì quét lá đa" nữa.

Cũng trong đoạn cuối của phần 5 này tác giả nhấn mạnh về sự thành công của người Việt tị nạn tại quê hương thứ hai. Sau khi khắc phục những khó khăn trên đường hội nhập tại một nước mà ai cũng biết rằng điều kiện hội nhập khó khăn hơn nhiều nước khác như Mỹ hoặc Pháp, đại đa số thanh thiếu niên - thế hệ thứ hai - đang thâu đạt thành quả mỹ mãn tại các trường trung học và đại học, và trong số những người đã trưởng thành hiện có nhiều người đang giữ những chức vụ quan trọng trong các công sở hoặc các lãnh vực doanh thương, kỹ nghệ hay hành nghề tự do. Người Việt tị nạn đã không trở thành gánh nặng cho chính quyền và dân chúng Đức mà ngược lại đã góp phần không nhỏ vào đời sống kinh tế của nơi mình cư ngụ.

Hội nhập văn hóa hay khắc phục cách biệt, dị ứng văn hóa để kiện toàn tiến trình cuộc sống tinh thần cũng như vật chất: đó là trọng tâm của cuốn sách này và cũng là mục đích mà tác giả muốn đạt tới. Ngoài mục đích tường trình, tác giả còn muốn nhắm tới mấy điểm chính yếu sau đây:

1. Cung cấp dữ kiện, tài liệu cho những ai có bổn phận hay muốn tìm hiểu thêm về diễn tiến cũng như quá trình hội nhập của người Việt tị nạn;
2. Giúp người ngoại quốc và ngoại cuộc - đặc biệt cho các cơ quan xã hội, lao động văn hóa giáo dục - đào sâu các khía cạnh văn hóa và tâm lý người Việt để dễ bề thông cảm và hành động.
3. Đối với các bạn trẻ Việt Nam, nhất là các bạn lớn lên và trưởng thành tại Đức và không còn đọc được hay thông hiểu tiếng mẹ đẻ, thì đây là cơ hội quí báu để các bạn tìm đọc và tự tìm hiểu về chính mình, về thân phận, gốc gác và do đó sẽ thông cảm với bậc cao niên, bậc cha mẹ dễ dàng hơn;
4. Do đó tác giả đã "đỡ đòn" cho các bậc phụ huynh một phần nào trong việc giải thích các quan niệm về cuộc sống, các giá trị luân lý và đạo đức cổ truyền cũng như giáo dục con cái trong một xã hội mà họ "bất đắc dĩ" phải chấp nhận mà không được chuẩn bị trước.

Nói tóm lại "Quê Hương Thứ Hai" của M.T.Bùi Công Tằng có thể là một bạn đường cho những ai thao thức với số phận, cuộc sống và tương lai của người Việt tị nạn tại Đức. Nếu các yếu tố văn hóa, tâm lý và đạo đức cổ truyền, Việt tính cũng như Việt tộc được thấu hiểu và áp dụng đúng mức thì chúng không những không cản trở, mà trái lại còn nâng đỡ và phong phú hóa cho tiến trình hội nhập của người Việt mình. Nhờ đó ta sẽ có một thế hệ Việt tại hải ngoại hùng mạnh, vừa ý thức được xuất xứ của mình, vừa song hành được với mọi người mọi giới trên Quê Hương Thứ Hai.

Tháng Hai năm 1997

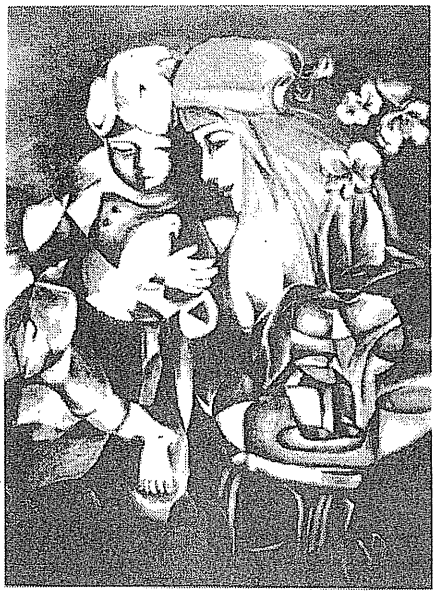

SUZIE VUONG
Gallery

SANTORA ART COMPLEX
207 N. Broadway, Suite #3
Santa Ana CA 92701
Tel: (714) 558-8218
Pager: (714) 967-7571
Fax: (714) 444-1082
http://kicon.com/art/Suzievuong

Kính mời quý vị và các bạn đến xem triển lãm tranh của nữ họa sĩ

SUZIE VUONG

"Mother Love"

Tối thứ Bảy mùng 7 tháng Sáu 1997
Tiếp tân: từ 7 giờ đến 9 giờ tối
Triển lãm tiếp tục đến ngày 19 tháng Bảy

Ngày giờ mở cửa:
Thứ Bảy: 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều
Những ngày khác xin theo hẹn

GIÊ-SU VÀ PHẬT (1)

Tác giả : LUC FERRY Người dịch : LẠI NHƯ BẰNG

Tương quan giữa lòng yêu thương và sự chết trong đạo Phật và trong đạo Ki-tô hoàn toàn khác biệt nhau. Vậy làm sao giải thích trào lưu Phật Giáo trong những xứ vẫn còn thấm nhuần tinh thần Ki-tô giáo?

Trong mùa thu vừa qua (2) xuất hiện một quyển sách tựa đề "Đạt Lai Lạt Ma nói về Giê-su" (Nhà Xuất Bản Brépols). Sách này ghi lại trung thực một buổi nói chuyện của Đạt Lai Lạt Ma về Phúc Âm, do một số tu sĩ đạo Ca-tô tổ chức năm 1994. Đây là lần đầu tiên, và cũng là dịp để ta suy ngẫm về một trong những khía cạnh có tính quyết định nhất trong cuộc đối thoại giữa phương Đông Phật Giáo và phương Tây Ki-tô giáo. Dù, ở mặt luân lý, hai đạo có rất nhiều điểm gần gũi, ta cũng nên tránh đừng rơi vào xu hướng hòa đồng tôn giáo. Vì điều quan trọng và cũng đáng chú ý, chính là sự khác biệt trên vấn đề tôn giáo cơ bản nhất, là mối tương quan giữa lòng yêu thương và sự chết trong hai đạo. Trong đời mình, làm sao giải quyết được mâu thuẫn không tránh khỏi giữa lòng yêu thương, đưa đến ràng buộc, và sự chết, mà hệ quả là chia ly? Chính trên điểm này mà hai giáo lý tách biệt nhau sâu sắc nhất. Để hiểu rõ vấn đề và cũng để nhận xét đúng đắn những lý do đạo Phật được ưa chuộng bên phương Tây, ta cần ngừng lại giây lát nơi điểm khác biệt này.

*** Ba ý niệm cột trụ của đạo phật Tây Tạng: Khổ do "ái dục" sanh ra, sự "từ bỏ hy vọng" và sự đả phá "cái ta"**

Khởi đầu, ta xét qua quan niệm kiên định nhất của đạo Phật Tây Tạng: Tất cả những khổ ách ra gặt hái trên đời này, cũng như gây ra cho kẻ khác, đều do ta "luyến ái" người (người thân, bè bạn, v.v...) hay luyến ái sự vật (bạc tiền, của cải, danh vọng...) Thái độ này vừa nguy hại vừa sai lầm: Nguy hại vì trên đời này không có gì vĩnh cửu hay thường còn. Ngược lại, chính sự thay đổi hay "vô thường" mới là quy luật. Vậy, tự ràng buộc nơi một người hay một vật nào đó chỉ có nghĩa là cố tình đâm đầu vào những khổ đau ghê gớm nhất. Ngay dù cho ta có giữ được một ổn định nào đó trong cuộc sống hiện tại, viễn tượng không thể thoát khỏi vẫn là cái chết, với sự chia ly tan vỡ tuyệt đối. Mới đây, một trong những vị Đại sư Tây Tạng, Soyal Rinpoché, đã tuyên bố: *"Điều kiện lý tưởng khi chết là đã từ bỏ được tất cả, trong nội tâm lẫn ngoại giới, để vào lúc quan trọng nhất này ta giảm thiểu được tối đa ham muốn, dục vọng, và ràng buộc, thường là đối tượng vướng mắc của tâm linh. Vì thế, trước khi chết, ta phải tự giải thoát khỏi tất cả, của cải, bè bạn, gia đình..."*

Ta không thể chờ đến lúc gần chết mới chuẩn bị để đạt đến sự "giác ngộ" như vậy được. Trái lại, đây phải là lý tưởng cho cả một đời người. Như vậy, "ngay từ đầu" nếu không thì càng sớm càng tốt, phải nhắm đạt được thái độ "không bám giữ": không phải để làm ngơ trước tất cả mọi sự việc xẩy ra chung quanh ta, nhưng ít ra cũng giữ được lòng an tịnh, "để thản nhiên trước sự vật" (laisser-être), "Buông xả" (lâcher-prise), kết quả này chỉ có thể đạt được bằng sự chân thực hủy bỏ ngã chấp.

Trách nhiệm duy nhất của tất cả những ràng buộc đưa khổ đau, chính là cái ta hay cái ngã này, chính vì bám chặt vào những quyền lợi tình cảm hay vật chất mà ta luôn luôn sống trong lo lắng hay hy vọng, hai hình thái khởi thủy của khổ đau và sợ hãi. Các xã hội Tây phương, cá nhân chủ nghĩa, tôn thờ trước hết là những tham ái ích kỷ. Trong khi, theo đạo Phật, cái ngã thật ra chỉ là hình bóng thoáng qua, hời hợt, của các uẩn tạm bợ tụ hợp, không cá biệt không danh sắc, rồi một ngày kia khi ta chết lại trở về trạng thái vô danh khởi thủy.

Nói rõ hơn: Nhân cách, niềm tin nơi cá tính độc đáo và không thể thay thế của mỗi người chỉ là ảo vọng, Nhưng phương Tây hiện đại, phương Tây cá nhân chủ nghĩa, lại được xây dựng hoàn toàn trên niềm tin này. Ta có thể thêm mà không sợ sai lầm, dù có hơi đụng chạm đến xu hướng hòa dồng tôn giáo hiện nay: Toàn bộ tư tưởng Ki-tô giáo dựa trên ý tưởng là mỗi người chúng ta có một linh hồn cá biệt, chính linh hồn tạo ra nhân phẩm con người, khiến con người là hình ảnh của Thiên Chúa.

Quan điểm của đạo Phật tự nó vạch ra con đường

nên theo. "Không bám giữ" theo nghĩa trắng, cũng là "từ bỏ hy vọng", phải được đạt đến ở giai đoạn tối hậu của trí tuệ thực sự: chính "từ bỏ hy vọng",chứ không phải hy vọng, là điều kiện của hạnh phúc chân thật. Chỉ cần suy ngẫm đôi chút là ta thấy rõ điều này: hy vọng, theo đúng định nghĩa của nó, là không được hạnh phúc sung sướng, mà là đang chờ đợi, thiếu thốn, ham muốn chưa được thỏa mãn và không biết cách nào thực hiện. Như André Comte Sponville viết, một quan điểm gần với đạo Phật:*"Hy vọng, là muốn mà không hưởng, không biết, không thể"*.Không hưởng, vì ta chỉ hy vọng những gì ta không có; không biết , vì hy vọng có nghĩa là ít nhiều mù tịt về sự thực hiện mục tiêu mong mỏi; không thể, vì chẳng ai lại hy vọng vào một cái gì mà khả năng thực hiện đã nằm sẵn trong tay mình.

Không những hy vọng đặt ta vào một tình trạng căng thẳng tiêu cực, mà, hơn thế nữa, nó lại làm ta quên mất hiện tại, vì lo lắng cho một ngày mai xán lạn hơn, ta quên mất rằng cuộc sống duy nhất đáng sống, duy nhất phải có, chính là cuộc sống đang diễn ra trước mắt ta, ở đây và ngay bây giờ. Theo một tục ngữ Tây Tạng, khoảnh khắc hiện tại và con người trước mặt ta, luôn luôn đáng quý hơn mọi khoảnh khắc và con người khác...

Trong điều kiện đó, tại sao phải "bước vào ngưỡng cửa hy vọng", như nguyên thủ Nhà thờ Ca-tô giáo đang kêu gọi ta ngày nay? Lẽ ra phải lánh xa nó như lánh xa địa ngục, như một ngạn ngữ Ấn độ vào thế kỷ 15 viết:*"Người dứt tuyệt hy vọng là kẻ sung sướng... Vì chính hy vọng là khổ đau lớn nhất, và từ bỏ hy vọng là hạnh phúc tuyệt vời nhất"*. Người có trí là kẻ biết từ bỏ cái ta và, do đó từ bỏ thế gian. Nếu còn lại đôi chút hy vọng thì đó là niềm hy vọng một ngày kia, qua kiên trì tu tập, sẽ đạt được hạnh phúc tối cao của sự "dứt tuyệt hy vọng".

Qua đây, ta thấy đạo Phật cách biệt đạo Ki-tô đến mức độ nào: không những đạo Ki-tô dựa toàn vào lòng tin có một giá trị tuyệt đối được gắn bó với một cái ngã cá biệt, mà cũng chính vì lòng tin này nó mời mọc ta hy vọng, với một đức tin nơi sự sống vĩnh cửu. Đúng vậy, nếu cái ngã không là ảo ảnh, mà là tối hậu cho sự hiện hữu của con người thì làm sao con người lại không hy vọng? Làm sao không mong mỏi điều này: không bao giờ chết, tìm gặp lại trong một đời khác những người mà mình đã gắn bó trong đời này?

Hai đạo hoàn toàn khác xa nhau, một bên tuyên bố:"Đừng yêu thương một cách cá nhân, vì ràng buộc do một tình yêu cá nhân tạo ra chắc chắn sẽ đưa ta đến khổ đau. Tự giới chế như vậy mà chỉ nên rải lòng từ bi đến cho muôn loài muôn vật, thế đã là đẹp lắm rồi". Một bên, ngược lại, chủ trương :"Cứ yêu thương thỏa thích, hướng tình yêu cá biệt của mình đến những người thân, đến bè bạn ta, vì tình yêu sẽ cứu rỗi ta: chính tình yêu, ta đã có thể hy vọng ngay từ giờ, sẽ đưa ta vào cuộc sống vĩnh cửu"

Không gì diễn tả được đối kháng tận gốc rễ hai thế giới quan hơn đoạn Phúc Âm nói về cái chết của Lazare, em của Marthe và Marie, và cũng là bạn thân của Chúa Ki-tô; ta thấy, đến mức độ nào Chúa Ki-tô đã tự nhân hóa, đến mức độ nào đã không e ngại sự ràng buộc của tình yêu, một tình yêu không chỉ thể hiện trong lòng từ bi phổ quát, mà trong cả tính cá biệt của từng người - câu trả lời cho đau khổ do tình yêu đưa đến không phải là sự "không bám giữ", mà là hứa hẹn của một tuyệt đối được hiểu dưới hình thức một đời sống vĩnh cửu. Chính vì vậy mà Chúa Ki-tô, như một người bình thường, đã cảm động và rơi lệ - điều mà một thức giả Phật tử không thể làm và không nên làm. Nhưng dĩ nhiên mọi người sẽ hết khóc khi Lazare được sống lại: cái chết không phải là tuyệt đối vì tình thương có thể chiến thắng sự chết và làm cho sự sống thành vĩnh cửu.

Đạo Phật: Một đời sống tâm linh phù hợp với thế giới thế tục

Ta hiểu tại sao, với lối nhìn này, đạo Ki-tô, trong một thế giới thế tục, gặp hai khó khăn mà đạo Phật không vướng mắc.

Trước hết, ngay trong nội dung của những điều đấng Ki-tô mời ta tin theo, có chỗ phi lý, mà, dù muốn hay không, phải dùng đến biện luận dựa trên quyền uy. Thực vậy, ta có thể xoay quanh đủ chiều câu chuyện Lazare, ý nghĩa chính vẫn đích thực là hứa hẹn một sự sống lại. Đối với chúng ta, vì không được chứng kiến phép lạ, chấp nhận lời dạy của đấng Ki-tô đòi hỏi phải có đức tin, một sự tin tưởng nói trắng ra là mù quáng, thời nay chỉ còn những bài kinh thánh mới đòi hỏi con người phải tin theo như vậy. Nhưng loại tin tưởng này, không những chống đối lại khoa học hiện đại, mà nhất là chống lại cốt lõi của chủ thuyết dân chủ, mà đặc tính, ít ra từ thời Descartes, là chủ trương "tự chủ tư duy". Nguyên tắc của ý niệm thần khải tự nó là nguyên tắc phản hiện đại.

Thứ đến, về nội dung lời hứa hẹn, phải chăng nó quá đẹp để cho người đời nay có thể tin cậy? Người ta nghi ngại đạo Ki-tô, không phải vì nghĩ là nó đi ngược lại quyền lợi của con người, như thời Nietsche hay Marx, nhưng, trái lại, chính vì nó đáp ứng quá đúng với những gì ta tha thiết mong muốn nên nó trở thành khó tin, và là nguyên nhân đưa đến ngờ vực. Thật vậy, ai mà chả muốn, sau khi chết gặp lại những người mình thương mến, nhưng làm sao mà không nghĩ rằng một lời hứa hẹn như vậy đã được con người bịa đặt ra để đáp ứng nhu cầu bức thiết đó?

Đạo Phật tồn tại vững vàng trong thế giới thế tục. Vì, trái hẳn với thông điệp của Nhà Thờ Ca-tô giáo, giáo lý nhà Phật có thể được trình bày dưới dạng hoàn toàn phù hợp với ý hệ đang ngự trị trong những năm cuối thế kỷ này, đó là đạo đức lấy sự

trung thực làm nền tảng hay quyền "là chính mình" trong mọi hoàn cảnh. Nó trái ngược hoàn toàn với những biện luận dựa trên quyền uy mà cuối cùng đức tin Ki-tô Giáo luôn luôn phải dựa vào. Thay vì dài dòng, một thí dụ đủ làm sáng tỏ điều này, thí dụ tôi cố tình mượn từ những giáo lý có tính "công khai" nhất mà Đạt Lai Lạt Ma đã truyền đạt cho những người trung gian phương Tây. Một trong những người này, Jean-Claude Carrière, trong một tuần san lớn, đã khen ngợi rằng Phật không đòi hỏi ai phải chấp chặt bất cứ một giáo điều nào cả, cả khi đụng tới một trong những cột trụ truyền thống nhất, được tin cậy nhất (đó là thuyết tái sinh!), Jean-Claude Carrière thổ lộ như sau: *"Đây là trả lời của Đạt Lai Lạt Ma: "Đối với chúng tôi, người phương Đông, sự tái sinh là một thực tế hiển nhiên. Nhưng nếu khoa học chứng minh rằng điều này sai, không có căn cứ gì cả, thì ta phải bỏ thuyết đó đi!". Một lần nữa, thay vì đưa ra một câu trả lời dựa trên thần khải, đạo Phật để ngỏ câu hỏi, chờ đợi câu trả lời. Vấn đề Thiên Chúa có hay không cũng vậy. Ta không chối bỏ cũng như không quyết đoán về sự hiện hữu đó. Ta có thể chấp nhận sự hiện hữu đó nếu sự việc này giúp ta tiến lên trên con đường tìm sự thật nơi chính ta, giúp ta tự chọn đường mà đi."* (L'Express, 25 mai 1993). Đạt-Lai Lạt Ma rõ ràng là hình ảnh phản diện của Giáo Hoàng, một vị Giáo Hoàng không những luôn luôn áp đặt một chân lý thần khải, và hơn thế nữa, còn đoan quyết rằng nó "huy hoàng" hơn, cao đẹp hơn tự do ý thức của mọi người.

Có lẽ ta cũng có thể dễ dàng chứng minh rằng câu trả lời của Đạt Lai Lạt Ma không thuyết phục được ai: phần vì, ta khó hiểu (nếu không nói hết hiểu) tư tưởng đạo Phật còn lại chút mạch lạc nào nếu loại bỏ ý tưởng về nhiều kiếp sống (còn lại gì về những khái niệm nghiệp, luân hồi v.v...?"(3); mặt khác, cũng thật khó hiểu làm sao một tư tưởng mà mục tiêu trước hết là diệt những ảo vọng về cái ta, lại có thể xác lập chân lý tuyệt đối nằm trong mỗi người, và coi sự truy cứu cá nhân là cỗ xe duy nhất chuyên chở chân lý (4).

Dù sao cũng không quan trọng lắm, vì cơ bản thì, trong thời thoái trào của đạo Ki-tô, đạo Phật mang đến cho phương Tây một con đường mới rất phong phú và đáng chú ý. Một tôn giáo vừa có lợi điểm là không bắt tin Thiên Chúa, chẳng bắt tin ác quỷ, lại khuyến khích mỗi người chiêm nghiệm về ý nghĩa của đời mình. Ta cũng có thể, như Francois Revel(5), dù không tán đồng siêu hình học của đạo Phật, vẫn nhìn nhận rằng về mặt đạo đức luân lý, thông điệp của đạo Phật cần được chiêm nghiệm thay vì bị bóp méo. Điều này chỉ có thể mang lại lợi ích cho cuộc đối thoại giữa Đông và Tây.

Chú thích

(1) Trích báo "Le Point", Số 1280 ngày 29-3-1997 (Pháp)

(2) 1996

(3) Lời bàn của người dịch:

a- Hầu hết mọi người Phật tử đều tin vào thuyết nghiệp báo, luân hồi, tái sinh, nhiều kiếp sống... nhưng thật ra những thuyết này không phải là cốt lõi của đạo Phật. Những khái niệm này đã có từ trước khi Phật ra đời; Phật đã diễn dịch chúng một cách khác, dưới ánh sáng của *3 đạo lý vô thường, vô ngã, nhân duyên sinh và 4 thánh đế*; chỉ khi nào loại bỏ 3 đạo lý này cùng 4 thánh đế đạo Phật mới thực sự "hết mạch lạc".

b- Theo đạo Phật, một kiếp sống không phải chỉ bắt đầu từ lúc thành bào thai trong bụng mẹ, và chấm dứt khi được đưa vào áo quan. Về sự ngắn ngủi của cuộc đời Bouddhaghosa (Phật Âm) đã viết trong bộ Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo VIII) "Trong tuyệt đối, đời sống một hữu tình rất ngắn ngủi, chỉ bằng khoảnh khắc một niệm. Như bánh xe, lúc lăn, chỉ đè trên một điểm của vành xe, và lúc ngừng, cũng chỉ đè trên một điểm, đời sống một hữu tình cũng chỉ lâu bằng một niệm: ngay khi niệm này dứt, hữu tình cũng ngừng sống". Như vậy, từ lúc là bào thai cho tới lúc trút hơi thở cuối cùng, một hữu tình đã trải qua hằng hà sa số kiếp sống, sanh tử nghiệp báo luân hồi vô số kể...

(4) Lời bàn của người dịch:

Vấn đề đặt ra ở đây là "ai luân hồi? ai đi tìm giải thoát? ai giải thoát?". *Đạo lý vô ngã* là câu trả lời.

Câu hỏi của tác giả cũng gợi cho ta một ý nghĩ khác: Đối với người Phật tử Á Đông, câu "Phật tại tâm" là hiển nhiên; nhưng đối với người phương Tây mới bước chân vào đạo Phật thì tất cả cần được xét lại.

Có lẽ ta nên tránh thái độ nghĩ rằng "đã quá hiển nhiên" để trở lại thái độ "Cần thắc mắc" như người phương Tây. Lối "thắc mắc" của ta sẽ khác lối của người phương Tây vì căn cơ khác nhau, nhưng chắc chắn sẽ rất bổ ích cho ta trên con đường tu học. Hơn nữa, chính Phật cũng đã dậy ta nên thắc mắc, qua kinh Kâlâma (Tăng Chi Bộ Kinh, tập I):*"Này các ngươi Kâlâma, đừng vội tin một điều gì vì nghe kể lại, đừng vội tin vì theo phong tục, đừng vội tin vì nghe đồn lại, đừng vội tin vì là kinh điển nội giáo, đừng vội tin vì hợp với luân lý, đừng vội tin vì hình thức bề ngoài, đừng vội tin vì thích suy luận, đừng vội tin vì thấy có khả năng thích ứng, đừng vội tin vì do bậc tôn sư của mình nói ra..."*

(5) "Le Moine et le philosophe", Jean-Francois Revel và Mathieu Ricard, NXB Nil, 1997

Phụ Lục do người dịch thêm vào chuyện Lazarô sống lại, trích từ "Tin Mừng Theo Thánh Yoan" (Thánh Kinh Tân Ước do linh mục Nguyễn Thế Tuấn dịch - Dòng Chúa Cứu Thế -Saigon 1976)

Lazarô sống lại

... Martha nói với Đức Yêsu: "Thưa Ngài, nếu Ngài đã có đây em tôi đã không chết. Nhưng ngay

lúc này, tôi vẫn biết là bất cứ điều gì Ngài xin với Thiên Chúa, Thiên Chúa sẽ ban cho Ngài". Đức Yêsu bảo bà ấy: "Em ngươi sẽ sống lại". Martha đáp: "Tôi biết: nó sẽ sống lại thời sống lại ngày sau hết". Đức Yêsu nói với Martha:

"Phục sinh và sự sống, chính là Ta!
Ai tin vào Ta thì dẫu chết cũng sẽ sống;
và mọi kẻ sống cùng tin vào Ta
sẽ không phải chết bao giờ.
Người có tin thế không?"

Bà ấy nói: "Vâng, thưa Ngài, tôi tin Ngài là Đức Kitô Con Thiên Chúa, Đấng phải đến trong thế gian".

Nói thế rồi, bà đi gọi Maria, em bà, và rỉ thầm: "Thầy có mặt và gọi em".[...]

Maria vừa đến nơi với Đức Yêsu và thấy Ngài, liền sấp mình dưới chân Ngài, mà rằng: "Thưa Ngài, nếu Ngài đã có đây, em tôi đã không chết". Khi Đức Yêsu thấy bà ấy khóc than, và những người Do Thái đến với bà cũng khóc than, thì Ngài lấy làm bực dọc tâm thần, và xao suyến cả mình. Ngài nói: "Các ngươi đặt ông ấy ở đâu?" họ đáp: "Thưa Ngài, hãy đến mà xem". Đức Yêsu đã khóc. Người Do Thái mới nói: "Xem kìa! Ngài thương mến ông ấy dường nào!" Có kẻ trong họ nói: "Ông ấy đã mở mắt người mù, lại không thể làm cho người này khỏi chết sao?" Đức Yêsu lại thêm bực dọc trong mình mà đi đến mồ. Mồ đó là một cái hang, có đá lấp trên. Đức Yêsu bảo: "Cất đá đi!" Martha, chị người chết nói với Ngài: "Thưa ngài, nặng mùi rồi! vì đã được bốn ngày!" Đức Yêsu bảo bà ấy: "Ta đã chẳng nói với ngươi rồi sao? là: Nếu ngươi tin, ngươi sẽ thấy vinh quang của Thiên Chúa!" Vậy người ta cất đá đi. Đức Yêsu ngước mắt lên và nói:

"Lạy Chúa, Con tạ ơn Cha, vì Cha đã nhậm lời Con!"

Con biết Cha hằng nhậm lời Con:

Nhưng vì dân chúng đứng xung quanh mà Con đã nói, ngõ hầu chúng tin rằng Cha đã sai Con!" Nói thế rồi, Ngài kêu lớn tiếng: "Lazarô!

Hãy ra ngoài!" Người chết bước ra, chân tay còn bị giải liệm bó lại, còn mặt thì bọc trong tấm thượng khâm. Đức Yêsu bảo họ: "Hãy cởi ra cho ông ấy đi!"

* Thiếu truyền thống, nghệ thuật sẽ như một bầy cừu không người chăn. Thiếu đổi mới, nó sẽ là một cái xác chết.
— Winston Churchill

* Nghệ thuật là cuộc hôn nhân giữa ý thức và vô thức.
— Jean Cocteau

Truyện ngắn khánh trường

CÓ YÊU EM KHÔNG?

Bìa tác giả
Bản tiếng Việt tái bản lần thứ nhất
Giá 16MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK

Liên lạc:
Nhà xuất bản TÂN THƯ
P.O.Box 277
Garden Grove, CA 92843. USA
Tel: (714)537-5229

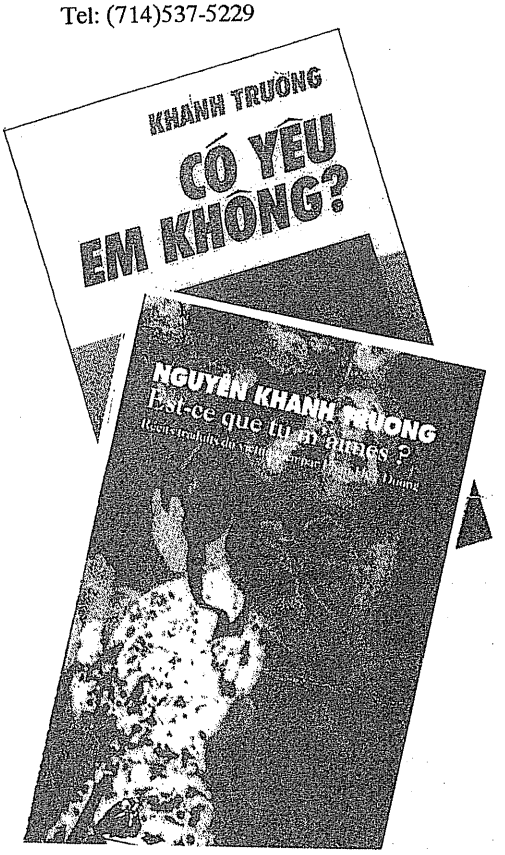

EST-CE QUE TU M'AIMES?

Chuyển sang Pháp ngữ:
PHAN HUY ĐƯỜNG

Bìa Trần Văn Cẩn
Giá 125F.

Liên lạc:
Éditions Philippe Picquier
Mas de Vert, 13200, Arles,
France

NGÀY NAY KHỔNG GIÁO CÒN GIÁ TRỊ KHÔNG?

TÔN THẤT THIỆN

Những bài đối chiếu xã hội Khổng giáo và chế độ dân chủ là "đề tài lý thú" (Thế Kỷ 21, số 96, tháng 4, 1997. "Thư tòa soạn"). Tôi rất hoan nghênh và đồng ý với quan điểm đó. Nhưng tôi đề nghị nới rộng quan niệm này, và cứu xét lại Khổng giáo và xem nó còn giá trị trong đời sống hằng ngày của chúng ta hiện nay không, nhứt là trong giai đoạn xã hội đang bị "hightech" chi phối nặng.

Hôm nay, tôi có hai đóng góp:

1/ Khi chúng ta nói đến các tác giả Mỹ (De Bary, Patricia B. Ebrey, Fukuyama) nói gì, nghĩ gì về Khổng giáo và giá trị hiện tại của nó, thì cũng nên nhắc đến quan niệm rất "mô đẹc", hay "xuýp-pec-mô-đẹc", của cụ Phan Bội Châu về triết lý này. Quan niệm đó được trình bày trong quyển *Khổng Học Đăng* của Cụ (xuất hiện năm 1957, được nhà sách Khai Trí xuất bản năm 1973 ở Sài Gòn, và nhà xuất bản Xuân Thu, Houston, Texas, in lại năm ?...)

Đây là của quý, quý nhất và duy nhất, mà tôi đem theo trong cái bị hướng đạo tôi đeo lưng khi "chạy" cộng sản năm 1975. Đây cũng là quyển sách mà tôi dùng thường xuyên để tự nhắc mình rằng Khổng giáo, nếu hiểu theo quan niệm của một nhà Nho học chính cống, khoa bảng, như Cụ Phan, vẫn còn giá trị, và có thể nói có giá trị hơn tất cả các triết lý hay ý thức hệ Tây phương, kể cả chủ thuyết Mác-Lê, hay đúng hơn, hay hơn chủ thuyết Mác-Lê nhiều.

2/ Trong tinh thần trên tôi có đưa ra vài cảm nghĩ về liên hệ giữa Khổng giáo và hướng đạo cho báo Liên Lạc (Tiếng nói của Hướng đạo trưởng niên) số Xuân, tháng 3, 1997. Bài đó nói về chuyện tôi trèo núi Fan Si Pan vào dịp tết 1945. Tôi xin gởi các anh đoạn nói về Khổng giáo và Hướng đạo. Trong bài này tôi dùng một lối văn hơi đặc biệt vì phần đông độc giả của Liên lạc là hướng đạo gốc Huế. Nhưng tôi để ý cho nó có "màu mè" đó.

Để giúp độc giả dễ hiểu, xin nói rằng đoạn này giải thích thêm những điểm trong bài nói về quan niệm "scout d'un jour, scout de toujours" (đã là hướng đạo thì không khi nào được quên rằng mình là hướng đạo, nghĩa là không một giây phút nào được quên ba lời hứa của hướng đạo: trung thành với Tổ Quốc, giúp ích mọi người, tuân theo luật hướng đạo - có 10 điều, mà điều thứ nhứt là: người hướng đạo là người trọng danh dự, không nói láo- một quan niệm căn bản của hướng đạo (hồi đó, cách đây 50 năm, người có học hay dùng tiếng Pháp diễn tả tư tưởng của mình). Nguyên văn đoạn đó như sau:

Một ý niệm triết lý về "hướng đạo"

Nói đến "tính", đến "Đạo", đến "mạng", làm tui nghĩ đến câu trong Trung Dung: "Thiên mệnh chi vị tính, xuất tính chi vị Đạo, tu Đạo chi vị giáo", và có thêm một quan niệm triết lý về hướng đạo.

Chỉ căn cứ trên quyển *Scouting For Boys* của B.P., người hướng đạo thường được quan niệm như là một người dò đường và dẫn đường. Nhưng ở lứa tuổi tui, nay ngoài 70, và theo Nho học, thì thất thập "tùy tâm nhi sở dục", nghĩa là phải làm theo "tâm" của mình (hiểu theo nghĩa rộng là "nội tâm" — cả tâm lẫn trí — và kinh nghiệm mấy chục năm "đi xì cút") thay vì căn cứ trên những gì sách vở và người ta nói, thì tui thấy danh từ "hướng đạo" còn có một nghĩa khác, có thể nói là ở cấp thượng sách, thượng đạo, thượng trí. Đó là "hướng đạo" cũng phải hiểu thêm là "hướng về Đạo", tìm một con đường cho chính mình — hướng thượng —, thay vì chỉ dẫn đường cho người khác.

"Đạo" đây tui không hiểu theo nghĩa tôn giáo, mà là đạo đức, đạo lý, đặt cho cuộc sống, hành vi và tác phong mình những mục tiêu cao cả, một lý tưởng cao thượng, luôn luôn thận trọng, như người quân tử của Khổng Tử, "bất tu du ly" Đạo — con đường hướng thượng của mình —, và vì vậy phải luôn luôn "giới thận hồ kỳ sở bất đổ, khủng cụ hồ

kỳ sở bất văn" (vẫn phải thận trọng cư xử đàng hoàng dù là không thấy ai đang nhìn, đang nghe mình). Tuy không phải là tôn giáo, văn chương hay nghệ thuật, chân trời của nó vẫn là Chân, Thiện, Mỹ.

Nhìn vấn đề như vậy, nghĩa là nhìn sâu vào những gì mà tui đã được học của cha mẹ, của thầy, của các trưởng. "hướng đạo" có một ý nghĩa rộng lớn, thâm thúy, phong phú và quý báu hơn nhiều. Như vậy là *hướng* Đạo — hướng về Đạo —, là thụ giáo, là theo đúng mệnh, phát được cái tính của mình, là theo được cái lý thiên nhiên. Đây là giải thích, mà tui cho là rất cao siêu và rất hữu lý, của Cụ Phan Bội Châu (trong *Khổng Học Đăng)* về câu: "Thiên mệnh chi vị tính, xuất tính chi vị Đạo, tu Đạo chi vị giáo."

Đây có thể là một đề tài để suy niệm đêm giao thừa, ông bà về ăn tết với gia đình mình, và sau đó giải thích cho các người trẻ: "hướng đạo" là gì..., và làm sao ta có thể móc ghép nó vào triết lý, và đạo đức Á Đông của chúng ta một cách gọn gàng, mỹ mãn, để bác bỏ quan niệm cho rằng "hướng đạo là gián điệp của Anh quốc".

Nhờ anh Thoại, có dịp nhìn lại mấy chục năm "đi xì cút", tui mới thấy rõ ràng sự liên hệ giữa việc tui trèo núi Phan Si Pan vào dịp Tết cách đây 50 năm, tính tình tui, số mạng tui, giáo dục tui được thâu nhận, và quan niệm triết lý về hướng đạo của tui ngày nay: người hướng đạo vừa là một người dẫn đường, vừa là một người tìm Đạo. Thiệt là đúng với giáo huấn của Đại Học về "thân dân": "Đại học chi đại đạo giả, tại minh minh đức, tại *thân dân*, tại chỉ ư chí thiện... tự Thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản"! ("Thiên tử" đây nên hiểu là huynh trưởng, "thứ dân" đây là hướng đạo sinh). Câu này tương đương với câu trong Kinh Thánh: "Charité bien ordonnée commence par soi même/Charity begins at home" (Muốn giúp người, trước hết phải lo sao cho bản thân mình đàng hoàng trước).

Vậy ta có thể kết luận rằng: Không có Đông, không có Tây, chỉ có hữu Đạo hoặc vô Đạo! Người lý tưởng — người hùng — là người "hữu Đạo". Kipling còn sống chắc phải OK tư tưởng này vì người hùng này là "strong man" trong bài thơ East-West của ông ta (There is neither East nor West... When two strong men come face to face, though they come from the end of the Earth"!).

Đối với hướng đạo, lý tưởng là tự trau dồi làm sao để trở thành người hùng, hiểu theo nghĩa "hữu Đạo". Được vậy là đạt "Phan Si Pan" (cao đỉnh).

Viết nhân dịp Tết Đinh Sửu
9/4/97

CHIA BUỒN

Được tin thân mẫu nhà văn DỊ SỸ
Phạm Nguyên Lương và nghệ sĩ
BÍCH TY Đào Thị Thanh Lộc là

Cụ Bà PHẠM VĂN NHÃ
nhũ danh NGUYỄN THỊ NGỌT
pháp danh DIỆU ĐƯỜNG

đã mệnh chung ngày 23 tháng Năm 1997 nhằm ngày 17 tháng Tư năm Đinh sửu tại Huntington Beach, California thọ 76 tuổi.
Trước nỗi đau buồn này, chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng nhà văn DỊ SỸ và nghệ sĩ BÍCH TY cùng tang quyến.
Nguyện cầu hương linh Cụ Bà Diệu Đường sớm tiêu diêu lạc quốc.

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ
Tạp Chí Thế Kỷ 21
Đài Phát Thanh VNCR

RE/MAX
EXECUTIVES
9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129
HOÀNG TỔNG
(Tony Hoàng)
Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406

* Tốt nghiệp đại học chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives
* Mọi dịch vụ địa ốc thuộc hành phố San Diego và vùng phụ cận,
xin Quí vị liên lạc Hoàng Tổng (Tony Hoàng)

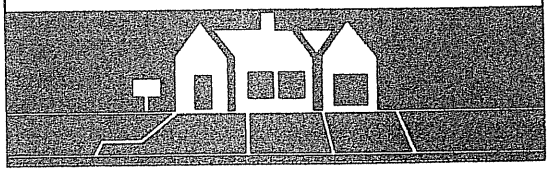

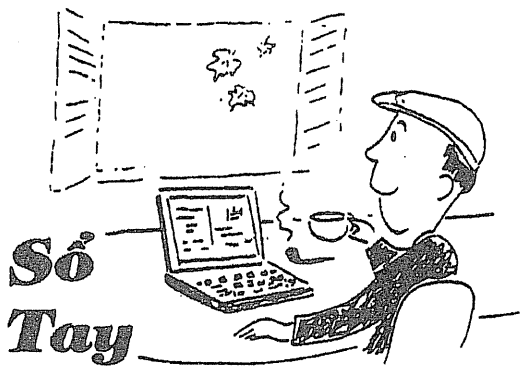

Big Minh tái xuất hiện

Cựu Tổng Thống Dương Văn Minh đã xác nhận sẽ trở về Việt Nam trong một cuộc phỏng vấn vào tháng Ba 1997 và công bố trước ngày 30 tháng Tư năm nay. Ông Dương Văn Minh đã chọn nói chuyện với tờ báo của Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, một tổ chức mà trước đây ông Trần Văn Bá đã từng làm chủ tịch. Ông Bá đã bị xử tử hình khi trở về Việt Nam vận động chống chế độ cộng sản. với lập trường và thành tích chống cộng sản rất rõ rệt, đó cũng

Ông Dương Văn Minh cho biết hiện giờ ông không liên lạc gì với chính quyền cộng sản ở trong nước. Ông đã gián tiếp phủ nhận tin đồn rằng ba năm trước ông đã gặp một luật sư, bà Nguyễn Phước Đại khi bà này từ Sài Gòn qua Pháp với một thông điệp của phía cộng sản. Có tin nói rằng ông đã từ chối không tiếp bà Đại khi bà yêu cầu.

Ông Dương Văn Minh xác nhận ông không trở về để "theo" cộng sản, nhưng để "nói chuyện" với họ. Tuy nhiên ông nói "Nếu họ không cho tôi về thì lại là chuyện khác." Câu trả lời này cho thấy ông không xác nhận việc đảng Cộng Sản có đồng ý cho ông bước chân xuống mặt đất Việt Nam hay không. Tuy nhiên, khi ông Dương Văn Minh nói "Cái ngày về thì nó gần đây thôi..." thì có thể hiểu rằng việc ông sẽ trở về đã được hứa hẹn, nếu không do các liên lạc trực tiếp thì cũng gián tiếp.

Ông Dương Văn Minh, xác nhận ông thấy "không có chỗ nào để hợp tác được" với cộng sản, và "chủ nghĩa cộng sản, tôi đã phản đối từ khi tôi biết khôn". Ông Dương Văn Minh nói việc trở về của ông hoàn toàn có tính cách tư. Nhưng tạp chí Nhân Bản đã đặt câu hỏi, "..Đại tướng Dương Văn Minh không có quyền xếp mình vào người dân thường... dù sao (ông) cũng là một cựu Tổng thống và là một cựu chỉ huy (của) Quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Về như vậy sẽ mang lại một nỗi nhục cho giới (người Việt Nam) chống cộng."

Ông Dương Văn Minh đã đóng vai trò Quốc trưởng và Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, hai lần, trong thời gian giữa 1963 đến 1975. Chắc hẳn ông Dương Văn Minh không ngây thơ như câu trả lời của ông. Nghĩa là chắc chính ông Dương Văn Minh cũng có ý thức về vai trò của mình, nếu không ông đã không tuyên bố thêm rằng ý định ông trở về là để "xây dựng' những gì mà người dân trong nước còn thiếu.

Ông Dương Văn Minh nói nhiều lần đến nhu cầu tự do dân chủ của dân ta. Nguyên văn một câu ông nói là "...tôi vẫn còn trách nhiệm...bây giờ tôi làm được cái gì để giúp cho dân có thêm được tự do dân chủ thì làm." Đặc biệt, ông Dương Văn Minh nhắc đến tham vọng của ông là "tạo được sự đóng góp của tuổi trẻ ở ngoại quốc ... phối hợp của tuổi trẻ ở trong và ở ngoài để xây dựng đất nước," nhưng "trước nhất là anh em ở ngoài phải có những điều kiện để xây dựng đất nước." Chúng ta có thể đoán điều kiện mà ông nghĩ đến là "dân chủ, tự do," như ông đã nói sau đó.

Một câu hỏi mà tạp chí *Nhân Bản* đặt ra là liệu cựu tổng thống Dương Văn Minh có tin ông sẽ có khả năng nói lên những gì người dân thường không nói được, để thực hiện những điều ao ước trên hay không. Ông Dương Văn Minh trả lời rằng "Tôi dám nói!" Ở Việt Nam hiện nay cũng có nhiều người dám nói. Đó là Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Thích Quảng Độ, Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang, Bùi Minh Quốc, v.v. Và chúng ta tự hỏi liệu ông Dương Văn Minh có thể làm gì hơn các nhà trí thức đó?

Vì vậy nhiều người bình luận rằng việc ông Dương Văn Minh trở về có thể báo trước một thời kỳ "thư dãn" trong nội tình chính trị ở Việt Nam.

Trong bài phỏng vấn đăng trên tờ Nhân Bản, ông Minh cũng tiết lộ năm 1975 trước khi ông nhận chức tổng thống trong ba ngày, ông không hề biết sẽ thua trận đảng hoàng, vì còn tin quân đội Việt Nam Cộng Hòa vẫn đủ mạnh. Ông luôn luôn nhấn mạnh đến trách nhiệm của ông đối với quân đội. Khi được hỏi tại sao không tiếp tục dùng Miền Tây làm căn cứ chiến đấu tiếp, ông Minh cho biết không còn súng đạn nữa. Đây cũng là lần đầu tiên ông xác nhận không hề dùng hai chữ "đầu hàng" mà chỉ trao quyền cho phía cộng sản. Ông cho biết không hề nói trao quyền cho cựu Đại TÁ Bùi Tín, bây giờ cũng ở Paris, mà đã trao cho Trần Văn Trà, một ngày sau ngày 30 tháng Tư 1975.

Bài phỏng vấn Dương Văn Minh, sau khi đăng trên nhật báo *Người Việt* tại California đã gây các dư luận rất xôn xao, nhưng sau đó mọi người cũng quên nhanh. Sau 22 năm im lặng, việc tái xuất

giang hồ của một vị cựu quốc trưởng không gây được phản ứng đáng kể nào. Nếu nay mai ông Dương Văn Minh có trở về sống ở Việt Nam người ta lại càng dễ quên ông mau hơn, nếu ông chỉ lo săn sóc hoa lan. Nhật báo *Người Việt* đã đề nghị ông không nên về sống ở Dinh Hoa Lan, ngôi nhà đó là một tài sản công, nếu ông về đó tức là nhận một ân huệ của chính quyền hiện tại, hay chia sẻ với các cán bộ đảng việc sử dụng công sản quốc gia. Bài Bình luận của nhật báo này cũng nhắc đến tấm gương Nguyễn Đình Chiểu hơn 100 năm trước. Khi Cụ Đồ Chiểu muốn làm lễ truy điệu các chiến sĩ cần vương tử tiết, viên chủ tỉnh Bến Tre người Pháp đã đề nghị giúp đỡ việc thiết lập bàn thờ. Nhưng Cụ Đồ Chiểu đã từ chối bằng cách tổ chức lễ truy điệu một ngày trước đó, với hương đèn và nước lạnh trên một bàn thờ đơn sơ, trước khi người Pháp có cơ hội đến giúp. Trong tuổi già và bị mù lòa, Nguyễn Đình Chiểu cũng khước từ một khoản tiền hưu trí mà chính phủ Pháp muốn trao tặng giống như lệ cấp dưỡng các nhà văn ở Pháp thời đó.

Đường dây ma túy dài đến đâu?

Phiên tòa xử đường dây ma túy của Đại úy Công an Vũ xuân Trường kết thúc, tuyên xử giống như đề nghị của Công tố viện, tức Viện Kiểm sát: tám án tử hình, tám án chung thân, và sáu án tù khác. Nhà báo ngoại quốc không được phép dự, và các phiên tòa cũng không được truyền thanh ra ngoài cho công chúng nghe, tất cả tin tức đều dựa trên các tờ báo do đảng Cộng Sản Việt Nam kiểm soát

Đảng Cộng Sản chứng tỏ làm chủ tình hình một cách vững chắc. Trước khi tòa khai mạc, Vũ Xuân Trường dọa sẽ tố cáo thêm các viên chức cao cấp hơn nữa, nếu vợ và em ruột anh ta không được miễn án tử hình. Theo luật lệ ở Việt Nam bây giờ buôn bán một ký ma túy đủ lãnh án tử hình. Nhưng bản án đã cho Vũ Thường Kiệt, em ruột của Trường tù chung thân dù anh ta bị truy tố về 21 ký hê rô in. Trong số các người bị tử hình có Nguyễn Thị Hoa, biệt hiệu Hoa hậu Điện Biên, dù chị này chỉ liên can đến gần 17 ký thuốc phiện, chất ma túy nhẹ hơn hê rô in. Vợ của Trường, Nguyễn Thị Lụa chỉ bị án 20 năm trong khi nhân tình của viên đại úy này bị truy tố tội nhẹ hơn thì lãnh án chung thân. Người dân thấy Đảng Cộng Sản đã phải chịu giá thỏa thuận với viên đại úy đang hy sinh cho đường dây ma túy mà ai cũng biết là còn lớn hơn nhiều.

Đường dây này còn lớn đến đâu và vai trò của Vũ Xuân Trường là thế nào, câu hỏi đó chắc còn lâu mới biết. Hai sĩ quan cao nhất trong số bị can là Thượng tá Vũ Bản và Thiếu tá Vũ Hữu Chỉnh,

Vũ Phong Mã

Nguyễn Trọng Thắng

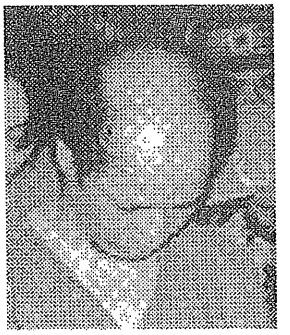

Vũ Xuân Trường

nhưng Thiếu tướng Lê Thế Tiệm, Ủy viên Trung ương và thứ trưởng Nội Vụ thì không hề được mời ra làm chứng dù nhiều bị can đã khai đến ông ta. Trong một bài phỏng vấn ông Bùi Thiện Ngộ, cựu Bộ trưởng Nội vụ, ở Sài Gòn, người ta biết thêm rằng ngày 23 tháng 12 năm 1991 Trường làm đơn xin đổi từ Lai châu về Hà Nội thì một ngày sau anh ta đã có giấy thuyên chuyển về Đội Cảnh sát Đặc nhiệm. Năm 1996 anh ta bị đề nghị đổi đi vì lý do thiếu khả năng và sức khỏe kém, nhưng ngay sau đó anh ta được đưa qua làm ở Phòng 5 chuyên về chống ma túy!

Vụ điều tra và truy tố tổ chức ma túy của đại úy Vũ Xuân Trường chỉ mới hé mở một khúc trong đường dây buôn ma túy ở Việt Nam. Ngay trong phiên tòa này, qua các lời tường thuật đã được đảng kiểm duyệt, cũng thấy hé mở ra những chặng đường chưa được tiết lộ.

Bào chữa cho bị can Nguyễn Trọng Thắng, luật sư nói Thắng tham dự vào tổ chức buôn ma túy vì "tin rằng Trường là một cán bộ công an." Ông nhấn mạnh "đây không phải là vụ án ma túy lớn nhất, vì đường dây buôn lậu chưa được mang điều tra và truy tố hết!" Một điều đặc biệt là đường chuyển ma túy từ Lào qua Lai Châu và Thanh Hóa để vào Việt Nam, nhưng chỉ có mấy sĩ quan biên phòng ở cửa Tây Trang, Lai Châu bị đem ra tòa và kết tội tử hình, không một nhân viên Hải Quan nào bị điều tra! Tổng số ma túy "vượt biên" vào và đi qua Việt Nam được ước lượng từ 500 đến 1000 ký.

Thiếu tá Vũ Hữu Chỉnh, đội điều tra tội phạm kinh tế, và Đỗ Tuấn Anh trong đội điều tra hình sự

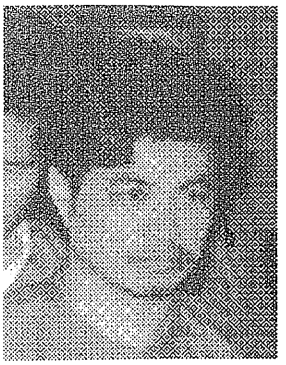

Xiêng Khăm Chăn

Nguyễn Thị Hoa

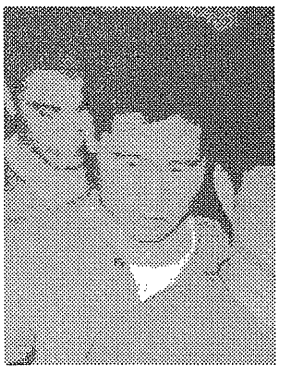

Đào Xuân Xe

bị truy tố về tội cho mở niêm phong chiếc xe hơi tang vậy bị bắt, trao cho Vũ Xuân Trường mang về nhà tháo bình xăng hai đáy để lấy 47 bánh hê rô in dấu trong đó.

Ngay tại tòa, Vũ Hữu Chỉnh đã thú nhận đã đi uống rượu với Vũ Xuân Trường ngay tối hôm sau, và được Trường cho biết đã lấy hê rô in trong xe. Chỉnh đã không làm gì cả, ngày hôm sau còn đi uống rượu với Trường lần thứ hai. Nhưng Vũ Xuân Trường cho biết việc đánh tháo chiếc xe tang vật đã được báo cáo cho Thứ trưởng Lê Thế Tiệm.

Tất cả đường dây này chắc sẽ còn nằm trong bí mật nếu năm ngoái một tử tội vì ma túy khác, Xiêng Phênh ra đến pháp trường không xin hoãn giờ hành hình để khai báo thêm. Chuyện đó xảy ra trước nặt bao nhiêu người chứng kiến, khiến cho công an Hà Nội phải công khai điều tra đường dây và bắt Vũ Xuân Trường. Trong vụ bắt Xiêng Phênh năm trước, một tòng phạm là Xiêng Nhông được thả cho về Lào một cách khó hiểu.

Trong những lời nói sau cùng trước tòa, Vũ Xuân Trường đã nói thẳng là Vũ Hữu Chỉnh và Đỗ Tuấn Anh trước đây "đã đòi tôi từng đồng một! Chính họ đã đẩy tôi vào tội ác!"

Chắc cũng có một cuộc mặc cả giữa Vũ Hữu Chỉnh, Đỗ Tuấn Anh với cấp trên. Hai người đó thoát tội tử hình, do đó họ cũng ngậm miệng không nói gì về các cấp chỉ huy cao hơn nữa. Trong việc đi bắt các can phạm trong đường dây ma túy, một chi tiết đáng lưu ý được báo chí trong nước thuật lại là Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam trực tiếp điều khiển vụ này. Một quyết định như đi bắt mấy sĩ quan biên phòng ở Lai Châu nên đi đường bộ hay đi trực thăng cũng chờ quyết định của Bộ Chính trị. Điều đó chứng tỏ vụ buôn lậu ma túy này lớn hơn con số 22 người đã ra tòa, và còn nhiều cấp chỉ huy thuộc Công an và Bộ Nội vụ dính vào. Việc tham dự trực tiếp của Bộ Chính trị không phải là để cho những ý kiến như đi xe hơi hay bay trực thăng, mà là tìm cách ngăn chặn đừng để cho đường dây bị vỡ lớn hơn mức an toàn.

Thời Pháp thuộc, thuốc phiện do chính quyền thực dân độc quyền thu mua và bán công khai. Trong thời kháng chiến, chính quyền Việt Minh tiếp thu các đường dây thuốc phiện ở miền Bắc. Như ông Vũ Thư Hiên tiết lộ trong cuốn hồi ký mới xuất bản, từ năm 1947 đảng Cộng Sản Việt Nam đã tổ chức buôn thuốc phiện để kinh tài. Đó là Công ty Bắc Thắng do Nguyễn Lương Bằng phụ trách. Nguyễn Lương Bằng sau làm đến chủ tịch quốc hội và phó chủ tịch nhà nước.

Chúng ta chỉ có thể biết rõ về đường dây ma túy này sau khi chế độ cộng sản cáo chung, giống như các tội ác của mật vụ Đông Đức hay Rumani chỉ được khui ra sau khi các chế độ cộng sản ở đó sụp đổ.

Mậu dịch Mỹ - Hoa, bên nào thâm thủng?

Đầu tháng Sáu này, Tổng thống Mỹ phả đề nghị Quốc hội gia hạn qui chế Tối Huệ Quốc cho Trung Quốc, và từ Ngoại trưởng Tiền Kỳ Sâm đến ông Martin Lee, lãnh tụ dân chủ ở Hồng Kông, cho đến Thống đốc Hồng Kông sắp về nước, cả ba đều thúc dục Mỹ hãy gia hạn, như mọi năm.

Ở Washington, sau khi Tổng thống Clinton và Chủ tịch Hạ Viện Newt Gingrich gặp Ngoại trưởng Trung Quốc Tiền Kỳ Sâm, hai ông phản ứng khác nhau. Ông Clinton thì tỏ ra hài lòng về những hứa hẹn của Trung Quốc sẽ tôn trọng nhân quyền ở Hồng Kông, sau ngày 1 tháng Bảy này. Còn ông Chủ Tịch Hạ viện thì không, ông dọa sẽ chỉ gia hạn qui chế tối huệ quốc cho Bắc Kinh từ ba đến sáu tháng, để chờ coi sau khi Hồng Kông thuộc quyền Trung Quốc, họ có tôn trọng quyền tự do của người dân không. Cả hai nhà lãnh đạo Mỹ không ai nhắc đến cán cân mậu dịch giữa hai nước, mà Mỹ bị thâm thủng 39 tỷ rưỡi.

Bộ Thương mại Hoa Kỳ công bố năm 1996 số hàng từ Mỹ xuất cảng sang Trung Hoa trị giá gần 12 tỷ Mỹ kim. Cũng trong năm qua, số hàng Mỹ mua của Trung Quốc tăng 13% lên 51 tỷ rưỡi Mỹ kim. Ngược lại, đối với bốn con rồng Á Đông, Mỹ lại đang thặng dư về mậu dịch. Các nước đó mua hàng của Mỹ nhiều hơn Hoa lục mua: Đài Loan (18,4 tỷ), Singapore (16,6 tỷ), Nam Hàn (26,5 tỷ), và Hồng Kông (13,9 tỷ.) Có phải bốn con rồng

nhỏ thua Hoa lục về chuyện bán hàng cho Mỹ hay chăng?

Sự thật là những món hàng của Trung Quốc bán sang Mỹ không mang lại cho Hoa Lục nhiều đô la như khi ta thoạt nhìn vào các con số. Muốn biết tại sao, chúng ta cần hiểu một ý niệm kinh tế gọi là "Giá trị tăng gia" - Value added. Nhân dịp nước ta mới ban hành một thứ thuế cũ đã thử thời Việt Nam Cộng Hòa, là Thuế Trị Giá Gia Tăng (Value Added Tax), cũng nên tìm hiểu ý niệm này.

Ví dụ có một cục đất đáng giá một xu, có người đem nặn thành hình con chó, được trả công 10 xu. Công tác của người này tăng trị giá "cục đất" 10 xu. Mười xu là giá trị của hoạt động kinh tế gọi là "nặn tượng" này. Một người thứ hai vẽ sơn mầu lên làm ra một con chó xinh đẹp, bán lại với giá 25 xu. Giá trị kinh tế của việc tô điểm là 14 xu. Sau đó có người mua về đem bán, cuối cùng cho đến người tiêu thụ. Mỗi hoạt động kinh tế trên đều có một giá trị tăng thêm vào pho tượng con chó cho đến khi bán cho người tiêu thụ. Có những hoạt động làm giá trị tăng nhiều, có cái tăng ít. Việc khâu giày thì tăng ít, việc chế ra cái chíp điện tử tăng giá trị nhiều hơn.

Nay thử coi một món hàng mà Trung Quốc bán sang Mỹ, thí dụ đôi giày. Bộ Thương mại ở Bắc Kinh đã tính ra rằng một đôi giày thể thao hiệu NIKE, ADIDAS hay REEBOCK bán ra ở Mỹ giá 50 Mỹ kim thì chỉ có 7 đô rưỡi là phần giá trị tăng gia thực hiện ở Trung Quốc mà thôi. Đó là tiền công thợ và chi phí tổng quát của xí nghiệp ở Trung Quốc. Trong đó cũng có cả tiền thuế đóng cho chính phủ. Ngoài ra, trong giá chiếc giày bán ra, các phần "giá trị tăng gia" khác như nguyên liệu, máy móc, chuyên chở, tiền lời của nhà sản xuất ngoại quốc, tiền lãi trả ngân hàng, và tiền lời của các nhà bán sỉ bán lẻ, hầu hết các giá trị tăng gia đó làm ở nước khác. Khi quí vị mua đôi giày giá 50 đô, đề Made in China, thì chỉ có hơn 7 đô thật sự trả về Hoa lục.

Hãng giày Châu Giang dùng 40 ngàn công nhân, là xí nghiệp làm giày lớn nhất thế giới. Chủ nhân thực của xí nghiệp này là Hoa kiều hải ngoại, ban giám đốc người Đài Loan, tiền vốn vay của một công ty tài chánh Mỹ (Goldman & Sach). Còn các hãng đặt làm giày để quảng cáo rồi bán là ba công ty với các nhãn hiệu nổi tiếng nêu tên ở trên. Việc quảng cáo, tạo ra một hình ảnh ăn khách, tăng giá trị thương mại của sản phẩm rất nhiều trước mắt người tiêu thụ.

Giày là loại rẻ tiền. Có thứ đắt hơn là các máy móc điện tử. Ráp một cái máy Sony ở Hoa lục cần vỏ plastic mang từ ngoài vô, các chip điện tử, các bộ phận tinh vi, tất cả đều làm ra từ xứ khác. Phần giá trị tăng thêm ở Trung Quốc, như sức lao động, cũng là phần nhỏ nhất. Trung bình một bộ máy ráp ở Trung Quốc thì chỉ có 20% giá trị thực hiện ở đó. Ngược lại, khi Mỹ bán một máy bay Boeing thì gần 100% giá trị tăng gia do người Mỹ thực hiện, kể cả việc đi huấn luyện phi công, kỹ sư và công nhân bảo trì ở Trung Quốc.

Ba phần tư các hàng xuất cảng của Trung Quốc là do các công ty ngoại quốc làm, và tỷ lệ đó còn đang tăng, theo thống kê của chính phủ Bắc Kinh. Gần nửa số hàng Trung Quốc xuất khẩu được chế tạo ở các nhà máy mà chủ nhân là ngoại quốc. Năm 1985 có 1% hàng xuất khẩu do công ty chủ nhân ngoại quốc làm ra, năm 1994 tăng lên tới 27%, nay là 44%. Ngoài ra, các xí nghiệp Trung Quốc ký hợp đồng sản xuất cho các hãng ngoại quốc. Phần "giá trị tăng gia" do nền kinh tế Trung Quốc đóng góp vào các món hàng xuất cảng rất thấp, cốt yếu là công thợ.

Khi hiểu ý niệm Giá trị tăng gia thì chúng ta cũng hiểu tại sao người Mỹ không làm ồn ào về cán cân mậu dịch thâm thủng đối với Trung Quốc. Nếu tính trung bình chỉ có 20% của 51 tỷ hàng hóa xuất cảng sang Mỹ, tức hơn 10 tỷ đô là thật sự trả về cho Trung Quốc, thì nước này đang thâm thủng mậu dịch đối với Mỹ! Trung Quốc nhập cảng gần 12 tỷ, gần như tất cả số tiền đó chạy sang Mỹ. Họ xuất cảng 51 tỷ thì chỉ hơn 10 tỷ chạy về Trung Quốc, số còn lại đi qua các nơi tạo nên các khoản giá trị tăng gia khác, như Đài Loan, Hồng Kông, Nhật, các hãng quảng cáo và các nhà ngân hàng ở New York!

Trong khi đó dân Mỹ kêu rêu về chuyện thâm thủng mậu dịch đối với Nhật. Vì một cái xe hơi Nhật bán sang Mỹ mang về cho nước Nhật gần 100%: các giá trị tăng gia đều thực hiện ở Nhật. Hàng Nhật bán sang Mỹ bị các xí nghiệp Mỹ than vì "cướp mất công việc của dân Mỹ," thì điều đó có thật. Còn hàng Trung Quốc bán sang Mỹ chắc không làm mất việc của người Mỹ nào cả, vì đó là các việc dân Mỹ không mấy ai chịu làm với số lương rẻ mạt!

Ông Clinton sẽ phải xin Quốc Hội Mỹ gia hạn

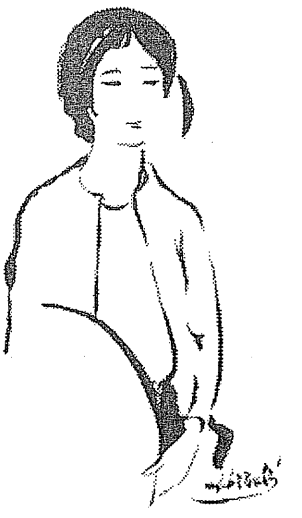

qui chế Tối huệ quốc. Từ vài tháng nay nhiều dư luận chống đối, ai cũng chỉ nêu vấn đề nhân quyền ở Trung Quốc và ở Hồng Kông, hoặc chỉ trích chính sách ngoại giao của họ, không ai than về cán cân mậu dịch. Điều đó chứng tỏ những người tạo ra dư luận và quyết định chính sách ở xứ Mỹ có kiến thức kinh tế cả.

Dân Congo sắp được ăn Tết?

Người Việt Nam biết đến xứ Congo từ đầu thập niên 1960, khi xứ này xảy ra những cuộc nội chiến kéo dài, và từ cái tên một xứ xa xôi, lạ hoắc đó chúng ta đã đặt ra thành ngữ "Tết Congo." Xứ Congo đó sau này ông Mubutu đổi tên là Zaire cũng như ông đã dùng lại một tên Phi châu của chính ông, Sese Seko trong cơn sốt "folie de grandeur". Nay, ông Mobutu bỏ chạy, ông Laurent Kabila sẽ đổi tên lại là Congo Dân chủ Cộng hòa. Một cái tên như vậy, chắc sẽ còn bị đổ nữa!

Ông Mobutu đã chịu rời bỏ quyền hành, sau hơn 30 năm bóc lột xương máu dân chúng Cộng Hòa Zaire (đọc là Dai). Dòng sông dài mang tên Congo chảy qua cả hai xứ thuộc Bỉ và thuộc Pháp (nay gọi là Cộng hòa Congo. Nhưng liệu sau khi lật đổ Mobutu rồi người dân Congo đang sung sướng như được "ăn Tết," có một tương lai sáng sủa hơn chăng? Cứ theo lối nói của người Việt chúng ta thì còn lâu Tết Congo mới tới! Người thay thế ông Mobutu, trên danh nghĩa sẽ là ông Kabila, chủ tịch của Liên minh các Lực lượng Dân chủ Giải phóng Congo-Zaire. Ông Kabila là một tín đồ Mác xít cũ, được các chính phủ Uganda và Rwanda giúp đưa lên nhanh chóng trong vài năm vì cả xứ Zaire ai cũng muốn lật đổ Mobutu. Đến phút chót nhà độc tài còn cho giết viên tướng Bộ trưởng Quốc phòng của mình vì xúi ông ta bỏ cuộc. Nhưng ông Kabila có một nhược điểm, giống như ông Nguyễn Hữu Thọ hồi xưa, là chính ông ta không làm chủ đám quân nào đủ mạnh, quyền hành của ông có thể bị mất bất cứ lúc nào. Thảm họa của người dân Congo là các đạo quân thuộc Liên minh Dân chủ cũng là một tập hợp hỗn độn, chia rẽ về chủng tộc, địa phương, với nhiều đám quân ngoại quốc đánh thuê! Ngoài quân Angola, Uganda, Rwanda tham dự vào cuộc nội chiến, ông Kabila còn thuê cả các phi công Mỹ và Âu châu! Không biết ông Kabila sẽ làm cách nào cai trị xứ Zaire, hay xứ sở đầy tài nguyên này, lần nữa, lại sắp rơi vào vòng nội chiến miên man!

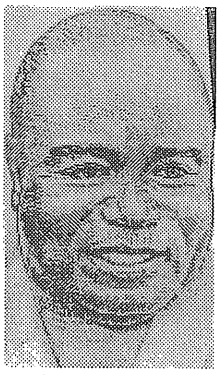

Kabila

Mobutu

Trước hết, trong nội bộ Liên minh Dân chủ có hai phe không thể thỏa thuận với nhau, là các lãnh tụ lưu vong và các thủ lãnh ở lại chiến đấu trong nước. Những người lưu vong không tin các người trong nước, và ngược lại họ bị bên kia ghét vì có thái độ kẻ cả, trịch thượng.

Trong hàng ngũ của Liên minh Dân chủ, đối thủ chính của Kabila là Tshisekedi, người đối lập với Mobutu từ nhiều năm qua. Nhưng ông ta bị Kabila kết tội là cộng tác với nhà độc tài mới đổ này, chỉ vì ông ta tranh đấu bất bạo động. Dân nghèo ở thủ đô và dân các vùng mỏ kim cương bị các công ty quốc doanh và tham nhũng bóc lột vẫn coi Tshisekedi là anh hùng của họ.

Mối chia rẽ thứ hai là địa phương. Những vùng giầu tài nguyên mỏ lúc nào cũng muốn lập một quốc gia riêng. Năm 1960 khi Congo tuyên bố độc lập, tỉnh Katanga giầu mỏ kim cương đã được các nhà tư bản Bỉ xúi dục đòi ly khai, gây ra cuộc nội chiến ba năm. Miền đông tỉnh Kasai giầu mỏ kim cương bây giờ cũng nuôi ý định ly khai, đòi độc lập. Những du kích quân cánh tả ở Katanga nổi dậy trong thập niên 1970 sau đó chạy qua Angola, đánh thuê cho chính phủ cộng sản xứ này, và bây giờ họ hoặc con cái họ cũng có mặt trong đạo quân chiến thắng. Nhưng người Katanga thì không thể chịu được người gốc thiểu số Tutsi. Trong tháng tư, hai cánh quân đó, tuy cùng chống Mobutu, đã giao chiến ở thị xã Goma. Người Tutsi chỉ có một triệu trong 43 triệu dân Zaire, nhưng lại rất có ảnh hưởng trong bộ tham mưu của Kabila, do ảnh hưởng ngoại quốc.

Các sắc dân khác ở Zaire rất nghi ngờ người Tutsi, giống dân đa số ở các nước láng giềng Uganda và Rwanda. Năm ngoái chúng ta đã đọc tin dân gốc Tutsi bị tàn sát đến 500 ngàn người dưới bàn tay của chính quyền Rwanda gốc Hutu thiểu số. Ở Zaire, Mobutu cũng là kẻ thù của dân Tutsi, cho nên hai chính phủ Uganda và Rwanda đều gửi các toán quân Tutsi của họ sang gia nhập liên minh của Kabilai. Ở miền đông Zaire đó là các đạo quân mạnh nhất.

Chia rẽ sắc tộc vì thế tạo thêm ảnh hưởng cho quân ngoại quốc. Ở miền Nam Zaire thì các đám quân ngoại quốc giúp ông Kabila xuất phát từ Angola, vì 20 năm nay Mobutu vẫn hỗ trợ phe đối

lập mang tên UNITA ở xứ thiên tả này. Ông Mobutu cho các lãnh tụ thiên hữu của UNITA dùng xứ ông làm nơi trú quân, và mở chợ bán kim cương. Vì thế Angola đã gửi quân sang giúp Kabila. Cả ba nước láng giềng có quân chiến đấu giúp phe cách mạng không biết bao giờ sẽ rút quân về, và họ sẽ đòi trả giá như thế nào mới rút về, không ai biết.

Đó là di sản của Mobutu, người đã vơ vét ba tỷ mỹ kim tài sản chuyển hết ra ngoại quốc, trong khi Zaire đang nợ các ngân hàng thế giới 8, 9 tỷ. Mobutu đã dùng chính sách can thiệp vào nền kinh tế, quốc hữu hóa các xí nghiệp, tăng các thứ thuế, gây nên trì trệ sản xuất. Từ 1967 đến 1982 lợi tức tính trên đầu người ở Zaire đã giảm, và từ 1991 đến nay tỷ lệ tăng trưởng kinh tế là số âm. Các nước chung quanh như Ghana, Kenya, Bostwana, và ngay cả Uganda còn có mức tăng trưởng kinh tế cao hơn.

Với tình trạng chia rẽ nội bộ, xung khắc chủng tộc, kinh tế lụn bại, và quân ngoại quốc đánh thuê khắp nơi đó, tương lai dân Zaire ngày mai sẽ không sáng sủa. Phải nói, không biết bao giờ họ mới được ăn tết!

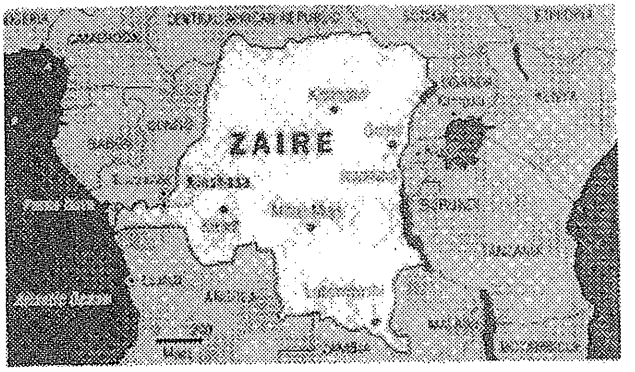

Xa lộ không đường

Dự án xây "Xa lộ Bắc Nam" đang được chính quyền ở Việt Nam cổ động ráo riết, gần đây mới biết là phải chờ 15 năm nữa mới thấy. Lúc đầu, ông Võ Văn Kiệt gọi đó là "Đường Trường Sơn công nghiệp hóa" cho nó đậm mùi tình cảm, nhưng mấy tuần nay báo chí trong nước đã đổi tông, dùng một cái tên trung lập hơn. Ngay cả cái ủy ban lãnh đạo cao nhất cũng chỉ đặt tên là "Ủy ban chỉ đạo nhà nước về công trình xa lộ Bắc-Nam." Nghe thì tưởng đây là một dự án kinh tế, nhưng thực chất sẽ nhắm vào chính trị. Nhà nước cần kiểm tra và kiểm soát các người ở tuổi hoạt động để đoàn ngũ hóa, đặt dưới sự đôn đốc của quân đội.

Ai cũng đồng ý nước Việt Nam cần có thêm xa lộ. Quốc lộ số một chạy theo duyên hải cần phải được làm thêm cho rộng hơn, vững chắc hơn vì đó là con đường vận tải cần thiết để phát triển kinh tế. Nhu cầu tu bổ Quốc lộ số Một là ưu tiên hàng đầu, vì con đường này chạy qua những vùng đông dân cư, khác hẳn vùng Trường Sơn thượng dân cư thưa thớt. Ưu tiên thứ nhì là những xa lộ đưa nông sản, lâm sản, hàng hóa giữa các vùng đông dân, nhất là nối các vùng đông dân với các hải cảng. Trong loại này có các trục giao thông giữa Hà Nội với Hải Phòng mà mười năm đổi mới vẫn chưa giúp cho rộng hơn, vững chắc hơn. Rồi tới các quốc lộ nối Sài Gòn với miền Tây Nam Việt, và các quốc lộ nằm ngang ở miền Trung nối miền cao nguyên Trường Sơn với vùng ven biển. Đồng thời với đường bộ, việc tu bổ và mở mang thêm đường sắt, tu bổ các hải cảng miền Trung để cho tầu chạy ven biển dùng sẽ có lợi và ít tốn kém hơn nhiều. Tiền bạc và công sức con người phải đầu tư vào các dự án ưu tiên đó.

Nước ta sẽ cần một xa lộ nối các tỉnh cao nguyên Trung Phần theo hướng Bắc Nam, nhưng chương trình này có thể chờ đến khi các tỉnh đó đã phát triển cao. Nhu cầu giao thương của vùng cao nguyên hiện nay, cho đến hàng chục năm tới, có thể giải quyết nhờ việc tu bổ, mở rộng các con đường đã có sẵn chạy từ cao nguyên ra biển. Vì giải đất miền Trung hẹp, và việc trao đổi hàng hoá với miền Nam và miền Bắc còn quan trọng hơn giữa các tỉnh cao nguyên với nhau, cho nên việc xây xa lộ dọc cao nguyên Trường Sơn hiển nhiên là không thuộc loại ưu tiên.

Muốn làm một xa lộ Bắc Nam dọc theo miền cao nguyên, một con đương dài 1,800 cây số, cần phải nghiên cứu kỹ trước khi tuyên bố. Việc nghiên cứu cần xét đến nhiều yếu tố. Về kinh tế phải coi nhu cầu vận tải và giao thông cao hay thấp, nhu cầu đó có thể thỏa mãn bằng cách nào rẻ tiền nhất. Muốn biết những điều đó cần đo lường mức sản xuất của các tỉnh, số lượng người và hàng hóa sẽ lưu chuyển giữa các tỉnh, những con số thống kê này cần thời gian thu thập xong mới bắt đầu bàn đến đồ án kỹ thuật. Về kỹ thuật, phải coi làm con đường đi qua những nơi nào thì dễ dàng và ít tốn kém nhất. Hơn nữa, phải nghiên cứu đến ảnh hưởng của việc làm đường đối với đời sống con người và môi trường thiên nhiên.

Tháng Tư vừa rồi, Ủy ban chỉ đạo xa lộ Bắc Nam mới ra một thông cáo về buổi họp đầu tiên, mà báo chí trong nước đều loan tin. Đọc tin tức thì chúng ta phải ngạc nhiên, vì cả dự án xa lộ này hầu như chưa được nghiên cứu kỹ về kinh tế, kỹ thuật cũng như xã hội, sinh thái.

Bản thông báo trên cho biết trong buổi họp đó ông Võ Văn Kiệt mới "yêu cầu các bộ và các ngành liên hệ phối hợp thiết kế, lập kế hạoch làm một số đoạn đường ưu tiên cần làm trước." Rồi sau đó đầu năm 1998 mới "khởi công một số điểm được

chuẩn bị chu đáo" để từ đó rút ra các kết luận mà lập dự án cho toàn thể con đường xa lộ (họ thích dùng tiếng Hán gọi là "dự án toàn tuyến,") để trình lên các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để sẽ được triển khai vào các năm sau.

Sau khi đọc các chi tiết trong bản thông báo thì chúng ta hiểu rằng cả cái dự án vĩ đại làm ồn ào làng xóm đó cũng chỉ mới soạn được có một phần ba, tức là "không có gì."

Nhà nước cộng sản quen làm ăn theo lối ra lệnh, bao giờ cũng bắt đầu bằng một mệnh lệnh rất tổng quát nên cũng rất mơ hồ. Sau khi ra lệnh thì cho làm thử, ở đâu sai thì sửa, rồi rút kinh nghiệm, rồi trình lên các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, và "hoạch toán toàn tuyến" sau. Nhưng cái gì là cơ quan có thẩm quyền? Theo lối phân công đã được báo chí trong nước đăng tin thì những tổ chức có thẩm quyền nhất trong vụ này là Đoàn Thanh Niên Cộng Sản, Liên Hiệp Thanh Niên, và Quân đội. Đó là những tổ chức đầu não để huy động thanh niên xung phong và thanh niên thuộc lứa tuổi làm nghĩa vụ quân sự sẽ tham gia làm cái xa lộ này. Vai trò của các tổ chức đó cho thấy mục tiêu cả dự án này là kiểm soát và ràng buộc dân chúng chứ không phải là làm xa lộ!

Dù có thể bị báo *Nhân Dân* kết tội làm mất đoàn kết và gây nghi ngờ, chúng ta cũng phải lắc đầu nói rằng một dự án lớn như vậy mà làm ăn theo cung cách đó là còn rất cẩu thả.

■ *Người phụ nữ này nói đã bị ông dụ dỗ, bà ấy nói có bằng cớ hiển nhiên, ông nói sao?*

- Cô ấy điên!

-Đó là một bằng cớ hiển nhiên rồi, ngoài ra...

■ *Bà Quan gọi điện thoại cho năm người bạn của chồng, không ai có nhà, bà để lại cùng lời nhắn trong máy.*

"Anh Quan đi đâu hai giờ sáng chưa về, nếu có thấy ảnh xin gọi cho tui biết, tui lo quá!"

Bà Quan lái xe ra tới đầu đường thì gặp chồng đang đứng bên cái xe vừa đụng phải cột đèn. Sau khi cảnh sát tới lập biên bản, thử hơi thở không thấy mùi rượu, hai vợ chồng về nhà. Trong máy điện thoại có năm lời nhắn giống nhau:

"Chị Quan hả, ảnh đi nhậu với tui nè, trời đất, họp Nhóm xong làm vài chai bia cho đỡ căng thẳng!"

CHUYỆN CƯỜI DÀNH RIÊNG CHO CÁC BÀ ĐÃ CÓ CHỒNG

Trong số 7439 độc giả *Thế Kỷ 21* thuộc nam giới sẽ có 7438 ông tò mò độc hàng chữ này. Nếu bà hỏi ông xã, ông ấy sẽ chối, vì ông nhà là người duy nhất không đọc.

DAN RX PHARMACY

6255 University Ave., Ste. F, San Diego, CA 92115

Tel: (619) 287-2660 * Fax: (619) 287-5968

THUỐC MỚI NHẬP NGÀY ĐÁO HẠN CÒN XA
GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG
GẦN PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI
GIAO THUỐC TẬN NHÀ, MIỄN PHÍ

CMS

NHẬN: MEDI-CAL, MEDICARE CIGNA; DMERC & CÁC LOẠI BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU

CaliforniaCare: Blue Cross, CompCare
TelePAID: Blue Shield, PersCare, PCS
Medimpact: PHP-CHG, MedCare, Value-RX, PacifiCare, Cigna, Rx-Prime, CareMark, Aetna, Columbia-PS, PharmaCare, PCN, MetraHealth, MediMet, TheTravelers, Foundation Health, Champus, GEM, USC, MPS, GPP, DPS, CPM, Wellpoint Pro-Serv, Community-RX, APB America, Provantage, Rx-America, SHARP H. Plan, SinglePoint

WELCOME: COMMUNITY HEALTH GROUP MEMBERS

ĐẶC BIỆT: NHẬN CHƯƠNG TRÌNH CMS

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

DƯỢC SĨ NGUYỄN THẾ DANH kính mời

Nhìn lại Việt Nam sau 10 năm đổi mới: Những thành quả và vấn đề

LÊ MẠNH HÙNG

Năm 1986, nhằm cứu vãn một tình thế mà lúc đó có thể coi như là đang trong tình trạng nguy ngập hầu như có thể đưa chế độ đến sụp đổ, chính quyền Cộng Sản tại Hà Nội đưa ra chủ trương những chính sách gọi là *"đổi mới"* và *"cải tổ cơ cấu."* Đến nay, hơn mười năm đã qua, phải nói rằng Việt Nam đã có rất nhiều thay đổi. Một mặt chính quyền lúc này nay đã đủ mạnh để có thể tiếp tục tồn tại sau những biến cố đã làm sụp đổ toàn thể hệ thống Cộng Sản tại Liên Xô và Đông Âu và đưa ra trở lại những ước muốn xây dựng một chế độ "xã hội chủ nghĩa." Mặt khác những thay đổi chính trị và xã hội mà nhà nước Cộng Sản Việt Nam bắt buộc phải thực hiện trong tiến trình cải tổ kinh tế đã tạo ra những trung tâm quyền lực mới — dù bây giờ mới chỉ manh nha — trong xã hội nhưng cũng đủ để làm cho chế độ toàn trị thời xưa không thể nào trở lại được.

Sự mâu thuẫn giữa những ý đồ chỉ cải tổ làm sao vừa đủ để giữ cho chế độ qua khỏi những khó khăn nhất thời và sự xuất hiện của những lực lượng nội tại cũng như ngoại vi thúc đẩy phải tiếp tục đi xa hơn nữa đã dần dần tạo ra những nút chặn và những tắc nghẽn có nguy cơ làm sụp hẳn sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Nhiều căng thẳng đã bắt đầu xuất hiện. Việt Nam hiện đang đứng trước một ngã ba đường. Và mọi lựa chọn của giới lãnh đạo Hà Nội đều có thể đưa đến những hậu quả mà họ không muốn. Để tìm hiểu những lựa chọn mà Hà Nội có thể có được chúng ta hãy trở lại tiến trình đổi mới bắt đầu từ năm 1986.

I. Tiến trình cải tổ kinh tế tại Việt Nam trong 10 năm qua

1. Tổng quan về tiến trình cải tổ: Cơ cấu kinh tế Việt Nam đã thay đổi rất nhiều trong 10 năm vừa qua. Đại Hội Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN) Kỳ 6 vẫn thường được cho là khởi thủy của tiến trình *"đổi mới,"* khi ĐCSVN trong một tình hình khủng hoảng cao độ đã nhận thức được là cần phải quẳng chính sách kế hoạch hóa tập trung vào sọt rác và ôm lấy kinh tế thị trường cùng chấp nhận khu vực tư. Nhưng nhận định như vậy là quá đơn giản hóa vấn đề, không thấy rõ tính phức tạp của một tiến trình chính trị sôi động dưới một bề ngoài trầm lặng, nhất là không thấy rõ những áp lực từ dưới lên buộc các giới lãnh đạo ĐCSVN phải có những biện pháp đi ra ngoài những dự tính của họ. Chính sự kiện này đã giải thích tại sao những thay đổi được coi như là trọng yếu nhất của tiến trình cải tổ, cải tổ hệ thống nông nghiệp, cải tổ hệ thống giá cả và thả nổi tỉ giá chỉ được đưa ra hai ba năm sau đó — vào các năm 1988-89 — khi kinh tế Việt Nam đã suy sụp hơn nữa. Và điều này cũng giải thích được tại sao những diễn biến gần đây nhất tại Việt Nam như những lời tuyên bố và những chính sách nhấn mạnh đến việc kiểm soát và sở hữu của nhà nước đã xuất hiện trở lại. Đối với những người nước ngoài, điều này có vẻ là một điều lạ lùng khi bỗng nhiên nhà nước Việt Nam lại muốn đi ra khỏi con đường đã giúp họ đạt được những thành công rực rỡ. Nhưng thật ra những điều này chỉ phản ảnh một cách lô gích những thói quen và những quan ngại thường xuyên của giới lãnh đạo ĐCSVN mà thôi.

2. Cơ cấu cải tổ kinh tế tại Việt Nam:

Nói chung các chính sách cải tổ của chính quyền Hà Nội có thể được chia làm 5 khu vực chính.

a) Cải tổ thương nghiệp: Nông nghiệp tập thể (hợp tác xã nông nghiệp) đã hoàn toàn được giải thể. Hầu như toàn bộ ruộng đất nằm trong tay nông dân. Quyền sử dụng ruộng đất đã được nhà nước chính thức bảo đảm trong Hiến pháp 1992 và một bộ luật ruộng đất mới, đưa ra vào năm 1993 đã xác định quyền của nông dân đối với ruộng đất. Một thị trường ruộng đất đang được hình thành với nông dân có quyền mua bán các quyền sử dụng này một cách tự do.

b) Cải tổ giá cả: Hầu như toàn bộ giá các mặt hàng đã được tự do hóa từ các năm 1988-80. Trên phương diện này, các thị trường lao động, nguyên vật liệu v.v... tuy còn sơ khai nhưng có thể coi là

đã hình thành. Riêng thị trường tài chánh hãy còn nhiều vấn đề.

c) Cải tổ tiền tệ và lãi suất: Trong quá khứ, việc cho vay hoàn toàn từ ngân hàng nhà nước đưa xuống cho các xí nghiệp quốc doanh vay. Lãi suất thật sự toàn bộ đều không bù lại so với lạm phát. Kể từ năm 1989, lãi suất được nâng cao để có thật giá dương. Kể từ đó, ngoại trừ trong vài tháng đầu lãi suất vẫn giữa ở mức độ dương. Tuy nhiên, hiện đang có những áp lực muốn giảm lãi suất xuống khi mức độ lạm phát đã xuống dưới 10%. Về tỉ giá hối đoái kể từ năm 1989, tỉ giá đồng Việt Nam đã được thả nổi và theo sát nhu cầu của thị trường. Nói chung trong những năm qua, tỉ giá đồng Việt Nam đã ổn định so với đồng đô la Mỹ tuy rằng tỉ giá bắt đầu đi xuống kể từ đầu năm nay.

d) Cải tổ thuế vụ: Hệ thống thuế vụ đã được cải tổ trong nhiều phương diện, nhưng nói chung chưa có một cải tổ quan trọng nào về cơ cấu thuế. Kỳ họp Quốc Hội tháng Tư năm nay đã thông qua một đạo luật về thuế trị giá gia tăng (TVA) dự trù sẽ bắt đầu có hiệu lực vào đầu năm 1998, thế nhưng xét đến các cơ cấu cần thiết để có thể thu được thuế này một cách hữu hiệu như hệ thống kế toàn, kiểm toán (auditing) v.v... việc thiết lập thuế này có triển vọng không gia tăng nguồn thu của ngân sách được bao nhiêu. Vào những năm đầu của thập niên 90, Hà Nội đã phải đối phó với một cuộc khủng hoảng trầm trọng trong ngân sách, tuy nhiên trong vòng mấy năm vừa qua, tỉ lệ huy động ngân sách so với tổng sản lượng quốc nội (GDP) đã đạt được xấp xỉ 25% vào năm 1995. Nhưng các khoản thu lớn nhất vẫn còn nằm trong ba lãnh vực: thuế quan, thuế tiêu thụ đặc biệt và đóng góp của các xí nghiệp quốc doanh (trên 50% nếu tính cả đóng góp từ dầu thô). Để đạt được thành quả này, chính quyền đã phải làm một số biện pháp trong đó có cả việc sa thải gần 2 triệu nhân viên trong đó có khoảng 500,000 binh sĩ giải ngũ và đóng cửa gần 6,000 trong số 12,000 xí nghiệp quốc doanh tuy rằng hầu hết những xí nghiệp quốc doanh bị đóng cửa này là những xí nghiệp địa phương có tầm cỡ nhỏ.

e) Cải tổ hệ thống pháp luật: Trong quá khứ, chính quyền cai trị bằng các chỉ thị của Ban bí thư Đảng và bằng các sắc lệnh của chính phủ. Việc chuyển sang một cơ cấu kinh tế thị trường và mở cửa cho nước ngoài đầu tư khiến phương pháp cai trị này không thể nào tiếp tục được. Và việc cải tổ luật pháp trở nên một vấn đề quan trọng và cấp bách. Hậu quả là một loạt các đạo luật đã được đưa ra trong mấy năm qua. Hiến pháp năm 1992 cũng được cải tổ để phản ảnh hiện thực mới. Đảng tuy vẫn còn lãnh đạo chính phủ và xã hội, nhưng trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật. Vấn đề hiện nay là tuy có luật lệ nhưng khả năng thi hành luật vẫn còn chưa có đủ. Có lẽ điều quan trọng nhất giới hạn sự thành công của việc cải tổ pháp luật tại Việt Nam là tự bản chất của chế độ độc tài độc đảng với tầm quan trọng được đặt trên vấn đề kiểm soát và an ninh thay vì quyền tự do cá nhân và công lý. Những thiên kiến như vậy đã được đặt ngay từ trong lòng tiến trình làm luật và thi hành luật. Chính vì vậy, theo một luật sư tại Sài Gòn, bộ luật đầu tiên nhà nước Hà Nội thảo ra trong thời kỳ đổi mới là bộ luật hình sự. Các quyền của cá nhân chỉ được đứng hàng thứ hai nếu có.

Tổ tiên tôi là những người đầu tiên đến định cư ở Mỹ, họ đi trên tầu Mayflower.

-May nhé. Họ mà đến trễ như chúng tôi thì sẽ phải đợi ba năm ở trại tị nạn, có khi còn bị trả về nước!

Thưa bác, cháu cảm ơn bác đã cho quà ...

- Thôi mà, món quà có giá trị gì đâu?

-Cháu cũng nghĩ thế, nhưng mẹ cháu cứ bảo cháu phải cám ơn bác.

II. Các thành quả của công cuộc đổi mới kinh tế

Những tiến bộ đạt được trong 10 năm qua kể từ khi chính sách cải tổ kinh tế được đưa ra của nền kinh tế Việt Nam quả là đáng chú ý. Tốc độ phát triển kinh tế trung bình từ năm 1990 cho đến 1996 đạt trên 8%. Con số này có thể còn cao hơn vì thống kê tại Việt Nam đã không ước tính được đủ những đóng góp của khu vực tư nhân. Tiết kiệm và đầu tư nội địa đều gia tăng tính cả theo số lượng tuyệt đối cũng như theo tỉ lệ GDP. Đầu tư nước ngoài tăng vọt và cả xuất khẩu lẫn nhập khẩu đều gia tăng mạnh mẽ. Ngoài việc tăng trưởng kinh tế, cải tổ này cũng mang lại ổn định về giá cả. Lạm phát từ gần 700% năm 1988 nay xuống dưới 19% năm 1996.

Cải tổ cũng giúp Việt Nam hội nhập vào trong cộng đồng kinh tế thế giới, qua đó chính quyền Hà Nội nay có thể hưởng được những khoản tín dụng nhẹ lãi thuộc Quỹ Yểm Trợ Cải Tổ Cơ Cấu (Enhanced Structural Adjustment Facility gọi tắt là ESAF) của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) cũng như là tín dụng Cải Tổ Cơ Cấu (Structural Adjustment Credit) của Ngân Hàng Thế Giới (IBRD). Việc hội nhập này đã giúp Việt Nam hưởng được nhiều ưu đãi trong việc thu nhận viện trợ. Kể từ năm 1994 tới nay, số lượng viện trợ cung ứng cho Việt Nam trung bình xấp xỉ 2 tỉ đô la Mỹ mỗi năm.

Tuy nhiên con số tổng thể đó che giấu một số khác biệt quan trọng trong các thành quả đạt được giữa các ngành và các khu vực của nền kinh tế Việt Nam.

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng hằng năm

Năm	1990	1991	1992	1993	1994	1995
Tăng trưởng GDP (%)	4,7	6,3	8,6	8,1	8,8	9,5
Nông Nghiệp	1,6	2,2	7,1	3,8	3,9	4,7
Công Nghiệp và Xây Dựng	2,9	9,0	14,0	13,1	14,0	14,0
Dịch Vụ	10,8	8,3	7,0	9,2	10,2	12,6

Tài liệu: Cục thống kê Việt Nam và IBRD

Như bảng 1 trên cho thấy, tốc độ tăng trưởng phần lớn là nhờ vào các lãnh vực công nghiệp xây dựng và dịch vụ. Nông nghiệp tụt lại đằng sau rất xa. Hơn thế, tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp khó có thể gia tăng mạnh hơn được và có triển vọng còn đi xuống trong những năm tới. Thứ nhất là số lượng đất trống trọt hoang hóa tại Việt Nam không có bao nhiêu và những công trình thủy lợi nhằm gia tăng sản xuất, tăng vụ cho những cây trồng sẽ ngày càng tốn kém. Với tốc độ tăng trưởng chậm hơn so với các khu vực khác, tỉ lệ của nông nghiệp trong GDP Việt Nam đã giảm sút hơn 10% trong mấy năm qua. Khuynh hướng này chắc chắn là sẽ còn tiếp tục và như vậy thì những gì sẽ xảy ra trong tương lai? Hiện nay trên 70% dân chúng Việt Nam hãy còn sống nhờ nông nghiệp, và tốc độ phát triển chậm của khu vực này sẽ làm gia tăng thêm nữa những khác biệt giữa các vùng tại Việt Nam. Trên phương diện địa lý, các khu vực có tốc độ phát triển mau nhất, khu vực chung quanh Hà Nội và khu vực chung quanh Sài Gòn có tốc độ phát triển gần gấp đôi tốc độ phát triển trung bình của đất nước. Những vùng này sẽ vượt lên, và tình trạng nghèo đói, khiếm dụng và chậm tiến sẽ là những vấn đề quan trọng của hầu hết những vùng quê còn lại. Cải tổ nông nghiệp đã làm tan rã khu vực tập thể đồng thời cũng làm cho tình trạng phân hóa giàu nghèo tại nông thôn ngày một thêm trầm trọng. Số nông dân nghèo không có ruộng đất bị đẩy từ nông thôn ra thành thị ngày một nhiều và đội quân quan trọng có thể gây ra những vấn đề xã hội trầm trọng. Tốc độ phát triển mau chóng của khu vực nông nghiệp có nghĩa là tỉ trọng của khu vực này đã gia tăng từ khoảng 22,5% trong năm 1990 lên đến 29,1% vào năm 1995. Công nghiệp hóa là mục tiêu chính trong chiến lược phát triển của Việt Nam, nhưng trái với quá trình phát triển tại các nước khác ở Á Châu, và ngay cả tại Trung Quốc nữa, khu vực này đã bị chi phối bởi các xí nghiệp quốc doanh trong suốt giai đoạn đổi mới từ đầu thập niên 1990 và tốc độ phát triển của quốc doanh đã mau hơn là khu vực ngoài quốc doanh như bảng 2 dưới đây cho thấy:

Việc đặt trọng tâm vào vai trò của quốc doanh

Bảng 2: Cơ cấu Tổng Sản Lượng Quốc Nội (GDP) tính theo ngành (theo giá 1989):

Năm	1990	1991	1992	1993	1994	1995
GDP	100	100	100	100	100	100
Quốc Doanh	*32,5*	*33,2*	*34,3*	*35,4*	*36,7*	
Ngoài QD	*67,9*	*66,8*	*65,7*	*64,6*	*63,3*	
Nông Nghiệp	40,8	39,2	38,6	37,1	35,4	29,0
Quốc Doanh	*2,6*	*2,6*	*2,5*	*2,5*	*2,5*	*2,6*
Ngoài QD	*97,4*	*97,4*	*97,5*	*97,5*	*97,4*	
Công Nghiệp	22,5	23,1	24,2	25,4	26,6	29,1
Quốc Doanh	*64,7*	*65,5*	*68,1*	*69,0*	*69,3*	
Ngoài QD	*35,3*	*34,5*	*31,9*	*31,0*	*30,7*	
Dịch Vụ	37,0	37,7	37,1	37,5	38,0	41,9
Quốc Doanh	*45,5*	*45,2*	*45,4*	*45,2*	*45,7*	
Ngoài QD	*54,5*	*54,8*	*54,6*	*54,8*	*54,3*	

Tài liệu: Thống kê Việt Nam và IMF

đã khiến chính quyền Việt Nam lựa chọn chính sách thay thế nhập khẩu và tận dụng tư bản (capital intensive) trong tiến trình công nghiệp hóa. Khu vực dịch vụ không được lưu ý nhiều và vì vậy đã là nơi tập trung những năng lực của tư nhân. Trong những năm đầu của đổi mới, hầu hết những hoạt động của khu vực này đã được mở rộng hơn. Và mặc dầu không được nhà nước ưu đãi như khu vực quốc doanh, lãnh vực tư đã là nguồn động lực chính cho việc phát triển kinh tế và nhất là trong việc tạo ra công ăn việc làm trong những năm qua. Chỉ

riêng tính từ năm 1980 đến năm 1993, khu vực ngoài quốc doanh đã tạo ra trên 5,4 triệu công việc mới, trong khi khu vực quốc doanh, kể cả khu vực hành chánh sự nghiệp nhưng không kể các lực lượng vũ trang, đã sa thải trên 1,1 triệu công nhân viên chức. Đây là một đóng góp rất lớn nếu ta tính đến tổng số các công việc do đầu tư nước ngoài tạo ra chỉ mới vào khoảng 100,000 công việc. Theo bộ Kế Hoạch và Đầu Tư tại Hà Nội hiện đang có khoảng chừng 25,000 công ty ngoài quốc doanh hoặc cổ phần hoặc trách nhiệm hữu hạn hầu hết có tầm mức nhỏ sử dụng ít hơn là 100 công nhân và khoảng hai triệu gia đình làm ăn cá thể như cửa hàng, hiệu ăn, xưởng máy nhỏ v.v...

Chính sách ưu đãi cho xí nghiệp quốc doanh đã khiến cho khu vực ngoài quốc doanh không phát triển mạnh hơn và mở lớn hơn ra được. Những chuyện xảy ra lúc gần đây đối với một số những xí nghiệp ngoài quốc doanh lớn như Minh Phụng, Huy Hoàng cũng đã tạo ra những ngần ngại trong giới doanh nhân trong nước. Trong tương lai khi kinh tế Việt Nam trở nên phát triển hơn, việc mở rộng các hoạt động của khu vực tư nhân ra ngoài những hoạt động sản xuất và dịch vụ nhỏ trở thành một điều cần thiết. Nếu không thì đây sẽ là một trở ngại lớn cho việc theo kịp các nước lân bang của Việt Nam.

Chính quyền Hà Nội đã đặt nặng việc thu hút đầu tư nước ngoài. Đầu tư nước ngoài được coi như là một động cơ quan trọng để thúc đẩy việc công nghiệp hóa. Năm 1987, Việt Nam đưa ra luật đầu tư nước ngoài đầu tiên. Kể từ đó liên tục chính quyền đã hệ thống hóa các chính sách và luật lệ nhằm sử dụng tư bản nước ngoài như là một nguồn tài nguyên chính về vốn và kỹ thuật. Cho đến nay, theo số liệu chính thức của Việt Nam, một số lượng đầu tư nước ngoài lên đến gần 30 tỉ đô la đã được cam kết bỏ vào Việt Nam (tuy rằng số đầu tư thực hiện chưa đến 1/3 và cần phải lưu ý là trong số đầu tư này, nhà nước tính cả phần hùn của phía đối tác Việt Nam mà thông thường chỉ là góp quyền (sử dụng đất). Do chính sách ưu đãi quốc doanh, cho đến nay khoảng 97% tổng số các dự án đầu tư được cho phép đều là liên doanh giữa một công ty nước ngoài và một đơn vị quốc doanh nào đó. Có lẽ thành quả lớn nhất mà chính quyền Việt Nam đạt được trong 10 năm đổi mới là đã đưa được tốc độ lạm phát xuống chỉ còn chưa đầy 10% vào năm 1996. Hạn chế tín dụng, nhất là tín dụng cho khu vực quốc doanh, là biện pháp chính mà nhà nước Việt Nam đã thực hiện trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới nhằm chống lại lạm phát. Các biện pháp này đã đưa được tốc lộ lạm phát xuống còn 5,2% trong năm 1993. Lạm phát gia tăng trở lại vào các năm 1994, 1995 vì những tắc nghẽn trong nền kinh tế cũng như do việc mở lại tín dụng cho các xí nghiệp kể cả quốc doanh cũng như ngoài quốc doanh. Diễn tiến này đã khiến cho chính quyền e ngại trở lại và từ đầu năm 1996, một loạt những biện pháp hạn chế tín dụng đã đưa tốc độ lạm phát xuống còn khoảng 7% vào năm 1996 và 1,5% trong ba tháng đầu năm 1997. Tuy nhiên với một nền kinh tế đang tăng trưởng mạnh và còn rất nhiều tắc nghẽn trong công nghiệp, dịch vụ và hạ tầng cơ sở áp lực lạm phát tại Việt Nam còn rất mạnh và đòi hỏi chính quyền phải có những biện pháp tế nhị hơn để bảo đảm cho việc phát triển không bị ảnh hưởng.

Một yếu tố quan trọng giúp cho chính quyền giữ được tốc độ lạm phát ở mức vừa phải là nhà nước Việt Nam đã thành công trong việc cắt thiếu hụt ngân sách từ trên 8% GDP năm 1990 xuống còn chưa đầy 2% GDP năm 1996. Kể từ năm 1994, ngân sách điều hành của quốc gia đã có thể thặng dư tạo điều kiện để nhà nước đầu tư vào trong một số hạ tầng cơ sở. Thu ngân sách đã gia tăng từ 14,7% GDP vào năm 1990 lên đến 24% vào năm 1994. Cơ sở đánh thuế hãy còn hẹp. Theo bộ Tài chánh Hà Nội, thuế quan và các thuế tiêu thụ đặc biệt — hầu hết là quốc doanh — cung ứng trên 60% tài nguyên ngân sách. Đặc biệt, tỉ trọng của các nguồn thu từ thuế quan và các thuế đánh vào hàng nhập cảng đã gia tăng từ 10% thu ngân sách trong năm 1990 lên đến trên 25% trong năm 1996. Thặng dư trong ngân sách điều hành đã giúp cho chính quyền có thêm tài nguyên để đầu tư vào nền kinh tế. Tổng số đầu tư công trong những năm qua đã lên đến khoảng từ 5 đến 7% GDP. Tuy nhiên một phần quan trọng các khoản đầu tư này vẫn còn được dành cho các lãnh vực hoạt động như công nghiệp và xây dựng trong khi chiều hướng giảm đầu tư vào các lãnh vực y tế và giáo dục là một chiều hướng đáng lo ngại như bảng 3 dưới đây cho ta thấy:

Một diễn tiến đáng kể nhất trong sự thay đổi kinh tế của Việt Nam nằm trong lãnh vực ngoại

Ở Mỹ dân tiểu bang nọ cũng coi thường người tiểu bang kia.

Một người Texas cầm trái dưa hấu lên, hỏi:

- Ở California các ông trồng táo, trái nhỏ tí như thế này à?

- Coi chừng, đừng làm rớt, bể trái nho của tôi!

Mẹ: Từ khi đi làm con chi tiêu thế nào?
Con: Con trả tiền nhà 30%, ăn uống 10%, quần áo 30%, giải trí 50%, còn tiêu vặt độ 20%.

Mẹ: Như vậy tổng cộng là 140%?

Con: Dạ đúng như vậy!

Tội nghiệp quá, con chó nhà tôi đi lạc từ hai hôm nay!

- Sao chị không đăng rao vặt trên báo để tìm nó?

- Nhưng con chó nhà tôi nó không biết đọc!

Bảng 3: Phân Phối Ngân Sách Đầu Tư:

Năm	1990	1992	1994
Tổng Ngân sách	100	100	100
Công Nghiệp và Xây Dựng	35,1	35,4	25,4
Nông Lâm Nghiệp	5,3	5,3	5,0
Thủy Lợi	11,5	7,1	10,8
Giao Thông và Viễn Thông	15,2	9,5	26,0
Thương Mại và Dịch Vụ	4,3	0,3	0,3
Khu Vực Không Sản Xuất*	20,0	12,2	13,2
Đầu Tư Khác	0,3	7,0	7,9
Dự Trữ Chưa Phân Phối	8,3	23,2	11,3

** Bao gồm chi phí cho văn hóa, giáo dục, y tế,tài chánh và hành chánh*
Theo tài liệu của Ngân hàng Thế giới 1995.

thương và đầu tư nước ngoài. Cả xuất lẫn nhập cảng đều gia tăng mạnh mẽ. Tuy rằng với số lượng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam ngày một gia tăng, thiếu hụt trong cán cân thương mại hoặc cán cân thanh toán hoạt kỳ là một điều tất yếu nhưng sự gia tăng mạnh mẽ của những thiếu hụt này trong hai năm vừa qua là một chiều hướng đáng lo ngại. Còn đáng lo ngại hơn nữa khi ta xét đến cơ cấu xuất nhập cảng của Việt Nam. Bảy món hàng chính chiếm khoảng 90% tổng số xuất cảng trong đó chỉ có hàng vải sợ may mặc do công nghiệp nhẹ tạo ra.

Cơ cấu này hầu như không thay đổi trong suốt thời gian 10 năm qua. Riêng trong bốn tháng đầu

Bảng 4: Sản phẩm xuất cảng chính (sang khu vực kinh tế tự do) (tính theo $000,000)

Năm	1990	1991	1992	1993	1994	1995
Dầu Thô	390	581	756	844	866	1033
Hải Sản	220	285	302	427	489	620,7
Cà Phê	25	74	86	110	234	595,5
Gạo	272	225	300	363	429	564,8
Vải, Sợi	20	224	156	500	770	280
Than	38	48	47	70	71	88,9
Cao Su	16	50	54	74	95	

Tài liêu Bộ Thương Mại

năm của năm nay, số lượng xuất khẩu đạt được 2,679 tỉ đô la Mỹ với các sản phẩm chính vẫn là dầu thô, cà phê, gạo, hải sản và cao su. Xuất cảng vải sợ, quần áo may sẵn và giày da đạt được 303 và 285 triệu đô la chiếm được gần 20% tổng xuất cảng với 243,3 triệu đô la thâu nhập được từ các xí nghiệp ngoại quốc đầu tư. Cũng trong bốn tháng đầu năm nay, nhập cảng tổng cộng lên đến 3,641 tỉ đôla. Thiếu hụt trong cán cân thương mại lên đến khoảng 962 triệu đô la, tuy có giảm sút so với cùng thời kỳ này năm ngoái nhưng cũng còn ở mức vượt quá xa dự tính của chính quyền vốn dự trù một số thiếu hụt chỉ chừng 3,5 tỉ đô là vào năm 2000.

III. Những tắc nghẽn và trở ngại:

"Đổi mới" của Việt Nam như vậy đã giải quyết một số vấn đề cấp bách cho đất nước nhưng cũng tạo ra một số những vấn đề cho giới lãnh đạo tại Hà Nội. Nói chung những vấn đề này có thể chia ra làm ba loại chính: (a) những vấn đề về kinh tế; (b) những vấn đề về chính trị và ngoại giao; và (c) những vấn đề về xã hội.

III.1. Những vấn đề kinh tế:

Vấn đề kinh tế chính tập trung chung quanh những chính sách nhằm ưu đãi khu vực quốc doanh. Điều này đã dẫn đến một chế độ bảo hộ mậu dịch trong thương mại và một chính sách công nghiệp hóa qua việc thay thế nhập khẩu. Những tàn dư còn sót lại của ý thức hệ Cộng Sản Chủ Nghĩa khiến cho nhà nước Hà Nội e dè khu vực tư trong nước cũng là nguyên nhân của việc giao cho đầu tư nước ngoài một vai trò trọng yếu trong chiến lược phát triển. Và đó cũng là một trong những điều sẽ tạo ra những vấn đề trong tương lai khi kinh tế Việt Nam tiến triển thêm một bước nữa.

Chính sách công nghiệp hóa của Việt Nam đã tạo ra một liên minh giữa các xí nghiệp quốc doanh và các đại công ty đa quốc quốc tế. 97% các dự án

đầu tư nước ngoài là với khu vực quốc doanh. Liên minh này là một lực lượng có áp lực chính trị rất lớn ủng hộ mậu dịch và chống lại những cố gắng cởi mở thương mại. Tuy rằng chính quyền Việt Nam đã nhiều lần tuyên bố tự do hóa nền thương mại là một trong những yếu tố then chốt của công cuộc cải tổ kinh tế. Việc gia nhập vào Khu Mậu Dịch Tự Do (ASEAN (AFTA) và những thương thuyết để gia nhập tổ chức Mậu Dịch Thế Giới (WTO) là những bằng chứng mà Việt Nam đưa ra để cho thấy quyết tâm muốn mở cửa và hội nhập vào cộng đồng kinh tế thế giới, thế nhưng những quy định về xuất nhập cảng của Việt Nam hiện giờ cho thấy Việt Nam còn có một trong những chế độ bảo hộ mậu dịch vào hàng cao nhất thế giới. Mặc dầu những cam kết của chính phủ Việt Nam sẽ giảm các hàng rào cản trở cho phù hợp với những điều kiện của AFTA và WTO, thế nhưng những kế hoạch của chính phủ Việt Nam nhằm giảm số lượng hàng tiêu dùng nhập cảng hiện nay từ 20% xuống còn 12% vào năm 2000 cho thấy quan điểm thay thế nhập cảng vẫn còn rất mạnh trong chính giới Việt Nam. Một chiến lược công nghiệp hóa qua việc thay thế nhập cảng như vậy chắc chắn sẽ tạo ra những mâu thuẫn lớn với việc cam kết cởi mở mậu dịch qua việc gia nhập AFTA và WTO.

Chính quyền Việt Nam vẫn thường đưa lý luận bảo vệ công nghiệp sơ khai trong kinh tế và nêu gương của Nhật Bản và Đại Hàn để biện minh cho chính sách của mình. Tuy nhiên kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy chính sách này rất khó mà thành công. Chính sách công nghiệp hóa của Việt Nam dựa trên các xí nghiệp quốc doanh và các công ty đa quốc sẽ tạo ra những thế lực có rất nhiều ảnh hưởng về chính trị chống lại các cố gắng làm giảm lợi nhuận của họ. Trái với Nhật Bản và Đại Hàn, Việt Nam không có một ngành hành chánh độc lập có thể cưỡng lại những áp lực về chính trị để dần dà mở rộng nền kinh tế. Các xí nghiệp quốc doanh tại Việt Nam có quan hệ mật thiết với hầu hết mọi cấp trong chính quyền, kể cả quân đội và công an. Các cơ quan này nhờ vào lợi nhuận của các xí nghiệp trên để tài trợ một phần những chi phí điều hành. Chính vì vậy mà mọi cố gắng nhằm giảm những đặc quyền kinh tế của những xí nghiệp này chắc chắn sẽ gặp những chống đối quan trọng từ chính những cơ quan có nhiệm vụ thi hành.

> ▪ *Trên giấy tờ xin việc có hàng chữ "Tuổi Cha (nếu còn sống)" và "Tuổi Mẹ (nếu còn sống)" . Người làm đơn ghi 127 và 123. Ông giám đốc ngạc nhiên:*
>
> *- Các cụ sống lâu quá nhỉ?*
>
> *- Thưa vâng, nếu các cụ còn sống.*
>
> ***Người California***

Trên phương diện kinh tế, chính sách này tạo ra những lệch lạc trong nền kinh tế. Thay vì tập trung vào những khu vực mà Việt Nam có những lợi thế tự nhiên mà được đưa vào những khu vực mà việc phát triển có thể không phù hợp với các điều kiện tự nhiên và nhân sự của Việt Nam. Hầu hết những xí nghiệp hợp doanh đầu tư với nước ngoài tại Việt Nam đều là những loại tận dụng tư bản (capital intensive industry) không phù hợp với nhu cầu đất nước hiện thời cần có những hoạt động để tận dụng lao động. Đó chính là lý do tại sao các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài mới chỉ tạo ra một số công việc nhỏ như vậy.

III.2. Những vấn đề chính trị và ngoại giao: Theo Janos Kornai, một chuyên gia hàng đầu về kinh tế các nước Cộng Sản Đông Âu thì tiến trình *"đổi mới"* của Việt Nam đáng lẽ không thể nào thực hiện được khi quyền lực của đảng Cộng Sản Việt Nam và bộ máy thư lại của nó vẫn còn. Thế nhưng Việt Nam đã đi vượt quá những gì có thể làm được tại Đông Âu. Tuy rằng mục tiêu tối hậu của đảng vẫn là làm sao bảo vệ quyền lực của mình, nhưng đảng Cộng Sản Việt Nam những năm qua đã khéo léo biết nhượng bộ những gì họ cho là không cần thiết và hệ thống chính trị của Việt Nam đã trải qua nhiều thay đổi. Sự kiện rằng Việt Nam nay đã là một nước mà hàng triệu người nay sống trong một nền kinh tế thị trường, tự lấy những quyết định làm gì, sản xuất gì thay vì nằm trong một hệ thống kinh tế chỉ huy mà mọi quyết định đều do một cơ quan trung ương quyết định tự nó đã là một thay đổi căn bản vượt ra ngoài lãnh vực kinh tế.

"Đổi mới," khi tự do hóa một phần nền kinh tế đã tạo ra cho những người dân thường trong nước những cơ hội mới để có thể tự cải thiện đời sống của họ bằng những cố gắng của chính mình. Tuy rằng vào lúc này, hầu hết dân chúng tại Việt Nam vẫn chỉ mong làm sao kiếm được đủ để tham gia vào *"cuộc cách mạng Honda,"* làm sao kiếm đủ để có thể mua gạch và xi măng để sửa sang căn nhà mình ở để có thêm một chút tiện nghi và chưa nghĩ gì đến những vấn đề chính trị. Một trong những điều cho thấy rõ nhất tình trạng này là hiện tượng di cư tự do khi dân chúng tự động rời bỏ làng xóm để đi sang những vùng khác, có khi đi xa hàng ngàn cây số như từ những vùng đồng bằng Bắc bộ đông người để vào Tây Nguyên làm ăn mà không hề xin phép *"tạm trú tạm vắng"* như ngày xưa. Tình trạng này đã phổ biến đến nỗi chính Võ Văn Kiệt đã phải lên tiếng và đưa ra những biện pháp ngăn chặn. Nhưng hiện tượng này cho thấy chính quyền đã mất sự kìm kẹp kinh tế và nay chỉ còn có thể dùng bạo lực để đàn áp những chống đối mà thôi.

Một năng lực lớn đã được giải tỏa và cũng như ông thần trong cái chai, người dân Việt Nam chắc

hẳn sẽ không còn chịu trở lại cuộc sống như trước nữa. Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ làm gì khi mà những đòi hỏi của xã hội đi ngược lại với việc tiếp tục nắm quyền của đảng? Những cố gắng gần đây trong đảng nhằm đưa ra một mô hình cho xã hội mới trong đó đảng Cộng Sản Việt Nam tiếp tục nắm quyền làm chủ đất nước cho thấy đây là một vấn đề đã được các giới lãnh đạo Việt Nam nghĩ đến. Thế nhưng những cố gắng để định nghĩa thế nào là một *"định hướng xã hội chủ nghĩa"* đã làm người ta lo ngại về một sự trở lại của những chính sách đã bị lịch sử đào thải. Lịch sử có những bài học mỉa mai của nó. Và dù muốn dù không, chắc chắn đảng Cộng Sản Việt Nam phải chấp nhận sự biến chất.

Ngoài những áp lực về chính trị nội bộ, việc hội nhập của Việt Nam vào trong cộng đồng thế giới cũng tạo ra những áp lực mới để chính quyền phải mở thêm những kìm kẹp đối với xã hội. Những lúng túng gần đây của chế độ trước những chỉ trích về nhân quyền của nước ngoài cho thấy rằng chính quyền cũng biết là khó có thể tham gia hoàn toàn vào các hoạt động quốc tế nếu không cởi mở thêm nữa đối với xã hội.

III.3. Những vấn đề xã hội:

Hậu quả đầu tiên của đổi mới là một tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng gia tăng, không những trong từng vùng của Việt Nam mà còn cả giữa các vùng với nhau. Không ai mà đã trải qua vài tuần lễ tại Việt Nam, đi thăm những thành phố chính và một số những tỉnh bên ngoài mà không nhận thấy rằng Việt Nam nay đã trở thành một quốc gia với những khác biệt to lớn về lợi tức, tài sản, lối sống và cả về các dịch vụ công cộng như giáo dục y tế giữa các vùng với nhau. Nhưng trung tâm như Sài Gòn và Hà Nội đang vượt lên trước trong khi các tỉnh, nhất là các vùng núi và vùng xa đang ngày càng chìm sâu trong nghèo nàn và lạc hậu. Giáo dục và y tế, một thời đã là niềm tự hào của chính quyền nước Cộng Hòa Xã Hội Việt Nam nay càng ngày càng suy kém. Dưới hậu quả của sự phân hóa giầu nghèo và chính sách mới đòi hỏi nhân dân phải đóng góp thêm vào chi tiêu cho những ngành này, càng ngày càng chỉ những người có tiền và những vùng giầu có mới có thể được hưởng một nền giáo dục và một hệ thống y tế vừa phải.

Một hậu quả khác càng ngày càng phổ biến là tham nhũng. Chính quyền đã tung ra nhiều chiến dịch chống tham nhũng thế nhưng vẫn không hề ngăn chặn được tệ nạn này. Tham nhũng ở trong tình trạng kinh niên vì nó có quan hệ mật thiết đến sự độc quyền về chính trị của đảng. Độc quyền chính trị gắn liền với đặc quyền về kinh tế đã tạo ra những môi trường thuận lợi nhất cho tham nhũng mà những lời hô hào suông hoặc những hình phạt đe dọa có thể xóa bỏ được.

Các vấn đề công bằng xã hội và tham nhũng nay đã trở thành những đề tài gây nhiều thảo luận tại Việt Nam. Thế nhưng điều mà chính quyền tại Việt Nam vẫn chưa nhận thức được là có một sự mâu thuẫn giữa ước muốn rằng việc phát triển phải làm sao cho công bằng và chính sách cho rằng khu vực công phải là động lực chính cho việc phát triển kinh tế tại Việt Nam; giữa việc chống tham nhũng và một quan điểm cho rằng đảng phải nắm độc quyền về chính trị. Việt Nam và đảng Cộng Sản Việt Nam đang đứng trước một ngã ba đường. Chính quyền liệu có vẫn còn tiếp tục một chính sách phát triển dựa trên khu vực công dù rằng điều đó có nghĩa là sẽ đưa đến một tốc độ phát triển chậm chạp, thất nghiệp và một tình trạng bất công xã hội ngày một gia tăng hay là mở ra cho khu vực từ một vai trò lớn hơn trong việc tạo ra tăng trưởng kinh tế? Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ đi vào đâu khi đất nước Việt Nam thành công trong tiến trình đổi mới. Liệu đảng có thể mở rộng mức độ cải cách làm cho đúng ý nghĩa của khẩu hiệu "một chế độ pháp trị" hay không? Đó là những câu hỏi mà những người lãnh đạo Việt Nam phải trả lời trong những năm tới.(tn)

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ: *Tốt nghiệp Viện Đại Học Kỹ Thuật Massachusetts (MIT) năm 1965. Hiện đang làm biên tập viên cho ban Việt Ngữ đài BBC, Luân Đôn đồng thời đang soạn luận án tiến sĩ về Kinh Tế Sử Việt Nam tại trường Phi Châu và Đông Phương Học (SOAS), Viện Đại Học Luân Đôn.*

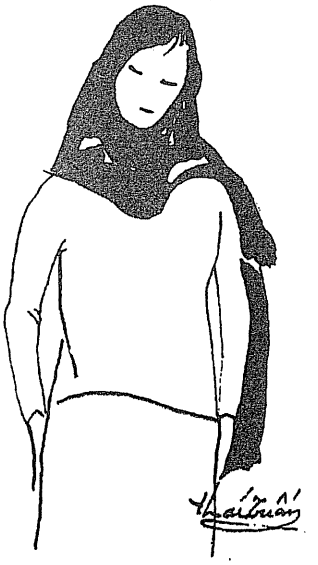

Trở Về Thăm Pittsburgh

Người Việt mình đi tới đâu đặt tên tới đó

PHAN N. HUYÊN

Mới đây, tôi có dịp trở về thăm lại Pittsburgh, một thành phố mà thuở trước, chúng tôi thường gọi là Bích thành. Bích thành là thành phố lớn và nằm về phía tây của tiểu bang Pennsylvania. Ngay từ năm 1975, Bích thành đã qui tụ được trên dưới 10 ngàn người Việt tị nạn. Ngay từ đầu, chúng tôi đã có một hội người Việt, gọi là Hội Thân Hữu Người Việt Pittsburgh. Và đặc biệt nhất, là chúng tôi có một tờ báo Tình Quê để liên lạc với nhau. Cứ ba tháng lại xuất hiện một lần. Tôi xin lật lại những trang báo cũ, đưa bạn đi về thăm lại Bích thành trong những ngày thân ái khi xưa, để đồng bào khắp nơi thông cảm tâm tình và nguồn thơ văn dào dạt của người dân Bích Thành.

Du Tử trong bài Bích Thành Tân Truyện, kể rằng:

Bích thành bốn bề núi non, hai mặt bắc và tây nam có trường giang che chở, địa thế hình tam giác, mường tượng một con rùa nằm ngủ. Góc phía tây, nơi hai trường giang tụ hội, nước xoáy ầm ầm, âm khí bốc lên mù mịt che lấp ánh dương quang....

Nhờ phong thổ nhu hòa như vậy, sĩ phu Bích thành dần dần bỏ được tiết tháo, trở nên hiền lành chịu khó, thích quanh quẩn trong nhà.

Quán rượu vắng dần bọn học trò bất đắc chí. Số sĩ tử ghi danh ngày một đông. Chẳng nhà nào không có con em đi học, khiến cho ông già bà cả cũng thấm nhuần tư tưởng tiến bộ văn minh.

Trong hồi thứ ba, Du Tử nhắc lại một vài nhân vật nổi tiếng của Bích thành, anh chỉ nói về các nhân vật tưởng tượng mà thôi.

Nhắc lại mùa hạ năm Mão, ở Nam Kinh có điềm gà mái biết gáy, rồi như sét đánh không kịp bưng tai, Nam Triều sụp đổ. Mê Đăng tiên sinh cuốn gói vượt biển đến Bích thành lánh nạn vô sản... Sĩ phu trong vùng tuy đông, nhưng tiên sinh cư xử theo cung cách lạnh nhạt của người nước Lỗ, nên số bằng hữu có thể đếm trên đầu ngón tay...

Đông quận Đào lão đại, Thám hoa khoa Nhâm Tí, cũng là người kiến thức. Đào thám hoa, trước kia quý vật đầy nhà, dinh cơ đồ sộ, nhưng sau khi di tản chỉ có hai bàn tay trắng, cơ, sự nghiệp đều tiêu ma. Đào không vì thế mà phiền muộn, vẫn giữ được thái độ thản nhiên của người đọc sách, dường như chàng đã lờ mờ hiểu được lẽ vô thường của vạn vật...

Phía bắc Bích thành có người họ Hoan, tự là Khoái Thụi... Họ Hoan, vốn chủ trương vẻ đẹp phải được ngũ quan lãnh hội một cách toàn diện, chẳng thể chỉ dùng thị giác mà thưởng thức qua loa, chê tiên sinh là phiến diện, chưa thấu triệt sự đời...

Có người xử nữ họ Vu, nghe chuyện lại đoán chắc tiên sinh ham nghề coi tướng, bèn đến tận nhà, cởi áo cho xem. Tiên sinh trố mắt nhìn hồi lâu rồi dong xe đưa về. Nàng hỏi:

"Thiếp nghe đồn tiên sinh nổi tiếng là con người bạc tình ở chốn thanh lâu, sao còn câu nệ tiểu tiết như bọn hủ nho? Hoặc giả tiện thiếp có điểm chưa làm tiên sinh vừa ý?"

Mê Đăng nhắm mắt lắc đầu. Từ đó đóng cửa nằm nhà, cho rằng cái đẹp trong thiên hạ, ngoài tấm lưng thon của Vu nữ, không còn gì đáng chiêm ngưỡng. Quả nhiên hôm sau, đem ba rương sách Playboy tặng hết cho người Mỹ hàng xóm...

Dương Văn Y viết về Bích Thành như sau:

Vùng đất này được người da trắng khám phá ra vào hậu bán thế kỷ thứ 17, trong lúc người da đỏ thuộc giống dân Mongoloid đang sinh sống ở đây với nền văn minh còn ảnh hưởng kỷ nguyên dùng đá. Người Anh và Pháp đã từng tranh dành ảnh hưởng tại vùng này. Đồn Duquesne, xây bởi người Pháp vào giữa thế kỷ 18, sau đó rơi vào tay người Anh và được đặt tên lại là Fort Pitt... Vị trí Pittsburgh ở chung điểm ba con sông Allegheny, Monongahela, và Ohio, đã giúp ích rất nhiều trong việc bành trướng thành phố này...

Thanh Hùng viết về Bích thành trong truyện ngắn Em Phải Sống,

Buổi sáng mùa đông tại Pittsburgh phong cảnh tuyệt đẹp, nhưng thật là buồn, bầu trời âm u tuyết phủ trắng xóa mọi cảnh vật, trông mênh mông như một cánh đồng vùng bắc cực.

Chúng ta hãy nghe bài Ca Dao Nhập Hội của ông Nguyễn Đức Liêm:

Cùng cảnh ngộ, quê người lận đận,
Gặp nhau đây dù chẳng quen nhau,
Cảm thông ta nối nhịp cầu,
Khi vui cùng xẻ, khi sầu cùng chia

Hãy ngồi lại cùng nhau tất cả,
Nghĩa đồng bào trước lạ sau quen
Tha hương há kể sang hèn,
Để khi tắt lửa tối đèn có nhau.

Lệ Thanh viết về báo Tình Quê như sau:

Tình Quê là báo hội ta
Mọi người cần đọc, mọi nhà cần xem.
Đọc Tình Quê nhớ quê hương,
Tình Quê dào dạt như nguồn suối trong...

Bác sĩ Trần Ngọc Ninh nói với các bạn trẻ:

Phải hiểu biết và đặc biệt là hiểu lịch sử, để tránh thất bại và có thể sống còn. Không những là ta sống còn, mà tất cả dân tộc lại sống lại và sống hiên ngang trong mãi mãi...

Chúng ta hãy đọc bài thơ Quá Chiều của tác giả Ngựa Nhớ Nhà, trong số Mùa Thu 1977

Đời chưa đủ khổ đau,
Hoa vẫn nở muôn màu,
Cần rất nhiều chất độc,
Trong mạch sống thâm sâu.
Người vẫn hiền từ quá,
Chưa ăn thịt lẫn nhau,
Cần có bom nguyên tử,
Phá vỡ tung địa cầu.
Người đời thường giả ngơ,
Vẫn chưa đủ những hờ,
Cần phải thêm xa cách,
Cho tất cả bơ vơ.
Đời người nào mấy thuở,
Đã hai lần đổi thay,
Cần một cuộc đại chiến,
Cho trọn kiếp lưu đày.
Đời mình như làn khói,
Mỗi lúc một mờ tan,
Cần những ly rượu đắng,
Những đêm dài lang thang.

Một năm trước đây khi tôi mới đặt chân lên đất Mỹ, đến định cư tại Pittsburgh, đưa con vào trường học, cái ưu tư và lo lắng nhất của tôi là làm sao cho các con của tôi mau biết tiếng Mỹ. Một người thân đã khuyên tôi, "Đừng lo chúng nó dốt tiếng Mỹ, mà hãy lo rằng chúng nó sẽ quên tiếng Việt."

Nghe một thi sĩ Vô Danh viết trong bài thơ Vắng,

Thuở ấy mây non với gió mềm,
Trăm hoa đua nở thật êm đềm,
Nụ hôn mừng tuổi ngon mùi Tết,
Ta bảo em rằng Xuân đấy, Em.

Bài Tết Buồn của BS Hải:

...Ta ra đi đã thề trở lại,
Nuôi căm hờn chiến bại không nguôi,
Tết đâu tìm thấy vui tươi?
Xuân sao chẳng có tiếng cười mừng xuân?...

Tình yêu của những người tị nạn Bích Thành. Chúng ta hãy nghe những bài thơ tình, do chính những tình nhân viết cho nhau. Betty Lê Thị viết bài thơ Buồn Con Gái.

Trán em sầu tư lự
Mắt em buồn xa xăm
Hay em yêu âm thầm
Những chiều mưa vần vũ...

Du Tử làm bài Buồn Con Trai để tặng tác giả Buồn Con Gái.

...Tôi làm sao quên được
Những hoàng hôn dài trống trơn
Một mình tôi ngồi vơ vẩn
Ve vuốt nỗi cô đơn...

Vũ Quân trong bài Duyên Viễn Xứ,

Em nhuộm màu xanh vào giấc mộng,
Anh tìm ý thắm dệt vần thơ,
Đôi ta gặp gỡ dù xa lạ,
Một thoáng nhìn nhau đã sững sờ...

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

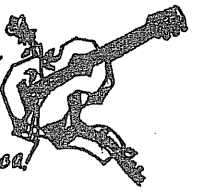

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX (714) 741-2900

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

Chúng ta hãy nghe Người Điên trong bài Gọi Hồn:

Ta cúi xuống,
Nhặt viên đạn đồng đen han rỉ,
Ném vào biển sâu,
Nơi em đang ngủ giấc hiền hòa...

Cô Trương Đỗ Phong Lan trong bài Nhắn Nhủ:

Ai qua bên đó,
Nhớ nhắn giùm ta,
Ngày nhớ thiết tha,
Đêm đêm ngồi khóc...

Và Tiểu Tốt trong bài Mơ Với Mộng:

...Học hành: thi phận học tài,
Rớt lên rớt xuống đã vài ba năm,
Người ta đã sẵn bốc thăm,
Kỹ sư, tiến sĩ, lang băm cả đàn.
"Này đừng sớ rớ làng chàng,
Trông càng ngứa mắt, nghe càng ngứa tai."
Thôi rồi! Bà ngẫu tương lai,
Nỡ nào mà nói như bài mậu binh.
Nghe như sét đánh thình lình,
Lục phủ ngũ tạng, tâm tình tiêu tan.
Cũng đành số kiếp lang thang,
Ra đi bỏ lại bạn vàng nơi đâu?
Hoài công chờ đợi bấy lâu,
Tết này lại vỗ rượu bầu trường canh.

Ở Bích thành, những chàng trai cũng gọi người yêu mình là "nhỏ". Chúng ta hãy nghe T.L. viết,

Ô nhỏ của mai sau,
Có vẻ ngang phố Pitts,
Gọi một lần tên ta,
Để nghe rừng dội lại.

TMQ trong bài Buồn Bỗng Lạ:

Cô bé ngập ngừng làm anh buồn bỗng lạ,
Nghe hình như gió nhỏ thổi hôm qua.

Nguyễn Thế Bính viết bài Trên Ngọn Barbara cho L.

Trời lên cao càng nhiều mây,
Sao nghe trong gió tràn đầy nhớ thương.
Ta đi khắp nẻo chiến trường,
Năm năm hồ thỉ ngập ngừng ăn năn.
Bây giờ thèm chút chiếu chăn,
Nửa đêm gió rét trên ngàn đỉnh cao.
Em tìm hạnh phúc nơi nào,
Ta nghiêng súng xuống đón chào dáng xưa

Ngoài ra, trong một số báo Tình Quê, chúng ta đọc được bài Từ Thức Nhập Thiên Thai của BS Phạm Văn Hải:

Từ Thức làm quan tỉnh Bắc Ninh,
Tiên Du huyện nhỏ đất thanh bình,
Bản tính hào hoa, thơ với rượu,
Chàng coi hơn cả việc tụng đình...

Một bài thơ Không Đề của Ông Hoàng Cô Độc, tặng những đại bàng gẫy cánh:

Từ khi ta đến chốn này,
Thân trơ gỗ đá, hồn đầy gió sương.
Rượu say nghiêng bóng đêm trường,
Đời bao ảo vọng như đường chỉ tay.
Mộng cao chí cả hao gầy,
Ngôi sao định mệnh lưu đầy dương gian,
Ngày qua, tháng đuổi năm tàn,
Nghìn nay mỏi cánh mây ngàn tha hương.

Tôi chép những vần thơ văn cũ để đồng bào bốn phương chia xẻ nỗi sầu lữ thứ suốt hai mươi năm qua. Và để thấy người Việt ở bất cứ nơi nào trên thế giới cũng chung một hồn thơ lai láng.

VÕ DOÃN NHẪN

HOÀNG HÔN

"Đời người bảy chục xưa nay hiếm"(1)
Ta ngoại sáu mươi kiếm việc làm
Thầy thợ cu li không sót một
"Biu (2) về tới tấp trả không kham.

Thời gian còn lại của đời ta
(Có lẽ vài năm trọn tuổi già)
Bán đứt cho người trên đất khách
Một giờ cũng được mấy đô la.

Santee - Thu 96

(1) Thơ Đỗ Phủ
(2) Bill

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

DƯ ÂM

Đêm tôi giọt sầu rơi trên gối
Buồn theo em trôi chảy ra sông
Biển giậm xương người xây thủy mộ
thịt da tan vào nước mênh mông.

Biển chôn em và tình chôn tôi
Về năm, tháng mãi nhớ muôn đời
Đau thương từ bão phương bắc đến
Dấu rêu hằn bao lớp ra khơi!

Mùa trăng tôi lặng nhìn trăng khóc
Hồn em con suối mộng thiên đường
Dẫu chẳng tròn ngày vui ước hẹn
Hỏi cuối cùng liệm ở nhớ thương.

Tôi vẫn còn em ra biển đông
Sóng vỗ bóng đêm trôi âm thầm
Đã ví dòng sông như tiếng hát
Muôn đời yêu mãi những dư âm.

PHÙNG CUNG

Nhà Thơ Của Cố Hương

TRẦN DUY

Ai muốn trở thành một thi sĩ, ít ra cũng đã từng yêu hoặc đã từng đau khổ - Byron

LTS. *Nhà thơ Phùng Cung mới qua đời ở Hà Nội, đám tang ông chỉ có mấy chục nhà văn đến tham dự. Báo chí ở hải ngoại đã loan tin và viết các bài tưởng nhớ ông. Tác phẩm của Phùng Cung được nhiều người biết nhất là những truyện ngắn, trong tuyển tập Nhân Văn, Giai Phẩm, mà vì vụ đó ông đã bị đàn áp, sống bên lề xã hội trong nhiều năm. Tập thơ mới xuất bản của ông tựa là Xem Đêm gồm 200 bài thơ ngắn với nhiều hình ảnh và ngôn từ rất lạ. Đề tựa tập thơ này, do Nhà Xuất bản Văn Hóa Thông tin Hà Nội ấn hành năm 1995, Quang Huy chỉ dám viết, "Cách đây ngót bốn mươi năm, Phùng Cung đã trình làng văn chương bằng một vài truyện ngắn khiến dư luận thời bấy giờ rất đỗi xôn xao." Mời quí vị đọc bài sau đây của Trần Duy viết về thơ Phùng Cung.*

Bẵng một thời gian hơn mười năm, tôi nghe Phùng Cung ở xa về, tôi đến thăm.

Phùng Cung nhìn tôi, không nói. Ngồi với nhau ngót tiếng đồng hồ, cũng không nói với tôi một lời nào! Không nói được hay nói không được? Có lẽ do tôi sai lầm vì đi thăm mà không hiểu hết được người mình đến thăm. Tối đứng dậy ra về. Cung tiễn tôi ra cửa, cầm tay nói vỏn vẹn một câu "Cám ơn", và đứng vịn tay lên cửa nhìn tôi đi.

Sau đó tôi có đến mấy lần. Có hôm tôi cũng ngồi im nhìn Cung như Cung nhìn tôi. Bỗng Cung mỉm cười vừa buồn vừa hóm hỉnh

"Tôi vẫn sợ không biết có phải mình còn là của mình nữa không?"

Tôi không dám hỏi và nói hết điều tôi băn khoăn. Cung tiếp:

"Tôi vẫn không nói được... vì không biết trong mình còn có những gì để nói!"

Cung mất những gì? Trong cuộc sống chúng ta đều mất mát. Kể cả những khi nhận được những ban phát... Có khi càng nhận được nhiều, mất mát lại càng nhiều bấy nhiêu!

Tôi ra về... vẫn tự hỏi trong hơn 10 năm luân lạc, Phùng Cung đã bị lấy mất những gì để cảm thấy mình trống không đến không còn lời để nói!"

Mãi cho đến một hôm tôi đến nhà mới thăm, Cung đưa tôi một bài thơ chép sẵn. Góc trên tờ giấy đề Tặng Trần Duy... Cuối trang dưới bài thơ thứ hai đề: "Lâu lắm mới gặp nhau"

Như thế tiếp xúc chưa có nghĩa là gặp nhau! Gần nửa năm lui tới nhà Cung, hôm ấy Phùng Cung mới gặp tôi!

Tôi về nhà đặt bài thơ lên bàn đọc. Hóa ra hai bài Cung chép trong một tờ giấy. Bài đầu đề Ăn Năn, bài thứ hai đề Chiêm Bao! Ngày: Mùa Cỏ Năm Kỷ Tỵ. Từ ấy đến nay đã tám năm!

Cỏ thay đổi tám lần, có nơi cỏ không còn để thay đổi. Cảnh đời dâu bể có khi chưa quá 10 năm.

Mỗi người có một niềm bất hạnh. Không ai giống ai. Có người đói cơm rách áo là nỗi bất hạnh... nhưng bất hạnh của Cung là

Bất hạnh nào hơn
Già dụi quê người

và niềm hạnh phúc ở bài Ăn Năn là được

gót nhọc men về thung cũ
Quỳ dưới chân quê
Trăm sự cúi đầu
Xin rộng lượng
Chút tho phần bò xéo cuối thôn

Ai đã đọc bài "Hồi Hương Ngẫu Thư của Hạ Tri Chương tất cảm thấy cái buồn thiên cổ của con người tha phương viễn xứ, nhất là của người tưởng bất hạnh "già lụi quê người". Đã là người ai cũng thấy mình là phận bèo, nhưng đã mấy ai biết hiểu nỗi đau của kiếp bèo:

...lênh đênh muôn dặm nước non,
dạt vào ao cạn
vẫn còn lênh đênh

như vậy lênh đênh đã thành chướng nghiệp của một kiếp người. Mọi nỗi buồn của nhân thế đều bé nhỏ cạnh nỗi buồn của một người giạt đến cùng đường vẫn thấy còn lênh đênh.

Hạ tri chương chỉ buồn vì nỗi:

Thiếu tiêu ly gia, lão đại hồi...

Tiếng nói quê không thay đổi, nhưng tóc mai đã rụng thưa, lớp trẻ không biết mặt, cười hỏi:

"Khách tòng hà xứ lai..." Lý bạch trong *Tĩnh dạ tư*, ngẩng đầu thấy trăng sáng, cúi đầu nhớ quê hương (cử đầu vọng minh nguyệt, đê đầu tư cố hương) hoặc ở bài *Xuân dạ lạc thành văn địch* (Đêm xuân ở Lạc Thành nghe tiếng sáo) vì nghe tiếng sáo bài chiết liễu... hỏi ai mà không khỏi động lòng nhớ cố hương: Thử dạ khúc trung văn chiết liễu, Hà nhân bất khởi cố viên tình... nỗi buồn ấy chỉ là nỗi buồn trong thi ca, Không phải nỗi buồn của người buộc phải ly hương vì số kiếp. Thôi Hiệu trong Hoàng Hạc Lâu trời chiều ngắm cảnh mà tự hỏi đâu là nơi quê nhà và...

Trên sông khói sóng thêm buồn lòng ai! (Nhật mộ hương quan hà xứ thị, yên ba giang thượng sử nhân sầu.)

Cũng vẫn chỉ là nỗi buồn trăn trở của một người còn được tự do để buồn và để trăn trở.

Làm sao thấu nỗi:

Đêm trằn trọc
Xé đôi giấc ngủ
Nửa giấc tù ngồi,
Nửa giấc trăng.

Không hiểu biết nỗi quặn đau của một tâm hồn tưởng mình không còn quyền yêu cố hương, không ở tầm cỡ của nỗi đau ấy thì vẫn chưa hiểu hết tâm sự tập Xem Đêm của Phùng Cung vừa mới ra đời.

Đọc xong tập thơ mấy lần, tôi mới hiểu được cái nghẹn lời không nói được là cái im lặng của cô đọng, của trầm tích. Thơ là tinh thể của lời, nhưng thơ Phùng Cung lại là tinh thể của thơ, của đau thương và của tình yêu.

Cảnh thiêng vướng mãi lưới diều
Làm cho nợ sớm nợ chiều với hoa
Nợ nào hơn mắc nợ hoa,
Trả chưa xong nợ tóc đà gội sương
Đã sinh ra cái tình trường
Thì đi bằng hết nẻo đường đang đi.
Đất trời ta có hai quê,
Khi đi vương vấn khi về vấn vương.

Tại sao vướng phải cái nợ ấy?

Thiên cung ngày trước mảng vui
Hái hoa vườn cấm nên trời phạt ta
Đầu xanh rời bến Ngân Hà
Xuôi thuyền đi trả nợ hoa dưới trần.
Chúa xuân ơi! Hỡi chúa xuân
Biết tin ta phải về trần hay chưa?

Suốt cuối cuộc đời còn lại, Phùng Cung vẫn đi tìm một cái gì rất thật mà tưởng là hoài bão...

Bạc tóc trở về quê
Bỡ ngỡ tìm đò bến mới
Nhìn dáng lạt bó rau,
Nhận được người làng.

Nếu không phải là một người biết yêu tha thiết, khó có ai tìm được cố hương chỉ vì thuộc một nuột lạt. Một điều rất giản dị, nhưng khó có ai đạt được một điều giản dị như thế trong thi ca.

Thơ Phùng Cung mang âm vọng của dĩ vãng, mỗi chữ, mỗi ý, mỗi vần duyên thơ như tơ nhện ràng buộc xưa và nay, người và cảnh, vật và người... nhân gian và tiền kiếp.

Bài Lỡ Chuyến vương vấn một nét buồn của Tỳ Bà Hành:

Duyên văn đành lỗi hẹn hò,
Văn thơ muợn gửi cánh cò vấn an.
Phím thuyền lỡ chuyến tầm dương
Trăng chiều lỡ nhịp chén sọn nghẹn ngào.

Ở câu Trăng chiều lỡ nhịp... lâng lâng làm người đọc nhớ câu mở đầu trong Tỳ Bà Hành

Bến tầm-dương canh khuya đưa khách
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu
Người xuống ngựa khách ngừng chèo
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ty
Say những huống ngại khi chia rẽ
Nước mênh mông đầm vẻ gương trong...
(Túy bất thành hoan, thảm tương biệt, Biệt thời mang mang, giang tẩm nguyệt!)

Trong bài Giăng Tơ, Phùng Cung viết:

Chút lòng đẫy gấm khăn điều
Cảm thương cái nhện chiều chiều giăng tơ
Không gian đứt nối sững sờ
Khăn điều đẩy gấm
Ngẩn ngơ mây chiều!

Phải chăng mối tình lưu luyến của người xưa trong câu ca dao miền Trung:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Nhớ người đẫy gấm, khăn điều vắt vai.

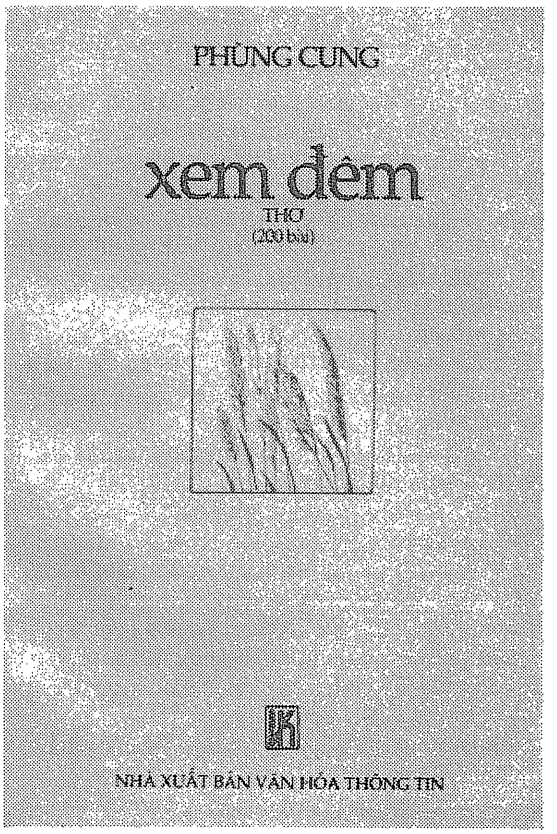

đã gợi Phùng Cung một hoài niệm trong hai chữ chiều chiều... con nhện giăng tơ.

Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai?

Dân gian trong thi đàn, thi đàn sử dụng chất dân gian đã đưa chất trữ tình vào thơ Việt mà Đường thi không thể có được.

Tình yêu là một đề tài suốt mấy nghìn năm con người nói đến, tìm ra được một ý mới về yêu quả là một điều khó, khó hơn nữa là không rơi trúng những chữ đã dùng mòn.

Phùng Cung yêu người vợ gầy yếu, vất vả một nắng hai sương, nhìn mồ hôi khô trên lưng áo vợ:

Lưng áo em
Ngoang vôi trắng xóa
Cái trắng này
Vắt tận trong xương

Ít có ai yêu đến thấy muối đóng trắng thành ra bột xương quyện với mồ hôi trên lưng áo vợ. Biết xót như thế thì tình yêu còn là đến đâu?

Văn học Tây Phương chỉ mới đến chỗ khuyên người "Hãy tạo cho vật thể một tâm hồn (Prêtez aux choses une âme) nhưng Dịch lại cho rằng vật thể có một tâm hồn. Phùng Cung bắt được cái vận động của Dịch nên đã yêu, đã xót sinh linh gắn liền tiền kiếp luân hồi; trâu bò khi nghe tiếng trống, rợn người vì tấm da khô làm trống kia có thể là ngày mai của mình cho nên trong Ê Ẩm:

Chợt nghe động trống
Trâu bò nhớn nhác
Dùi quậy liên hồi
Ê ẩm tấm da khô!...

Da khô là kiếp trước của Trâu bò đang sống. Trâu bò đang sống sẽ là luân hôi của tấm da khô

Phùng Cung đã thấy cả một đạo lý trong tiếng trống thông thường mà mọi người chỉ biết nghe vui trong hội hè đình đám tuy vẫn có những sinh linh nghe thấy mà ê ẩm... rùng mình!

Khám phá điều bí ẩn ấy trong quan hệ siêu hình của vật thể Phùng Cung đã đưa thơ vào một dạng rất thật mà rất huyền bí.

Đi từ cái nhìn hư ảo ấy Phùng Cung đã thấy đêm, xem đêm và nghe được đêm:

Đêm chợt nghe
Trong gối vọng tiếng ru!
Lắng tai mới rõ
Tiếng tóc mình chuyển bạc...

Chuyển! Cái âm thanh ấy cứ từ từ đêm này qua đêm khác, năm tháng không vội vàng nhưng cái gì có trong đầu đã mòn mỏi ra đi cùng mái tóc!

Xem Đêm là biết tìm ở cái gì tưởng không mà có, cái gì tưởng là hư vô mà tự tại: vẫn có Thiên hà ngọc vụn, mặt đất tròng trành, ma hoa nhảy múa.

Ao khuya nước thở thì thầm

và trong đêm Nguyên-Tiêu:

.. Mõ dẫn Kinh ruổi nhịp luân hồi.

Tiếng chuông chùa Hàn-Sơn của Trương Kế trong Phong Kiều Dạ Bạc chỉ mới nói được cái có mà chưa nói được cái âm, gợi cái sống mà không gợi được kiếp luân hồi nghiệp chướng của chúng sinh.

Khuya khoắt bờ ao
Con đom đóm soi đèn
Tìm dấu hoa văn...

Cái hoạt động về đêm của cái thế giới phi loài người ấy rất sinh động, có nhiều điều đáng nên xem... Xem Đêm!

Thơ Phùng Cung có Phong cách Đường Thi nhưng bản lĩnh của Cung đã biến dạng thơ Đường thành một thể thơ về ý cũng như về chữ hoàn toàn Phùng Cung.

Cung trọng chăng là trọng cái phách nhịp của nhạc điệu Đường-Thi.

Tròng bài Đò Khuya:

Trăng ngả mầu hoa lý
Tiếng gọi đò
Cặng chỉ qua sông.

Ở Đường Thi những ai sành thơ có bao giờ nghe Vương Bột, Lạc Tân Vương, Kim Xương Tự, Trương-Húc, Lý Bạch, Vương Duy, Thôi Hiệu, Đỗ Phủ, Trương Kế, Bạch Cư Dị.... nói đến trăng màu hoa lý?

Ai đã từng sống ở ven sông mới rõ được tiếng gọi đò đêm... mới thấy Phùng Cung là bậc thầy về nghệ thuật ngôn từ như lời nhận xét của thi sĩ Quang Huy:

Tiếng gọi đò
Cặng chỉ qua sông,

Cách là Đường Thi... nhưng lõi, ruột của Thơ là Phùng Cung!

Lý Bạch có bài Ký-Viễn, Phùng Cung có bài Tìm Em. Lý Bạch viết:

Mỹ nhân tại thời,
Hoa mãn đường
Mỹ nhân khứ hậu, dư không sàng
Sàng trung tú bị quyển bất tẩm
Chí kim tam tải văn dư Hương
Hương diệc cánh bất diệt
Nhàn diệc cánh bất lai ...

(Khi còn người đẹp, Hoa đầy nhà Người đẹp đi rồi giường trống không Chăn thêu trên giường không người đắp, Ba năm rồi, hương thơm vẫn còn Mùi hương không bao giờ mất Người đẹp không bao giờ về)

Phùng Cung súc tích trong Tìm Em:

Tìm về gặp em,
Em đã đi
Vách giường thơm lạnh
Mùi khăn áo cũ.
Đêm nghiêng gió chập chờn ngõ lá!

Cái hay của Cung là không khai thác kiệt cái sầu, mà đưa đột ngột ngoại cảnh để khơi tình hoài niệm.

Hai câu kết của Lý Bạch viết:

Tương tư Hoàng điệp lạc
Bạch lộ thấp thanh đài

(nhớ nhau lá vàng rụng, Sương trắng ướt rêu xanh)

Không như Lý Bạch còn dùng chữ Tương tư, Phùng buông lửng không theo đề đưa cảnh để gợi một ý song hành tạo nên một ẩn ý về cái cô liêu vô định:

Không có sông
Sao có tiếng gọi đò

Đường Thi có cách đặt câu hỏi vừa để ẩn câu trả lời, vừa gửi nội tâm của thi nhân, Thơ Phùng Cung cũng có những câu hỏi tương tự.

Mạnh Hạo Nhiên trong bài Xuân Hiến

Dạ lai phong vũ thanh,
Hoa lạc tri đa thiểu...

(Đêm nghe tiếng gió mưa Nào biết hoa rụng ít hay nhiều)

Lòng trắc ẩn của Mạnh Hạo Nhiên đối với hoa hoặc người đàn bà yểu mệnh trong đêm mưa gió chỉ là câu hỏi thoáng qua, nhưng Phùng Cung thương người trinh nữ chết ở ao làng không phải lòng trắc ẩn mà là nỗi đau thắt lòng:

Xóm khóc ngậm ngùi
Từ ấy... ao hoang ... mây chìm
Trăng xõa bóng
Dưới quê rong
Có lạnh lắm không em!

hoặc trong bài Tấm Áo:

Tấm áo nâu
Đã ngả mầu bã điếu
Hanh heo về
Xót ruột lắm không em?

Ở những câu hỏi ấy chính Phùng Cung lại là người trước tiên cảm thấy lạnh và xót ruột.

Cái đẹp ở thơ Phùng Cung là tìm ra cái khổ của người để cùng chung khổ mà mải quên cái khổ của riêng mình.

Nhà thơ Quang-Huy viết về thơ Phùng Cung: "tập thơ có cái tên rất lạ 'Xem đêm...' và hầu như bài nào cũng lạ về ngôn từ và hình ảnh.

Phùng Cung không thả chữ và vần một cách dễ dãi, nhưng cũng không chải chuốt cầu kỳ. Chữ của Cung có lúc vang lên thành một âm thanh lạ

Hoa gạo cắm cờ
Cành khoẳng... gió Xuân.

hoặc:Sáo diều ai hóc gió ven sông

những chữ: *Canh gà ấp úng rạng đông* và *Hoa chuối tiêu lầm lũi tím Tam giang* là những ngôn từ hoàn toàn mới lạ.

Có những ý ít khi ai nghĩ đến mặc dù hàng ngày vẫn trông thấy như trong Say:

Ai chuốc rượu
Cánh buồn say lảo đảo
Quanh quẩn quãng sông chiều
Quên nẻo ra khơi!

Đêm đến hồn quê vọng về trong:

Tiếng tù và bết gió

hoặc hình dáng người cấy lúa chậm "vá đồng" trong đêm:

...Tay run rẩy khỏa bùn
Lay động sao hôm...

Có những chữ tưởng như quen thuộc:

Chó sủa dông dài

và lạ tai như: Oèng oẹc trời khuya

chim lợn xỗ giọng hãi hùng

hoặc mới mẻ: Canh cách giòn tan Con cào cào giội phách...

Cũng như: Con sộp phùm vỗ hão...

...Tiếng cuốc bèo da diết gọi ngày mai

Những chữ dân dã ấy, hóc hiểm ấy mà tài tình làm sao, Phùng Cung đã chuyển thành tiếng thơ!

Phùng Cung phát hiện ra mầu và chơi mầu như một họa sĩ: Quang Huy nhà thơ viết trong bài tựa Xem Đêm:

"Đặc biệt anh rất giỏi về mầu, có 'tới hàng trăm chữ tả mầu rất mới lạ'..."

Dân gian ta sử dụng mầu lấy từ cây cỏ, hoa... như mầu đỏ vỏ đỗ, màu cánh sen, hồng phấn, cánh kiến, hoa lựu, bồ quân, từ động vật như mầu gạch cua, mầu lòng tôm, xanh chim chả, vàng hoàng anh...

Mầu của Phùng Cung khiến chúng ta "phải bàng hoàng" (Quang Huy)... vì nó gắn liền với lịch sử như nắng Âu Cơ (Trong Tổ Quốc)

Nước Hồ Gươm
Một trời cốm Đông Đô

Tôi vẫn nghĩ đến cái xanh rờn rợn mầu teng đồng của nước Hồ-Gươm ít khi nghĩ đến mầu nước hồ có cái ngọt ngào xanh vị cốm, gốc Đông Đô!

Vẽ gần trọn cuộc đời, qua Phùng Cung tôi mới biết mầu bã điếu... còn nói về mầu xanh, bản mầu của Cung có mầu xanh rau khúc, lúa ngô xanh mầu cánh chấu, trời da bát, xanh-tím bóng cờ ma.

Phùng Cung đã chuyển nắng thành mầu nắng của sinh hoạt đời thường của người làng như nắng phơi rơm, nắng ngã tương, nắng bổ cau, nắng cánh cam, nắng hoa ngâu, những mầu nắng không gắt mà người dân đã chọn để ngã tương không nồng, bổ cau không xe mặt.

Khó lòng có một nhà thơ đi vào ruột gan chữ nghĩa dân tộc như Phùng Cung.

Những câu thơ, ý thơ, chữ thơ như trên đã kể còn nhiều, rất nhiều trong Xem Đêm

Nhưng có muốn nói hơn nữa, tôi cũng chỉ xin dừng ở lời của Quang Huy trong đề tựa Thơ Phùng Cung:

"Không còn ai ngây thơ cho rằng ngôn từ chỉ nằm trong lĩnh vực hình thức nghệ thuật. Phải nói rằng Phùng Cung đã đẻ nó ra bằng quặn thắt một tấm lòng, hơn thế nữa bằng ngót một đời chìm nổi." Tôi xin thêm hai chữ oan uổng.

9/11/96

THI SĨ ĐẠO SĨ, THI SĨ TIÊN TRI, THI SĨ CHIẾN SĨ

ĐÀO MỘNG NAM

Lịch sử thơ đạo Việt Nam đã có truyền thống tự ngàn đời, khác với một số tôn giáo khác trên thế giới nơi vùng đất này, các đạo sĩ thường kiêm luôn thi sĩ, nên các đấng đó toàn giảng kinh, thuyết pháp bằng thơ.

Ngay từ thời Cổ đại, thuở Hồng Bàng, Văn Lang dựng nước, kinh điển đạo Việt toàn làm bằng thơ, để mọi con dân học thuộc nằm lòng và truyền khẩu cho nhau, mà chẳng cần văn tự chép ghi, nên được gọi là đạo "tâm truyền" và kinh "dạ tạc". Kíp tới khi tam giáo Khổng Lão Thích du nhập, thì không một nho sĩ, một thiền sư nào mà lại chẳng biết làm thơ.

Thời cận đại những tôn giáo mới như Cao Đài, Hòa Hảo, truyền thống thơ đạo Việt Nam lại càng phát huy mạnh mẽ. Ngay Thiên Chúa giáo ta cũng thấy có những cố như cố Lu Y Đan tác giả Sấm Truyền Ca dài 7.000 câu, cố Trần Lục v.v... làm thơ dạy đạo.

Đức Huỳnh Giáo Chủ, lúc ngài vừa mới khai đạo, hẳn là ngài còn trẻ lắm, thì được một nữ đệ tử tới dâng ngài trọn trái tim và ngài đáp lại bằng bài thơ với tựa đề là Tình Yêu:

Ta có tình yêu rất đượm nồng Yêu đời yêu lẫn cả non sông Tình ta chan chứa trong hoàn vũ Có lẽ riêng đâu khách má hồng

Nếu khách má hồng muốn được yêu Thì trong tâm trí hãy xoay chiều Quay về phục vụ cho nhân loại Sẽ gặp tình ta trong khối yêu

Ta vốn đa mang một khối tình Dường như hải thệ với sơn minh Tình yêu ta chẳng riêng ai cả Yêu khắp muôn loài lẫn chúng sinh.

Có thể nói bài thơ trên là bài thơ đạo siêu kinh siêu kệ, bởi lẽ ngay từ khi vừa xuất hiện, bài thơ này đã vỗ cánh bay rợp trời đất nước, và được toàn thể nam nữ thanh niên Việt từ Nam chí Bắc, thuộc mọi tôn giáo, đều học thuộc lòng. Trong khi đó thì Phật Giáo Hòa Hảo vẫn là tôn giáo giáo của đồng bằng sông Cửu, vỏn vẹn vài ba triệu tín đồ.

Thái Dịch Lí Đông A nhà cách mạng kiêm thi sĩ đạo sĩ, tương truyền có một nữ đồng chí tên Nga yêu người tha thiết. Trong lúc người còn bình tâm chưa phản ứng, thì các đồng chí khác chung quanh đã nóng lòng, vội nhảy vào mong dập tắt ngọn lửa yêu đương vừa nhen nhúm. Nhưng chỉ đủ sức ngăn nó khỏi bùng thành ngọn đuốc, chứ không đủ lực làm cho nó khỏi âm ỷ cháy kiểu lửa của nhang, kiểu khói của hương nơi đền thánh, chùa chiền vĩnh viễn ngát thơm nơi tâm khảm các chiến sĩ Nga Mi, các thanh niên nam nữ Việt mọi thời và mọi chốn, mà bài thơ Nga Mi Nguyệt trong thi phẩm Đạo Trường Ngâm của Lí Đông A là một ấn chứng nhiệm mầu:

Nguyệt dãi Nga Mi nguyệt ý dài Nguyệt tình thiên cổ nguyệt vì ai Nguyệt đưa chiến sĩ lên non Thục Nguyệt dẫn anh hùng tới suối Thai Nguyệt dõi ba sinh hồn cố quốc Nguyệt treo tái thế niệm tương lai Nga Mi đêm ở soi vầng nguyệt Nguyệt với ta chung nỗi cảm hoài.

Bài thơ trên nếu đem treo nơi đền thánh cách mạng Việt Nam thì hẳn là chuyện bình thường. Nhưng mới đây trong cuốn Phật Giáo Việt Nam, dày 750 trang khổ lớn, hòa thượng Thích Đức Nghiệp, nơi chương mở đầu sách tựa đề là Về Nguồn Phật Giáo Việt Nam, ngài lại trịnh trọng giới thiệu bài thơ này. Khiến trí thức giới trong và ngoài nước rất đỗi ngạc nhiên, ngạc nhiên hơn nữa ngài lại còn phụ chú rằng: từ thập niên 40 chữ Nga Mi trong câu mở đầu là Thiên Sơn, vì Thiên Sơn là tên một trong những ngọn núi cao thuộc vùng Trung Á, nằm giữa biên giới Trung Quốc và Liên Xô, địa bàn tranh giành ảnh hưởng của năm tộc Hán Mãn Mông Tạng Việt, sau hai lần làm chủ, tộc Việt lùi dần về phương đông, rồi tới phương nam.

Trước năm 75 tại miền Nam, các đồng chí Duy Dân lúc in cuốn Đạo Trường Ngâm, nghe nói cũng từng tranh biện với ngài Đức Nghiệp về hai địa danh Nga Mi và Thiên Sơn, sau đó mỗi phía đều giữ nguyên ý kiến của mình, nên giờ đây ta được thấy sách Đạo Phật Việt Nam thì chép:

Nguyệt dãi Thiên Sơn nguyệt ý dài thi phẩm Đạo Trường Ngâm lại ghi:

Nguyệt dãi Nga Mi nguyệt ý dài

Nếu khăng khăng cho Nga Mi, một địa danh trên đất Việt hiện thời mới đúng, thì bên Tầu cũng có đất Nga Mi thuộc tỉnh Tứ Xuyên, rồi non Thục nơi câu ba, suối Thai nơi câu bốn thì ở đâu? Có phải cũng bên Tầu không? Cho nên ngài Đức Nghiệp quan niệm đất Việt là đất cổ đại bảy tám

ngàn năm, còn các đồng chí Duy Dân quan niệm đất Việt là đất chiến khu Nga Mi, nơi họ nổ phát súng đầu tiên chống với quân thù hiện đại.

Còn nếu đặt câu hỏi với ngài Đức Nghiệp: Nguyệt đây là nàng Nga, nữ đồng chí Duy Dân chứ đâu phải Phật Bà, mà ngài lại coi bài thơ này là bài kinh đạo và đưa vào sách Phật? Thì chắc hẳn ngài sẽ cãi biến ngay rằng:

Vầng trăng này là vầng trăng có tự mấy chục ngàn năm, thuở tổ tiên ta còn ở tận nước Ram là nước Trăng Rằm trên Hi Mã Lạp Sơn, rồi trên bước đường xuống núi, ta mới có Thiên Sơn Nguyệt, Động Đình Nguyệt, Tiền Đường Nguyệt...

Gió Động Đình mẹ ru con ngủ Trăng Tiền Đường ấp ủ năm canh Tiết trời thu lạnh lành lanh Cổ cây khóc hạ hoa cành thương đông Bổng bồng bông bổng bồng bông Võng đào mẹ bế con Rồng cháu Tiên.

Bởi vậy Phật ở đây không chỉ là Phật Bà Quán Âm mà còn là quốc Mẫu Âu Cơ. Và thi bá Cao Chu Thần khi diễn tả cái hận sinh li, chia con sẻ cái của Âu Cơ cùng chồng, cũng ví người với nàng Nga, cô Nguyệt đó thôi:

Cô độc Tiên Nga hận mịt mùng Chan hòa nước mắt ngập không trung Rồng mà nổi giận trời liền sập Đất hẳn tan hoang lửa sẽ bùng Mau kiếm bậc thần chèo đạo vỗ Lẹ tìm đấng thánh bút thơ vung Cho nguồn sinh khí dân muôn cõi Thành trụ đuốc thiêng rọi cửu trùng

Còn Bùi Giáng khi gặp ni cô Trí Hải:

Từ khi em là Nguyệt Đèn thắp sáng trong tối

Phùng Thăng mẹ chớ xui nên Từng cơn điên dại khôn đền cho con Đường vui con bước hao mòn Trăng thân mẫu rộng bóng tròn xuống vai.

Trước thời 75, khi hai miền Việt Nam đang quằn quại trong lửa đạn chiến tranh, với hai đại thi phẩm Sa Mạc Trường Ca, Sa Mạc Phát Tiết của Bùi Giáng xuất hiện, mọi người hiểu ngay là toàn dân ta, ngoài Bắc lẫn trong Nam như hai đàn kiến hiện bị rang, bị nướng trong hai chảo cát. Nhưng còn những câu thơ trích dẫn ở trên viết về ni cô Trí Hải thì thực tình giới văn học ngày đó chẳng hiểu tác giả nói cái chi chi...

Cho tới khi miền Nam bị làn sóng đỏ nhận chìm. Trong đêm đen hỏa ngục, qua vụ chùa Già Lam, trăng Trí Hải sáng ngời, bừng con mắt mọi người chợt nhận chân ra Bùi Giáng, không những là thi sĩ đạo sĩ mà còn là thi sĩ tiên tri.

Trong thi phẩm Mưa Nguồn, Bùi Giáng viết:

Em con gái hai bàn chân em bước Hai tay ôm hai buồng phổi em ho, Trời bữa đó để buồn đi lướt thướt Khắp đồi cao cồn thấp đống bên gò.

Rồi trong cuốn Ngã Ba Đường, tác giả nêu xuất xứ và thích nghĩa tiếng "ho":

"Lúc viết câu thơ đó tôi hoài niệm cô Hà em cô Phương ở trong cuốn Đôi Bạn của Nhất Linh. Tiếng "ho" là đệ nhất hi hữu thượng thừa thù thắng."

Hà và Phương là hai chị em ruột, là nữ đồng chí cách mạng, bởi hoàn cảnh gian lao khổ cực, đều mắc chứng ho lao, Phương vì can dự vào mấy cuộc biến động, bị bắt ở tù và đã chết, chỉ còn lại Hà song bệnh của nàng mỗi ngày mỗi thêm nguy kịch.

Qua nhân vật Hà với Phương mọi người chỉ liên tưởng tới Nhị Trưng, Cô Bắc Cô Giang. Riêng Bùi Giáng từ tiếng "ho" còn nghe ra tiếng chuông, tiếng mõ của Phật Bà Quán Âm, là tiếng diệu Âm gọi hồn sông núi, gọi hồn liệt nữ Việt Nam muôn đời, vì xương máu họ đã trải:

Khắp đồi cao cồn thấp đống bên gò

Nhà văn Nhất Linh tức nhất điểm linh quang Nguyễn Trường Tam tức thông ba cõi, nên trái tim kim cang bất hoại của người sánh tày trái tim ngài Quảng Đức. Do đó chuyện hai bồ tát Dũng và Loan trong Đôi Bạn - cuốn thơ không vần, chỉ riêng bài tựa Nhặt Lá Bàng nơi đầu sách, cũng đủ sức so sánh với bất cứ bài thơ mới nào thời tiền chiến - ban đầu chúng ta tưởng là hư cấu. Nhưng tới lúc hàng chục ngàn chiếc khăn trắng phát ra cho thanh niên nam nữ Việt, trong buổi lễ phát tang Nhất Linh ở chùa Xá Lợi, tại miền Nam, ngày ấy, chúng ta mới thấy đó là chuyện thực:

"Mấy ngày sau khi nhận được bức thư, tôi đương ngồi nói chuyện với vợ chồng anh M... và Loan thì đột nhiên anh Dũng vào chơi. Anh làm như nhân dịp đi qua ghé vào hỏi thăm anh M... Nhưng tôi, đã thừa hiểu rằng anh biết có Loan ngồi trong đó, và đến từ biệt Loan lần cuối cùng. Tôi đưa mắt nhìn Loan, thấy Loan vẫn không đổi sắc mặt, điềm nhiên Loan lấy ngón tay vò một mẩu giấy con bỏ rơi xuống bàn, rồi lại nhặt lên bỏ xuống. Anh Dũng hỏi thăm vợ chồng anh M... mấy câu rồi đứng dậy xin ngay, hình như vội vàng lắm. Anh tỏ ý khó chịu, nhưng

---

* Viên thượng sĩ tóm lấy một người lính say tí bỉ đang đi xiêu vẹo trong sân doanh trại:

"Đồ ba gai! Nếu không nhậu nhẹt một ngày kia anh có thể trở nên thượng sĩ."

"Tôi cóc cần cái thượng sĩ của ông! Khi tôi nhậu, tôi đã là đại tá rồi!..."

* Trong một thành phố nhỏ ở Nigeria, một cảnh sát viên da đen điều khiển giao thông chặn một bà đi xe mui trần lại và hỏi:

"Tôi màu gì, bà biết không?"

"Anh màu đen chứ màu gì!"

"Sai rồi. Khi bà nhìn tôi sau lưng và thấy tôi đang giơ tay lên, lúc ấy tôi là màu đỏ. Còn khi bà nhìn tôi nghiêng, hai tay đưa thẳng ra, thì tôi là màu xanh..."

dáng cương quyết. Loan ngẩng lên chào Dũng, vẻ mặt thờ ơ xa xăm, rồi cúi xuống ngay, rồi lại bắt đầu nhặt viên giấy lên vê. Một lúc sau, trong khi ở ngoài có tiếng khóa cửa thì tôi thấy Loan bỏ viên giấy xuống bàn và lấy đầu ngón tay ấn thật mạnh cho bẹp hẳn lại. Rồi Loan ngửng lên vô cớ mỉm cười"

Loan vê giấy là nàng lần "tràng hạt". Nàng lấy đầu ngón tay ấn thật mạnh cho viên giấy bẹp hẳn lại là nằng "bắt ấn" rồi nàng ngẩng lên vô cớ "mỉm cười"... thì hẳn nụ cười này là nụ "niêm hoa vi tiếu" trên đỉnh Linh Thứu Sơn, khi Phật truyền trao y bát cho ông Ca Diếp. Có khác chăng là Phật Dũng chẳng cần cầm hoa như Phật tổ, bởi lẽ trái tim yêu nước, thương dân của chàng là đóa hoa Bát Nhã Tâm Kinh Loan đã rõ từ lâu.

Do đó bài Thiên Sơn Nguyệt của Thái Dịch Lí Đông A đối với chúng ta không chỉ là kinh nhật niệm, vạn niên niệm - *Nguyệt treo tái thế niệm tương lai* - mà bốn âm "nguyệt" ở hai câu đầu, và sáu âm "nguyệt" ở mỗi câu sau, còn linh ứng chẳng khác nào âm "úm" trong câu thần chú mật tông:

Úm ma ni pat mê hùm

tới đây có thể kết luận được là đối với thi sĩ đạo sĩ, thi sĩ chiến sĩ Việt Nam, thì trăng nào cũng là trăng trí tuệ, và người nữ nào cũng là người nữ Phật Bà Quán Âm.

Hồ Xuân Hương không chỉ là nữ chúa thơ nôm, thứ thơ bình dân, mà còn kiêm luôn thơ luật, loại thơ bác học. Với Trung Quốc, thể luật thi chỉ dành riêng cho giới thượng lưu trí thức, để họ sáng tác cùng thưởng ngoạn với nhau. Còn tại Việt Nam, với trường hợp thơ Xuân Hương thì ngược lại, bởi luật thi của người đã phá cũi sổ lồng đã đạp đổ mọi tường thành kiên cố, gần mấy ngàn năm cản trở, để thơ được đến với muôn lòng dù có học hay không, dù chốn thị thành hay nơi thôn dã. Toàn bộ thơ Xuân Hương là thơ dân gian truyền khẩu từ chính miệng tác giả đọc ra, chứ không hề qua trung gian bút mực cùng văn tự chép ghi nơi sách vở. Do đó, nếu thơ luật của Thanh Quan được ca tụng là thơ nhập hồn Đường Thi của nước Tầu, thì thơ luật của Xuân Hương hẳn phải ngợi khen là thơ nhập hồn ca dao nước Việt.

Với tài thơ Hồ Xuân Hương không những sánh ngang các thiên tài thơ số một của nhân loại đông tây kim cổ. Mà với tài họa đối, tên tuổi còn có thể so cùng Đoàn Thị Điểm, Mạc Đĩnh Chi, Cao Chu Thần... của nước Việt ta. Đối sở dĩ là bộ môn nghệ thuật văn chương vốn cao hơn thơ một bậc, là vì cách sử dụng từ ngữ và tư tưởng phải cô đọng tới mức tột cùng. Do đó nhiều đấng trạng Việt Nam, chỉ bằng cặp đối, thậm chí có khi chỉ một vế đối thôi, mà được ngàn đời truyền tụng.

Đối là loại ý tình đã được kết tinh thành những luồng khí lực cùng thần lực, nên lúc phóng ra lẹ như tia chớp xẹt, khiến đối phương vừa đọc xong câu xướng liền thấy ngay câu họa lời lời lóe sáng khiến hồn vía lên mây. Đó là trường hợp Mạc Đĩnh Chi, đã có phen khiến cả triều đình Nguyên Mông, lẫn các sứ giả nước khác dưới trời Đông Á một phen kinh hoàng, song họ vẫn phục tài, nên đã phong tặng người danh hiệu lưỡng quốc trạng nguyên. Nếu Trạng Hiền đã đỗ trạng và thắng đối sứ giả Trung Quốc năm mười ba tuổi, Cao Chu Thần thắng đối vua Minh Mạng thuở thiếu thời, thì Xuân Hương lúc tuổi còn thơ, có lần đang đi bị trượt chân suýt té, mọi người thấy thế cười ồ. Cô bé liền xuất khẩu thành ngay cặp đối:

Giơ tay với thử trời cao thấp Xoạc cẳng đo xem đất vắn dài

Khiến họ đã lặng thầm bái phục, miệng còn thin thít nín khe.

Trời đất là chữ nhị hai nét (=) thêm nét thứ ba là người ở giữa thành chữ tam () nên trong đạo nho chữ tam được tượng trưng cho thuyết tam tài, thiên địa nhân tương dữ tức trời đất người cùng dung hợp. Trần Cao Vân đã diễn tả ý đo như sau:

Ta cùng trời đất ba ngôi sánh Trời đất với ta một chữ đồng

Còn Thanh Quan trong bài Qua Đèo Ngang viết:

Dừng chân đứng lại trời non nước Một mảnh tình riêng ta với ta

Bà đã xô dạt đất trời về phía trước, để phía sau dành tặng con người. Bởi bà thấy trời thì bao la, non thì vĩ đại và nước thì miên trường thực đấy, song quá vô tình. Ngược lại con người tuy nhỏ bé mong manh nhưng nó rất có tình, thành ra chỉ với tấc lòng cô độc cỏn con của bà cũng đủ sánh ngang cả đất trời rồi. Nếu dừng ở đây, thì ta thấy thơ Thanh Quan không những đã nhập Đường Thi, mà còn nhập luôn Tống họa, bởi vì khi đọc thơ bà ta liên tưởng tới hình ảnh ông câu, chú tiều nhỏ bé bơ vơ, lạc lõng giữa trời đất bao la trong thơ luật là tranh thủy mạc của Tầu. Nhưng đọc tiếp hai câu:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

Thì ta thấy không phải chỉ có mình bà mà còn cả một tập thể người vĩ đại từ nhà ra tới nước hàng hàng lớp lớp đứng sau lưng, song để làm gì vậy? Có phải để chuẩn bị cho một cuộc cách mạng đạo tương lai, hầu đem lại đời sống thái hòa, không chỉ dành riêng cho con người như tư tưởng Trung Hoa, mà cho khắp cả muôn loài cùng vũ trụ. Bởi lẽ chú tiều lượm củi là để sưởi cho ấm cái thân, ông câu bắt cá là để ăn cho no cái bụng, còn cái tâm thì rỗng tuếch. Thanh Quan không vậy, người chẳng chiếm hữu một vi trần, song chính vì không tất cả những cái nhỏ, người lại có một cái to khôn tả, là tấm lòng rung động với vô biên. Bởi thế khi người vừa:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà Cỏ cây chen đá lá chen hoa

Ta thấy đất đá, cỏ cây cùng hoa lá nao nức chen nhau níu gót chân bà, nhưng để làm chi nhỉ? Để nhà thơ ở lại mãi chốn này cho chúng có bầu có

bạn? Hay là để giúp chúng níu lại vầng dương của ngày sắp tàn, của nắng sắp phai... tránh được cái đêm trường gió lạnh lẽo?

Xét ba nhà thơ vũ trụ của truyền thống vũ trụ đạo Việt Nam vừa kể ở trên, chúng ta thấy có một điểm tương đồng là đều đem thân mình làm cây đại bút, riêng Trần Cao Vân Ông còn dùng máu mình làm mực. Xét về bút phép nét chữ của Trần Cao Vân là thể "chân phương" của Thanh Quan là cách "đá thảo" nên ta có thể đọc và hiểu được dễ dàng. Còn Xuân Hương là thể "tốc thảo" như rồng bay tiên lượn khó mà biết nổi, nên ban đầu đoán đại là Từ Hải:

Đội trời đạp đất ở đời

Sau đó biết ngay là trật, vì Từ Hải đã chết đứng đâu còn nhúc nhích. Ngẫm nghĩ hồi lâu mới chợt nhớ ra tích thần đồng Lê Quí Đôn thuở nhỏ lúc đang tắm dưới ao thấy trên bờ có quan lớn tới, bèn chạy vội lên đứng dang tay, dạng chân ngay trước mặt quan đố là hình chữ gì? Khi được trả lời là chữ đại 大. Thần đồng bảo chữ đại là khi mặc quần áo, còn lúc này để chim ra ngoài là chữ thái 太 tức là đại 大 thêm một chấm (chim) ở dưới 太. Do đó khi Xuân Hương xoạc cẳng để đo đất hay để đẻ ra đất, chắc là đũng quần toạc chỉ, phần vì mắc cỡ, phần vì sợ người ta cười là nhái cách đố của kẻ khác, nên hai cẳng vội vàng khép lại, chỉ còn, hai tay dang thẳng nên thành chữ thập (+) Mà chữ thập đứng giữa đất trời là chữ nhị (=) lại thành chữ vương 王 là vua. Song vua nay là vua trời chẳng phải thứ vua đời, lúc sống chễm chệ ngồi trên ngai vàng, lúc chết chôn dưới đất đen, để kẻ thù đào mồ moi xương sọ, thành nét chữ mới "tốc thảo" lồng lộng như ngựa phóng giữa trời, để làm Phù Đổng Thiên Vương vua ba ngàn cõi.

Cái đũng quần toạc chỉ của Xuân Hương giờ đây ta mới hiểu là cái cửa huyền vi khép mở khôn lường. Rõ ràng là khi đóng chặt thì sản sinh thánh đế, còn khi hai cánh mở bung lại để ra cả đất lẫn trời.

Thơ Hồ Xuân Hương, thể loại vịnh vật cực kì đặc biệt, bởi theo bà người là vật vật là người, mối dây liên hệ này chẳng thể tách rời, bởi hình tướng bên ngoài tuy hai, song hồn tính bên trong lại chung một thể, nên qua bài Vịnh Cặp Bánh Trôi:

Thân em thì trắng phận em tròn Bảy nổi ba chìm với nước non Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn Riêng em vẫn giữ tấm lòng son.

Ta thấy bà coi cặp bánh là một phần cơ thể của mình, nên không ngần ngại ví nó với cặp nhũ hoa đẹp đẽ mến yêu. Song bà cũng thừa hiểu với luật sinh sinh hóa hóa trước sau gì phần giả tướng ấy cũng có lúc chia lìa tan rã, nên nguyện giữ trọn phần chân tâm là tấm lòng son mãi mãi vững bền. Cái nguyên tính tròn đầy không từng vơi bớt, không hề ô nhiễm ấy bà đã biểu thị bằng hai tiếng vừa "trắng" lại vừa "tròn" là vòm thái hư là bọc Âu Cơ.

(còn một kỳ)

VNCR

Dù ở bất cứ nơi đâu trên trái đất, nếu có điện thoại, quý vị cũng có thể nghe được chương trình phát thanh VNCR bằng máy điện toán của quý vị. Mở máy và bấm vào

http://kicon.com/vncr

Ngay giữa trang, quý vị sẽ thấy dòng chữ chỉ dẫn cách nghe VNCR: bấm vào chữ *here*, màn ảnh sẽ hiện ra trang chỉ dẫn.

Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu, buổi sáng từ 5 giờ đến 7 giờ, và buổi chiều từ 12 giờ đến 4 giờ (giờ California), quý vị có thể nghe trực tiếp chương trình VNCR đang phát thanh. Ngoài những giờ trên, quý vị có thể nghe lại chương trình trong ngày, và một số chương trình chọn lọc được lưu trong hệ thống điện toán Kicon.

Liên lạc:
(a)về chương trình VNCR:
ĐT (714) 534-9431.
FAX (714) 534-9433.
E-mail vncr@kicon.com

(b)về kỹ thuật lên lưới c/o Kicon :
ĐT (714) 590-3080.
FAX (714) 590-3084.
E-mail info@kicon.com

ARLEQUIN

VŨ THƯ HIÊN

LTS - Cuốn hồi ký Đêm Giữa Ban Ngày *của Vũ Thư Hiên mà độc giả đã theo dõi nhiều đoạn trích đăng trên Thế Kỷ 21, không phải chỉ là một hồi ký thuần túy về chính trị và các người làm chính trị. Nổi bật trên cái sân khấu của các biến cố chính trị, giữa các tên hề và bạo chúa xuất hiện trên sân khấu đó, là con người tác giả, một nhà văn, và một nhà văn có tài. Đoạn văn sau đây trích từ chương 33 trong cuốn sách cho chúng ta thấy, Vũ Thư Hiên đúng là một nhà văn, một nhà văn với tâm hồn phong phú và nhân hậu.*

Khi vừa bị chuyển tới trại quân pháp, tôi còn tiếp tục đánh dấu ngày tháng như khi còn ở Hỏa Lò với Thành, lâu dần rồi ngày đánh dấu ngày không, đâm ra lẫn lộn lung tung. Tôi chỉ chỉnh lại sự đo đếm thời gian bằng những ngày lễ tết, tù được ăn tươi, và mỗi lần gặp gia đình, nửa năm một lần. Mọi người trong gia đình tôi nghĩ rằng trong óc tôi bắt đầu có sự trục trặc. Tôi không cải chính - như thế mà tốt hơn. Thấy tôi dở điên dở dại bọn chấp pháp càng đỡ làm phiền.

- Trời! - vợ tôi kêu lên - Anh không nhớ được bây giờ là tháng mấy nữa hay sao?

Tôi nhìn thấy trong mắt vợ tôi nỗi tuyệt vọng vô bờ.

Để cho tôi khỏi quên thời gian vợ tôi mang cho tôi những cuốn lịch túi, nhưng chỉ cần lãng đi một ngày là tôi lại bắt đầu lẫn. Sau tôi không thèm đánh dấu ngày nữa mà chỉ nhớ áng chừng bây giờ là tháng nào thấy cũng đủ.

Cái sự đơn điệu của đời tù xà lim thật ghê gớm. Một cuộc cãi nhau với chấp pháp cũng là một cơ hội giải tỏa tinh thần. Nhưng không phải lúc nào cũng cãi nhau được. Nếu đám chấp pháp không chọc tôi bằng những lời lẽ xúc phạm thì tôi cũng chẳng cãi nhau với họ làm gì.

Sau cuộc chia tay với anh bạn bác sĩ không quen biết và Trần Minh Việt, tôi không được ở dưới một mái nhà với người nào trong vụ chúng tôi nữa. Những phạm binh đến rồi đi, không ai nói chuyện với ai. Nếu ở bên cạnh có người cùng vụ thì tôi biết ngay. Quản giáo bộ đội phụ trách người trong vụ chúng tôi mở cửa cho nhận cơm, cho ra tắm bao giờ cũng mở lần lượt hết phòng này tới phòng khác trong một ngôi nhà rồi mới sang nhà khác. Nếu anh ta mở cho tôi rồi đi ngay có nghĩa là tôi ở một mình. Quản giáo phụ trách phạm binh không có nhiệm vụ mở cửa cho chúng tôi. Anh ta đi riêng, mở cửa cho những người tù mà anh ta quản lý.

Anh quản giáo bộ đội khoảng ba mươi tuổi, mặt mũi hiền lành, quần áo chững chạc, nhưng lại quá ít lời, chẳng bao giờ nói một câu. Không thể nào dò hỏi anh ta được điều gì. Có hỏi xin thuốc thì anh ta cũng chỉ ừ hữ rồi lặng lẽ khóa cửa lại. Trông cung cách thì thấy anh ta đoán được chúng tôi là ai, do đó mà trong cách đối xử thấy có phần trọng vọng.

Tôi có Arlequin ở chung là trong thời kỳ này.

Một hôm quản giáo cho ra tắm, tôi đang giội nước ùm ùm bên cạnh cái bể chứa sát tường nhà giam thì bỗng thấy một sinh vật bé xíu, đen xì cuống quít nhảy loi choi dưới chân mình. Nhìn kỹ, thì ra một con cóc vừa mới đứt đuôi nòng nọc.

Tôi nhìn anh chàng quản giáo. Anh ta vẫn chắp tay sau lưng nghênh trời nghênh đất. Tôi tắm vội tắm vàng, vừa kỳ cọ vừa dùng chân lùa con cóc về phía cửa xà lim. Nó nhảy tránh chân tôi, lao bạt mạng về hướng tôi muốn. Lối vào xà lim tối om, hẳn con cóc nghĩ đó là chỗ lẩn tránh tốt. Tôi kết thúc buổi tắm sớm hơn thường lệ, cứ để đầu ướt đẫm chạy thẳng vào phòng, tự mình khép cửa lại. Anh chàng quản giáo trợn mắt, không hiểu vì sao hôm nay tôi lại có thái độ lạ lùng như vậy.

Để cho con cóc nhỏ bé không thể chui ra ngoài qua khe cửa, tôi lấy cái áo rách chèn kín cái khe đó. Những ngày đầu tôi rất lo nó chết đói: tôi không biết nuôi cóc bằng cái gì. Nhưng trong xà lim con cóc vẫn sống nhăn và lớn lên rất nhanh. Để ý quan sát thì ra nó ăn kiến. Đàn kiến trú ngụ trong xà lim vợi hẳn.

Sự bận rộn với con cóc làm cho cảnh sống của tôi dễ chịu hơn. Bây giờ hàng ngày tôi có được cái thú ngồi im lặng trên phản mà quan sát nó nhảy nhót qua lại trên khoảng đất trống giữa cái phản và cánh cửa.

Con cóc xấu xí nhưng chăm chỉ chẳng mấy khi ngồi yên một chỗ. Suốt ngày nó tha thẩn nhảy tới nhảy lui, thỉnh thoảng lại đớp lia lịa những con kiến vô hình trong bóng tối.

Tôi buộc phải đặt chân rất thận trọng mỗi khi bước xuống đất kẻo dẫm chết nó. Mà tôi phải

xuống đất nhiều lần trong một ngày để tập thể dục, đi bách bộ mươi, mười lăm phút giữa giờ làm việc.

Nhà cầm quyền cuối cùng đã cho phép tôi được nhận mấy cuốn sách: một cuốn từ điển giải nghĩa tiếng Nga và hai cuốn tiểu thuyết Liên Xô bằng tiếng Pháp. Từ điển là để tra cứu, nhưng với tôi nó là cuốn sách để đọc, để nghiền ngẫm. Tiếng Pháp của tôi vốn tồi, gặp từ nào không hiểu thì bỏ qua, gặp lại nó vài lần thì dựa vào văn cảnh mà đoán nghĩa. Tôi mải mê đọc đến nỗi nhiều khi quản giáo mở cửa mới giật mình biết rằng đã tới giờ ăn sáng hoặc ăn chiều. Đến khi có hai cái ruột bút bi thì tôi còn bận hơn nữa với việc viết cuốn Miền Thơ Ấu. Tôi phải chia công việc ra, lúc viết lúc đọc, thay đổi công việc cho óc khỏi mệt. Không thể viết nhanh được vì phải tiết kiệm giấy: tôi chỉ có trong tay một số vỏ thuốc lá và vỏ giấy từ những cái kẹo gia đình gửi cho.

Con cóc cũng chẳng buồn để ý tới tôi. Nó còn bận kiếm ăn. Được cái giống kiến kém trí khôn. Chúng không hề để ý tới hiểm họa đang rình rập bên cạnh. Thậm chí chúng thản nhiên giăng hàng đi ngay trước mặt con cóc, thỉnh thoảng bị mất vài con nhanh như chớp mà không biết.

Kể ra kiếm được con chuột nhắt con để nuôi thì vui hơn. Hồi còn nhỏ ở nhà quê tôi nuôi đủ thứ: chim sẻ, chim gi, sáo sậu, sáo đen, sáo đá... Chưa bao giờ tôi nghĩ mình sẽ nuôi một con chuột làm bạn, đừng nói gì một con cóc. Với chim sẻ, chim gi thì dễ bắt lắm - chỉ cần theo dõi những con chim bố mẹ tha rác làm tổ dưới mái nhà, chịu khó chờ ít lâu là chắc chắn bắt được chim con vừa vỡ bọng cứt. Với giống sáo thì nhiêu khê hơn. Phải lấy cót cuộn lại thành một cái ống dài ở cuối phình ra với một cái giỏ thủng, cho vào trong đó ít rơm, bọc kín lại bằng chiếu rách, rồi buộc vào một cành ngang, chọn sao cho tránh hướng mặt trời chiếu vào tổ là thế nào cũng có đôi sáo bố sáo mẹ chọn làm tổ.

Trong các giống chim gần người tôi thích chim gi hơn cả. Con chim bé bỏng với bộ lông màu gụ và cái mỏ sừng mập mạp nếu được nuôi từ lúc bé tí thì luyến chủ vô cùng. Nó không rời tôi nửa bước. Khi lớn hơn, đã có thể tự kiếm ăn, thì nó cũng bay xa, nhưng chỉ cần gọi "tơri, tơri.i.i..." là nó đã tự đâu xà xuống trước mặt. So với sẻ và các loại sáo, chim gi thông minh hơn. Ôy là tôi nghĩ thế, chứ giữa loài chim với nhau tiêu chuẩn thông minh chắc phải khác. Một con chim bỏ loài để theo người hẳn bị chúng chim coi là xuẩn ngốc.

Chao ôi, giá mấy thằng cha độc tài ở nước tôi có được cái đức độ của Sa hoàng thì may biết mấy! Chúng tôi sẽ được phát vãng như những nhà cách mạng Nga lên một vùng rừng núi nào đó, kiểu Sibir hoang vu, chứ không phải nằm mốc ra ở đây. Trong cuộc sống phát vãng đáng mơ ước đó tôi sẽ buộc tổ sáo trên những cành xoan, hoặc của bất cứ cây gì. Tôi sẽ nuôi những con sáo con mép vàng hoe bằng cào cào châu chấu và cơm nguội cho tới khi chúng khôn lớn. Trong tuổi thơ của tôi, rất tiếc, tôi chưa một lần bóc lưỡi cho sáo để chúng nói được tiếng người.

Đành nuôi con cóc xấu xí kia vậy. Những ngày đầu nó còn lẩn tránh tôi, mỗi khi tôi tới gần là nó vội vã nhảy đi. Lâu dần rồi cu cậu cũng quen, không đến nỗi xa lánh tôi như trước. Thậm chí thỉnh thoảng tôi có vuốt ve nó, nó vẫn ngồi im. Người ta nói khi đụng vào cóc, da nó sẽ tiết ra một loại mủ độc, chạm vào thì bị lở loét. Con cóc của tôi chẳng tiết ra chất gì hết. Chắc nó không muốn hại tôi. Quen thêm chút nữa, tôi đặt nó vào lòng bàn tay rồi đưa lên tận mắt ngắm nghía. Nó cũng mặc. Chỉ tiếc nó không biết nói, tôi có nói gì nó cũng không thèm đáp, chỉ giương đôi mắt thao láo ra nhìn lại.

Cuộc sống trong khu xà lim lặng lẽ trôi. Gió vẫn thổi, mây vẫn bay, tôi vẫn ngồi đó, Trong khu biệt giam bên cạnh chiều chiều vẳng tới tiếng ngâm thơ khe khẽ, không rõ là của ai. Từ cửa sổ phòng tôi có thể nhìn thấy một chút xíu phần trên cửa sổ, từ đó vẳng ra tiếng ngâm thơ, nhưng người ở trong cũng không thể ngó thấy tôi. Nhặt được một mẩu gương vỡ tôi bắt ánh mặt trời buổi sáng chiếu hắt sang cửa sổ đó, hi vọng một chút ánh sáng sẽ lọt được vào trong phòng. Quả nhiên người ở trong bắt được tín hiệu của tôi, anh ta gõ vào chấn song mấy hồi liền để trả lời. Lính gác chạy xồng xộc đến nhưng không bắt được quả tang chúng tôi liên lạc với nhau, đứng ngơ ngẩn một lát rồi bỏ đi.

Một hôm, cả khu xà lim náo động hẳn lên vì những tiếng gào thét ầm ĩ, những lời chửi rủa tục tằn. Một lát sau qua lỗ thủng ở cửa tôi nhìn thấy một người tù bị nhét giẻ vào miệng, mặt đỏ gay vì khó thở hoặc vì tức giận. Anh ta xoạc cả hai chân ra để chống lại, không chịu đi, nhưng hai tay lính gác trẻ hơn và khỏe hơn vẫn lôi xềnh xệch anh ta đi được, chắc hẳn để tống vào một thứ xà lim kỷ luật kiểu như ca-sô Hỏa Lò. Anh tù còn trẻ, mặc quần áo bộ đội.

Lợi dụng những người lính gác đã đi ra ngoài

* Thằng bé về nhà, mặt hân hoan khoe với bố:

"Ba biết không, con kiếm được ít nhất năm đồng trong ngày hôm nay."

"Thật thế à? Con đã làm gì nào?"

"Con đã chạy theo sau một chiếc xe buýt. Đáng lẽ leo lên đi, con đã chạy tới trạm cuối cùng!"

"Con ơi, con có thể kiếm mười lần hơn số tiền đó, nếu con chịu khó chạy theo một chiếc taxi!"

khu xà lim, người ở ngôi nhà trên đã bắt được tín hiệu của tôi kêu lên:

- Ai đó? Kỳ Vân đây!

- Chào anh! Hiên đây! - tôi đáp lại.

- Vững vàng nhá!

- Nhất định rồi. Anh khỏe chứ?

- Khỏe lắm! Đừng tin lũ bịp! Chúng nó dựng vụ đấy!

Kỳ Vân nói dối. Anh yếu hơn chúng tôi nhiều. Nghe giọng anh thì biết. Với tiêu chuẩn ăn uống ở trại không ai có thể khỏe được. Anh lại không được tiếp tế nhiều như cha con tôi. Gia đình tôi dù sao cũng còn khá hơn gia đình anh. Các con anh sống được là may, nói gì đến tiếp tế cho bố. Tất nhiên, những gia đình cùng chung cảnh ngộ cũng không quên chăm sóc các con anh, nhưng xin tiếp tế cho anh thì không được - không đời nào Lê Đức Thọ cho phép. Các con anh còn nhỏ quá, lại đang đi học, không thể đi thăm và tiếp tế cho anh.

Đó là lần cuối cùng tôi gặp Kỳ Vân.

Nếu bọn Duẩn-Thọ cho chúng tôi ở cùng nhau để trông nom nhau, săn sóc nhau thì chắc gì Phạm Viết, Kỳ Vân đã chết thảm trong tù.

Con cóc lớn nhanh như thổi. Mới hôm nào còn là một con cóc bé xíu, bé đến nỗi tôi không cảm thấy trọng lượng của nó khi đặt nó lên tay, thế mà mới hai ba tháng sau nó đã chầm chẫm, trở thành một con cóc thanh niên lực lưỡng.

Đến giai đoạn này cu cậu bắt đầu thay da: màu đen mất dần, xuất hiện những mảng loang lổ màu nâu đất xen lẫn màu vàng thẫm. Lũ kiến vợi đi trông thấy. Để nuôi con cóc tôi phải nhịn một ít đường cát tiêu chuẩn để nhử thêm kiến vào phòng. Giống kiến xem ra không có óc suy xét, thấy đâu có ăn là kéo đến liền. Theo vệt nước ngọt được tôi vẽ từ cửa sổ hạ xuống tận nền nhà chúng rùng rùng kéo đàn kéo lũ từ bên ngoài tràn vào, bổ xung nguồn lương thực cho chàng cóc. Món ăn cu cậu thích hơn cả là kiến đen, nhưng thỉnh thoảng đổi món cu cậu cũng xơi kiến lửa. Cóc không thích kiến hôi, có thể vì chúng bé quá, mà cũng có thể vì chúng hôi quá.

Vì những mụn vá rất nghệ thuật theo phong cách siêu thực trên tấm áo mới của con cóc tôi đặt cho nó cái tên Arlequin, nhân vật nổi tiếng của sân khấu hài kịch Italia. Tôi nhìn dáng đi nghiêng ngả chông chênh tức cười của con cóc mà hình dung ra những chàng Arlequin vui tính nhảy nhót trên sân khấu Moskva, Leningrad, hình ảnh gắn liền với một thời đã mất.

Tôi nhớ trong một cuốn sách khoa học thường thức người ta viết rằng cóc không nghe được tiếng người mà chỉ bắt được âm thanh thuộc âm vực hoặc rất thấp hoặc rất cao. Thế mà Arlequin nghe được tiếng tôi gọi. Mỗi khi tôi vỗ tay, khẽ kêu lên "Arlequin!" là nó quay đầu lại nhìn tôi, cặp mắt mở to, chớp chớp.

Ngẫm ra con người ta không phải chỉ có các bản năng được gọi là cơ bản như bản năng sinh tồn, bản năng tự vệ, bản năng truyền giống... mà còn có một bản năng ít được chú ý là bản năng cầu bầu. Không hiểu sao tôi lại thích cái từ đã chết này. Các cố đạo Y-pha-nho, Bồ-đào-nha ghi nhận từ cầu bầu trong tiếng Việt thế kỷ thứ 19 và đưa nó vào những cuốn kinh bổn sớm nhất bằng tiếng Việt với nghĩa che chở, chăm nom, săn sóc, giống như từ patronage trong tiếng Pháp. Khi anh gặp một người yếu đuối đang cần sự che chở, trong lòng anh nảy ra ý muốn giúp đỡ kẻ đó, ấy là trong anh bản năng cầu bầu lên tiếng đấy. Năm 1956 tôi được xem một cuốn phim Pháp nhan đề Porte des Lilas, với Jean Gabin thủ vai Juyjuy, một anh chàng lộc ngộc kém trí khôn. Một tên gangster chạy trốn cảnh sát lạc vào khu phố nghèo, nơi nhân vật của chúng ta đánh bạn với một anh chàng thất cơ lỡ vận có biệt hiệu Nghệ Sĩ. Tên gangster hành hai người đến nơi đến chốn: ngồi yên tại nơi ẩn nấp y bắt họ dội nước cho y tắm, dọn bữa cho y ăn, đi mua transistor cho y tập thể dục buổi sáng,... Đã thế y còn quyến rũ cô gái bán bar thơ ngây mà anh chàng lộc ngộc của chúng ta thầm yêu trộm nhớ. Cho tới một hôm, Nghệ Sĩ hộc tốc chạy tới lay tỉnh anh ta, mặt mày rạng rỡ:

- Dậy, dậy đi, mày!

Juyjuy phẩy tay, ọ ẹ:

- Đừng có phá! Để tao ngủ.

- Dậy, dậy! Nó đi rồi!

- Đứa nào đi rồi? - mắt nhắm mắt mở Juyjuy hỏi lại.

- Còn đứa nào vào đấy nữa! Nó đi rồi!

Juyjuy ngẩn người ra một lát. Rồi hiểu ra nó là ai, anh ta thở dài:

- Thôi, thế là từ nay chẳng còn ai cần đến tao nữa!

Bản năng cầu bầu chính là cái đó.

Không phải chỉ nhu cầu có bạn trong cảnh cô đơn mà người tù xà lim nuôi những con vật chẳng ai nuôi làm cảnh bao giờ. Con người cần có ai đó để mà săn sóc. Nói cách khác, nó cần được thấy có ai đó cần đến nó, để được thấy nó đang hiện hữu và hiện hữu có ích. Tình cảm đó là hạt nhân Thiện nằm trong mỗi chúng ta.

Tôi cảm thấy đỡ đơn chiếc hơn nhiều khi có Arlequin ở bên. Nhưng càng lớn lên Arlequin càng bướng bỉnh. Nhiều lần tôi gọi, nó không tới nữa, mà cứ ngồi yên trong nỗi trầm tư của nó, chỉ một mình nó biết nó nghĩ gì.

Một hôm, vào buổi trưa tôi bắt gặp Arlequin đang ì ạch trèo lên bức tường gai góc. Nó thở dốc, cái bụng phập phồng. Tôi tiếp tục giấc ngủ chập chờn trong cái nóng đầu hè. Tỉnh dậy, tôi thấy Arlequin đang giẫy giụa dưới đất. Hình như cu cậu vừa bị ngã một cú trời giáng. Tôi nghĩ đó là trò nghịch ngợm của trẻ con, không đáng để ý.

Nhưng những cuộc phiêu lưu của vận động viên leo núi diễn ra ngày một nhiều thêm. Những cú

ngã cũng nặng nề hơn. Bức tường xà lim Bất Bạt, như tôi đã kể, lổn nhổn vẩy vữa cứng và sắc, gây ra những vết xước khá trầm trọng cho Arlequin - trên bộ cánh đẹp đẽ của nó, nhất là ở chỗ da bụng mịn màng, xuất hiện những cái sẹo nhem nhuốc.

Cho tới một buổi trưa đang ngủ say chợt thức giấc tôi thấy Arlequin hì hục trèo lên cao bằng cách bám vào những vẩy vữa rồi đi ngang về phía cửa sổ. Thì ra nó muốn bỏ trốn.

Tôi nổi giận. ớt nhất thì cũng đã mấy tháng trời chúng tôi chung sống cùng nhau, vậy mà nó tệ, muốn bỏ tôi mà đi. Chẳng phải là tôi đã nhịn phần đường của mình để nuôi nó sao? Tôi nhoài người vớ cái chổi quét một nhát thật mạnh. Arlequin bay bổng lên rồi rơi bịch xuống đất. Nó giẫy giụa một hồi, rồi nằm thẳng cẳng, phơi cái bụng xây xát. Đã tưởng nó chết, nhưng nó vẫn sống. Tỉnh lại, nó bực bội nhảy vào một góc tối.

Arlequin giận tôi. Từ hôm đó tôi gọi nó không thèm nhảy lại nữa.

Mùa hè ở Bất Bạt nóng lắm. Mặc dầu ở trên đồi cao, nhưng những hôm trời lặng gió trong xà lim nóng như trong lò lửa không kém xà lim Hỏa Lò là mấy. Tấm phản mộc dày là thế mà cong hẳn lên trong cái nóng khô khắc, thỉnh thoảng lại phát ra những tiếng tí tách của gỗ nứt. Không đường chạy trốn, tôi quẩn quại trong cơn thiêm thiếp của sinh vật hấp hối. Bây giờ không phải là những người lính gác đóng cửa sổ lại không cho phép tôi nhìn ra ngoài, mà tự tay tôi phải đóng lại để cho mắt khỏi nhức nhối bởi cái nắng chói chang đang thiêu đốt khoảnh đất trần trụi trước mặt.

Trong một buổi chiều nóng bức như thế, tôi choàng tỉnh như bị đánh thức. Linh tính báo cho tôi biết trong xà lim chỉ còn lại một mình tôi.

Arlequin đã đi rồi!

Mắt nhắm mắt mở, tôi gọi ầm lên " Arlequin! Arlequin!". Đáp lại tiếng gọi tuyệt vọng của tôi chỉ có im lặng mênh mông.

Nghe tiếng tôi kêu lớn, mấy anh lính gác xồng xộc chạy lại. Nhưng ngó nghiêng một lát, chẳng thấy có chuyện gì xảy ra, họ bỏ đi. Tôi nghe tiếng một người vẳng lại:

- Lại một thằng nữa phát điên!

- Nóng bỏ mẹ thế này, chúng nó chưa chết là giỏi rồi! - có tiếng cười hô hố.

- Còn nóng kéo dài chúng nó còn điên nhiều...

Bọn khốn kiếp, tôi chửi thầm. Nhưng tôi chả còn tâm địa nào nghĩ tới họ. Tôi còn đang đau khổ vì sự bỏ đi của Arlequin. Tôi chui xuống gầm phản, sờ soạng tìm trong mọi xó xỉnh của cái hầm trú ẩn tối om lởm chởm đá răm và cuội. Nhưng đó là cuộc tìm kiếm vô vọng - Arlequin đã đủ lớn để không thể chui vào những lỗ nhỏ có rất nhiều trong lòng đất laterit.

Mệt mỏi, tôi nằm vật ra phản. Nước mắt tôi chảy ra. Tôi nhớ Arlequin như nhớ một con người.

Buổi chiều tôi bỏ cơm. Viên quản giáo bộ đội ái ngại:

- Anh ốm à?

- Vâng.

- Phải ăn để giữ sức khỏe chứ.

- Anh báo cháo giùm tôi.

Anh ta khép cửa lại.

Trong xà lim vắng lặng hẳn. Cứ như thể Arlequin còn đó thì xà lim không vắng vẻ đến thế. Tôi cảm thấy hụt hẫng. Không còn nữa tiếng sột sạt khe khẽ khi Arlequin di chuyển trên nền xi măng, chỉ có thể nghe thấy được nếu rất chú ý. Không còn cái bóng nhỏ lui cui lúc chỗ này lúc chỗ kia trong cái cũi người nay còn lại mình tôi.

Về chiều trời oi nồng như chưa bao giờ oi nồng đến thế. Miệng đắng ngắt, tôi vật vã trên tấm phản mãi khô cong, không sao ngủ nổi. Trong cơn mơ màng tôi nghe tiếng đàn cóc đồng đảo bên ngoài xà lim kêu rộn rã. Có vẻ chúng hoan hỉ đón mừng Arlequin thoát vòng tù ngục.

Tôi lịm đi khi cơn mưa rào giội xuống xối xả.

Trong giấc mơ tôi thấy Arlequin trở về. Không phải con cóc mà là một chàng trai cường tráng. Không phải xà lim mà ở một nơi nào đó không rõ rệt, không ra là ở ngoài đời, cũng không ra ở trong tù.

- Tôi quay lại để từ biệt anh! - Arlequin nói - Tôi không thể ra đi mà không chào anh một lời...

Tôi nhổm dậy.

Giữa hai chúng tôi là những song sắt. Hiện thực trở lại một nửa, lờ mờ.

- Sao chú nỡ bỏ tôi mà đi, hở Arlequin?

- Tại sao ư? - Arlequin đăm đăm nhìn tôi, cái nhìn thương xót - Chẳng lẽ anh lại không hiểu nổi một điều đơn giản như thế sao?!

Tôi cảm thấy cay cay nơi sống mũi, cái nhìn nhòa đi.

- Tôi có đối xử với chú quá tồi tệ đâu, Arlequin? Tất nhiên, tôi cũng có lúc nóng nảy, nhưng đó là khuyết điểm có thể bỏ qua cho nhau được...

- ... Chuyện đó tôi quên rồi! Anh đối với tôi rất tốt, tốt lắm. Tôi không quên anh đã nuôi tôi lớn lên, tôi cũng không quên những gì anh đã làm cho tôi, tôi hiểu tấm lòng của anh đối với tôi... Những cái đó làm sao quên được! Nhưng thú thực, có một điều tôi không hiểu nổi: vì sao anh có thể ở mãi trong cái chuồng này mà không chán. Tôi thì tôi không thể sống như thế được.

Tôi nhìn cái xà lim, ngôi nhà của tôi.

- Không phải tôi muốn thế. - tôi kêu lên - Tôi bị cầm tù, Arlequin hiểu không, tôi bị cầm tù...

- Và anh muốn cầm tù tôi cùng với anh?

- Tôi không cầm tù Arlequin, tôi chỉ muốn Arlequin ở cùng tôi thôi. Không có Arlequin tôi buồn lắm.

Arlequin nói, ngậm ngùi:

- Tôi cũng muốn ở cùng anh, nhưng rất tiếc, không thể được. Tôi là một con cóc. Không con vật nào muốn sống trong lồng, trong chuồng, anh có hiểu như thế không? Sống như thế không phải là sống. Chúng tôi không cầm tù nhau như các anh, loài người... Không biết và không nỡ. Tôi biết: các anh nghĩ rằng loài người các anh là sinh vật thượng đẳng, các anh coi các anh cao hơn các loài khác, nhưng tôi nghĩ các anh lầm. Hoàn toàn không phải thế...

Tôi không biết nói gì với Arlequin. Tôi buồn nỗi mình thuộc một loài mà cả đến con cóc cũng không thèm kính trọng.

Arlequin đưa tay cho tôi:

- Anh ở lại nhé, nếu anh không thể ra được. Vĩnh biệt anh!

Tôi nắm chặt tay Arlequin không rời. Nhưng bàn tay Arlequin cứ nhỏ dần, nhỏ dần cho tới khi trở thành bàn tay của con cóc bé nhỏ đã ở cùng tôi, con vật xấu xí dễ thương đã là niềm vui của tôi trong mấy tháng trời. Tôi nhắm mắt lại vuốt ve bàn tay nhỏ bé nhưng nó đã tuột khỏi tay tôi.

Tôi choàng tỉnh. Mở mắt ra thì trời đã rạng. Không khí mát và ngọt sau cơn mưa rào ùa vào lồng ngực. Chung quanh tôi là sự tĩnh lặng của vô cùng. Qua song sắt nhà tù tôi nhìn thấy bầu trời nhợt dần, bóng đêm mất đi nhường chỗ cho một ánh hồng cảm thấy được chứ chưa nhìn thấy được đang dâng lên từ phương Đông. Đầu óc tôi bừng sáng trong một tia chớp từ bên trong, những ý nghĩ trở nên rõ ràng như chưa bao giờ rõ ràng như thế. Nỗi buồn mất đi không để lại dấu vết, Thế chỗ nó là một niềm vui không tên, trong sáng.

Đó là phút mà con người đặt tên là mặc khải.

Tôi nghĩ tới Lênin và hiểu rằng ông đã sai biết bao nhiêu khi đặt tự do nằm trong phạm trù ý thức.

Bằng sự ra đi của nó Arlequin chứng minh điều ngược lại: tự do nằm trong phạm trù bản năng.

ĐINH TUẤN

VỀ GIỮA ĐÁM MÂY XANH

Sống với nhiều khuôn mặt
Chết còn mỗi linh hồn
Mai rồi tôi nhắm mắt
Sẽ nhớ một môi hôn
Một giọng cười trong vắt
Một giọt nước mắt buồn
Khi tôi về nơi khác
Người sẽ nhớ hay quên?
*
Đời vốn là hư ảo
Tôi là kẻ rong chơi
Đã thoát vòng cơm áo
Nên môi nở nụ cười
Tình có là hư ảo?
Mà buốt nhói tim côi
Tôi chưa hề đắc đạo
Từ thuở bước xa người
Lòng tôi con ốc đảo
Nằm nhớ áng mây trôi...
*
Bao nhiêu lần đi lạc
Theo đuổi một bóng hình
Trăm năm rồi ngơ ngác
Bước vào cõi lặng thinh
Xưa sống vì kẻ khác
Mai sẽ chết cho mình
Hóa thân thành cánh vạc
Về giữa đám mây xanh
*
Bây giờ tim đau nhói
Cũng xin tạ ơn đời
Nhưng xin đừng ai hỏi
Vì sao cỏ xanh tươi
Mà lòng tôi vẫn đợi
Cơn mưa xuống từ trời
Rơi vào trong đêm tối
Những ngày tuổi ba mươi

San Diego, 26 tháng Bảy, 1993

Mấy giai thoại về Nguyễn Bính

BẢO VÂN

Nguyễn Bính tên thật là Nguyễn trọng Bính sinh năm 1918 tại Xóm Trạm, thôn Thiện vinh, huyện Vụ bản, tỉnh Nam-định, trong một gia đình nhà Nho nghèo. Sau Nguyễn Bính lại đổi căn-cước ra là Nguyễn-Bính-Thuyết.

Thuở bé đã mồ côi mẹ, Nguyễn Bính sống với cha là ông đồ Nho Nguyễn Đạo Bình tại làng quê. Cảnh nhà túng-thiếu nên khi mới 14 tuổi Nguyễn Bính đã phải theo anh ruột là Nguyễn mạnh Phát (tự Trúc-Đường) ra kiếm sống ở Hà-đông rồi Hà-nội.

Nhờ óc thông minh và tài làm thơ mẫn-tiệp nên bài *Cô hái mơ* được đăng trên báo Phong-hóa và sau đó được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc mà đến bây giờ vẫn còn được nhiều ca-sĩ đem ra hát.

Năm 1937 Nguyễn Bính gửi tập thơ *Tâm hồn tôi* dự cuộc thi văn chương của nhóm Tự-lực văn-đoàn và được giải thưởng khuyến khích. Từ năm 1940 đến 1942, Nguyễn Bính viết rất nhiều thơ, đăng ở các báo *Tiểu thuyết thứ Bảy, Tiểu thuyết thứ Năm, Hà nội báo v.v...* Ông đã cho xuất bản nhiều tập thơ như: *Lỡ bước sang ngang, Hương cố nhân, Mười hai bến nước v.v...*

Thơ của Nguyễn Bính duyên-dáng, ý-nhị, mộc-mạc như ca dao nên được rất nhiều người ưa thích. Nhiều bài đã được phổ nhạc và phổ biến rất rộng rãi. Nhiều thiếu nữ lúc bấy giờ đã thuộc lòng bài *Lỡ bước sang ngang.*

Năm 1956, mắc vào vụ án Nhân-văn Giai-phẩm, Nguyễn Bính bị chỉnh và phải bỏ Hà nội về Nam-định, làm việc một cách âm-thầm cho Ty Văn hóa Nam Hà (Nam định và Hà nam gộp lại)

Vào dịp cuối năm 1965, Nguyễn Bính đã lìa đời tại một làng quê lúc chưa đầy 50 tuổi.

Ngoài những bài thơ quen thuộc, xin thuật lại mấy giai-thoại vui vui về Nguyễn Bính.

1. Ai hát đúm ở thôn quê

Hát đúm là một loại hát đối đáp giữa trai và gái ở các làng quê vùng Bắc Việt Nam. Hai phe nam, nữ thi hát trêu ghẹo nhau trong dịp đầu xuân. Phe nào, phe nấy còn phải đem theo một người biết sáng tác thơ thật nhanh để làm thầy dùi, gà những câu đối-đáp rồi hát lên tranh tài với nhau.

Đêm hát đúm ấy phe nữ có cụ Chanh ngoài 70 tuổi, phe nam có cậu Bính mới đúng 13. Cuộc đối đáp kéo dài bất phân thắng phụ. Sau cùng Nguyễn Bính viết giúp phe Nam mấy câu hỏi dồn dập như sau:

Anh đố em:
Làng ta chưa vợ mấy người?
Chưa chồng mấy ả? em thời biết không?
Đố ai đi khắp Tây,
Đông Làm sao kiếm được tấm chồng như chúng anh đây!
Làm bao nhiêu rượu mới say?
Như trăng mới mọc, như cây mới trồng?
Làm sao nên vợ, nên chồng?
Làm sao cho thỏa má hồng, răng đen?
Làm sao trăng tỏ hơn đèn?
Làm sao cho bút gần nghiên suốt đời?
Làm sao cho chín thành mười?
Làm sao? Em đáp một lời, anh nghe!

Phe Nam hát xong thì phe nữ bối-rối, không trả lời được. Các cô má đỏ hồng, đấm vào lưng nhau rồi cười rúc-rích. Người cầm chịch (cũng như trọng-tài) đã gõ ba hồi trống giục rồi mà phe nữ vẫn chưa trả lời được và đành chịu thua. Bọn trai làng reo hò vang dội và hết lời hoan hô cậu Bính.

2. Trả lời bằng thơ tục

Một bữa hội họp với anh em, Nguyễn Bính có vẻ bơ-phờ mệt nhọc. Có người đùa đọc:

Văn nghệ hay là văn gừng?
Sao ông lửng-khửng-lừng-khừng vậy ôi?
Hay là tối đã tác rồi
Sáng không tác nổi, mệt nhoài tứ chi?

Dù đang mệt mỏi, nhưng không chịu thua những lời trêu-chọc Nguyễn Bính ứng khẩu, trả lời:

Sáng-tác hay là tối-tác đây?
Tối không tác đủ, tác ban ngày,
Xem ra sáng-tác không bằng tối!
Tối tác ông ơi!
Sướng thế này!

3. Mấy đôi câu đối hiểm hóc

Có những vế câu đối ra rất hiểm-hóc để thử tài người đối lại. Một hôm có người đọc một vế ra là:

Chuồng gà kê áp chuồng vịt

Nếu để ý, ta thấy từ *kê áp* là có nghĩa là đặt liền ở cạnh nhưng *kê* lại là *gà* và *áp* lại là *vịt* theo chữ Hán, nên mới khó. Nguyễn Bính đối lại:

Chú chuột ra bớp chú bò

Nguyễn-Bính đã dùng chữ Pháp đối lại chữ Hán vì từ *ra bớp* có nghĩa là *ra đánh* nhưng *ra* (rat) là *chuột* và *bớp* (boeuf) là *bò* nên vế đối rất chỉnh.

Lần sau Nguyễn Bính đã đối được vế ra:

Ba ba đã chín

bằng vế đối

Cát-cát đầy xe

Cái lắc léo thấy ở vế ra này là:

Ba-ba (là con ba-ba, một loại rùa) đã chín (đã nấu chín rồi)

Ngoài ra *ba* nhân với *ba* sẽ thành ra *chín*

Còn ở vế đối của Nguyễn Bính, ta thấy:

Cát-cát (để trộn lúa) đầy xe (chứa đầy xe chuyên chở)

Thế nhưng theo chữ Pháp thì *cát* (quartre = bốn) nhân với *cát* sẽ thành *xe* (seize = 16)

Người ta còn truyền rằng vế ra

Sao hôm, mai mọc sớm

đã được Nguyễn Bính đối lại bằng:

Cửa Bắc, Tây ở đông

Trong vế ra, mọi người đều nhận thấy ngoài cái nghĩa thông thường là: *Ngôi sao hôm, đến ngày mai sẽ mọc sớm hơn thường lệ* thì đã có ba từ *hôm, mai, sớm* để chỉ chiều *hôm*, sáng *mai* và buổi *sớm*. *Còn vế đối lại là một sự thật: Người Tây (kiều dân Pháp) ở rất đông đúc ở vào phố cửa Bắc. Những từ Bắc, Tây, Đông* đều được dùng để chỉ phương hướng.

Nếu đúng Nguyễn Bính đã đối được những câu ra thì quả thật nhà-thơ này rất là mẫn-tiệp.

4. Anh chỉ muốn hôn

Tương truyền Nguyễn Bính rất đa-tình vì có đa-tình thì làm thơ mới hay. Một hôm, Nguyễn Bính đến thăm người yêu, sau khi trò chuyện trời, mây, giăng, nước vẩn-vơ rồi, chàng bất thình-lình ôm chặt lấy nàng mà hôn lấy, hôn để.

Vì bị hôn bất ngờ, không kịp phản ứng lại, nàng vội đẩy chàng ra và tỏ vẻ không bằng lòng về những cử chỉ sỗ-sàng của nhà thơ. Nguyễn Bính liền viết ngay mấy câu thơ tạ lỗi.

Anh *đi chẳng hẹn ngày về*
Chỉ thề ai buộc, tóc thề ai chôn.
Muốn gì, em muốn gì hơn
Hôn hoàng nay lại hoàng hôn mai ngày

Đọc kỹ lại cả bài thơ, nàng nhận thấy ngay bốn chữ ở đầu bốn câu thơ lục bát là *Anh chỉ muốn hôn* thì bật cười, má đỏ hồng, nũng nịu mắng yêu:

Phải gió cái anh này!

* "Ê, bồi bàn, sữa gì mà loãng thế này!"
"Rất tiếc, thưa ông, đấy là vì con bò bị mắc mưa!"

* Một nha sĩ không làm đau là một nha sĩ quên gởi hóa đơn cho bạn."

ĐÊM GIỮA BAN NGÀY

Hồi ký chính trị của
VŨ THƯ HIÊN

- *Sự thật về "Nhóm Xét Lại Chống Đảng"*
- *Bí mật hậu trường về những cuộc tranh chấp cung đình*
- *Hấp dẫn, trong sáng và giản dị*

Muốn biết rõ xã hội Việt Nam từ những năm 30 trở lại đây không thể không đọc

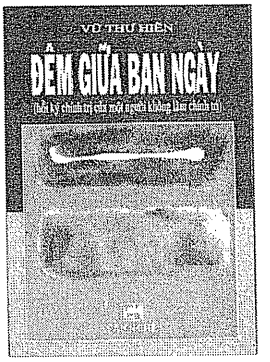

Giá 28 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 5MK cước phí

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
PO BOX 2301, WESTMINSTER, CA 92683.
ĐT (714) 527-5761

CHÚC MỪNG

Được tin vui Thầy Cô Hoàng Chiều Nhân
sẽ làm lễ thành hôn cho trưởng nam

Hoàng Nguyên Hoàn

đẹp duyên cùng

Marie Trần Phạm Như Hoa

thứ nữ của Ông Bà Trần Nam Hưng

Hôn lễ sẽ cử hành vào ngày 14 tháng Sáu năm 1997
nhằm ngày mùng 10 tháng Năm năm Đinh Sửu
tại Saint Laurent, Canada.
Xin được chung vui cùng Thầy Cô Hoàng Chiều Nhân
Thân chúc chú rể Nguyên Hoàn và cô dâu Như Hoa
một đời hạnh phúc.

TRƯƠNG NGỌC THIỆP
và gia đình

MỘT MÙA XUÂN VĨNH CỬU

THÁI TUẤN

Đôi lúc ngồi trước giá vẽ, nhìn vào cái nền trắng mênh mông của khung vải trắng.

Tôi chợt nhận thấy ngôn ngữ nước ta đã phân biệt được gần hai mươi sắc trắng khác nhau.(1)

Cái màu không phải là màu ấy, tưởng như nghèo nàn, mà thật sự là giàu có; thật đơn giản mà cũng quá phức tạp.

Có những cái trắng thô bạo: trắng hếu, trắng dã, trắng ởn thì cũng có cái: trắng tinh, trắng trong, trắng nuột.

Có cái trắng bịnh hoạn: trắng bệch, trắng phếch mà cũng có cái trắng lành mạnh: trắng ngần, trắng nõn, trắng phau.

Đến như cái Trắng Xóa, thì mọi hình tượng đã bị xóa sạch để chỉ còn lại cái chói lòa của ánh sáng. Sắc đã trở thành Không.

Cái không mênh mông bao la thường mang đến sự tịch lặng thư thái và đôi lúc kéo theo cả sự cô đơn bất lực của công việc sáng tạo đối với cuộc sống phù trầm. Nhưng, rồi một năng lực kỳ diệu nào đó, đã giúp cho bàn tay người nghệ sĩ cầm chắc cây bút cây cọ mà vẽ mà viết.

Hết thế hệ này đến thế hệ khác, nối tiếp nhau, truyền đạt cho nhau những kinh nghiệm để làm cái công việc gọi là Sáng Tạo. Như những loài chim cất lên ca hót. Tiếng ca hót cất lên từ khoảng trời bao la và đôi lần cũng vang lên từ những chiếc lồng chật hẹp.

Tiếng hót của chim chẳng phải để ca tụng khoảng trời mù mịt, cũng chẳng phải để oán than về chiếc lồng chặt hẹp. Tiếng ca hót của chim đã kéo gọi mùa xuân tới cùng với ánh sáng.

Hỏi thầm tháng mấy vậy ta
Mà nghe oanh hót la đà gió xuân (2)

Nhà thơ chỉ hỏi thầm, vì ông biết rõ mùa nào cũng có thể là mùa xuân khi nghe chim hót.

Mùa xuân không nằm trong ngôn ngữ; mùa xuân đích thực vẫn nằm trong sắc âm thanh. Là LỜI đã giải thoát khỏi Ý

Có ai lại đòi hỏi đức hạnh ở người đẹp trong tranh?

Song màu sơn, nét bút vẫn cần đến phẩm cách.

Mùa xuân 97

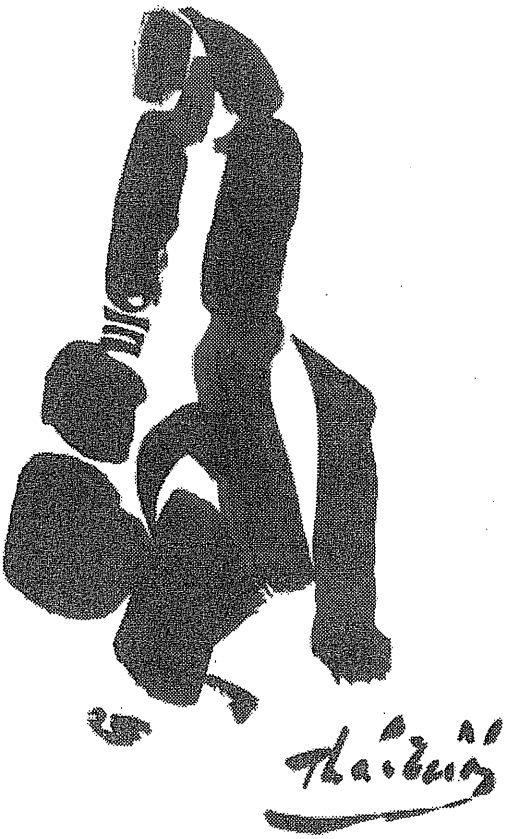

(1)Trắng bong; Trắng bệch; Trắng dã; Trắng hếu; Trắng nõn; Trắng phau; Trắng tinh; Trắng toát; Trắng ởn; Trắng bóc; Trắng nuột; Trắng mướt; Trắng trong; Trắng đục; Trắng phếch; Trắng ngần; Trắng xóa. Không biết có quốc gia nào nhiều tiếng hơn nữa!

(2)Hình như câu thơ này trong nguyên văn chữ Hán là của ông Lý Bạch

NGƯỢC DÒNG SÔNG MEKONG THỜI HOANG DÃ

1866 - 1873

Gửi Nhóm Bạn Cửu Long

NGÔ THẾ VINH

Từ Tây tạng tới Việt nam, dọc theo suốt chiều dài của con sông Mekong (đứng hàng thứ 7 của châu Á và hàng thứ 12 của cả thế giới) đang có những dự án xây dựng và phát triển các đập thủy điện đem lại hy vọng thịnh vượng cho 6 quốc gia trong vùng nhưng đồng thời cũng gây mối e ngại về những tác hại không thể lường trước được trên môi sinh.

DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH:

Câu chuyện sông Mekong đã và đang ngày một gắn bó với tương lai vận mệnh của Việt nam. Sắp qua rồi thời kỳ hoang dã của con sông dài hơn 4000 cây số chảy qua lãnh thổ của bảy nước (nếu kể cả Tây tạng) nhưng ngót một nửa chiều dài chảy ngang trên lãnh thổ Trung quốc. Đã 6 năm kể từ ngày Thomas O'Neill ký giả tờ National Geophaphics hoàn tất chuyến du hành xuôi dòng sông Mekong bắt đầu từ thượng nguồn cao nguyên Tây tạng xuống hạ lưu sông Cửu long ra tới cửa biển Nam hải; và cũng đã hơn 130 năm kể từ ngày một nhóm nhỏ người Pháp khởi hành từ Sài gòn ngược dòng sông ấy để đi tìm một thủy lộ mở đường giao thông với Trung hoa. Cùng với Milton Osborne, tác giả "River Road to China - The Mekong River Expedition 1866-1873) chúng ta thử tìm lại khoảng thời gian đã mất trong chuyến đi hào hùng nhưng không kém phần bi thảm của đoàn thám hiểm Pháp vào hậu bán thế kỷ thứ 19 trong bối cảnh từng bước thực dân Pháp tiến tới thuộc địa hóa toàn cõi Đông dương. Tưởng cũng nên lưu ý bạn đọc tên tuổi viên sĩ quan hải quân Francis Garnier không chỉ là phó trưởng đoàn thám hiểm sông Mekong, cũng chính Garnier là người chỉ huy cuộc đánh chiêãm Hà nội ngày 20 tháng 11 năm 1873, áp đặt nền đô hộ của Pháp trên cả ba kỳ của Việt nam.

VỚI NHỮNG TÊN KHÁC NHAU:

Do con sông chảy qua những vùng dân cư nói bằng nhiều ngôn ngữ, có ít nhất 5 ngôn ngữ chính: Hoa, Miến điện (Myanmar), Thái (bao gồm cả Lào), Cambốt và Việt nam; đó là chưa kể những thổ ngữ của các sắc dân thiểu số sống rải rác trong vùng. Các học giả cũng đã từng tranh luận về ý nghĩa những tên khác nhau của con sông. Ban đầu vì không biết được thượng nguồn, người ta gọi tên bằng lãnh thổ nó đi qua, như người Pháp đã dùng tên le Cambodge để gọi khúc sông chảy qua nước này. Riêng người Trung hoa khi thì gọi là sông Thạch hà, khi thì sông Long phi hay sông Cuồng; người Lào có tên sông Mẹ Khong, người Cam bốt có tên riêng Tonle Thom có nghĩa là con sông lớn, hay người Việt nam có tên Cửu long để chỉ con sông của họ.

Nhưng rồi do ảnh hưởng của Anh Pháp và Thái lan, tên sông Mekong được giới chức ngoại giao chấp nhận trên bản đồ, có lẽ bắt nguồn từ một tên gốc Thái, theo cách phiên âm của người Bồ đào nha, với tên gọi Mecon, Mecom hay Mekong - có ý nghĩa thơ mộng là "ợ mẹ của các con suối."

Từ nay và trong suốt bài này Mekong sẽ là tên gọi của con sông từ thượng nguồn xuống tới cửa biển Nam hải.

MỐI QUAN TÂM TỪ SÀI GÒN:

Năm 1860, Pháp đã thiết lập được nền hành chánh bảo hộ ở Sài gòn. Nhưng theo báo Courrier de Saigon lúc ấy thì cuộc sống những người Pháp ở đây đã chẳng sáng sủa gì: họ luôn luôn bị đe dọa bởi các loại bệnh miền nhiệt đới, nhiều người chết rất trẻ ở cái tuổi mới ngoài ba mươi vì những loại bệnh sốt, sốt rét và kiết lỵ. Một số người sống sót thì có thái độ chịu đựng; nhưng một số khác thì tỏ vẻ bất mãn về giá trị thương mại của thuộc địa Nam kỳ lúc đó nên muốn tìm tới một triển vọng làm ăn khá hơn cho chính họ và cho cả nước Pháp và họ bắt đầu quan tâm tới khả năng khai thác con sông Mekong. Cũng thời gian đó đã có những cuộc thảo luận về điều mà họ gọi là "ý tưởng lớn ". Người khởi xướng và hướng dẫn các cuộc thảo luận đó không ai khác hơn là Francis Garnier lúc đó mới 24 tuổi đang giữ chức vụ đô trưởng Chợ lớn. Là một sĩ quan hải quân trẻ tuổi vóc người thon nhỏ nhưng lại đầy tham vọng nên được các bạn đồng sự gán cho biệt danh "cô gái Nã phá

luân - Mademoiselle Bonaparte." Garnier không chỉ đam mê với viễn tượng các cuộc phiêu lưu tới "những vùng chưa biết không thể cưỡng lại được ấy", nhưng anh ta còn có niềm tin rằng "một quốc gia - như nước Pháp, mà không có thuộc địa là một quốc gia chết." Tới năm 1865, ước muốn khám phá sông Mekong hầu như được rộng rãi chấp nhận từ cả giới chức thuộc địa Nam kỳ lẫn phía bên Pháp. Và kết quả những cuộc họp ấy đã đưa tới sự hình thành một đoàn thám hiểm. Họ gồm sáu người, tuổi trẻ rạng rỡ và có học thức, sống giữa thế kỷ 19 - thế kỷ của chịu đựng và khắc kỷ. Họ có chung tham vọng về mở mang thêm thuộc địa, tranh giành ảnh hưởng với người Anh và cả tin về chức năng khai hóa - mission civilizatrice, của nước Pháp đối với các dân tộc Á Phi mà họ cho là còn bán khai. Điều ngạc nhiên Garnier không phải là trưởng đoàn mà là một người khác:

Doudart de Lagré, 42 tuổi, một con người trầm tĩnh, tốt nghiệp trường Bách khoa, cũng là sĩ quan hải quân, lúc đó đang là đại diện của Pháp ở triều đình Nam vang từ hai năm.

Francis Garnier, cá tính đối nghịch với Lagré, đam mê sôi nổi, tin tưởng mạnh mẽ ở tiềm năng sông Mekong như một thủy lộ dẫn tới sự trù phú của miền nam nước Trung hoa, phó đoàn.

Louis Delaporte, sĩ quan hải quân, 24 tuổi nhạc sĩ tài tử và là một họa sĩ ký họa mới tới Nam kỳ một năm, với nhiệm vụ ghi lại hình ảnh sinh hoạt của đoàn thám hiểm.

Clovis Thorel và Lucien Joubert không chỉ là hai bác sĩ trong đoàn, Thorel là nhà nghiên cứu thực vật còn Joubert giữ vai trò chuyên viên địa chất. Louis de Carné, người trẻ tuổi nhất được nhập đoàn với tư cách đại diện bộ ngoại giao Pháp do gốc gác là cháu của La Grandière đang là thống đốc Nam kỳ lúc đó.

Dĩ nhiên phải kể tới con số 16 người được tuyển mộ làm thông ngôn và phu phen tháp tùng theo đoàn trong đó có 7 người Việt nam.

Ngoài vàng bạc thỏi, đô la và tiền Thái dùng làm lộ phí cho đoàn, họ còn mang theo 150 kiện đồ dùng và thực phẩm, dĩ nhiên có cả rượu gồm 700 lít rượu vang cộng thêm với 300 lít rượu mạnh khác.

Họ khởi hành từ Sài gòn trong bước đầu của một cuộc hành trình hoàn toàn êm thấm và đầy ắp lạc quan tới thủ đô Nam vang, bắt đầu một sứ mạng lớn lao mà Đô đốc hải quân Pháp Paul Reveillère cho là: "Có tầm vóc xứng đáng với đam mê của thế kỷ."

SAMBOR THÁC GHỀNH ĐẦU TIÊN TRÊN ĐẤT MIÊN:

. Năm 1866: ngày 05 tháng 06, đoàn rời Sài gòn trên một chiến hạm có võ trang, khởi đầu đi Kompong Luong ngay phía bắc Nam vang, họ cũng đến thăm khu đền đài Angkor trước khi tới Nam vang . Ngày 07 tháng 07, đoàn từ Nam vang đi Kratie theo hướng đông bắắc. Trước mắt không xa là thị trấn Sambor với một vùng ghềnh thác đầu tiên rõ ràng không thể vượt qua bằng tàu. Họ phải cần tới 2 ngày ròng để chuyển đồ từ tàu lên bờ rồi chất xuống những chiếc thuyền độc mộc, phương tiện duy nhất để đưa đoàn thám hiểm ngược dòng về hướng bắc. Chỉ là những thuyền nhỏ không có động cơ, sức đẩy duy nhất là do người chèo chống nhưng rồi họ cũng tới gần được chân thác Sambor. Đó là một con thác mênh mông chảy siết vào mùa nước lũ nhưng vào mùa khô thì chồi nỗi lên những cồn bãi giữa vô số những con thác nhỏ. Bây giờ là giữa tháng 7 đang mùa lũ, con sông trải rộng tới hàng dặm, nước dâng cao hơn thêm năm mét so với mức thấp bình thường, ngập hết cồn bãi, chỉ còn thấy nhô lên từ mặt nước là những chòm cây vật vã trong gió. Sức nước thì chảy siết, thuyền chỉ chậm chạp nhích tới được bằng sức kéo của đoàn người đi dọc theo bờ sông phía đông. Chưa ý thức được những khó khăn khác đang chờ họ ở phía trước; tại thác Sambor, Garnier vẫn lạc quan tin tưởng rằng khúc thác có thể vượt qua với tàu có mã lực lớn. Nhưng chỉ cần sang tới ngày hôm sau, họ đã tới khúc thử thách nhất của con thác. Họ chẳng còn thấy giới hạn đâu là bờ bãi, đâu là dòng chính, chỉ thấy những đoạn nông sâu thật bất chợt. Không có cả bãi nghỉ, đoàn phải ở lại trên thuyền qua đêm không ngủ trong sấm sét và mưa bão. Qua bao nguy hiểm, cuối cùng họ cùng vượt qua được 50 cây số của thác ghềnh để tới được Stung Treng. Tại đây trong khi Lagré trưởng

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
ỦY BAN THANH NIÊN

hân hạnh giới thiệu:

HÙNG SỬ CA

18 bài sử ca của các tác giả:
HOÀNG QUÝ • HOÀNG THI THƠ • HÙNG LÂN LÊ THƯƠNG • LƯU HỮU PHƯỚC • LƯU QUANG THUẬN • NGUYỄN HIỀN • PHẠM DUY
THANH THOẠI • THẨM OÁNH • VÕ ĐỨC THU
Vào tháng Sáu 1997,
UB Thanh Niên Hội VAALA sẽ phát hành

BĂNG HÙNG SỬ CA I

để dùng kèm với tập HÙNG SỬ CA này.
Quý vị muốn có *SÁCH* và *BĂNG* HÙNG SỬ CA *miễn phí*, xin gửi thư về: VAALA,
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840

đoàn muốn thám hiểm phụ lưu Se Kong, thì Garnier lại chọn cuộc phiêu lưu khá kỳ cục là xuôi trở lại theo con thác bên phía hữu ngạn với hy vọng tìm cho được thủy lộ an toàn đi từ thị trấn Sambor tới Stung Treng. Một ý muốn mà những người Miên tháp tùng giàu kinh nghiệm cho là điên khùng nên đã không tuân lệnh cho dù được hứa hẹn trả công gấp đôi. Cuối cùng Garnier phải rút súng hăm dọa nên họ phải miễn cưỡng đi theo. Sau đây là mấy dòng nhật ký của Garnier ...trên dòng nước chảy siết và đã quá trễ để quay trở lại. Con nước lao tới như mũi tên bắn, giận dữ cuồng nộ sủi bọt khi gặp sức cản của những ngọn cây hay mô đá. Chỉ một sơ xuất con thuyền chúng tôi có thể vỡ tan ra thành từng mảnh vụn. Và bấy giờ thì Garnier ý thức được rằng chẳng có tàu bè nào có thể vượt qua được con thác Sambor ấy. Khi Garnier trở lại được Stung Treng thì cuộc hành trình đã kéo dài gần hai tháng, và bao nhiêu hy vọng ban đầu gần như là tiêu tán. Nhưng họ vẫn tiếp tục cuộc khảo sát và tiến tới. Trong không khí chẳng mấy lạc quan ấy, thì Garnier và Joubert bắt đầu ngã bệnh. Không phải kiết lỵ mà là bệnh "sôãt rừng - forest fever", trong khi Joubert may mắn hồi phục trong mươi ngày thì Garnier bị hôn mê kéo dài suốt ba tuần lễ. Cho dù Garnier trong tình trạng tính mạng bị đe dọa, Lagré trưởng đoàn quyêãt định tiếp tục cuộc hành trình mang theo người phó đoàn trên thuyền dù còn đang bất tỉnh. Bốn ngày sau đoàn tới gần chân thác Khone và cũng là ngày Garnier bắt đầu tỉnh lại nhưng sức khỏe thì suy kiệt với tóc rụng da bong và chân trái hầu như bị liệt. Garnier chỉ thực sự hồi phục sáu tháng sau bằng tất cả sức mạnh của ý chí và lòng ham sống. Bản tường trình của đoàn thật vắn tắt không chút xúc cảm gửi về cho thống đốc Nam kỳ La Grandière với dòng chữ cuối như sau "Tình hình sức khỏe đoàn nói chung là tốt so với điều kiện mà chúng tôi hiện sinh sống."

THÁC KHONE, LẠI MỘT THỬ THÁCH TRÊN ĐẤT LÀO:

Họ đã nghe nói tới thác Khone, họ đã từng tưởng tượng đó như một Niagara thứ hai, nghĩa là một thác nước duy nhất đổ trút xuống từ trên cao. Nhưng rồi đó chẳng phải một Niagara, mà lại là một chuỗi những ghềnh và thác trải dài gần 12 cây số đan móc vào với nhau từ bờ bên này tới bờ kia. Cảnh tượng thật ngoạn mục với vang ầm tiếng nước đổ sủi bọt tung tóe trên các ghềnh đá xa gần khác nhau. Qua chuyến thám sát sơ khởi, Lagré nhận định rằng không thể nào di chuyển theo dòng chính, các con thác cao nhất thì ở bờ phía tây, chỉ còn bờ phía đông là khả dĩ đoàn có thể dùng thuyền nhỏ di chuyển. Sức mạnh của con nước có thể thấy rõ từ chân thác với xác chết của cá và cả cá sấu từ trên cao bị cuốn đập vào những khe đá. Họ còn phải đương đầu với cả những hiểm nguy chết người khác: như cọp dữ và các loại ác thú, riêng Delaporte cũng đã suýt chết vì nạn cát lún, đó là chưa kể kinh tởm hầu như hàng ngày của muỗi và đỉa vắt. Như dự tính, đoàn men theo bờ đông tiến một cách chậm chạp ngược dòng nước chảy siết; và phải mất hơn một ngày trời để vượt một đoạn đường chỉ có vài dặm để tới được đảo Khong ở phía trên con thác. Tại đây đoàn được tiếp đón nồng hậu, lần đầu tiên lại được ăn thịt bò tươi sau hơn hai tháng rời Nam vang. Họ tiếp tục đi thêm 5 ngày theo đường sông để tới được Bassac. Đó là một thị trấn khá lớn ở phía tây ngạn của con sông. Từ đây Garnier dẫn một đoàn nhỏ đi khảo sát phụ lưu Se Don chảy vào sông Mekong phía bắc Bassac. Họ cũng cố tìm mỏ bạc ở đây theo lời đồn nhưng không có. Khảo sát sinh hoạt dân cư ở Bassac, người Pháp đã ghi nhận nếp sống nhàn nhã mà họ cho là "lười biếng" của người Lào tại đây. Tưởng cũng nên ghi nhận là đoàn thám hiểm luôn luôn phải tách ra thành các toán nhỏ do nhu cầu khảo sát thực tế và vẽ bản đồ từng vùng. Lagré phụ trách thám sát cao nguyên Bolovens ở phía đông sông Mekong, rồi Attopeu. Nay đến lượt đến lượt Lagré bị ngã bệnh nặng. Lại vẫn bệnh sốt rừng đáng kinh sợ của xứ Lào khiến Lagré rũ liệt cả tay chân. Sau hơn 4 tháng kể từ ngày rời Sài gòn, ngày 25 tháng 12, đoàn rời Bassac đi Ubon thuộc vùng đông bắc Thái lan.

Cho tới giai đoạn này, ngoài sự quyết tâm, lòng can đảm và sức chịu đựng của đoàn thám hiểm, hình như họ vẫn chưa chịu chấp nhận một sự thật rõ ràng là con sông Mekong không thể là một thủy lộ để trao đổi thương mại giữa namViệt nam và Trung hoa.

. Năm 1867: ngày 10 tháng 01, Garnier tách đoàn đi Angkor, trở lại Nam vang trong nỗ lực kiếm giấy thông hành cho đoàn để có thể vào Trung quốc. Ngày 20 tháng 01, đoàn rời Ubon đi Uthen. Ngày 10 tháng 03, sau 2 tháng rời đoàn, Garnier đã vượt qua chặng đường hơn 1500 cây số phần lớn bằng đường bộ trong những điều kiện ngặt nghèo. Garnier trở lại nhập đoàn tại Uthen để cùng đi Vạn tượng.

Sau hơn 9 tháng Delaporte đã ghi chú được mấy trăm bức ký họa tuyệt đẹp bằng bút chì và màu nước, để sau này chuyển vào bản khắc gỗ như những trang ký sự bằng hình sống động nhất về thành quả hoạt động của đoàn thám hiểm sông Mekong vào giữa thế kỷ 19.

Ngày 02 tháng 04, đoàn tới Vạn tượng, chứng kiến dấu vêãt tàn phá của người Thái trong quá khứ trên thủ đô tráng lệ này; nhưng riêng ngôi chùa Phật Wat Phakeo của hoàng gia vẫn còn đó, duy ngọc xá lợi đã bị lấy mất, có lẽ bị đưa về Thái lan. Đoàn thám hiểm Pháp cũng đã tự ý lấy đi những bộ sách cổ quý giá trong thư viện chùa Si Sakhet với lý do biện minh "vì lợi ích khoa học." Cuối cùng họ tới thăm That Luong, ngôi đền nổi tiếng

nhất của Van tượng được dựng lên từ thế kỷ 16 - là niềm hãnh diện và cũng là biểu tượng của nước Lào; (ngay cả với người cộng sản Pathet Lào sau này cũng đã in hình That Luong trên đồng bạc mới của họ bên cạnh hoạt cảnh các chiến sĩ chống máy bay trên Cánh đồng Chum.)

Ngày 04 tháng 04, đoàn rời Vạn tượng trở lại với đường sông từ Pak Lay đi Luang Prabang. Nhưng hơn 150 cây số dọc theo con sông là đồi núi trắc trở không có ngả vào, con sông thu hẹp lại với những thác ghềnh chạy giữa những khe núi đá và nếu vào mùa lũ thì vô phương di chuyển. Bây giờ đang còn là tháng 4 mùa khô, di chuyển cũng đã thật là chậm chạp và khó khăn, chỉ trông vào sức người kéo. Ròng rã suốt 3 ngày họ chỉ mới nhích tới chưa được 20 cây số với giày dép thì rách bươm do bờ sông đầy sỏi đá. Tiếp đến là khúc bờ sông cỏ mọc trên bùn lầy với nhung nhúc bầy đỉa đói nhưng rồi cuối cùng đoàn cũng tới được Chiang Khan, danh giới phía nam của Luang Prabang. Đoàn thám hiểm Pháp cũng đang tiến gần tới vùng ảnh hưởng của người Anh từ phía Miến điện, với nơm nớp nỗi lo ngại sẽ bị người Anh phỗng tay trên tất cả công lao như những người đầu tiên khảo sát vùng thượng nguồn sông Mekong và vùng ảnh hưởng chính trị của họ. Lagré trưởng đoàn phải trấn an các bạn đồng sự là chính họ sẽ làm hơn đối thủ người Anh bằng cách hoàn tất cuộc khảo sát con sông Mekong lên tới ngọn nguồn bên cao nguyên Tây tạng. Thời gian sau này đã chứng tỏ lời tuyên bố của Lagré chỉ là lời hứa xuông.

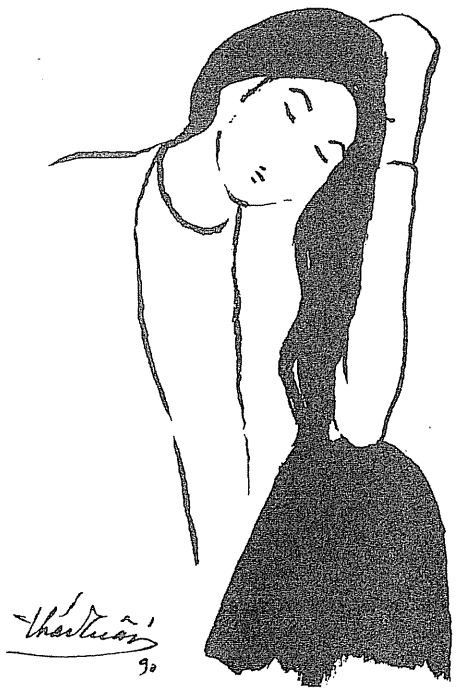

Sang đến ngày 23 tháng 04, đoàn lại phải đối đầu với một khúc ghềnh thác nữa. Một lần nữa họ lại phải rỡ đồ xuống khỏi thuyền để có thể tiếp tục cuộc hành trình cho dù vô cùng chậm chạp. Nhưng rồi cuối cùng họ cũng tới được Luang Prabang, một thị trấn đang phát triển về thương mại, được bảo hộ bởi cả Thái lan và Việt nam nhưng lại khá xa 2 thủ đô Bangkok và Huế. Sau 4 tuần lễ lưu lại thị trấn này mà thời gian như những ngày hội -en fête, sinh lực của đoàn như được hồi phục nhưng đồng thời con đường trước mặt là đầy những bất trắc.

CỬA VÀO TRUNG QUỐC:

Từ ngày rời Sài gòn, đoàn hầu như bị cô lập với mọi nguồn tin tức. Những hướng dẫn mà họ nhận được từ đô đốc La Grandière đã cũ từ một năm trước ngày khởi hành. Nghĩa là cũng rất mù mờ, khiến Lagré với tư cách trưởng đoàn chọn thái độ "phản ứng theo hoàn cảnh". Trước mặt tình cảnh hiện giờ ra sao họ không được biết. Họ chỉ nghe nói có phong trào người Hồi giáo nổi loạn dai dẳng ở tỉnh Vân nam từ năm 1855; nay nếu đoàn tiến vào vùng tranh chấp ấy với giấy thông hành từ triều đình Bắc kinh cấp thì quả là điều thiếu khôn ngoan. Đã thế sức khỏe của Lagré ở cái tuổi 43, đã bị suy giảm trầm trọng qua cuộc hành trình đầy gian khổ, lại thêm bị các căn bệnh miền nhiệt đới hành hạ, khiến đưa tới câu hỏi là liệu Lagré còn đủ sức lãnh đạo đoàn thám hiểm hay không, bên cạnh một Garnier đầy tham vọng và cá tính cũng rất khác. Khởi đầu Lagré muốn chọn một lộ trình khác nhưng rồi cũng phải theo ý kiến Garnier là vẫn tiếp tục cuộc hành trình dọc theo con sông Mekong. Và đoàn đã để ra 2 tuần lễ chuẩn bị ngày lên đường với số hành trang thật tối thiểu. Các mẫu đất đá và tài liệu sưu tập bây lâu vẫn mang theo đoàn thì nay được đóng thùng gửi về trước qua ngả Bangkok. Nhìn lại chuyến đi đã kéo dài gần một năm với bước tiến triển chậm hơn xa mức dự trù và số tiền vàng dự trữ đem theo cũng sắp cạn.

Ngày 25 tháng 05, đoàn rời Luang Prabang đi Chiang Kong, Mong Lin, Mong Yawing, Keng Khang, Keng Hung. Sau hơn 5 tháng gian khổ tưởng như đến kiệt sức, ngày 18 tháng 10 đoàn thám hiểm qua được biên giới Trung hoa vào Tư mao (Ssu-mao).

Sau 15 tháng rời Sài gòn, có lẽ họ là nhóm người Âu đầu tiên thành công vào "đất hứa Trung hoa" hoa qua ngả biên giới này. Cả đoàn cảm thấy nhẹ nhõm cho dù tình hình tại địa phương cũng không

sáng sủa gì: vụ người Hồi giáo nổi loạn vẫn còn, lại thêm bệnh dịch tả đang hoành hành khắp tỉnh Vân nam. Từ đây, Lagré quyết định tiếp tục đi Nguyên giang (Yuan-Chiang) trên đường tới Côn minh, thủ phủ củaVân nam. Bất hòa với trưởng đoàn, Garnier thì lúc nào cũng nung nấu với ý muốn tìm cho ra cội nguồn con sông Mekong đồng thời làm sao tìm cho được một thủy lộ để tới Vân nam.

Ngày 16 tháng 11, đoàn tới Nguyên giang, một thị trấn nằm bên bờ của một con sông khác. Sau hơn một giờ vượt lên một con dốc cao, cả đoàn bất ngờ đứng trước một khung cảnh hùng vĩ: trong khí hậu rất giống miền nhiệt đới, cả một dòng sông lấp lánh dưới nắng chảy cuộn từ tây bắc về hướng đông nam mà họ biết rằng đó là con sông Hồng chảy vào miền bắc Việt nam. Tại Nguyên giang đoàn được tặng quà và tiếp đón nồng hậu.

Sau đó là chặng đường tới Côn minh. Ngày 26 tháng 11, đoàn xuống thuyền xuôi dòng tới Pa-Y. Từ đây đoàn phải chuyển sang đường bộ đi Kiến thủy (Chien-Shui). Từ Kiến thủy còn phải mất 3 tuần lễ nữa để tới được Côn minh. Riêng Garnier được sự đồng ý của Lagré, thì vẫn tiếp tục suôi dòng mở cuộc thám sát sông Hồng. Chưa bao lâu họ đã phải đi vào một vùng vách đá cao, rồi tiếp theo là những ghềnh thác - mà theo Garnier thì vào mùa lũ vô phương có thể đi qua được bằng thuyền. Như vậy niềm hy vọng tràn trề ban đầu là không có cơ sở. Nhưng bây giờ không phải mùa lũ nên Garnier quyết định tiếp tục xuôi dòng sông Hồng trong khi đám phu tháp tùng hoàn toàn không muốn. Lý do rất dễ hiểu là ngay sau đó, họ tới gần khúc sông chảy thật siết trước khi đổ vào một thác ghềnh vây quanh bởi những vách đá cao ngất. Garnier hiểu rằng bây giờ chẳng có tiền bạc hay đe dọa nào có thể bắt đám phu tùy tùng phải đi tới. Cuộc khảo sát suôi dòng sông Hồng tới đây kể như chấm dứt. Nhưng cũng chỉ rất sớm sau này Garnier được biết rằng nếu xuống xa hơn nữa từ Lào cai khúc sông là đường thủy thuận tiện để giao thông đi lại.

Garnier sau đó quay trở lại Kiến thủy và vẫn không ngừng bàn tán về tiềm năng của con sông Hồng. Bắt nguồn từ kiêu căng và lòng yêu nước quá khích, khi đề cập tới vấn đề này, Garnier chỉ nghĩ tới quyền lợi đem về cho nước Pháp và cho rằng "đó thuần túy là vấn đề của riêng nước Pháp." Đến lúc này thì Lagré không thể không đồng ý với người phó trưởng đoàn nên trước khi chết, trong bản tường trình cuối cùng gửi về Sài gòn, Lagré lại nhắc tới sông Hồng trong triển vọng thương mại từ Bắc kỳ vào Trung hoa. Có lẽ chính cả Lagré và Garnier đều không biết rằng cùng lúc đó con buôn Jean Dupuis - có tên Việt nam là Đỗ Phổ Nghĩa cũng đang thám sát khả năng lưu thông của sông Hồng đi từ bắc Việt lên Vân nam. Vậy ai là người đầu tiên có "ý tưởng lớn" đó? Sau này thì chính Jean Dupuis lên tiếng nhận đó là phần công lao của mình.

Ngày 23 tháng 12, đoàn tới Côn minh, đó là thị trấn lớn nhất mà họ đặt chân đến từ ngày đoàn rời Sài gòn. Tại đây cũng là lần đầu tiên họ được gặp lại đồng hương là cha Potteau và phái đoàn truyền giáo Pháp. Vẫn theo Garnier thì chinh phục thuộc địa hay truyền đạo Kitô đều chỉ là những ngả đường khác nhau dẫn tới sự vinh quang cho nước Pháp.

. Năm 1868: ngày 08 tháng 01, đoàn rời Côn minh và cũng biết rằng họ chỉ cách con sông Dương tử vĩ đại khoảng hai tuần lễ đường bộ. Nếu xuôi theo con sông này đoàn sẽ nhanh chóng đặt chân tới Thượng hải ở bờ biển phía đông Trung hoa. Chọn lựa hấp dẫn đó có nghĩa là đi ngược lại mục tiêu ban đầu: thám hiểm miền viễn tây chưa biết của châu Á. Sức khỏe của Lagré lúc này hoàn toàn suy xụp - đến mức không thể ngồi võng mà phải cáng đi theo đoàn; di chuyển chậm chạp trên khung cảnh cao nguyên trơ trọi đầy gió lạnh. Mãi tới tuần lễ thứ ba, với chặng cuối đi bằng đường sông, đoàn tới Hội trạch (Hui tse). Tại đây bằng những cố gắng phi thường, Lagré vẫn gắng gượng dậy để tiếp xúc với giới chức địa phương với tư cách trưởng đoàn. Cùng một lúc bị viêm họng, sốt rét và nhất là bệnh kiết lỵ gây biến chứng ápxe gan, gần như kiệt sức, Lagré phải làm việc với đoàn ngay tại giường bệnh, nghe theo ý kiến Garnier để đoàn đi Đại lý (Ta-li) tiếp tục cuộc khảo sát lên thượng nguồn sông Mekong. Và có lẽ đây là tài liệu cuối cùng mang chữ ký Lagré với tư cách trưởng đoàn.

Ngày 30 tháng 01, đành lòng phải bỏ rơi Lagré tại Hội trạch cùng với bác sĩ Joubert; Garnier dẫn đoàn lên đường đi Đại lý.

Lagré cho dù với một cơ thể đang chết dần ấy vẫn không nguôi khắc khoải về sự thất bại tìm một thủy lộ trên sông Mekong "không lẽ thời gian và nỗi chịu đựng của chúng tôi là hoàn toàn lãng phí chẳng đem lại lợi lộc gì cho nước Pháp." Để bù đắp lại, Lagré không ngừng nhắc tới con sông Hồng như con đường dẫn vào Trung hoa.

Chứng kiến giữa cái sống và cái chết trước mắt của người trưởng đoàn, Joubert không còn chọn lựa nào khác hơn là đem Lagré lên bàn mổ trong những điều kiện làm việc thô sơ nhất về dụng cụ và vô trùng. Vùng gan ápxe được rạch ra với nửa lít mủ và máu trộn lẫn, với kết quả tức thời Lagré bớt hẳn các cơn đau và mấy hôm sau đã gượng dậy đi lại được. Nhưng thực ra trong lá gan Lagré còn một ápxe thứ hai mà Joubert không biết và không đụng dao tới. Vì vậy mà sang tháng 3, bệnh tình Lagré mau chóng suy xụp trở lại và kết thúc bằng cái chết không thể tránh. Khi giảo nghiệm tử thi, Joubert mới tìm ra ổ ápxe thứ hai bị bỏ sót. Xác Lagré được mai táng tạm gần một ngôi chùa ngoài vòng thị trấn Hội trạch.

Mãi tới ngày 2 tháng 4, Garnier mới nhận được tin Lagré chết. Khi tới Đại lý, tuy được gặp chức sắc Hồi giáo nhưng họ không tin đoàn đích thực là

người Pháp mà là người Anh. Với Garnier thì đó là một sự xúc phạm cùng cực. Tin xấu tiếp theo là đoàn bị vị sultan - vua Hồi từ chối tiếp kiến, đồng thời buộc đoàn phải rời Đại lý ngày hôm sau.

Không còn chọn lựa nào khác hơn, Garnier ra lệnh cho đoàn rời Đại lý từ sáng tinh sương và phải mãi 11 ngày sau họ mới thực sự thoát ra khỏi vùng kiểm soát của người Hồi giáo. Trở lại Hội trạch, sau cái chết của Lagré, cuộc thám hiểm sông Mekong tới đây kể như thực sự chấm dứt. Đoàn còn lại 14 người rời Hội trạch, đem theo quan tài Lagré; ngày 20 tháng 04, họ xuống thuyền trên một phụ lưu của sông Dương tử. Ngày 09 tháng 05, đoàn tới Hán Khẩu, tại đây lần đầu tiên Garnier gặp Jean Dupuis, một tay thương lái Pháp ở cái tuổi 40 với 8 năm sống ở Viễn đông, mặc y phục Á đông và thông thạo tiếng Trung hoa. Lúc đó Jean Dupuis chuẩn bị xuống Vân nam thương lượng cuộc buôn bán lớn về vũ khí. Mãi 5 năm sau Garnier và Dupuis mới gặp lại nhau lần thứ hai.

Từ Hán khẩu đoàn đi Thượng hải rồi xuống tàu về tới Sài gòn ngày 29 tháng 06 năm 1868 với chiếc quan tài của người trưởng đoàn sau cuộc hành trình đầy gian khổ kéo dài hơn 2 năm 24 ngày với kết luận rõ ràng là sông Mekong không thể nào là thủy lộ giao thương từ nam Việt nam tới Trung hoa.

Năm năm sau, Garnier từ Sài gòn ra Bắc kỳ và đích thân chỉ huy cuộc đánh chiếm Hà nội ngày 20 tháng 11 năm 1873.

SẮP QUA ĐI THỜI HOANG DÃ:

Thời gian tuy qua đi hàng trăm năm - giữa hai chuyến đi, một của đoàn thám hiểm Pháp vào giữa thế kỷ 19, và một chuyến đi mới đây của ký giả Thomas O ÔNeill cuối thế kỷ 20 - xen vào đó là ngót một nửa thế kỷ chiến tranh và bom đạn, vậy mà con sông Mekong hầu như vẫn di chuyển với nhịp độ của thủa xa xưa ấy: qua mùa khô rồi tới mùa mưa lũ, với con nước lên xuống và không ngừng đem phù sa tô bồi cho các vùng đất đai và nuôi sống những người dân sống quanh đó. Theo suốt chiều dài 4000 cây số của con sông ấy cũng chỉ mới mọc lên một thành phố, vài con đập , mấy cây cầu cũ và chưa có một khu kỹ nghệ đáng kể nào.

Bây giờ thì các cuộc chiến tranh đã tạm qua đi và "Những Cánh Đồng Chết"vẫn chưa phôi pha trong ký ức người sống, nhưng rồi người ta cũng phải cố mà quên đi những đau thương và thù hận để nghĩ tới hợp tác và phát triển. Đó cũng là bắt đầu giai đoạn chấm dứt thời hoang dã của con sông Mekong. Con sông ấy sẽ được khai thác biến đổi song song với sự biến đổi của các chế độ chính trị và của chính đám dân cư trong vùng. Nhưng là biến đổi thế nào? Đem lại hạnh phúc điều hòa chung cho toàn vùng hay phát triển cục bộ của nước này lại là phá hoại sự cân bằng môi sinh của những nước khác. Câu trả lời đòi hỏi mối quan tâm và nhiều công sức không phải chỉ ở những thành viên của Ủy Ban Sông Mekong, các nhà lãnh đạo mà còn là của tất cả những người Việt chúng ta bên trong cũng như ngoài nước.

NGÔ THẾ VINH
SD. 04/97

Tham Khảo:

(1) River Road to China, The Mekong River Expedition 1866-1873, Milton Osborne, Liveright New York 1973.

(2) The Mekong River, Thomas O'Neill, National Geographics, Feb.93.

(3) The Mekong Currency, Lives and Times of a River,Liesbeth Sluiter,International Books, The Netherlands 1993.

LƯU NGUYỄN

NHỚ TUỔI MƯỜI LĂM

Nhà em ở bên kia cầu Giao Thủy
Cánh đồng chiêm xanh ngắt lúa đương thì
Chiều rất nhẹ như những chiều vạn kỷ
Ta trở về ngơ ngác bóng tà huy

Chiếc cầu gỗ đầu làng soi bóng
Gió chao nghiêng chiếc nón bài thơ
Cặp sách nặng trĩu bàn tay năm ngón
Có ngón nào cho ta ước vu vơ

Những mùa trăng quê mình vui biết mấy
Tóc dài tóc ngắn liếc nhau
Ôi cái thuở mới điệu đà nguýt háy
Mà nhớ hoài đôi mắt dao cau

Mùa nước lụt vén quần lội nước
Tiếng cười vang bong bóng vỡ dưới chân
Lòng bỗng trẻ như mười lăm thuở trước
Tuổi mười lăm, cái tuổi trong ngần

NGHĨA CŨ TÌNH XƯA

NGUYỄN BÁ PHÚC

"Ông về đi, còn theo tôi làm gì? Ông không biết xấu hổ là gì hay sao chứ? Tôi đi đâu ông cứ lẽo đẽo ở đằng sau để làm chi vậy? Để bôi xấu tôi à?! Tôi không có mướn ông làm chuyện đó."

Người đàn bà giận dữ quát vào mặt người đàn ông trạc tuổi 50 đang đứng ở gần đó. Dù bị sỉ nhục bằng nhiều câu nói phỉ báng rất nặng nhưng ông ta vẫn không đáp trả lại, cứ thản nhiên hút thuốc. Còn chúng tôi là những người ngoài cuộc không biết chút gì về chuyện riêng của họ nên cũng lắng tai tò mò tìm hiểu. Cuộc sống trên đảo Galang cho những người tị nạn chúng tôi rất nhiều giờ rảnh rỗi để nghe lóng chuyện của nhau.

Người đàn bà vẫn sẵn giọng nói không tiếc lời:

"Cái hạng người như ông vậy, tôi nói thật không có một chút giá trị gì, chẳng có đủ tư cách hoặc đáng mặt để nói chuyện với tôi. Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần rồi, tôi không muốn thấy bộ mặt giả dối đê tiện của ông nữa. Bộ ông là một người điếc hả? Con người ông không biết xấu hổ là gì sao? Ông đã bỏ bê tôi, bôi nhọ tôi như thế nào với bạn bè mà nay lại lót tót đi theo để van xin được thứ lỗi. Tôi không lầm ông đâu. Thuở đời nay, đang sống hạnh phúc với tôi, ông lại mò xuống tận zone F để chơi đĩ. Đêm về đến gõ cửa phòng tôi lúc đã quá giờ giới nghiêm, nhưng tôi có thèm mở đâu. Ông tưởng tôi không biết à?!"

"Bà nói vậy mà nghe được sao? Người ta đang đứng quanh đây nhìn kìa. Có chuyện gì về nhà mình hãy nói." Đó là câu đầu tiên mà tôi nghe người đàn ông nói kể từ lúc bắt đầu câu chuyện.

"Tôi với ông không còn dính líu tình cảm gì nữa hết. Nợ xưa tôi đã trả xong rồi. Tôi không thèm nói chuyện với con người đàn ông dơ bẩn như ông nữa." Nói xong bà ta bỏ đi một nước không thèm quay lại trong dáng vẻ khinh bỉ, ghê tởm.

Người đàn ông không đi theo người đàn bà, nhưng đứng nán lại phân trần, kể rõ, minh oan bản thân mình cho chúng tôi nghe:

"Tôi thật không hiểu nổi bả. Anh là người làm chung với bả ở thư viện phải không?" Ông ta hỏi ông Năm Mập ở barrack chúng tôi, người mà cái bà khi nãy ghé nói chuyện chẳng được bao lâu thì cái ông này tới phá vỡ câu chuyện.

"Phải." Ông Năm Mập gật đầu và đưa tay nhận lấy một điếu thuốc mà người đàn ông chìa ra mời. 'Điếu thuốc, miếng trầu mở đầu câu chuyện' là thế. Ông Năm Mập vì nhận thuốc nên phải hỏi cho có chuyện:

"Anh với cô Lan có chuyện gì mà đổ vỡ đến như vậy?"

Phả từng cụm khói thuốc dầy, người đàn ông tìm chỗ dựa rồi nói:

"Câu chuyện của tôi và Lan cũng khá dài. Nó bắt đầu từ 30 năm trước đây.

Ông Năm Mập thấy khách tìm chỗ đứng nên mời vào phòng, mời khách ngồi nghế:

"Anh ngồi chơi chút xíu, để tôi nấu nước pha trà. Chúng mình nói chuyện với nhau chút chơi. Biết đâu là người đứng giữa, tôi sẽ giúp anh được. Tôi là bạn của cô Lan, thì cũng sẽ là bạn của anh nữa."

Không riêng gì ông Năm tò mò câu chuyện mà chúng tôi đây cũng xúm bu lại chật cả căn phòng nhỏ của ông Năm để nghe về cuộc tình duyên trắc trở này.

"Ba mươi năm trước, tức là vào năm 1961," người đàn ông bắt đầu kể câu chuyện tình đau thương của mình, "Một buổi chiều đông tôi tình cờ gặp Lan trên đường phố Sài Gòn. Dù là người không quen biết nhưng nàng đã ấn đậm vào tim tôi một hình ảnh khó thể nào quên. Tại sao chỉ gặp thoáng qua một lần mà lòng tôi lại vấn vương thương nhớ trong khi bao nhiêu người khác không có ý nghĩa gì tuy rằng họ sống gần gũi và tiếp xúc thường xuyên với tôi? Khi đó tôi đã thật sự bước vào đời lính sau mấy năm được huấn luyện ở trường không quân. Đời trai thời chiến sinh tử không lường trước được nên bọn phi công chúng tôi thường hay yêu cuồng sống vội, không chịu dừng chân ở bất kỳ người con gái nào. Không biết đó có phải là ý trời đã định hay sao mà vài ngày sao đó tôi ghé thăm một người bạn và bất người thấy người con gái làm thay đổi nhịp đập của trái tim tôi thuở nào đang ở đó. Nàng ra mở cửa và nói rằng anh Hai nàng đã đi vắng. Tôi ngẩn ngơ như người bất hồn. Thì ra ngàng là em của Bình bạn tôi, vậy mà tôi đâu biết. Cuộc nói chuyện đầu tiên ngắn ngủi ấy đã cho tôi một nguồn vui sống yêu đời khó tả. Nàng tên là Lan, hiện đang học làm tiếp đãi viên hàng không, cũng là cái nghề lơ lửng trên trời mây như tôi. Không gian rộng lớn của bầu trời quê

hương mà tôi lái chiếc F ngày đó cũng không mênh mông cho bằng đôi mắt đen to của Lan mỗi khi nhìn vào là bị cuốn trôi không còn định hướng với một cảm giác lâng nhẹ chốn chơi vơi. Chúng tôi quen nhau và trở thành một đôi tình nhân thắm thiết sau nhiều lần gặp gỡ. Nhưng cuộc đời nào có đẹp như mộng tưởng, nó luôn tách tẻ hạnh phúc riêng tư của con người khi mà máu lửa hận thù của cuộc chiến tranh tàn khốc đang còn sôi sục. Chúng tôi lại phải chia tay vì nghề nghiệp riêng của mỗi đứa không cho phép chúng tôi có nhiều cơ hội gần gũi để trao gửi những ân tình. Mãn ngày nghỉ phép tôi trở về đơn vị và lại bắt đầu lao thân vào những phi vụ nguy hiểm ở bầu trời Bắc Việt. Còn Lan thì cũng ra hành nghề cho hãng hàng không dân sự Việt Nam, tuyến đường Sài Gòn - Hồng Kông - Tokyo. Lòng nôn nao thương nhớ thì nhiều mà dịp tiện để đến với nhau thì quá ít. Cuộc tình của chúng tôi ngày càng đậm nét qua những lá thư mặn mà nồng thắm. Chúng tôi yêu nhau như vậy trong suốt năm năm trời. Mãi cho đến mùa hè 1966 tôi chẳng may bị thương nặng trong một chuyến oanh tạc ngoài vĩ tuyến 17. Những ngày được điều trị ở quân y viện, nằm rảnh rỗi trên giường bệnh, tôi có nhiều thì giờ để ôn nhớ lại những kỷ niệm của tháng ngày qua và cân đo suy nghĩ cho một quyết định quan trọng của cuộc đời. Thật tình tôi không ngần ngại khi nói tiếng yêu nàng và cưới nàng. Hôm tôi bị nạn được đưa vào viện quân y, tôi có gởi cho Lan một bức điện báo nàng hãy về gấp vì tôi sợ mình sẽ chết mà không được một ân huệ sau cùng là chết trong vòng tay người mình yêu mến. Nàng đến thăm tôi một tuần sau đó khi vết thương tôi đã khá đỡ nhiều. Cầm lấy tay nhau, nàng nghẹn ngào khóc mà không nói nên lời. Tôi cũng cố dằn lòng lắm mới đủ sức nói:

"Em đừng buồn, chiến tranh là như vậy. May là Trời, Phật còn độ phước nên tính mạng anh mới được bảo toàn."

"Không phải cảnh trạng của anh làm cho em buồn mà chính tại em đây mới là người sẽ gây cho anh nhiều đau khổ không thể tả." Phải lâu lắm Lan mới thốt ra lời trong làn nước mắt ràn rụa ướt tuôn.

"Em nói cái gì anh không hiểu?" Tôi ngạc nhiên, nhưng Lan không trả lời câu hỏi của tôi. Nàng tiếp tục diễn kịch:

"Em xin anh thứ lỗi cho. Em không thể nói ra trước mặt anh trong lúc này."

"Tại vì... Tại vì sức khỏe hiện tại của anh không cho phép em làm vậy. Nhưng trước sau gì rồi anh cũng sẽ biết."

"Em cứ nói thẳng ra đi, đừng có vòng vo quanh quẩn giấu giếm với anh. Vì nếu vậy anh sẽ không được yên tâm, bồn chồn và lo lắng mãi." Tôi nóng lòng muốn biết nàng có chuyện gì. "Thà em đừng có đề cập nó thì hơn, nhưng khi em đã bật mí rồi mà không cho anh biết thì anh sẽ tức chết thôi."

Lan vẫn còn ấm ức khóc:

"Cũng tại vì em quá hấp tấp bởi cơn chấn động của cảm xúc nên chưa gì đã lỡ lời huỵch toẹt ra rồi."

"Chuyện sao vậy? Em cứ thật lòng nói thẳng ra đi. Anh sẵn sàng nghe và chấp nhận tất cả dù cho đó là sự phũ phàng bội bạc của cuộc đời đi chăng nữa."

Lúc ấy trời lại mưa bên ngoài. Những giọt nước trong tinh khiết rắc nhẹ đập vào khung cửa kính ở cạnh giường tôi nằm. Không khí lạnh buồn trùm phủ. Không gian lặng yên ngoại trừ tiếng của những giọt mưa đang rơi và tiếng nấc của Lan. Tôi đoán rằng một chuyện chẳng vui sẽ đến và đúng vậy. Tôi như đứt từng khúc ruột khi nghe Lan lả tả nói:

"Anh đừng giận em, vì sự ép buộc của gia đình mà em sẽ phải đính hôn với một người khác."

Nói tới đó nàng ngưng lại đợi chờ phản ứng của tôi, nhưng tôi không trả lời liền mà hỏi tiếp:

"Rồi sao nữa? Em cứ nói hết đi." Tôi thúc giục trong khi đưa tay lần mò vào túi áo lấy gói thuốc rút ra một điếu hút cho trấn tĩnh tinh thần. Hơi ngạc nhiên về thái độ của tôi lúc đó, nàng ra vẻ đau khổ nói tiếp:

"Em cũng chẳng biết phải quyết định sao nữa! Em đang chờ ý kiến của anh."

Đầu óc tôi rối tung lên. Nhìn thẳng vào mắt Lan, tôi cảm thấy nàng có điều gì đó không thành thật. Tại sao nàng dối gạt tôi? Xét ra cho cùng lỗi cũng tại tôi. Vì nghề nghiệp nên tôi không có nhiều cơ hội để gần gũi với nàng, mà đàn bà con gái lúc nào cũng cần có sự cảm thông, chia xẻ, an ủi của đàn ông ở bên cạnh. Đành rằng cha mẹ nàng ép buộc là một lẽ, nhưng tôi nghĩ nó còn được hỗ trợ thêm bởi những tình cảm mới phát sinh ra từ trái tim của nàng trong những ngày chúng tôi xa vắng nhau. Buổi viếng thăm ấy hai chúng tôi buồn ra mặt khi chào tạm biệt lúc giã từ. Nhiều đêm thức trắng chìm sâu trong suy nghĩ, tôi thấy duyên phận mình đã như vậy rồi tránh sao cho khỏi những nghiệt ngã đắng cay của cuộc đời. Vết thương ở phần thể xác chưa lành lặn thì lại thêm vết thương

* "Đừng có nhăn nhó như thế. Tôi đã dụng đến răng của anh đâu!"

"Nhưng bác sĩ đang đứng trên bàn chân của tôi kìa!"

* "Loại người nào sẽ được lên Thiên Đàng?"

"Người chết chứ còn người nào nữa."

* Ai cũng muốn lên Thiên Đàng, nhưng không ai muốn chết.

tinh thần. Trái tim tôi đau buốt hành hạ tôi rất nhiều. Sau ngày ra bệnh viện tôi ghé thăm nàng. Lan vẫn tiếp đón tôi niềm nở nhưng không còn thân mật tình tứ như ngày xưa nữa. Đau buồn và căm phẫn tôi trở về đơn vị phục vụ tiếp cho tổ quốc, quê hương, nơi có người con gái bội bạc mà tôi hằng yêu mến đang sống.

Chúng tôi cũng không còn liên lạc với nhau thường xuyên trong nhiều ngày tháng. Rồi vào một buổi chiều mưa bay nọ tôi nhận được thiệp hồng của nàng. Tôi đắn đo phân vân không biết mình có nên đến dự phần chung vui ngày cưới của Lan hay không. Thật tình mà nói dù phong cách, thái độ cư xử bề ngoài có phần thay đổi nhưng cả hai chúng tôi còn yêu nhau lắm. "... Thì thôi kiếp sau đi anh..." Có một lá thư nàng viết cho tôi như thế.

Thấy mộng xưa đã vỡ, duyên xưa đã tàn, bao niềm hy vọng đã tan thành mây khói, tôi quyến luyến chi nữa cũng vô ích vì nàng đã có chồng nên cuối cùng tôi cũng cưới vợ vào mùa xuân 1970. Tưởng đâu cuộc tình xưa ấy của chúng tôi đã chìm sâu trong dĩ vãng, không bao giờ có cơ hội để tái hiệp lại nữa vì cả hai chúng tôi đều có gia đình con cái. Nhưng có ai ngờ đâu được! Đúng là ý Trời sắp đặt định sẵn trên cuộc đời của hai chúng tôi.

"Anh uống chút nước đi rồi hãy kể tiếp." Ông Năm Mập đẩy tách trà về phía khách.

"Cám ơn." Người đàn ông bưng lấy hớp uống một ngụm rồi đặt nó xuống bàn kể tiếp cuộc tình duyên dang dở của mình.

"Từ ngày tôi có vợ, tôi không còn liên lạc hay biết tin tức gì về cuộc sống của Lan cả. Hai chúng đã thật sự cắt đứt mối quan hệ với nhau hoàn toàn dù là trên phương diện bạn bè đi chăng nữa. Sau ngày 30/04/1975, tôi bị kẹt lại và thế là phải đi học tập cải tạo ở tận ngoài miền Bắc Việt Nam năm năm. Sau khi mãn hạn tù, trở về Sài Gòn sum họp với gia đình, tôi bắt đầu làm lại cuộc đời nhưng những khó khăn của cuộc sống trong chế độ mới cứ luôn kiềm hãm, đè nặng, cản trở mọi kế hoạch chương trình. Bất mãn tôi cho vợ con đi vượt biên trước vì bà thầy tướng số nói rằng nếu tôi đi chung với họ thì chuyến đi sẽ thất bại. Tôi không tin, thử thời vận hai lần thì đều thất bại. Thế là tôi mới chịu cho vợ con đi trước, còn tôi đi sau một mình. Phải nhiều lần thất bại, lận đận gian lao tôi mới đến được đảo Galăng này trong những ngày muộn màng cuối cùng của mùa tị nạn. Nhưng đó cũng là cơ hội cho tôi và Lan gặp lại nhau.

Ấy là một buổi chiều đẹp trời bốn tháng sau kể từ ngày tôi lên đảo tôi đi dạy học ở trường không quân về thì bất ngờ thấy Lan đang đi ngược lại trên lề đường đối diện. Mắt tôi hoa lên tưởng mình như đang nằm mơ. Nàng cũng thấy tôi và kinh hãi không ít. Cơn chấn động quá mạnh làm cho môi lưỡi của hai chúng tôi cứng nghẹn nói chẳng được lời gì cả. Cầm lấy tay nhau, trong làn nước mắt mừng vui, chúng tôi dắt vào một quán nước yên tĩnh. Đợi cho cơn cảm xúc tạm lắng dịu, tôi theo nàng về nơi ở, và ở đó Lan kể cho tôi nghe cuộc đời của nàng từ lúc dứt tình đoạn tuyệt với tôi.

"Anh biết không, cuộc đời luôn có những trái ngược ai có thể lường trước được. Anh đừng nghĩ em là người bội bạc phụ tình, mà đó là do hoàn cảnh sống và gia đình bắt buộc em phải làm vậy. Mong anh thông hiểu giùm cho nỗi lòng của em lúc đó. Như anh đã biết trong thời gian xa cách nhau em làm cho hãng hàng không Việt Nam. Một hôm ở phi trường Tân Sơn Nhất, em nhận được một bức điện báo rằng mẹ em đang lâm bệnh nặng sắp qua đời. Em vội xin nghỉ phép về thăm nhà sau chuyến bay ấy. Trước lúc trút tàn hơi thở cuối cùng, mẹ em cầm lấy tay em đặt vào tay của một chàng trai trước đó có đến cầu hôn nhưng không được.

'Số Trời đã định, nay mẹ phải nhắm mắt xuôi tay nửa chừng. Mẹ mong sao hai con thành vợ chồng. Đó là ý nguyện của mẹ từ bấy lâu nay. Con hãy thề hứa với mẹ đi, nếu không ở suối vàng linh hồn của mẹ sẽ không được siêu thoát bình an đâu.'

Còn gì quí trọng hơn tình mẫu tử. Để làm vui lòng mẹ, em thề hứa sẽ lấy anh ta dù lòng chẳng muốn chút nào. Mẹ em nghe vậy nở một nụ cười gượng méo mó rồi tắt thở. Cũng từ ngày đó em đau lòng bóp nghẹt tình yêu của anh. Và cũng vì vậy mà em chẳng tiện, nói đúng hơn là không muốn cho anh biết trong cái lần đến thăm anh gặp nạn...

Dù chồng em rất thương yêu em, nhưng em vẫn không cảm thấy có được hạnh phúc. Bây giờ em đã là một bà mẹ già khô sau khi sinh bốn đứa con với người chồng không yêu. Sáu tháng trước đây gia đình em cố tìm đường vượt biển hầu cho những đứa con của mẹ tương lai rạng sáng đôi chút. Nhưng đúng là ý Trời đã định, chồng con của em đều bị bắt trước khi lên ghe lớn và bị kẹt lại ở Việt Nam. Còn riêng em may mắn vượt thoát và đến trại tị nạn này một mình không người thân thiết. Nay bất ngờ chúng tôi không hẹn trước mà lại gặp nhau. Thật đúng là tơ duyên định mệnh!"

Tôi cũng kể lại cho Lan nghe cuộc đời đau khổ của tôi từ lúc vắng xa nàng. Hai chúng tôi đồng than khóc về những định mệnh trớ trêu của cuộc đời mỗi đứa. Rồi lửa tình nhem nhúm lên, khêu lại

* "Anh thuộc loại đàn ông mà các cô gái không thể tin tưởng được."

"Chúng ta gặp nhau bao giờ chưa nhỉ? Nhận xét của bạn nghe quen thuộc lắm."

* Tôi luôn luôn chữa răng nơi một nữ nha sĩ. Đó là cơ hội duy nhất tôi có thể há mồm trước một người đàn bà.

những hương vị hạnh phúc ngày nào mà chúng tôi chưa hưởng trọn, khiến cho chúng tôi không giữ được lòng trung thành với gia đình nên sáp lại sống chung với nhau. Tưởng rằng cuộc tình chúng tôi sẽ tươi vui mãi mãi từ đó chứ ai có ngờ đâu nó lại sinh ra những cảnh trạng lục đục như thế này."

"Có vấn đề gì mà anh và chị giận nhau vậy?" Ông Năm phăng hỏi tiếp cho hiểu trọn câu chuyện tình của họ.

Người đàn ông mồi thêm một điếu thuốc nữa. Rít hút vài hơi sâu vào phổi, ông ta nói:

"Nói ra thì dài dòng, nhưng tóm gọn thì cũng do cái tính hay ghen của Lan thôi."

"Chắc là cũng tại anh hay lang bang bỏ bê cô nàng chứ gì?" Một người trong chúng tôi bỗng buột miệng hỏi. Chúng tôi đồng cười rộ chờ câu trả lời của ông ta.

"Cũng không hẳn là như vậy." Ông ta chỉ nói có bấy nhiêu.

"Theo tôi thấy lính không quân đa tình lắm. Chẳng hạn như cái ông ở gần đây nè! Từ ngày đặt chân lên đảo đến nay chưa được một năm mà đã chọc ghẹo đến ba bà rồi." Chị Thu, một người đàn bà góa chồng có bốn đứa con đứng cạnh bên tôi cũng xen vào.

"Thôi! Chuyện cũ bỏ qua đi. Tôi chúc anh hạnh phúc trở lại."

"Sao mà được!" Người đàn ông buồn giọng nói.

"Tại sao?" Ông Năm ngạc nhiên, tò mò hỏi.

"Bởi vì chúng tôi đã làm giấy tách form, nạp lên chính quyền. Cũng tại cái tính nóng của tôi lúc đó mà nay mới có những nông nổi này."

Nghe xong câu chuyện, chúng tôi đều thông cảm cho nỗi lòng của ông ta, nhất là những lời cuối này:

"Không hiểu sao, vắng xa Lan tôi không chịu nổi. Cuộc sống thật vô vị làm sao nếu thiếu nàng. Lúc nãy thấy Lan đi làm về, tôi liền bám theo nàng đến đây." Dừng lại một chút, ông ta đưa tay nhìn đồng hồ và đứng nhanh dậy:

"Xin lỗi mọi người. Tôi phải đi ngay vì đã tới giờ dạy học ở trường không quân."

Chúng tôi bắt tay tiễn chào ông.

"Khi nào có dịp xin ông cứ ghé qua đây chơi." Ông Năm Mập nói khi tiễn khách ra cửa.

Câu chuyện tôi nghe lóm qua đi. Hai tháng sau đó, một hôm chủ nhật trên đường ra biển tắm, tôi vô tình bắt gặp ở một căn chòi nhỏ gần lề đường, người đàn ông hôm nào và người đàn bà tên Lan đang sống chung với nhau. Trông họ có vẻ hạnh phúc thật. Ông ta đang quì sửa hàng rào, còn bà thì đứng đưa dây cột. Tôi tìm chỗ đứng nhìn, quan sát và khẽ lắc đầu không hiểu nổi những câu chuyện tình cảm của con người...

18/09/1992

CHÚC MỪNG

Được tin vui bạn

BÙI VĨNH PHÚC

sẽ làm lễ thành hôn với

VŨ HOÀNG KIỀU

Hôn lễ được cử hành
tại Thánh Đường St. Polycarp
thành phố Stanton, California
ngày 21 tháng Sáu 1997
Xin thân ái chúc
Hoàng Kiều và Vĩnh Phúc
sống bên nhau mãi mãi.

Các bạn hữu ở
Tạp chí Thế Kỷ 21, Hội VAALA
Báo Người Việt, Đài VNCR

CHÚC MỪNG

Được tin vui anh chị Hoàng Chiều Nhân
làm lễ cho trưởng nam là

HOÀNG NGUYÊN HOÀN

thành hôn với

MARIE TRẦN PHẠM NHƯ HOA

thứ nữ của ông bà Trần Nam Hưng
Hôn lễ cử hành ngày 14 tháng Sáu tại
thành phố Saint Laurent, Canada.
Chân thành chúc hai họ Trần - Hoàng
có rể thảo dâu hiền,
mến chúc hai cháu Hoàn và Như Hoa
hạnh phúc bên nhau mãi mãi.

Đỗ Quý Toàn - Đỗ Ngọc Yến -
Lê Đình Điểu - Ngô Mạnh Thu -
Nguyễn Xuân Hoàng - Phạm Phú Minh -
Phan Mỹ Sương - Vũ Duy Tự

Hai người đi trong rừng

KHẢ VI

Bước qua con suối, Vũ quay lại đưa tay ra đỡ Lan. Lan nhìn xuống dòng nước chảy xiết, mắt nàng lảng tránh không nhìn bàn tay Vũ. Nàng chăm chú tìm từng mỏm đá trồi cao trên mặt nước, lựa chỗ đặt mũi giày da đen, nhón chân đưa từng bước. Nàng dang hai cánh tay giữ thăng bằng, hai vạt áo ngoài mở phanh ra, chiếc áo lụa mầu hồng nhạt mà khi bước ra khỏi phòng hội thảo, Vũ đã khen trông sang quí, đắt tiền mà kín đáo. Vũ thoáng nhìn thấy làn da trắng phía dưới cổ nàng. Sau ve áo sơ mi lụa màu ngà một nút buông mở tự nhiên, ngực Lan nhỏ nhắn hợp với tầm thân thể nàng, thon và không cao. Dưới chân nàng, bọt sóng tóe lên quanh các viên đá mầu nâu nhạt, ánh sáng và bóng cây lấp lóa. Lan nhảy một bước sau cùng sang bên này suối, co chân cúi xuống nhìn gót giầy dính nước, mắt nàng vẫn không nhìn tay Vũ. Cánh tay chàng từ từ buông xuống. Trong cách nàng lảng tránh không cầm tay cho chàng dắt qua suối, cũng không nói một lời từ chối, lẳng lặng, tự nhiên, Vũ thấy cách cư sử khôn ngoan. Người đàn bà xinh đẹp này đã được mẹ, bà nội, bà ngoại, hay cô giáo nào dạy cho lối nói "không" một cách nhẹ nhàng mà vững chắc đó? Qua suối, Lan vịn vào một cành cây dừng lại, miệng mỉm cười nhìn Vũ.

Trong rừng thưa, những lá cây non và các tia nắng chuyển động chung quanh khuôn mặt Lan, như những nét vẽ của một bức tranh ấn tượng. Nhưng trong tranh ấn tượng không có nét mặt tươi hồn nhiên như vậy, kể cả tranh Renoir. Má nàng hồng thêm. Nàng ngước lên cười. Miệng nàng xinh hơn. Đôi mắt ướt rạng rỡ. Nàng không nhìn Vũ với con mắt thách thức của một người nữ vừa từ chối không cho người đàn ông giúp mình. Cũng không có dấu hiệu là nàng vừa từ chối một cử chỉ thân mật để buộc chàng dừng lại ở làn ranh giới do nàng quyết định. Nàng cười tự nhiên như không có gì đáng để ý. Cả cuộc đi dạo trong rừng và câu chuyện họ đang nói vẫn chảy đều đặn như dòng suối đang trôi qua. Hai người lại bước trên đường mòn lên núi. Lan tiếp tục: -Thế rồi tôi viết lá thư phản đối, anh ạ. Đại khái thế này: "Thưa ông Tổng giám đốc, tôi hoan nghênh đề nghị của ông tạo ra một khu uống cà phê trên lầu ba, để mọi người có dịp gặp nhau lúc nghỉ giải lao, dù rằng ở Pháp chúng tôi thích ngồi uống cà phê ở tiệm, ngoài đầu phố hơn. Tôi thấy phong tục nước Mỹ cũng có điểm rất hay, vì nhân viên cùng sở nên gặp nhau trong giờ giải lao, điều này sẽ giúp chúng tôi quen biết cả những người không cùng phần vụ với mình, và có thể gia tăng hiệu năng công việc. (Khoan, anh coi chừng cành cây này đụng vào trán, nó có gai.) Tuy nhiên, Thưa ông Tổng giám đốc tôi phản đối cách phân công của ông. (Tôi có thể nói lễ phép hơn theo lời đề nghị của mấy bà thư ký người Pháp, thí dụ như là 'Tôi mạn phép đề nghị thay đổi cách phân công,' nhưng tôi nhất định viết chữ phản đối cho nó mạnh. Vả lại ông ta người Mỹ. Tôi viết tiếp.) Việc pha cà phê, lau dọn và rửa bình cà phê, nếu không trao cho một nhân viên làm việc đó, có trả lương, thì phải chia đều cho tất cả mọi phòng, mọi người, chứ không thể trao cho phòng Thư ký. Ông Tổng giám đốc cũng thấy rằng tất cả nhân viên phòng Thư ký đều là phụ nữ. Tôi không thuộc phòng Thư ký nhưng tôi cũng là một phụ nữ, và thưa ông, ở Pháp cũng như ở bên Mỹ xứ ông, phụ nữ chúng tôi ngày nay không chấp nhận vai trò đi pha cà phê và rửa chén cho đàn ông như là một bổn phận trời sinh phải làm." Cám ơn anh, anh không giữ thì đến lượt tôi rách trán. Tôi viết 'a God given duty,' không biết có đúng tiếng Anh không?"

Nàng lại nhìn Vũ, hai mắt nàng hiện lên trên khuôn mặt tròn xinh sắn, đen lánh, hiện lên như những viên đá quí giữa khu rừng mùa xuân. Vũ nhìn những cành cây chung quanh Lan trong lúc nàng vừa đi vừa kể chuyện. Cây cối trong rừng như sắp đặt để tạo khung cảnh cho Lan đi trong đó. Những thân cây nhỏ nhắn, nghiêng ngả tựa vào nhau, cành khẳng khiu dang ra như những cánh tay, lá thưa thớt, gốc cây chen trong những tảng đá sần sùi, cỏ dại quấn quít. Lan vừa đi vừa nghiêng người sang phải, sang trái để giữ thăng bằng, dáng đi của nàng như hòa cùng với rừng cây trong một điệu vũ nhịp nhàng. Qua các thân cây lá đang ra, bầu trời vẫn xanh ngắt. Nắng len lỏi qua cây và lá rơi từng mảng nhỏ trên thân hình Lan đang chuyển động. Cả nắng cũng hòa vào trong vũ điệu.

-Anh Vũ thấy viết thế có đúng tiếng Anh không?
-Tôi không biết, tôi ở Mỹ nhưng ít khi phải viết tiếng Anh. Ở Mỹ chúng tôi nói điện thoại nhiều hơn viết. Nếu phải viết cũng chỉ viết "Mê mô" thôi.

-Thật đấy, tôi thấy người ở Mỹ ít khi viết. Chắc viết là một thứ "dirty work". Làm vườn, họ mướn Mễ; viết, họ mướn thư ký.

Lan nhoẻn cười, chậm bước lại, nhìn Vũ lâu hơn. Hai mắt nàng như dò hỏi, một đôi mắt trông rất quen thuộc, hình như những người phụ nữ thông minh và xinh đẹp đều có đôi mắt như thế.

-Thế là Lan trở thành một nữ anh hùng của mấy nàng thư ký?

-Xin lỗi anh, xin anh đừng nói theo kiểu "Của mấy nàng thư ký". Nghe có vẻ thiếu kính trọng đối với họ.

-Tôi xin lỗi. Tôi không có ý đó.

-Không sao. Tôi cũng chắc anh không có ý đó. Nhưng tiếng Việt mình rất tế nhị trong cách xưng hô phải không anh?

Nàng lại nhìn Vũ lâu hơn một chút, đợi một câu trả lời.

-Tôi có bà cô mới nằm bệnh viện về, bà ấy nói mãi câu "Cái con y tá giỏi quá, cái con y tá tốt quá." Nghe mấy chục lần tôi chịu không nổi mới chữa lại, tôi bảo, "Thưa cô, cô y tá ấy tên là Hélène, sao cô không gọi tên cô ta?" Bà nghe tôi, thay đổi, nói "Cái con y tá Hê len." Không cách nào chữa được óc phân chia giai cấp trong tiếng Việt. Bà cô tôi có ba ông con trai làm bác sĩ, thành ra các y tá bao giờ cũng phải là "Con y tá" mới được.

-Chắc các cô trong sở sau đó coi Lan là một anh hùng của nữ giới.

-Cũng chẳng phải là anh hùng. Nhưng mấy ông làm cùng phòng Kế hoạch với tôi, chúng nó sau đó không nhìn tôi như con nô lệ da vàng lạc lõng nữa. -Nhưng các bà thư ký mua tặng Lan cái áo này họ chọn rất khéo đấy chứ?

-Vâng, trước giáng sinh họ kéo tôi đến Lafayette bắt tôi phải chọn. Tôi cũng mời mấy người đó đi ăn cơm trưa, tôi không muốn có vẻ mình nhận một phần thưởng.

-Còn ông Tổng giám đốc của Lan, hôm nay sao không thấy hắn tới họp nhỉ?

-Mai ông ta mới đến lượt phải thuyết trình. Hội nghị này gồm cả những người từ công ty chính ở Mỹ và chi nhánh Âu châu đặt tại Pháp, nhưng công ty mẹ ấn định chương trình và chi nhánh Đức phụ trách tổ chức.

Đường lên núi có vẻ dốc hơn, lá cây cũng thưa thớt hơn.

Hai người đến trước một tảng đá, con đường mòn rẽ sang hai bên. Tảng đá sừng sững mầu đen, những lớp đá mỏng song song xếp tầng chạy chéo từ trên xuống dưới, có lớp nâu đen, có lớp ửng đỏ, nhìn kỹ thấy cả những tia đá đen óng ánh mầu xanh biếc, nhưng toàn thể tảng đá nổi bật lên giữa sườn núi một mầu đen xẫm. Cây cối chung quanh như dãn ra chừa một khoảng trống có trời xanh cho tảng đá phơi bầy vẻ tịch mịch, ngạo nghễ và cô đơn.

Vũ nhìn lên cao. Phía trên gần đỉnh khối đá trần trụi có vài cây nhỏ mọc ra từ các khe nứt, uốn éo như bonsai, cây không lớn lên được chắc vì thiếu đất mầu. Tảng đá trơ vơ chặn giữa đường giống như một hòn núi giả ai đem bầy, chung quanh chỉ thấy các mảng đá nâu hay xám lộ ra dưới những tầng lá mục từ mùa thu năm ngoái.

-Tôi thấy lạ thật.

-Anh nói cái gì lạ?

-Tảng đá không thuộc cùng một loại với thứ đá ở sườn núi này. Lan thấy không. Lớp đá chung quanh là loại phún xuất thạch, mầu nhạt, tại sao lại có một tảng đá kết tầng nằm ở đây? Mầu đen đến thế này thì chắc nó cổ lắm, chắc tỷ năm chứ không ít!

Lan nhìn Vũ, theo hướng mắt chàng nàng cũng quay nhìn lên tảng đá.

-Chắc có ai khiêng nó tới đây anh ạ. Lan cười.
-Chắc có một ông khổng lồ.

Lan đã đi thăm nhiều miền núi chung quanh vùng biên giới mấy nước ở đây.

-Thật ra ở vùng núi non nào anh cũng thấy những tảng đá lạ hoắc lưu lạc đến, núi càng già thì càng có nhiều chỗ như vậy. Có lẽ ở bên Texas núi non còn trẻ cả nên anh thấy đất đá cùng một loại với nhau nhiều hơn.

-Tôi nhớ lần đầu lái xe từ Texas sang Arizona, qua sa mạc thấy những núi non gì mà xấu quá! Tôi phải kêu lên "Tụi Mỹ nó không biết làm núi." Vì nhìn mấy cục núi vứt bừa bãi hai bên đường coi xấu quá sức! Như thể có người thợ nề vụng nào đó trét xi măng lên tường làm rớt mấy cục lổn nhổn,

Tìm đọc:

"LỐI XƯA XE NGỰA..."

biên khảo
của
Nguyễn Thị Chân Quỳnh

chưa quét đi vậy.

-Anh không thích núi ở Mỹ?

-Không phải. Sau, tôi đến miền Rocky Mountains thì phải công nhận "Mỹ nó cũng biết làm núi đẹp!" Nói đùa vậy, thiên nhiên thì ở đâu cũng vậy thôi. Văn hóa của đá mỗi vùng cũng khác nhau, chẳng khác gì người, cái nào cũng là do ảnh hưởng của khung cảnh thiên nhiên cả.

-Vâng, đúng thế, thiên nhiên. Mình ở thành phố quen thường quên là thiên nhiên rất mạnh.

Hai người và tảng đá, cả ba cùng im lặng. Rừng núi chung quanh như cũng chia sẻ niềm im lặng với họ. Mặt trời vẫn reo các vệt nắng trên sườn núi. Sức mạnh của thiên nhiên ở đây hình như diễn ra trong đức kiên nhẫn bền bỉ của tĩnh lặng, như thử thách tâm trí con người xem có thể tĩnh lặng như thiên nhiên đến mức nào. Người và rừng núi sống trong một mối đồng cảm, khiến hai người xa lạ cũng thấy họ như thân nhau từ lâu. Khi Vũ quay lại, chàng thấy mắt Lan đang ngó mình chăm chú. Lan để chàng nhìn một lúc mới quay đi. Nàng lên tiếng trước, chậm rãi như nói một mình:

-Nước mưa, gió, sức hút của trái đất, các cơn động đất, và các kỳ tuyết vỡ bờ đổ xuống xóa sạch cả một khu rừng, chỉ cần thời gian cho đủ lâu là thiên nhiên sẽ tạo ra đủ các thứ kỳ quan. Anh thử tưởng tượng. Mấy trăm triệu năm trước đây, hay vài tỷ năm trước đây, chắc có một giải băng hà đã trôi qua vùng này anh ạ. Nó lôi theo bao nhiêu tảng đá như tảng đá này, từ đâu đến đây, biết đâu từ cách xa cả trăm ngàn cây số, mỗi năm di chuyển chỉ vài chục centimètres thôi, rồi đến một năm nào đó, tảng đá dừng lại, còn dòng băng hà tiếp tục trôi, nó bỏ tảng đá nằm lại một mình. Còn những tảng nhỏ hơn vỡ ra từ tảng lớn này vẫn tiếp tục trôi thêm, vài trăm hay vài ngàn cây số nữa. Nếu mình đi về suối tìm tòi chắc sẽ thấy các tảng đá con nằm rải rác đánh dấu dòng băng hà cũ.

-Mai mình đi tìm đi!

Lan cười, nàng thấy mình đã bị tảng đá lôi đi quá xa, cần phải ngưng lại để đặt giới hạn cho sự thân mật giữa hai người. Nàng lắc đầu:

-Xin mời anh. Anh cứ đi một mình.

-Đi một mình thì chán chết. Không có ai nói chuyện. Lan thử tưởng tượng nếu chỉ có một người sống trên trái đất, liệu hắn có thấy phong cảnh đẹp là đẹp hay không? Như mình đang thấy hay không?

-Nếu "hắn" là đàn bà thì tôi chắc vẫn thấy đẹp. Lan đưa tay xoa lên tảng đá vào chỗ mặt đá đen phẳng phiu, nàng thì thầm:

-Tảng đá trơ trụi giữa một xứ đá xa lạ, tất cả các hòn đá khác chung quanh chắc không nói cùng thứ tiếng với nó. Cũng như lúc tôi mới đến cái hội nghị này vậy.

Lan áp tai vào đá. Nàng nhìn Vũ, nói nho nhỏ, mắt sáng lên như mỉm cười:

-Tôi đang nghe đá nói.

Nắng vàng soi qua kẽ lá thưa, chiếu sáng trên một mảng tóc nàng, mấy sợi tóc đen chuyển sang mầu nâu óng. Mắt nàng không nhìn Vũ nữa, dần dần đổi hướng, ngó những hờ phía trước.

-Anh biết không, một tảng đá này có thể lắng nghe tiếng nói của những tảng đá khác ở rất xa, từ bên kia trái đất cũng được, vì chắc chúng truyền âm thanh qua vỏ trái đất. Không như loài người, tiếng nói của mình truyền qua không khí, đứng một mình không có ai nghe là chịu thua, ngậm miệng luôn, không biết lời nói dùng để làm gì nữa. -Chúng mình đang có hai người nói cùng một thứ tiếng, thật là may mắn. Phải cám ơn giải băng hà nào đã đưa hai đứa mình tới đây cùng một lúc. Cám ơn giải băng hà nào đã đưa Lan đến đây, cho anh gặp Lan hôm nay.

Lan tròn mắt nhìn Vũ. Chàng đã thay đổi cách xưng hô, xưng anh với nàng từ lúc nào? Nàng đổi câu chuyện đang trở thành quá thân.

-Bây giờ anh Vũ muốn đi hướng nào?

-Tùy Lan. Tùy giải băng hà lôi đi đâu chúng mình đi theo đó cũng được. Lan có tin có số mệnh không? Tại sao giải băng hà của Lan đã đặt tảng đá này ở đây, đúng chỗ này mà không phải chỗ khác? Có phải cũng chỉ là sự tình cờ hay không? Tại sao ban nãy chúng mình tình cờ gặp nhau, để nhận ra cả hai cùng nói tiếng Việt? Tại sao hôm nay tôi lại được đi dạo với Lan ở trong rừng, dù mình mới chỉ quen nhau mấy phút? Nếu lúc đó Lan gặp một người bạn khác cũng từ Pháp qua, Lan rủ họ trước thì tôi đâu được đi với Lan như thế này?

-Phía bên phải lên giốc, khó chèo. Nhưng lên trên đó sẽ nhìn thấy rất xa. Thôi mình đi.

-Tôi chắc tất cả đều là sự tình cờ Lan ạ. Tôi đang đọc cuốn sách "Hạt Quark và con beo Jaguar". Cả vũ trụ này có thể có, mà cũng có thể không có, Lan biết không? Nhưng mà thôi, tôi nói hơi nhiều, xin lỗi.

-Anh cứ tự nhiên, ban nãy Lan cũng nói hơi nhiều, Lan biết chứ. Nhưng lâu lâu được nói tiếng Việt... đỡ phải nói một mình...

Đường đi quả dốc hơn trước. Lan vịn tay vào những cành cây bên sườn núi chĩa ngang, đi một quãng nàng tháo giày ra cầm tay. Đôi vớ nàng mầu beige, cổ chân nàng trắng. Bước đến chỗ con đường mòn nhẩy lên một bậc thang cao gần một thước, Lan dừng lại ngại ngần nhìn chung quanh. Nàng nắm lấy một cành cây, co chân đặt trên một gốc cây mọc chênh vênh, đu người nhún tới, nhẩy lên trên. Vũ bất giác đưa tay muốn nâng, nhưng rụt lại. Mông nàng tròn và gọn. Nếu muốn đỡ thì Vũ phải đỡ ngang đùi hay dưới mông nàng.

Vũ nhìn phía sau lưng Lan, chàng cất dọng đùa cợt:

"Em đi chàng theo sau
"Em không dám đi mau
"Sợ chàng chê hấp tấp

"Số gian nan không giầu."

-Anh Vũ vẫn thuộc nhiều thơ lắm nhỉ? Đường ở đây muốn hấp tấp để cho số không giầu cũng không được. Leo dốc thế này ai đi mau nổi, thôi phải chịu cái số giầu vậy. Anh không đi đằng trước mở đường cho người ta, lại còn ngâm thơ!

Nói xong Lan nhận ra chính cách nói của nàng cũng thân mật hơn. Chắc cũng vì tảng đá.

-Ngày xưa ông già anh dạy là khi lên cầu thang hay leo dốc đàn ông phải đi sau, cho phụ nữ đi trước.

-Chắc để khi các cô bị té thì đỡ lấy, các cụ khôn thật.

-Chắc vậy. Có khi để kiếm cớ ngắm phía sau các cô cho nó tự nhiên hơn. Các cụ khôn đủ cách.

-Anh Vũ có phải lúc nào cũng hay nói nhảm như vậy không nhỉ? Hồi trẻ, nghĩa là ...cách đây vài chục năm thì anh có hay nói nhảm như vậy không hả? Sáng nay anh thuyết trình thấy anh đạo mạo lắm mà?

-Anh có nói nhảm bao giờ đâu? Nhìn phía sau thấy Lan xinh quá anh đang muốn khen, bây giờ mới dám nói. Người xinh, xinh trước xinh sau.

-Thôi, anh đi phía trước đi.

Rừng chằng chịt hơn. Lan vịn vào các cành cây thấp, chân nàng leo nhẹ nhàng và vững chắc. Nàng bắt đầu thở mạnh hơn. Vũ hỏi:

-Còn lâu không? Nếu Lan mệt chúng mình quay về?

-Lan không nhớ nữa. Với lại mình có nhất định phải tới chỗ nào đâu mà tính lâu hay mau? Đi bộ trong rừng đã đủ là một thú vui rồi, anh thấy không? Anh Vũ thử nhìn sang hai bên coi. Phía nào cũng đẹp cả.

Vũ nhìn. Thấp thoáng sau các cành cây rừng ôn đới trải ra những ngọn núi miên man, ở giữa là thung lũng uốn lượn. Lan dừng lại theo, đứng bên Vũ. Chàng có cảm giác hơi ấm từ thân thể nàng truyền sang mình. Nhưng chắc đó chỉ là tưởng tượng, chính thân thể chàng đang nóng lên, mà khi dừng chân mới thấy rõ.

-Mình phải bỏ thói quen là chỉ nghĩ đến chỗ đến mà không biết chính con đường mình đang đi mới là cảnh đẹp.

-Và người đi bên mình mới là người đẹp.

Lan làm như không nghe thấy. Nàng chỉ tay:

-Anh Vũ thấy tuyết phủ trên mấy đỉnh núi xa xa kia không? Thuộc rặng núi Alpes đó. Có lẽ cái đỉnh cao cao kia là đỉnh Mont Blanc. Lát nữa lên cao mình sẽ thấy rõ hơn.

-À Mont Blanc. Họ đặt tên bút máy, mà trông không giống chút nào.

-Tên hộp sữa đặc có đường nữa. Mẹ Lan hồi nhỏ vẫn cho em Lan ăn sữa Mont Blanc.

-À, đặt tên hộp sữa thì giống hơn. Tưởng chỉ người ta mới có sữa, hóa ra núi thật nó cũng có sữa như người. Tây nó giỏi nhỉ?

-Lại nói nhảm nữa. Mình leo tiếp, anh đi trước đi.

-Còn lâu không?

Đến lượt Lan vừa đi vừa đọc thơ:

"Me bảo đường còn lâu
"Cứ vừa đi vừa cầu
"Quan Thế Âm Bồ Tát
"Là tha hồ đi mau."

-Thưa me, không cầu để đi mau làm gì. Bây giờ anh chỉ muốn đi thật chậm, càng chậm càng kéo dài những giờ phút thần tiên.

-Lan đã thử rồi. Niệm Quan Thế Âm Bồ Tát cũng không đi mau hơn, nhưng mà mình đi không thấy mệt. Anh thử coi.

-Nếu vậy để anh thử niệm.

Vũ bước đi, nói nhỏ và đều đặn:

-Lan. Lan. Lan. Lan.

-Anh Vũ! Vừa thôi chứ! Hồi trẻ anh có hay đùa nhả như vậy không nhỉ?

-Lan. Lan...

-Anh quá đáng rồi đấy nghe.

Họ đi đến một chỗ trống, Lan dừng lại.

-Lần trước Lan cũng chỉ leo đến đây thôi. Bây giờ mình nên im lặng để mà nhìn phong cảnh. Đằng xa phía trước mình là Đức. Phía mặt trời lặn kia là nước Pháp. Đứng đây núi che khuất không thể nhìn tận Áo và Ý được.

Chiều bắt đầu ngả sang mầu da cam cuối chân trời mây đục. Giữa các tảng mây tối nằm ngang, ánh nắng vẫn lách qua, tô ửng đường viền quanh các khe mây, như lấp lóe chuyển động. Những ngọn tùng bách ở phía đông được thắp sáng, đỉnh cây nhuộm nắng hồng nổi lên trên những dãy núi tím nhạt nằm ở tận chân trời. Xa hơn nữa núi đổi sang mầu xám nhạt, lớp núi nọ nhòa chìm trên lớp núi kia không thấy rõ đường phân chia.

-Ánh sáng hơi yếu rồi, nếu không anh sẽ nhìn thấy dưới thung lũng rõ cả những con đuờng chạy lòng vòng. Anh thấy mặt hồ nước sau chùm cây

---

* "Đố anh biết ở đâu những thứ như 'tiền tài, hạnh phúc' luôn luôn hiện diện?"
"Trong cuốn tự điển chứ ở đâu."

* "Thưa bà, bà không cần phải há miệng quá lớn như thế. Tôi có thể đứng bên ngoài nhổ răng cho bà cũng được rồi."

* "Nhưng thưa bác sĩ, đó không phải là cái răng tôi muốn nhổ."
"Bình tĩnh nào. Bây giờ đến lượt cái răng ấy đây."

kia không? Tu viện mình ở nằm bên bờ hồ đó, nhưng ở trên cao, phía dưới là các biệt thự của các triệu phú.

-Có cái ca nô đi chung quanh hồ thì thích nhỉ?

-Ở đây không được dùng thuyền máy, bảo vệ môi trường. Thôi, chắc đến giờ phải về rồi. Bây giờ đi xuống Anh Vũ đi trước đi, đúng lối các cụ đã dậy, phải không nào?

Vũ nghĩ không biết người phụ nữ này có thói quen ra lệnh cho những người chung quanh từ lúc nào? Thói quen bẩm sinh hay do hoàn cảnh? Mà hoàn cảnh của nàng ra sao?

Leo xuống quả nhiên khó hơn leo lên, đường mòn trong rừng bắt đầu tối. Vũ phải chọn nơi đặt từng bước chân, lâu lâu quay lại nhìn xem Lan có bước xuống được không. Đến lúc phải bước xuống chỗ bực thang rất cao, Vũ đứng lại chờ coi Lan tìm đường xuống. Nàng cúi nhìn hai bên đường, không có một gốc cây nào đủ cứng để níu tay. Nàng chuẩn bị ngồi để tụt xuống, Vũ ngăn lại:

-Coi chừng dơ cả quần áo. Lan cầm lấy tay tôi. Lan đưa tay trái cầm bàn tay Vũ, nhưng chân nàng vẫn luống cuống chưa sẵn sàng nhẩy xuống.

-Lúc đi vội quá, sợ trời tối, đáng lẽ phải về phòng thay đồ với đôi giầy vải mới phải.

Vũ đưa cả hai tay. Lan đưa hai bàn tay cho chàng nắm lấy. Chiều lạnh và bàn tay nàng ấm áp. Vũ nắm thật chặt hai bàn ta nhỏ nhắn, mỉm cười và hất hàm ra hiệu. Lan buông hai chân khỏi mặt đất, cả thân hình nàng tựa trên hai tay Vũ, nhẩy xuống như đu tới phía trước. Vũ nghiêng về phía sau vừa đủ chỗ cho hai chân Lan đặt xuống. Thân thể nàng sát vào Vũ, và chàng không biết hai thân thể có đang chạm vào nhau không, và nếu có thì chạm nhau ở chỗ nào. Không, hai người không chạm vào nhau, nhưng cả hai đều thấy đùi mình nóng lên trong một vài giây đồng hồ. Một khối ấm áp bao chùm lấy hai người, cả hai cùng đỏ mặt. Vũ lùi lại, một tay chàng vẫn cầm bàn tay Lan, bước đi tiếp. Vũ nhớ lúc bước qua con suối ở cửa rừng nàng không cho chàng cầm tay bước qua suối.

Lan chỉ vào mấy thân cây bên lối mòn, để rút tay ra một cách tự nhiên:

-Cây này tiếng Đức gọi là Búc khơ. Tiếng Anh gọi là gì anh Vũ biết không?

-Vũ không rành về cây cối, nhất là tên tiếng Anh. Tiếng Pháp gọi là gì Lan biết không?

-Lan không để ý.

Lan nhận ra nàng vừa đổi cách xưng hô.

-Năm ngoái Lan đi qua đây rồi, đi với một đồng nghiệp người Đức. Đi dạo cả một buổi chiều, cũng không biết nói chuyện gì sau khi đã nghe hết chuyện mối tình u ẩn của Brahms với Clara Schumann, nên sau đó Lan hỏi thêm mấy tên cây cối. Với lại Lan cũng thích cây, Lan chỉ vào cây nào hỏi tên cây đó bằng tiếng Đức. Nhờ thế mà Lan học được rất nhiều tên cây cối.

-Ông bạn người Đức may mắn đó chắc cùng một sở thích như Lan? Cùng thích âm nhạc và yêu cây cối?

-Một cô bạn. Vì cô ta quê ở Frankfurt và cô nói đã học đàn ở đó nên Lan mới nhớ bà Clara cũng từng dậy piano ở Frankfurt, thành ra hai đứa mới đem chuyện Brahms ra kể. Nói thật, Lan đâu có dám đi riêng trong rừng với một ông bạn đồng nghiệp.

-Xin lỗi Lan, chỉ có Vũ mới thật là người may mắn. Lan có yêu nhạc Brahms không?

-Anh hỏi hay anh đọc tên một cuốn truyện? Nhưng thôi, chắc mình phải đi nhanh một chút, sáu giờ rưỡi là bữa cơm chiều phải không anh?

-Không cần về ăn chung với họ làm gì, Lan. Tôi mời Lan đi ăn tối nay được không?

-Xin lỗi anh, Lan phải thanh toán mấy chuyện trước khi ra xe lửa về Paris. Xe tắc xi đã hẹn đón lúc sáu rưỡi.

-Ủa, tối nay Lan về ngay?

-Dạ.

Vũ đứng lại. Lan quay nhìn chàng. Có lẽ đã hơn mười năm nay nàng mới nhìn thấy một bộ mặt đàn ông có vẻ ngẩn ngơ như thế. Lan im lặng chờ đợi trước khi nói nhỏ:

-Bẩy giờ xe lửa chạy, Lan phải về ngay mới kịp, thôi mình đi.

Hai người im lặng bước đi. Vũ hỏi nhỏ khi họ về đến cổng:

-Lan cần về ngay làm gì?

-Sáng mai con gái Lan làm lễ ra trường.

-Tôi thật vô ý quá, chưa hỏi thăm gia đình Lan câu nào. Thế ra chúng mình chỉ quen nhau được có một buổi chiều.

Lan chỉ ngón tay cho Vũ biết hướng nàng muốn đi. Nàng bước nhanh, Vũ cúi đầu bước theo.

-Mình chỉ quen nhau được có mấy tiếng đồng hồ. Tiếc quá. Nhưng tôi cảm ơn Lan, tôi sẽ không bao giờ quên buổi đi dạo trong rừng hôm nay. Lan đứng trước cửa phòng nàng. Khi Vũ đưa tay ra, nàng bắt tay chàng, nàng nhìn vào mắt Vũ, đôi mắt nàng dò hỏi, chờ đợi.

-Tạm biệt Lan.

-Tạm biệt anh.

Nói xong, Lan cúi đầu chào Vũ, hai chân nàng đứng thẳng nghiêm nghị, đôi mắt nàng trang trọng nhìn về phía trước, tia mắt nhìn cũng chuyển từ từ cùng với nửa thân mình nàng nghiêng xuống chầm chậm, thật sâu, giống như đang cử hành một nghi lễ. Rồi nàng ngửng đầu lên, không nhìn Vũ, quay chân bước vào phòng.

Vũ gọi theo lớn tiếng:

-Lan, khoan đã.

Lan đứng lại giữa khung cửa.

-Hình như ngày xưa mình đã gặp nhau ở đâu rồi, phải không Lan?

-Bây giờ anh nhớ ra? Hồi chiều anh còn mải nói chuyện với cô người Đức tóc vàng.

Vũ nhìn Lan, lắc đầu:

-Đúng rồi, xin lỗi Lan, trí nhớ của tôi kém lắm, kém lắm, nhưng khi Lan chào thì tôi nhận ra. Tôi không thể quên cách Lan cúi chào lúc chia tay. Mà tại sao bây giờ Lan đổi ra họ Trần? À, tôi hiểu.

Lan nhìn Vũ không nói. Chàng giơ tay lên như giải thích:

-Tôi xin lỗi không nhận ra Lan từ đầu. Tôi không ngờ đến đây lại gặp một người Việt Nam, làm sao tưởng tượng được là mình gặp được Lan, nghĩa là, tôi muốn nói, gặp một người bạn cũ. Không, Lan không thay đổi nhiều lắm, nhất là đôi mắt, tôi đã ngờ ngợ. Nhưng, hai mươi năm, tôi không thể nào quên được, đúng rồi, hồi đó mình cũng gặp nhau ở một trại hội thảo. Chết chửa, đã hơn hai mươi năm không gặp nhau. Nhưng đúng rồi, tôi không thể nào quên được cách Lan cúi chào tối hôm ấy, khi tôi đưa Lan trở về cư xá. Xin lỗi Lan tôi không nhớ ra Lan ngay từ đầu. Tối hôm đó, tôi ngạc nhiên về cách Lan chào, tôi không thể quên được. Khi Lan cúi đầu chào bỗng nhiên tôi thấy như Lan đã thành một con người khác hẳn lúc trước, tôi nhớ mãi, nhớ mãi không quên được. Tôi vẫn tự hỏi không biết có phải mẹ Lan, hay bà ngoại, bà nội đã dậy Lan chào như vậy từ khi còn bé hay không. Lan,..

-Tạm biệt anh Vũ, Lan không còn thời giờ nữa...

-Lan, mình sẽ còn gặp nhau nữa chứ?

-Vâng, nếu có một giải băng hà thứ ba nào đưa mình tới gặp nhau...

Lan vừa nói vừa đóng cửa lại.

Tìm đọc:

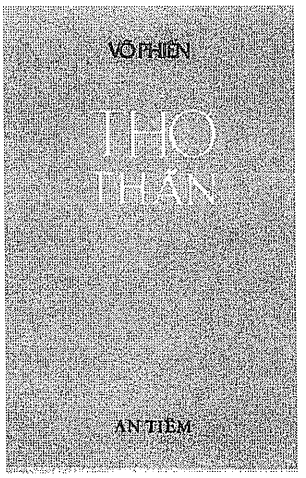

An Tiêm xuất bản
Văn Nghệ phát hành

HOÀNG XUÂN SƠN

KHAI TRỪ

Xuân cường điệu còn e ấp mãi
Ôm mình ve vuốt một tầng kinh
Chơn mày bạc trắng đầu hoa nhọn
Âm bút râm ran một chữ tình.

LÃO

Già phơi phới như sương hoa
Không ai cản lòng duỗi ra
Thư thái chung phần dật lạc
Sáng trăng mắt nhắm cùng lòa.

BÙI DUY THUYẾT

THỨC

Bấy lâu ngồi tĩnh lặng
Hô hấp khoảng chân không
Đắm mình nơi trống vắng
Nhìn thấu hạt bụi hồng.

Thoáng nhìn mây bao phủ
Nở nhẹ một nụ cười
Cảm thông đời đau khổ
Đó đây cũng vậy thôi.

Cuối vòng luân lưu khổ
Những sinh vật nổi trôi
Vào ra trong sinh tử
Như chớp mắt qua rồi.

Khoảng không gian hạn hẹp
Nỗi thống khổ đọa đày
Luân hồi muôn ngàn kiếp
Đoạn đường trần còn đây.

VNCR

BÁO NÓI

Đài phát thanh VNCR (*Viet Nam California Radio*) phát thanh hàng ngày trên làn sóng 106.3 FM, tại vùng Los Angeles và Orange County, California, có nhiều chương trình giá trị, ghi lại trong các băng cassette 30 phút, 60 phút và 90 phút. Quý vị muốn có các băng này, xin điền phiếu dưới đây. Các băng này hiện không bán; quý vị chỉ đài thọ tiền vật liệu và công đóng gói gửi, trung bình một băng ngắn $3.00, và băng dài $10.00.
Sau đây là danh mục một số băng đã có, để quý vị chọn. Tên để trong ngoặc là tên người thực hiện hoặc người diễn đọc.

I. Phỏng vấn:

Các chiến sĩ Biệt Hải
Bang giao Mỹ-Việt
Bà Đoàn Viết Hoạt
Nguyễn Hộ
Hà Sĩ Phu
Nguyễn Ngọc Lan
Tiêu Dao Bảo Cự I, II, III
Nguyễn Chí Thiện
Thái Hóa Lộc
Lê Hữu Mục
LM Chân Tín
Hoàng Minh Chính
Lê Đạt
Vũ Huy Cương
Hoàng Tiến
Vũ Thư Hiên

II. Đọc truyện:

Cuống Rún, (*Hoàng Khởi Phong*)
Bỗng Dưng Người Đàn Bà Cuối Đời,(*Hà Kỳ Lam*)
Bên Kia Sông (*Nghị Thuyết*)
Evelyn, (*Nguyễn Tiến Đức*)
Quan Phu, (*Miêng*)
Hoa Táo, (*Trần Mộng Tú*)
Cầu Vồng Bẩy Sắc, (*Trần Mộng Tú*)
Vài Chuyện Rất Thường (*Lê Xuân Nhị, Lê Tất Điều*)
Tưởng Như Không Còn Gì (*Trần Long Hồ*)
Kẻ Đào Mồ (*Trần Long Hồ*)
Đoạn Kết Một Chuyện Tình (*Nguyễn Thị Ngọc Liên*)
Bà Nẫm (*Nguyễn Tuyển*)
Hai Kẻ Đăng Trí (*Đinh Linh*)
Thư Không Gửi (*Nguyễn Thị Vinh*)
Người Mẹ Bị Từ Chối (*Võ Tài*)
Chỉ Còn Em Ngậm Ngùi (*Ngày Xưa Trần Thị*)
Mùa Xuân Rực Rỡ (*Ngọc Thủy*)
Khán Giả (*Phùng Nguyễn*)
Ả Điếm Và Dấu Lặng Bản Hùng Ca (*Dương Thành Vũ*)
Nuôi Cọp Trong Nhà (*Khuyết Danh Thị Nghi*)
Kịch truyền thanh:
Cơn Mưa Phùn
Ước Gì Em Có Một Người Mẹ

III. Chúng ta đi mang theo quê hương:

Mì Quảng, (*Phạm Xuân Đài*)
Bún riêu, (*Tâm Hoa*)
Lễ giỗ trong gia đình (*Tâm Hoa*)
Văn Chiêu hồn vu lan (*Ngô Mạnh Thu*)
Hồ Tây Hồ Gươm (*Tâm Hoa*)
Các lễ thức mùa Tết Nguyên Đán (*Tâm Hoa*)

IV. Những mảnh đời tị nạn:

Nhà văn Đặng Trần Huân
Nhà báo Đặng Hoàng Hà
Nhà văn Mai Thảo
Nghệ sĩ Thanh Hùng

V Tưởng niệm:

Nhạc sĩ Thẩm Oánh
Thi sĩ Đinh Hùng
Thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên
Nghệ sĩ Vũ Huyến
Liệt sĩ Trần Văn Bá

PHIẾU ĐẶT BĂNG

Họ và tên: .....
Địa chỉ: .....
.....
Điện thoại: .....

Yêu cầu gửi cho tôi những băng có đánh dấu trên đây.
Tôi xin gửi kèm ngân phiếu / lệnh phiếu (đề tên VNCR) mang số tiền:.....
Để tiện điều hành và giúp quý độc giả đỡ mất thì giờ, xin quý vị gửi tối thiểu US$50.00 — VNCR sẽ mở "trương mục báo nói" cho quý vị, và khi nào sắp hết tiền trong trương mục, chúng tôi sẽ thông báo để quý vị gửi tiếp.

ĐOẢN VĂN CỦA MỘT NGƯỜI TỬ TRẬN

TRẦN MỘNG TÚ

Tràng AK-47
Khu oanh kích tự do
Bây giờ lần thứ mấy
Anh lỡ cuộc hẹn hò (1)

Em thân yêu

Hôm 20 tháng 2 vừa qua nước Nga đã chào mừng sinh nhật thứ 50 của khẩu AK-47. Khẩu AK là một trong những võ khí chiến tranh nước Nga viện trợ cho miền Bắc Việt Nam cũng như khẩu M-16 của nước Mỹ viện trợ cho miền Nam Việt Nam.

Khẩu AK-47 là một vũ khí cá nhân tuyệt vời. Nó tuyệt vời ở chỗ không bao giờ hóc đạn, chỉ cần lắp băng đạn cùng cỡ sản xuất ở bất cứ nơi nào trên thế giới, sử dụng vẫn dễ dàng, dù đánh rơi xuống nước, ngâm trong bùn rồi lôi ra, lắp đạn vào nó vẫn bắn chính xác. Và hay hơn nữa tuy là vũ khí cá nhân, nhẹ và gọn, nó lại có thể xử dụng như một khẩu liên thanh, nghĩa là nó bắn ra từng tràng đạn ngọt ngào không gián đoạn.

Khẩu AK-47 được 50 tuổi, anh tử trận được 28 năm, hơn nửa số tuổi của khẩu súng. Anh tử trận ở Kiên Giang trong một cuộc hành quân, đánh sáp lá cà, có M.16 của Mỹ và AK.47 của Nga tại xã Vĩnh Thanh Vân thuộc tiểu khu Rạch Giá. Trận đánh kéo dài trên hai tuần, và lúc đó anh chưa biết bao nhiêu người tử trận bằng M-16, và bao nhiêu người tử trận bằng AK-47 cùng với anh.

Năm 1947, ông Mikhail Kalasnikov vẽ kiểu khẩu súng mà ngày nay được cả thế giới ưa chuộng khi đó chỉ là một Thượng Sĩ khiêm nhường và mới 27 tuổi (năm nay đã là một ông cụ 77 tuổi) chắc ông đâu có thể biết được một ngày nào đó tràng AK-47 đã xuyên qua ngực một thanh niên cũng 27 tuổi, vừa cưới vợ được ba tháng, ở một nước cách xa nước Nga đến bao nhiêu ngàn dặm. Ông hồn nhiên nhận lãnh những lời khen ngợi trong ngày kỷ niệm đánh dấu nửa thế kỷ dành cho cái mà ông gọi là "món quà cho tổ quốc của tôi" cũng như những người lính Bắc Việt hồn nhiên bắn ra những tràng đạn AK trong cuộc chiến "Chống Mỹ cứu nước."

Em còn nhớ không, trận đánh vào tháng 7 năm 1969 đó, sau hai tuần nhà xác của Bệnh viện Tiểu Khu không đủ chỗ cất xác. Xác của Sĩ quan thì được đem vào bên trong, xác lính thì nằm ngang nằm dọc ở lối đi, xếp cả ra sân, sát ra tận chân tường, bên dưới chân tường là dòng sông, con nước trôi pha bùn đặc quánh. Xác lính được đắp vội vã bằng những chiếc poncho, lòi ra một phần ống chân với những đôi giầy "saut" dính bùn và máu đã khô đặc.

Nhà xác Kiên Giang nằm cạnh bờ sông
Con nước đục lờ đờ pha sắc máu

Anh nằm ở phía trong thấy em và mẹ dắt nhau đi, cố tránh bước qua xác những người lính của anh, len lỏi vào bên trong tìm anh. Mà em có nhìn được mặt anh đâu. Mùi tử khí và nỗi xúc động đã làm em ngất đi khi chưa vào đến cửa nhà xác. Anh biết sau này em cứ hỏi đi hỏi lại mẹ là "Có đúng là anh ấy không hả mẹ, anh ấy đã chết thật hả mẹ?"

Anh đã chết thật rồi em ạ, em phải tập tin điều đó. Chiến tranh có thật và sự mất mát ngoài sức chịu đựng ảnh hưởng vào suốt cả đời sống em sau này là có thực. Anh đã chết cùng với bao nhiêu người bạn đồng đội và anh cũng biết rằng trong

cánh rừng thuộc xã Vĩnh Thanh Vân nơi đang diễn ra cuộc chiến đó, những xác người lính Bắc Việt cũng nằm gối lên nhau, cùng chia nhau những mảnh đạn bắn ra từ khẩu M-16. Người Việt Nam chết bằng cả hai thứ vũ khí được viện trợ, của Nga và Mỹ.

Ông Kalashnikov nói rằng - Ông muốn võ khí ở trong tay một quân đội có trách nhiệm - ông bác bỏ những cáo buộc cho rằng ông phải chịu trách nhiệm về cái chết của không biết bao nhiêu người trên khắp thế giới vì sự sáng chế của ông (Reuter).

Là một người lính, anh hiểu - Một quân đội có trách nhiệm là một quân đội gửi lính ra mặt trận để gìn giữ đất đai. Người lính miền Nam đã đi làm cái nhiệm vụ đó và người lính miền Bắc cũng được gửi ra dưới cái tựa để chống Mỹ, đuổi Mỹ ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Và cuộc nội chiến đó đã kéo dài hơn 20 năm. Các viên chức Nga cho hay đã có khoảng 70 triệu khẩu Kalashnikov đủ loại được sáng chế từ năm 1947 và được dùng làm vũ khí cá nhân chính cho quân đội của 55 quốc gia trên thế giới. Và khẩu AK sẽ tiếp tục đứng hàng đầu cho ít nhất đến năm 2025 (Reuter).

Bây giờ anh đã chết, ở thế giới xa xăm này anh có thể nói cho em biết con số chính xác, có bao nhiêu khẩu AK được đem vào Việt Nam và có bao nhiêu người lính Việt Nam đã chết dưới tràng đạn AK-47. Nhưng thôi, em chẳng nên biết làm gì những con số nghiệt ngã đó!

Năm 2025 lúc đó tuổi em cũng sẽ ngang với tuổi của Kalashnikov bây giờ, anh mong ước cho em có một bài thơ được kỷ niệm sinh nhật thứ 50, bài thơ không bắn ra một viên đạn nhỏ nào cả, không nhân danh một cuộc chiến nào và có thể nó cũng có cái tựa được viết tắt bằng chữ và số như AK-47. Em có thể đặt cho bài thơ là TY-25 (Thương Yêu 2025) hay HB-25 hoặc TN-25 (Hòa Bình hoặc Tình Người). Em sẽ không phải bác bỏ những lời buộc tội vào tác phẩm của em vì bài thơ đó không tung ra những mảnh nhọn để bắn tan lồng ngực của một ai.

Em thân yêu, mặc dù khẩu AK-47 còn được trọng vọng cho đến năm 2025, nhưng xin em an lòng, nó không còn thể nào đến gần anh và làm cho anh chết thêm một lần nữa. Những cái vỏ và đầu đạn sót lại trên mặt trận thì giờ đây đang được thâu lượm, rửa đi những vết máu còn dính trên đó, tái chế thành những vật dụng hàng ngày cho người dân Việt sống sót sau cuộc chiến xử dụng.

Em hãy sống bình an, thôi lo sợ và đừng hay khóc như ngày chúng ta mới yêu nhau. Chiến tranh đã thực sự tàn lụi như em hằng mong ước, chỉ có đau đớn một điều là chúng ta vĩnh viễn xa nhau.

Tháng 3/97

(1) Quên tên tác giả

Sách do Thế Kỷ xuất bản và phát hành

Hà Nội Trong Mắt Tôi

Bút ký, tùy bút...của **Phạm Xuân Đài**, viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua. Trần Hồng Châu (tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon) cho rằng: "Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện...(...) Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."

Tựa của **Trần Hồng Châu**

■ *185 trang. Giá $10.00*

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

NHỮNG MIẾNG TỒI TÀN

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Tôi chưa từng thấy trên thế giới này có đầu nậu phân phối thực phẩm nào bất lương như đầu nậu ở Algeciras, Tây Ban Nha. Một thùng bôm, một thùng cam học tráng trên mặt những trái tươi, phần dưới đáy toàn úng. Có lẽ họ lấy thịt của mấy con toros trong trường đấu ra hay sao mà thịt bò dai nhách; con heo mỡ nhiều hơn thịt; cá toàn khúc đuôi, gà da bầm tím thịt bủng xì bủng xịt, phải xát muối, gia vị cho nhiều để bán bớt mùi hôi rồi đem chiên thiệt vàng mới ăn được; trứng gà dập và ung đến gần phân nửa.

Đúng ra theo nguyên tắc đầu bếp phải kiểm hàng trước khi ký nhận. Nhưng ông đầu bếp trước đã hải hành đúng kỳ mà hãng không cho người xuống thay. Ông nổi khùng đến nỗi bà vợ phải bay từ Hòa Lan qua Gia Nã Đại thăm. Khi bà xuống tàu, ông đâm ra chán nản không muốn làm việc nữa. Tới phiên tôi đổi xuống, thấy đồ đạc ông vứt ngổn ngang. Nệm, ra dơ không giặt, phòng không lau chùi, thùng rác đầy nhóc vỏ bia. Kho chưa lương thực thì lộn xộn không thứ tự gì hết, đồ khô ông nhét vô phòng đông đá, có vài món cần đông đá, ông nhét vô tủ lạnh. Không biết ông đặt hàng làm sao mà chỉ có ba chục ký lô gà, mười lăm ký cá, ba chục ký heo, trong khi thịt bò ông dến đến cho một trăm năm chục ký. Nhưng được cái là khoai tây, đồ khô và rau cải đông đá đủ ăn trong ba tháng.

"Thằng đầu bếp trước khùng dữ lắm."

Tôi day lại thấy ông thủy thủ người Tây Ban Nha, đứng bên cạnh mặt nhăn nhó ra vẻ khó chịu. Tôi cười, nói:

"Dĩ nhiên, ở trên tàu lâu ngày ai mà không vậy."

Ông cãi:

"Nhưng tao hải hành có khi cả năm mà tao đâu có khùng."

Tôi nhìn chót mũi đỏ giống trái cà chua, miệng tái ngắt như cái âm hộ nằm ngang giữa chùm râu quai nón xồm xoàm. Mặt mày không mấy sáng sủa. Mới ngoài năm mươi mà dường như ông đã lẫn, ăn nói lộn tùng phèo, hay bắt nạt những người mới và nói chuyện đâm thọc sau lưng người. Tôi định nói xỏ vài câu cho ông thấm thía sự đời, nhưng thấy chuyện hổng đáng nên bỏ đi làm công việc của mình.

*

Tàu rời Algeciras, vượt Đại Tây Dương sang Châu Mỹ mất hơn tháng trời. Bây giờ đang trên đường trở về Âu châu...

Lương thực cạn dần, thịt đông lạnh chỉ còn mỗi một thứ là thịt bò. Hôm ghé Baltimore, tôi với ông thuyền trưởng có lên chợ mua thêm thức ăn, nhưng thấy ở Mỹ thứ gì cũng bự, ông chê không mua. Cuối cùng hai thầy trò mua được chỉ có hai thùng rau, ba vỉ trứng. Tôi đề nghị ông mua thêm ít thịt heo, thịt gà và dăm bông. Ông không chịu, biểu tôi ghi đơn đặt hàng để ông fax về Hòa Lan, mua một lần vừa rẻ vừa đủ phẩm chất. Ông nói:

"Trên tàu còn thứ gì ăn thứ đó, hễ tên nào ọ ẹ thì cứ việc lên nói với tao."

Để làm gương cho thủy thủ, mỗi bữa ăn ông ăn rất ít rồi ngồi ngó từng người. Tên nào ăn nhiều quá ông lưu ý bằng cách đếm từng miếng dăm bông, phó mát và từng lát bánh mì. Người nào cũng khó chịu cái tánh keo kiệt của ông nhưng không ai dám nói. Trên tàu thuyền trưởng là cha mẹ mà!

Quy chế ăn uống mỗi thủy thủ chỉ được có mười đồng trong một ngày, đó là cho bữa ăn bình thường. Đã là thủy thủ thì ai cũng biết, tàu hải hành lâu ngày thì rau tươi hết, đầu bếp phải dùng rau hộp, rau đông đá. Hơn nữa ăn uống kham khổ trên những hải trình dài đối với thủy thủ là chuyện thường. Ông thuyền trưởng tuy keo kiệt có hơi quá, nhưng ông không làm vậy khó mà trị nổi cái đám thủ thủ tạp nhạp. Ý vậy khi nhu cầu trên tàu bị giảm bớt, lương thực sắp cạn mới thấy cá tánh của từng người lộ ra. Nhứt là những ngày sóng to gió lớn người nào không say sóng thì cũng ương ương khó chịu giống như đàn bà ốm nghén.

"Xếp, hôm nay cho ăn món gì đó?"

Ngày nào đầu bếp cũng nghe câu hỏi y chang. Người hỏi hay chờ câu trả lời đúng như ý mình ưa thích. Tuy nhiên thực đơn của đầu bếp ít khi vừa miệng cho tất cả mọi người. Nấu nướng khó khăn nhứt trong những lúc này. Họ cũng thừa biết mấy tuần qua trong tàu chẳng còn cao lương mỹ vị nào hết, nhưng hỏi để tỏ thái độ bất bình với đầu bếp

chơi vậy thôi. Không muốn cãi cọ lôi thôi, tôi tìm cách giả lả với họ:

"Tui cho ăn thịt bò. Từ đây về tới Âu châu các anh sẽ mọc sừng. Mùa xuân ở Tây Ban Nha có đấu toros, các anh có thể qua đó thi tài."

Câu khôi hài của tôi cũng có duyên lắm chớ, vậy mà không làm ai cười được hết. Trái lại có anh mặt dài ra và chửi tục nữa.

Hồi còn phụ bếp, tôi thấy rất nhiều đầu bếp khó tánh, thủy thủ nào lỡ hỗn láo, mấy ông liền nổi tam bành lục tặc chửi thề ỏm tỏi. Vì kỷ luật trên tàu nên trước mặt người ta nhịn ông, nhưng sau lưng họ rình đổ thuốc rửa chén lên dĩa xà lách hoặc đổ muối vô nồi xúp phá chơi cho bõ ghét.

Sau này tôi trở thành đầu bếp, thấm thía cảnh làm dâu trăm họ và nhận thấy lối cư xử trịch thượng quá thường bị thiệt cho mình chớ hổng có ích lợi gì hết. Cũng từ đó tôi tập tánh nhẫn nhục và ôn hòa với mọi người. Nhưng thủy thủ đoàn là một đám người phức tạp, muốn giữ được sự công bằng trong việc ăn uống cũng không dễ dàng gì. Ban đầu hổng biết, tôi chiên gà chặt từng miếng khéo, sắp vô dĩa, dọn lên bàn cho đẹp. Nhưng mấy ông ăn trước lựa thịt ngon cho vô đĩa mình chừa lại xương, cánh vụn vặt. Mấy người sau không ăn được, vô mắng vốn đầu bếp. nhiều lần xảy ra như vậy. Tôi rút kinh nghiệm về sau. Thịt nào mặc kệ, trước khi chiên nấu, cứ đếm đầu người chặt chia đều mỗi người một cục là xong chuyện. Ý vậy mà nhiều lần bực bội đến độ mất ngủ khi gặp những tên lố lăng, có đêm muốn xách dao qua phòng cắt cổ cái tên đã dám hỗn láo với tôi liệng bà nó xuống biển cho rồi. Nhưng sống càng lâu càng quen với đời thủy thủ, tôi nhận thấy tánh ăn nói thô lỗ, tục tằn và khoác lác cũng có nguyên do của nó mà lắm khi chính tôi cũng bị nhiễm vào.

Cái nguyên do chánh là thủy thủ sống xa bờ, xa gia đình, chịu cảnh sóng biển, bão bùng, cảnh cô đơn. Mỗi khi đổ bộ lên một xứ lạ, gặp ngay dân mánh mung đứng chờ trước cổng. Bọn này giả đủ hạng người, ai chưa kinh nghiệm dễ bị họ lường gạt. Đi đường ban ngày ban mặt bị cướp chĩa dao vào hông, dí súng vô đầu, giựt đồng hồ, vét cạn túi, nếu cần nó lột hết áo quần. Có đêm đi với gái chẳng chấm mút được gì hết mà túi sạch sẽ không còn tiền đi tắc xi... Sau những lần chơi xả láng, sáng hôm sau tiếc tiền, phần sợ xấu hổ nên không dám nói thiệt, khoác lác nọ kia cho xong, riết rồi quen miệng đó thôi.

Trở lại chuyện ăn uống trên tàu, có một thủy thủ người Nam Dương không ăn được bánh mì, mỗi bữa điểm tâm anh thường xin tôi mì gói. Hổm rày mì gói cũng hết anh ta đến than với tôi:

"Ở Nam Dương sáng trưa chiều tối đều ăn thức ăn nóng, còn Âu châu ăn đồ nguội ngắt lạnh tanh."

Tôi ôn tồn giải thích với anh ta:

"Sống tập thể, anh phải tập cho quen với mọi người. Tui biết ở xứ anh cũng như xứ tui, ăn ngày ba bữa cơm, nhưng cơm phải nấu ăn mới được. Tuy cơm nóng ăn đơn giản cá khô, xì dầu cũng xong. Bên Âu châu thức ăn thừa mứa, nguội lạnh nhưng hợp vệ sinh. Chuyện gì tui hổng biết chớ chuyện ăn uống mấy nước nghèo bên Á châu mình không bì kịp người ta đâu."

Vì ngẫu hứng làm tôi lên lớp dạy anh ta hồi nào mà tôi không hay, đợi đến khi nét mặt anh méo mó dài thòng, tôi mới dừng lại thì đã muộn màng. Món ăn cũng là một thứ biểu hiện văn hóa của dân tộc. Có lẽ tôi đã chạm tự ái dân tộc của anh nên từ đó trở đi anh hay xỉa xói, nói mỉa tôi là người Hòa Lan chứ không phải là Việt Nam nữa.

Ai cũng có một quê hương để tự hào, nhưng tôi không được như anh Nam Dương ấy. Tôi đã đi qua nhiều nước trên thế giới, sống trà trộn với nhiều người, hễ gặp nhà truyền giáo hỏi quốc tịch, tôi trả lời là người Việt tức thì họ ngạc nhiên trố mắt hỏi: "Oh God!" Rồi lâm râm cầu nguyện. Còn vô những nơi ăn chơi, khi nghe tôi giới thiệu gốc gác của mình, thì họ à lên một cái, có người ra vẻ hiểu biết, đứng dậy một tay đưa về phía trước, một tay giơ ngang làm như ôm súng ngoéo cò, miệng nạt: "Viet cong Viet cong reèn reèn... bang bang..." Sau đó tôi được uống bia miễn phía, thậm chí những "chị em ta," thấy thằng Việt Nam tội nghiệp, dẫn về nhà cho ngủ chùa một đêm. Quả thật quê hương tôi tiếng tăm vang dội khắp thế giới! Càng nhắc dạ càng đau!

Trứng gà cũng sắp hết nên tôi bớt phần trứng mỗi tuần hai lần trong bữa điểm tâm. Nhưng sáng nào cũng như sáng nấy ông thủy thủ Tây Ban Nha thức trước hơn mọi người, lấy bánh mì trét bơ để lên dĩa rồi xin tôi một trứng. Ông tự tay chiên vàng, xong bưng vô phòng ăn. Lần đầu tôi không nói, ăn quen ông làm tiếp, buộc lòng tôi phải lên tiếng lưu ý ông, tức thì mặt ông thụng ra một đống, sau đó tới màn kiếm chuyện:

"Vài ngày nữa tàu ghé Santander, xếp lên bờ mua thêm thức ăn?"

Tôi nói:

"Được, nhưng ai ra tiền?"

"Thuyền trưởng."

Ông nói chuyện ăn trớt như vậy thử hỏi làm sao tôi im được, tôi ngó thẳng mặt ông và hơi lớn tiếng:

"Tôi đã nói với mọi người rồi, đơn đặt thực phẩm tui làm xong và đã đưa ông thuyền trưởng fax về Hòa Lan hôm ở Baltimore, ông chờ vài hôm nữa sẽ có đồ ngon cho ông ăn, còn bây giờ có gì ăn nấy."

"Nhưng xếp là đầu bếp thì phải lo cho đàng hoàng."

"Ông khỏi phải lo, tui hổng để cho ai chết đói đâu."

Chẳng lẽ mỗi chút mỗi lên méc với thuyền trưởng, hơn nữa vì lễ nghi Á đông hay kính trọng người tuổi tác, tôi chịu khó giải thích dông dài với

ông, chớ gặp đầu bếp Hòa Lan ăn nói ba lăng nhăng như vậy nó chửi cho mất mặt.

Chuyến này đi có tới hai ông già, mà thứ già ăn nói lộn sòng. Ông thợ máy cũng xấp xỉ sáu mươi. Hôm nọ còn hai cái bánh ngọt cuối cùng, tôi lấy cho thuyền phó ăn, ông thợ máy biết được bèn chạy xuống bếp gặp tôi la ó om xòm, nói sao không chia cho ông một cái. Rồi từ đó trở đi hễ tới giờ cà phê là ông nhắc tới hai cái bánh ngọt. Mỗi bữa ăn, ông ngó qua phòng thủy thủ, lỡ đầu bếp dọn thức ăn khác nhau với phòng của officer tức thì ông la ầm như tàu bị hỏa hoạn. Chuyến nào đi gặp ông, những thủy thủ Hồi giáo không ăn thịt heo cũng đành phải chịu chớ không dám kêu ca gì với đầu bếp hết.

Hôm nhận được điện tín báo sau chuyến này ông được về nghỉ hưu, ông mừng rỡ cầm bức điện xuống khoe với mọi người. Sau đó ông vô bếp trong lúc tôi đương chiên thịt. Mặt ông hớn hở như trẻ nhỏ được quà, ông khoe:

"Tấn, dìa chuyến này tao được nghỉ hưu."

Tôi gắp miếng thịt ra khỏi chảo, chưa kịp bắt tay chúc mừng thì ông vội nói tiếp:

"Tao hải hành đúng bốn mươi hai năm."

Nhắc cái chảo để ra khỏi lò, tôi day ngang bắt tay chúc mừng ông, cười nói:

"Tuổi ông nghỉ ngơi cũng vừa rồi, nhưng dìa nghỉ đừng quên Chủ Nhựt dẫn bà và con Kees đi nhà thờ."

"Dĩ nhiên, dĩ nhiên..."

Như chợt nhớ ra, ông giựt mình nói:

"Nhưng nhà thờ đâu được phép dẫn chó vô."

Có lẽ tôi phải nhắc chuyện con Kees của ông trước khi nói tiếp. Hơn mười năm về trước, lúc tôi còn trẻ... măng. Ông thợ máy đương độ tứ tuần, tánh tình ông tuy hơi nhỏ nhặt nhưng chưa đến quá độ như bây giờ. Thời gian trôi qua như con nước chảy, ông đã già, còn tôi thì xấp xỉ ba mươi lăm. Ông cưới vợ Bồ Đào Nha, cư ngụ ở thủ đô Lisboa. Có lần ông tâm sự, vì sợ hao tốn và ngại cực, nên bà không chịu sanh con, nhưng nuôi một con chó nhỏ xíu đặt tên nó là Kees. Dạo đó tàu đi tuyển đường Lisboa - Angola. Hễ mỗi lần tàu về Lisboa, bà thường dẫn con Kees xuống thăm ông. Một bữa tôi đương dọn dẹp, Kees đi vô ủi mõm, hít hít dưới chân, sẵn thức ăn thừa tôi liệng xuống cho. Liệng bao nhiêu nó đớp hết bấy nhiêu... Ăn no bụng, Kees chạy đi đâu tôi cũng không để ý. Đến lúc bà phát hiện con chó nằm ngửa chổng bốn cẳng lên trời, miệng chảy nước, hơi thở đứt đoạn, bà tá hỏa tam tinh chạy vô phòng bếp, hỏi tôi:

"Xếp xếp, hồi nãy xếp cho con Kees ăn gì?"

Tôi nói:

"Tui cho nó ăn đồ thừa."

"Không được, không được!"

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

- ☑ **phát hành liên tục từ 1985 đến nay**
- ☑ ***nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ***
- ☑ **đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới**

Giá mỗi số US$4.00. Dài hạn 1 năm US$42.00 (Hoa Kỳ). Từ tháng 3 cho đến hết tháng 6, 1995, mua dài hạn được ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%).

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

"Tại sao không?"

"Con Kees có thức ăn riêng."

Tức thì bà chạy kêu ông ôm con chó lên nhà thương cứu cấp. May mà con Kees được cứu sống, bằng không tôi chắc phải ra tòa. Đối với ông bà con Kees còn hơn một mạng người nữa. Mỗi lần đổi xuống gặp ông, tôi hỏi thăm sức khỏe của bà mà không hỏi đến con Kees thì ông cũng tự nói ra. Mới đây ông cho tôi biết sức khỏe của con Kees yếu lắm, mới vừa rụng hết mấy cái răng. Như vậy con Kees sẽ cùng về hưu với ông luôn một thể.

Trở lại chuyện với ông, tôi nói:

"Tôi nghe nói ở Âu châu có nhiều người nuôi chó, đến chừng chó chết, họ mướn Linh mục đọc kinh trước khi chôn, vậy thì chó cũng biết nghe kinh chớ."

Ông giơ tay gạt ngang trán một cái, nói:

"Mấy người đó là mấy người khùng, tao thì không như vậy."

Thấy ông ngây ngô trả lời những câu khôi hài của tôi giống y như nói thiệt, chợt nhiên tôi nghe buồn buồn. Nhìn mặt ông nhăn nheo, da tay sần sùi như da cóc, hơi thở tỏa ra mùi ống cống làm tôi liên tưởng đến một xác chết. Còn sống chung chạ với nhau, nhỏ nhen, tham lam, ích kỷ. Đến cuối cuộc đời đầu óc lẫn lộn, tối tăm nằm chờ xuống lỗ. Giờ đây tôi mới thấy thấm thía câu sanh già bịnh chết của nhà Phật.

Nhưng thiệt ra ông và ông già Tây Ban Nha làm ra vẻ mình là quan trọng chớ ăn uống có là bao. Muốn nói chuyện ăn uống nhiều hãy nói đến mấy thủy thủ trẻ. Một ngày tôi làm được có ba ổ sandwich, mỗi ổ dài hai tấc tám, bánh dành xắt miếng để ăn điểm tâm và ăn dậm thêm buổi chiều. Mấy ông con thấy đồ ăn còn ít, bộ sợ chết đói hay sao mà mỗi đêm lấy ăn hơn cả ổ bánh mì, nửa ký phó mát, một dĩa dăm bông. Hết dăm bông, phó mát, mấy ông ăn qua mấy hũ mứt trái cây và đậu phộng nghiền... Tôi biết nhưng làm lơ. Một hôm sơ ý làm sao hổng biết, để cho ông già thợ máy bắt gặp. Sáng hôm sau ông tâu lên thuyền trưởng. Ngay ngày hôm đó thuyền trưởng đề nghị tôi sau giờ ăn chiều đem tất cả đồ ăn để vô phòng lạnh rồi khóa cửa kho lại. Thức ăn mà đem dú như mèo dấu cứt thiệt tình thì cũng khó coi. Nhưng lịnh của thuyền trưởng biết làm sao bây giờ!

*

Ngồi trong phòng tôi vẫn cảm được cái lạnh mùa xuân trên miền bắc Đại Tây Dương. Gió thổi ào ào, sóng ập thành tàu, nước biển văng lên va vô cửa kiếng nghe xàn xạc. Không gian đen thẳm một màu và con tàu vẫn ngả nghiêng theo triền sóng. Có tiếng nắp vung rớt xuống sàn bếp nghe cái xèng, tôi đứng dậy định đi xuống coi chuyện gì, nhưng lúc đó mũi tôi nghe mùi thơm của mì ăn liền bốc lên. Khỏi cần xuống, tôi cũng biết có một thủy thủ nào đó khi biết thức ăn sắp cạn, bèn xuống kho chôm mì gói để dành, chờ bà con ngủ hết rồi anh ta mới lén xuống bếp tự nấu ăn. Để anh bạn nào đó ăn tô mì cho ngon miệng, tôi tắt đèn, leo lên giường trùm mền vỗ giấc ngủ.

Trước khi thiêm thiếp, đầu óc tôi cứ chập chờn so đo. Tôi tưởng sống trên một đất nước chiến tranh triền miên, nghèo khổ, chịu đói khát trong cơn loạn lạc. Và sau năm 1975, trong những trại nhục hình của cộng sản mới có chuyện miếng ăn đã làm con người trở nên hạ cấp! Nhưng không ngờ ở nơi thực phẩm thừa mứa, cũng có những hạng người chỉ vì miếng ăn mà biến thành hèn hạ đâu khác gì ở xứ tôi!

NPT

TINH CẦU

Tóc quấn vào nhau dưới mái sao
Tay ôm cho chặt mãi đời sau
Mắt của trần gian lim dim cả
Hai mình môi ấm lửa tinh cầu ...

NPT

TIẾNG CHIM

Chim bay mỏi cánh chim bay
chưa qua khỏi một cõi ngày quạnh hiu
Bóng chim mờ với bóng chiều
Đất trời còn tiếng chim đau đến giờ ...

NPT

HÌNH BÓNG

khi chúng ta đến nơi
người ấy đã đi rồi,

trên ngọn núi trắng xóa
người ấy đã đợi chờ,

khi chúng ta đến nơi
chỉ còn một bóng kia,

chập chờn trên ngọn thác
bóng kia dường trôi đi...

ĐÊM NHÌN LÊN VẦNG TRĂNG BẬT KHÓC

NGUYỄN TRUNG DŨNG

Thức giấc, nằm trên giường, nhìn qua khung cửa sổ gắn kính, Lãng thấy vầng trăng. Vầng trăng khuya tròn và sáng. Tròn và sáng như một cái đĩa bạc. Cái dĩa đó lóng lánh, lấp loáng nhả ra chất loãng thủy-ngân dính trên mặt lá của những cây du già mé bên kia đường.

Lòng Lãng bỗng xót xa khi nhìn thấy vầng trăng. Vầng trăng gợi cho chàng cái chết tủi nhục của vợ. Đêm vượt biển, tầu lênh đênh trên đại-dương, có một vầng trăng sáng.

Nhưng vầng trăng đêm đó đã theo đuổi ám ảnh Lãng suốt hơn hai mươi năm trời. Mỗi lần thấy trăng, cái vết đau chưa đóng sẹo trong tâm - thức chàng lại nứt miệng. Nứt như người mắc chứng bệnh cùi, trên lớp da thịt thín nhẵn của họ, cái ánh sáng của trăng biến thành những lưỡi thép mỏng và bén, khứa nhẹ và ngọt, gây ra những cơn đau hành hạ thân xác.

Ngày đó, sau bẩy năm ngồi tù, Lãng ra khỏi trại thì nảy ý vượt biên. Quyết định ra đi được Lãng đem bàn với vợ. Nghe, Hiền đồng ý với lời đề-nghị của chồng. Và, sẵn có chuyến tổ-chức vượt biển, Lãng cùng vợ lặng lẽ rời Sàigòn ra Vũng Tàu.

Từ những chiếc ghe nhỏ, cũng như mọi người khác, vợ chồng Lãng được đưa lên tầu sắt để ra khơi. Chiếc tầu đó thuộc loại tầu đánh cá có trọng-tải đủ sức vượt đại-dương. Tầu không lớn lắm nhưng khả-năng chứa được vài chục người trong khoang.

Đêm xuống. Tầu ra được hải-phận quốc-tế, rõi hướng theo địa-bàn, cứ vượt sóng, thúc mũi về biển cả. Dù sóng không lớn, biển không động, bị nhồi và lắc, có người bắt nôn ọe và mửa. Mấy đứa bé, phần thì sợ, phần nhớ nhà, khóc mếu đòi về.

Ngồi co rút thân thể dính sát vào người Lãng, Hiền run rẩy bởi gió lọt vào từ những khe kẽ hở. Da mặt nàng hơi tái, nom nhợt nhạt như lá tàu chuối non. Lãng phải cố gắng khuyến kích và an ủi vợ để Hiền thêm sức chịu đựng và vững ý chí trong hoàn cảnh này.

Bỗng, nước mắt ứa ra, Hiền ngước mắt nhìn Lãng nói:

"Ở nhà, bây giờ chắc bố mẹ đang lo lắm. Em biết mẹ lại khóc thôi. Tội cho mẹ. Mẹ lại đang đau."

Nghe vợ nói, lòng Lãng cũng mền nhũn như sợi bún nhúng nước. Buồn bã, chàng đưa bàn tay quệt những giọt nước mát trên má vợ, khẽ khàng vỗ về:

"Em không nên khổ lụy có hại tới sức khỏe. Nhất là trong lúc này. Nếu cuộc hải-hành êm ả mà tới bến bờ thì không nói, còn trục trặc trở ngại thì mình cần có sức lực để chịu đựng. Thời tiết lúc này thì khá tốt. Sóng êm. Biển lặng. Tốc-độ tầu đều đặn ở mức độ này thì sớm muộn cũng tới được đảo. Miễn là đừng lạc đường; đừng hỏng hóc động-cơ, đừng cạn dầu nhớt là được."

Nghe chồng trấn-an, Hiền cố bình tĩnh nén xúc động. Nhưng ngoài mặt thì làm ra vẻ thanh thản, mà trong lòng, Hiền vẫn không thể kìm hãm được nỗi xốn xang, nôn nao và buồn bã.

Nàng nhớ, trước ngày đi một hôm, Hiền đã nói với Bố và Mẹ về ý định vượt biển. Bố thì ngồi trầm tư suy nghĩ. Mẹ thì bấu cứng bàn tay nàng nước mắt ràn rụa. Mãi, chừng không đủ sức chặn được cơn xúc động, bấy giờ, mẹ đã bật khóc mếu máo nói:

"Bố mẹ có mỗi mình con là con gái. Thế mà nay con ra đi, nghĩ và nhớ đến con, mẹ buồn đến chết mất. Ôi, cái thời chi mà nghiệt ngã thế. Các ông cai-trị nước làm sao mà dân tìm đường vượt biển ra nước ngoài cả. Trong thì nhiễu sự bắt bớ tù đầy, nghèo khổ cơ cực, trời đất đọa đầy thế này mãi sao".

"Thôi mẹ ơi, mẹ làm ầm lên rồi hàng xóm có người nghe thấy, chuyện ra đi của chúng con bị bể thì chỉ có nước đi tù. Mà vào tù, trường-hợp của nhà con đang trong diện "quản-chế" thì mãn kiếp chưa ra".

Để khỏa lấp không khí nặng nề tức tưởi, để mẹ bớt âu sầu ủ rũ, Hiền làm mặt vui rồi nói:

"Mai mốt con sang được bên đó, có tiền rồi con gửi về biếu bố mẹ. Lúc đó, bố mẹ khỏi cần lo lắng sinh kế cho nhọc nhằn. Lại nữa, tuổi tác đã cao, bố mẹ cực mãi biết chừng nào mới được nhàn nhã. Vượt biển ra nơi đầu sóng ngọn gió cũng là bất đắc dĩ. Ở lại thì thấy cũng tội cho nhà con. Ra tù rồi, nay gọi, mai kêu, hạch sách đủ điều, khổ thân cho anh ấy quá. Thôi, Hiền đứng dậy vừa nói, con về".

Tới cửa, Hiền ghé sát tai bố nói nhỏ:

"Mai đi, chúng con không sang chào bố mẹ đâu. Sang rồi, mẹ lại khóc ầm lên, con chẳng đành đứt ruột bỏ đi. Lại còn không khéo bể chuyện, đã hụt chuyến còn bị bắt vào tù".

Ra đến đường, bấy giờ Hiền mới bật khóc. Nước mắt ràn rụa, Nàng cố dùng bàn tay quệt cho sạch, kìm nỗi xúc động, bình tĩnh rồi thì Hiền mới rảo bước về nhà.

Tầu vẫn thúc sóng hướng mũi lướt tới. Nước bị xé ra làm hai, siết lườn sắt mà chạy về phía sau, dội lên âm thanh ào ạt của sóng lẫn tiếng động-cơ máy tầu đã cắt đứt ý nghĩ của Hiền đang chảy suôi về quá khứ.

Đêm. Vầng trăng bắt đầu mọc. Ánh sáng tráng lên lớp sóng và nước nom lấp lánh như bạc. Những mảnh bạc đó nhấp nhô uốn lượn gây ảo-giác về những con bạch-xà đang đùa rỡn cuốn mình, cuộn khúc lớp xa lớp gần.

Vào lúc nửa khuya, trăng cực sáng. Trời và nước dưới vầng nguyệt bàng bạc. Nhìn cảnh đêm trăng giữa biển khơi đẹp kỳ-lạ, Lãng buột miệng thốt:

"Hồi đi học, chỉ được đọc các áng văn tả cái cảnh này. Nay nhìn tận mắt, thích thật."

Cả khoang thuyền, mọi người đều nhìn lên vầng trăng và mặt biển khơi. Ai cũng trầm trồ ngợi khen cảnh đẹp thiên-nhiên nơi trùng-dương bát ngát dưới một bầu trời trăng sao vằng vặc. Và, lúc đó, nỗi sợ hãi, sự mệt mỏi, tưởng như chẳng ai còn nghĩ đến. Bỗng chốc, họ cho là mình đang đi du-ngoạn trên con tàu vượt đại-dương trong một chuyến hải-hành.

Nhưng, ngay lúc đó, có người chợt nhìn thấy một khối đen lù lù từ xa tiến tới. Mới đầu, cái khối đó còn nhỏ, sau, hình thể nó lớn dần và hiện rõ dưới ánh trăng.

Tiếng một người mừng rỡ la lớn:

"Gặp tầu ngoại-quốc rồi".

"Coi chừng, một người khác nói, không khéo bọn hải tặc. Nếu là tàu hàng ngoại-quốc, trên 'boong' và đầu mũi phải có đèn. Đằng này, tàu lại tối thui thì chỉ là bọn cướp biển."

Câu nói của người đó vừa dứt, thì phía con tầu lại phát ra một tiếng súng nổ. Cùng lúc, tầu tăng tốc-độ, hướng mũi đục thẳng về thuyền vượt biển của đám người đi tỵ-nạn.

Tất cả mọi người nằm ngồi trong khoang tầu đều nhốn nháo. Kẻ quá kinh hoảng sợ hãi thì la hét. Trẻ con gào.

Bọn hải-tặc nhẩy ùa xuống sàn ngay khi tầu của chúng áp sát mạn chiếc thuyền vượt biển. Lãng nhanh trí nạy tấm ván gỗ nơi mình ngồi, rồi vội vã lách người nằm trốn dưới đó. Do kinh-nghiệm qua nghe kể, Lãng biết mỗi khi tầu vượt biển gặp hải-tặc, thấy đàn ông là chúng đem ra giết sạch. Giết là để ngừa đàn ông đi trên tầu chống cự hay tấn công chúng. Và, như điều Lãng tiên đoán, số mười tám người tháp-tùng chuyến ra khơi đã bị hạ-sát ngay tức khắc khi đám cướp biển đổ xuống tầu.

Nơi Lãng núp, tấm ván có một kẻ hở. Nhìn qua kẽ đó, Lãng đã mục-kích cái cảnh thảm-sát diễn ra dưới ánh trăng sáng vằng vặc.

Với mười tám người đàn ông bị đâm chết, bọn hải-tặc kéo lê từng cái xác một, rồi quẳng xuống biển. Lũ con nít khiếp hãi khóc dựng. Bọn hải-tặc thấy bực nên càng hăng máu, chúng lấy lưỡi lê lụi thẳng vô ngực từng đứa. Một bà mẹ cúi đầu van lạy cũng bị bọn cướp biển đâm nằm gục xuống chết.

Ùa vô khoang thuyền, đám hải-tặc vừa vung dao hạ sát những người sống sót, vừa lục lọi vơ vét đồ tư-trang, vàng bạc, tiền và những gì chúng muốn lấy.

Số phụ-nữ trên chục người còn trẻ và đẹp, bọn hải tặc lùa họ ra phía trước mũi tầu. Lãng thấy có cả Hiền trong đám người này. Chàng nghe tiếng vợ kêu tên mình, nhưng tình cảnh nguy khốn này, ra tất là chết, nên Lãng đành phải cắn răng nằm im dưới tấm ván.

Ngoài kia, dưới ánh trăng khuya chói lòa, vợ Lãng và số con gái bị từng tên hải-tặc thay phiên cưỡng hiếp sau khi bọn chúng đã lột họ trần truồng

VAALA

LỚP VẼ THIẾU NHI

của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ
do họa sĩ HỒ THÀNH ĐỨC phụ trách
KHÓA HÈ 1997
từ thứ Bảy mùng 7 tháng Sáu,
đến thứ Bảy 30 tháng Tám 1997

Mỗi thứ Bảy học từ 9 giờ sáng
đến 12 giờ trưa tại trụ sở Hội VAALA
số 11022 Acacia Parkway, Suite A,
Garden Grove, California

*

Học phí trọn khóa $150.00, và $10.00 học cụ
(giấy, bút, màu...)
Nhận ghi tên từ nay đến ngày khai giảng
ĐT: (714) 537-8352; 638-9510

lõa thể.

Ánh trăng vẫn sáng. Sáng như ban ngày. Nhưng sau lúc đó, Lãng đã chẳng nhìn thấy vầng trăng, chẳng thấy những cái xác nằm lõa lồ bất động nơi mũi tầu, và chẳng nhận ra những gì khác nữa dưới mắt chàng.

Khi hồi tỉnh, Lãng thấy mặt trời đã mọc. Tầu vẫn trôi lênh đênh trên mặt biển khơi. Động-cơ máy nổ ngừng chạy. Và dọc ngang trên sàn tầu, la liệt ngổn ngang chồng chất những xác chết. Máu từng vũng. Máu đã thâm và tím cục.

Lãng lê về phía mũi tầu. Ở đó, cạnh những cô gái lõa thể đã bị cưỡng hiếp, Hiền nằm co quắp chân tay. Đôi mắt nàng mở. Da thịt trầy trụa những vết sước đã thâm bầm. Những vết sước và những vết trầy trụa đó, chứng tỏ Hiền đã chống cự rất mãnh liệt trước khi nàng bị làm nhục.

Dưới ánh mặt trời, đánh hơi thấy mùi tanh của máu, mùi hôi của xác người, những con kên kên bắt đầu xuất hiện. Chúng đánh cánh đảo vòng trên tầu. Vài con mạnh bạo đáp xuống đứng bên xác chết, dùng mỏ nhọn khoét những con ngươi, giằng xé da thịt của những người nằm chết.

Lúc đó, Lãng đói, khát, kiệt lực, chàng bò lê lết trên sàn tầu, bất lực nhìn những con ác-điểu mặc sức giành giựt rỉa mổ những cái xác trần truồng nằm bất động.

Và, khi hoàng hôn, có một chiếc thương thuyền hàng-hải chạy ngang qua đó. Thủy thủ trên tầu đã phát hiện ra chiếc tầu ngộ-nạn. Họ cứu Lãng rồi đưa chàng đến vùng đất tự-do.

2. Kéo tấm màn che kín cửa sổ, Lãng trở lại giường vì không muốn nhìn thấy vầng trăng. Nhưng, từ lâu rồi, trong óc não Lãng, vẫn có một vầng trăng. Và, vầng trăng hồi tưởng, dù muốn hay không, nó vẫn mải miết theo đuổi Lãng tới cuối đời.

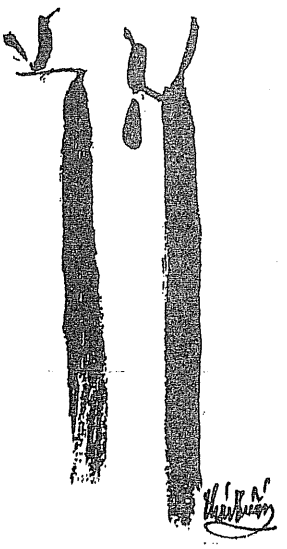

ĐOÀN NHẬT

ĐÊM Ở S.P.

Vẫn là đêm khuya tuyệt
Ngồi sững bóng tịnh khô
Vẫn ở nơi lặng kiệt
Tận cùng cõi hư vô
*
Vẫn thời gian bằn bặt
Vẫn không gian thực hư
Nhìn núi im huyễn hoặc
Nghe rừng động phù du
*
Vẫn bầu trời ngờ vực
Sao đêm ở cơn mơ
Trăng trong hồn sáng rực
Trăng giữa trời vu vơ
*
Vẫn dòng sông giả định
Nước vẫn xanh cổ xưa
Thuyền mộng trôi quạnh tịnh
Thuyền đời trôi mê hư
*
Vẫn nỗi sống ảo vọng
Vẫn nỗi chết rất ngờ
Nghe biển xa ảo động
Có gió về thiên thu...

VŨ TRỤ, ÔNG LÀ AI?

Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh

Vì quá bận rộn với công việc báo chí hàng ngày, đã lâu tôi không viết mục Khoa học cho thế kỷ 21. Tôi đã thầm mong sẽ có những vị học giả hay bất cứ vị nào giúp vào mục này thường xuyên để tờ tạp chí có đủ mọi lãnh vực phong phú. Nhưng mấy số báo gần đây, Thế Kỷ 21 có tháng đã bỏ trống mục Khoa học.

Vì thế tôi thu xếp công việc để cố gắng, nếu không được thường xuyên cũng thỉnh thoảng góp phần, vì đối với tôi tìm hiểu về khoa học là cái thú tiêu khiển hấp dẫn nhất. Cũng vì sự đam mê này, một ông già không thích nhìn đến quá khứ của mình mà chỉ muốn nói đến tương lai của tuổi trẻ. Và cũng vì thói quen nghề nghiệp, tôi cũng như mọi nhà báo khác, ham nhìn đến thời sự trước mắt hay sắp đến thay vì nói về những biến cố đã qua.

Về sao chổi tôi đã viết nhiều rồi và mới đây khi Hale-Bopp hiện trên bầu trời California, sau nhiều tiếng đồng hồ ngắm nó bằng ống nhòm ban đêm, tôi đã viết một bài báo ngắn trên báo hàng ngày. Tôi cũng không muốn nhắc lại vụ Cổng Trời với 39 vị rời bỏ xác phàm đáp UFO bay lên trời, nó đã quá nhàm, được viết và dịch trên báo chí Việt ngữ khá nhiều. Nhưng vì các vụ "đạo đĩa bay" (UFO), các khám phá của Thiên văn học thấy có nước trên Thổ tinh và một trong nhiều vệ tinh của hàng tinh khổng lồ này, vì những câu hỏi trong mùa lễ Thăng Thiên năm nay về "Ông Trời", "có Trời không" trên báo chí phổ thông ở Mỹ, tôi muốn so sánh hai chữ "Ông Trời" trong niềm tin của dân gian với "Vũ trụ" trong niềm tin của Khoa học. Trong khi đó những khám phá sơ khởi trong hai tháng 4 và 5-97 có thể đưa đến những suy luận mới về hình dạng vũ trụ (xoay tròn như con quay) và sự có mặt của phản vật chất lúc vụ trụ sơ sinh (lỗ đen trong giải ngân hà của chúng ta) đã khuyến khích tôi rất nhiều để trở lại đề tài vũ trụ.

Tôi nghĩ "Ông Trời" và "Vũ trụ" chỉ là một vì một định xứ giống nhau. Ông Trời ở trên đầu chúng ta và Vũ trụ, nói một cách dân gian nhất, cũng ở trên đầu chúng ta, với không gian cao xa thăm thẳm. Thế nhưng hai luồng suy tư khác nhau. Nhiều vị học giả đã lên tiếng về sự khác biệt này, và tôi thấy mọi ý kiến đều đáng quý. Chỉ có điều phiền là Ông Trời quá cao xa và Vũ trụ cũng quá mênh mông, tâm trí con người đi vào đó giống như đi vào mê lộ labyrinth trong thần thoại Hy Lạp hay lạc vào mê hồn trận trong truyện Phong Thần. Khi đã mê thì hay loạn và loạn trong suy tư thường hay đưa đến tai họa, không những cho chính mình mà cho cả người khác nữa.

Vậy phải làm thế nào? Cách tốt nhất là hỏi ông Vũ trụ ông là ai. Tại sao không hỏi ông Trời, ông là ai? Tôi không dám, vì một tục ngữ dân gian có câu: "Bắc thang lên hỏi ông Trời... ", tôi sợ bị hiểu lầm và cũng vì lý do tín ngưỡng tôi sợ phạm thượng, không dám hỏi đấng Thượng đế ông là ai.

Thế nhưng chúng ta có thể bắc thang lên hỏi Vũ trụ ông là ai, vì những nấc thang đã có sẵn. Đó những kiến thức khoa học mới nhất đã được phổ biến về vũ trụ và dựa vào các nấc thang này mà leo may ra đỡ lạc vào mê lộ. Tôi viết là may ra bởi vì tìm hiểu theo những khám phá của khoa học cũng không nhất thiết đã hoàn toàn tránh khỏi mê lộ.

Đức tin và lý trí.

Niềm tin nào cũng quý, miễn là niềm tin đó, dù là tôn giáo, cũng phải đi cùng với lý trí. Nếu không có lý trí niềm tin sẽ là tin nhảm. Thời đại này là thời đại của lý trí vì lý trí bắt nguồn từ kiến thức.

Nhưng lý trí là cái gì? Tôi muốn dùng từ lý trí ở đây rộng hơn từ "reason" của tiếng Anh. Nó không phải chỉ có nghĩa là lý lẽ, giải thích, biện luận, một khả năng để suy xét nhận định đúng sai, sự lành mạnh về tâm trí, mà còn có nghĩa là lương tri (conscience) hay tri thức (consciousness). Sở dĩ tôi phải giải thích dài giòng vì các niềm tin tôn giáo - mà tôi muốn gọi là "đức tin" - không bắt nguồn từ lý lẽ mà từ lương tri hay tri thức, từ nơi sâu thẳm trong nội tâm con người mà ra. Tôi tin Chúa, tin Phật, tin đấng Jehova hay đấng Allah, đâu có phải vì lý luận, phải có bằng chứng khoa học, tôi tin là tôi tin và đó là niềm tin không thể nào thay đổi. Chỉ có thế thôi và điều này rất đúng.

Tôi xin kể một câu chuyện nhỏ như sau. Tôi có một anh bạn trẻ rất mê khoa học, nhất là môn vũ trụ học, anh sinh trưởng từ nhỏ ở nước Mỹ và làm việc trong công sở Mỹ, nhưng hàng ngày băn khoăn với câu hỏi vũ trụ là gì, tại sao có con người, vị trí và vai trò của con người là gì trong vũ trụ bao

la này. Anh đọc rất nhiều sách báo khoa học, có lẽ nhiều hơn tôi. Một hôm trong một bữa ăn trưa nói chuyện về vũ trụ học - đề tài duy nhất mỗi lần gặp nhau - tôi chợt hỏi anh: Anh tin có Trời không? Anh bị bất ngờ ngẩn người ra, tôi phải nói thêm: Anh có tin rằng có một đấng Thượng đế, một đấng Tối cao trong vũ trụ không. Anh ta ngập ngừng nói phải hiểu đấng Chí tôn đó như thế nào, tôi hỏi gặng: Không cần giải thích, cứ nói có hay không, yes or no. Anh gật đầu nói: Có. Thế là tôi mỉm cười hài lòng, vì tôi cũng tin như vậy. Khỏi cần giải thích khỏi cần nói tại sao, cứ nói có tin là đủ.

Như vậy là tín ngưỡng không lý trí chăng? Không phải, đó là tín ngưỡng có lương tri. Anh ta và tôi đều ở trong những gia đình có truyền thống Phật giáo từ lâu đời, nhưng nếu nói là Phật tử thì không đúng lắm vì chúng tôi ít khi đi chùa lễ Phật. Bản tính lương thiện khiến chúng tôi tin là có Trời, còn định nghĩa ông Trời là gì xin để phân giải sau. Chúng tôi tin có Trời vì bản chất tự nhiên của con người có lương tri nghĩ rằng thiện là tốt mà ác là xấu. Nhưng thế nào là thiện, thế nào là ác? Ai muốn suy luận ra sao cũng mặc, tôi chỉ nói rất đơn giản thiện là yêu thương đồng loại, tôn trọng sinh mạng của người khác cũng như của chính mình, tránh làm đau khổ người khác và có lòng bác ái giúp đỡ lẫn nhau nếu có thể được. Làm trái lại những điều đó là ác. Sự suy luận mộc mạc như vậy nằm trong lý trí, trong bản chất của con người. Nhân chi sơ tính bổn thiện.

Thế nhưng nếu không có kiến thức không thể có lý trí. Chúng ta đang ở trong một giai đoạn gọi là giai đoạn bùng nổ của kiến thức nhờ một cuộc cách mạng trong phương tiện truyền thông đại chúng. Những kiến thức đó bắt nguồn nhiều nhất từ những phát minh, những khám phá mới trong lãnh vực khoa học và kỹ thuật.

Khoa học và tín ngưỡng.

Người ta thường nói các môn khoa học tự nhiên, nhất là vật lý học, nguyên tử học, thiên văn học và vũ trụ học là những môn học duy vật. Điều này không sai, vì khoa học dựa vào những gì hữu hình, những gì quan sát thấy bằng mắt hay bằng máy để rồi từ đó đưa ra những triết lý, những lý thuyết và thử nghiệm những lý thuyết đó đúng hay sai. Thế nhưng những người đi vào các môn học này không nhất thiết phải là những người theo chủ nghĩa duy vật.

Năm 1916 nhà xã hội học James Leuba làm một cuộc thăm dò theo kiểu poll các nhà khoa học và thấy khoảng 41.8% tin là có Thượng đế, có Chúa trên Trời. Lúc đó khoa học hiện đại mới manh nha và ông tiên đoán con số "tín ngưỡng" này sẽ còn xuống mạnh nữa. Tám chục năm sau, mọi việc cho thấy lời tiên đoán của Leuba có vẻ đã nhầm.

Tháng 4 năm 1997, sử gia Edward J. Larson của Đại học Georgia đã thực hiện một cuộc thăm dò đi theo phương pháp giống hệt như Leuba và thấy con số "tín ngưỡng" trong giới khoa học gia là 39.3%. Con số này so với con số Leuba thu được không khác là bao, sự sai biệt quá nhỏ khiến nó không có ý nghĩa gì về thống kê.

Chúng tôi dùng chữ "tín ngưỡng" để nhấn mạnh rằng các nhà khoa học tin là có Chúa đều là những người hay đi nhà thờ và cầu nguyện ban đêm. Thế nhưng tính cả những vị không đi nhà thờ hay đi chùa, chỉ có một niềm tin về một quyền lực vạn năng nào đó trong vũ trụ, con số chắc còn nhiều.

Chúng ta không quên câu nói của nhà bác học Albert Einstein: "Đức Thượng đế không chơi trò xúc sắc", câu nói này có nghĩa giản dị là mọi sự xắp đặt trong vũ trụ không phải do một sự tình cờ, một trò chơi may rủi như khi ta đánh số đề. Ngoài ra còn biết bao nhà khoa học, toán học, kể cả những phi hành gia đã bay lên Mặt Trăng 30 năm trước đây, bất luận có tin hay không tin, đều đã phải ngỡ ngàng trước bộ máy huyền diệu của vũ trụ mà họ có cơ hội nhìn thấy một phần rất nhỏ. Người ta thường cho rằng các nhà khoa học đều là những người đầu óc lạnh lùng, khô khan, không tình cảm, chỉ biết chúi mũi vào các dụng cụ trong phòng thí nghiệm hay các bài toán khó hiểu. Đây là một sự hiểu lầm rất thông thường trong dân gian, có lẽ vì các ông bà đó ít giao thiệp trong xã hội, đôi khi mải tập trung suy nghĩ mà thành đãng trí, hay vì vụng về trong giao tế.

Mặt khác cũng không thiếu gì những nhà tu hành trọng mọi tôn giáo cũng là những nhà khoa học, không phải chỉ ở lãnh vực khoa học lý thuyết mà cả ở lãnh vực thực nghiệm.

Nếu vậy ngành suy luận khoa học và suy luận tôn giáo đang đi trên hai còn đường cong gọi là hội tụ (convergence) chăng? Trong một buổi thuyết trình ở Dallas (Texas) cuối năm 1995, tôi có nêu ra hy vọng về khả năng này, nhưng đó chỉ là một ước ao, còn thực tế của kiến thức thời đại này cho thấy một điểm hội tụ của hai còn đường

DALAT
LANDSCAPING
Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr PHƯƠNG
(714) 971-9640* (800) 200-9848

tư duy còn xa vời. Tại sao vậy?

Bởi vì khoa học và tôn giáo nằm trên hai nền tảng suy tư hoàn toàn khác nhau, cũng giống như hai con thuyền ở giữa một biển rộng mênh mông, không có bờ, và cũng không có la bàn chỉ phương hướng, nói là để đi đến một mục tiêu. Hai bên có thể nhìn thấy nhau, nhưng cãi nhau về tốc độ, bước tiến và hướng đi. Anh này quả quyết tôi đang tiến, nhưng anh kia bảo anh chỉ đứng một chỗ chớ không tiến được chút nào. Nguyên nhân là cái thước đo của tôi không phải là thước đo của anh và cách nhìn hướng đi của tôi cũng không giống cách nhìn hướng của anh, trong khi cả hai rất có thể đang nhằm vào cùng một hướng mà đi nhưng nhìn nhau không ra. Bây giờ hội tụ lại để cùng đi chăng? Rất khó, vì làm như vậy ông khoa học phải từ bỏ hiện tượng hữu hình để suy luận về những cái vô hình mà ông ta không sao quan sát được, với nghi ngại cố hữu là có thể lạc vào siêu hình, mảnh đất rất dễ làm nẩy nở ảo tưởng, dị đoan và mê tín, thường bị các nhà khoa học chê là phản khoa học. Còn ông tôn giáo muốn hội tụ với ông khoa học cũng phải mở rộng giáo điều đến độ phóng khoáng nhất, điều mà các bậc chân tu vẫn e ngại phạm đến điều tối kỵ là phản đạo. Hội tụ trong hoàn cảnh này khác nào bảo những người đi trên hai con thuyền nhẩy ùm xuống biển mà lội, khốn thay họ đã bị dính chặt vào thuyền.

Vũ trụ trả lời.

Vậy tôi là ai mà dám bạo phổi bàn vào chuyện này? Tôi không là ai cả, tôi chỉ là một phó thường dân làm một nghề cũng rất thường dân là viết báo. Tôi không phải là một nhà khoa học và càng không phải là một nhà tu hành.

Tôi không chối cãi tôi có một chút kiến thức về khoa học, nhưng cái học của tôi có vẻ lộn xà ngầu, không chân phương mà cũng không chính phái. Tôi là người có tín ngưỡng, nhưng nếu có tìm hiểu về tôn giáo tôi cũng chưa bao giờ đọc kinh, niệm Phật hay quỳ xuống cầu nguyện. Tôi là kẻ bơi giữa biển chớ không ở trên con thuyền nào và bị trói ở đó.

Chính vì bơi loạn như vậy mà tôi ôm một giấc mộng cũng loạn, cái mộng mà Kim Dung tiên sinh đã gán cho anh chàng Lệnh Hồ Xung làm được trong cuốn tiểu thuyết chưởng "Tiếu Ngạo Giang Hồ": Vô chiêu thắng hữu chiêu.

Tôi đã múa gươm loạn nên hỏi ông Vũ Trụ ông là ai? Và ông đã trả lời.

Vũ Trụ nói: "Ta là ba".

Tôi ngẩn người, hỏi lại: "Vậy có ba vũ trụ?".

Tôi nghe thấy tiếng thở dài và lời nói: "Ta định chất mà ngươi hiểu là định lượng".

Vì một kinh nghiệm của quá khứ ở Việt Nam, tôi rợn tóc gáy, run run hỏi lại: "Xin Ngài nói rõ cho con nhờ".

- Với trình độ thấp kém như ngươi, tri thức chưa mở được, ta đã nói cho ngươi hiểu. Nhưng ngươi vẫn không hiểu, ta đành phải nói theo mức độ tuệ năng của ngươi thôi. Nếu ngươi hỏi có bao nhiêu vụ trụ và kích thước đo được bao nhiêu, ta sẽ nói vô cùng tận, hiểu theo nghĩa infinite trong toán học của ngươi trong giai đoạn này. Ta nói ta có ba là vì ta có ba là ba dạng mà con người có thể tạm nhìn thấy trong lúc này.

Ba dạng đó là "dạng lớn" mà các người vẫn gọi là vũ trụ vĩ mô (macrocosm), "dạng nhỏ" vẫn gọi là vũ trụ vi mô (microcosm) và "dạng trung" là vũ trụ trung mô mà các người không có tên đặt vì chưa nghĩ đến - thử gọi là mid-cosmos chăng?

- Vũ trụ trung mô? Ông ta là ai và ở đâu?

- Là chính ngươi và ở trong con người của ngươi. Các người chẳng vẫn nói con người là một tiểu vũ trụ đó hay sao? Giữa cái "vĩ" cực lớn và cái vi" cực nhỏ, "tiểu" tức là là trung vậy. Khoa học các ngươi thích định lượng và định hình, vậy giữa vũ trụ vĩ mô và hạt nhân nguyên tử vi mô, kích thước con người bằng xương bằng thịt của ngươi ở tầm trung bình.

- Nhưng các nhà bác học của chúng tôi vẫn nói vũ trụ vô cùng tận mà lại hữu biên, vậy họ nói sai chăng?

- Họ nói không sai, họ phải lấy hình học ra làm ngôn ngữ nói cho người ta hiểu, nhưng vũ trụ vô cùng tận mà cũng hữu cùng tận, cũng như vũ trụ hữu hình mà vô hình, có đấy mà không đấy.

- Thế còn tôi, vũ trụ trung mô, tôi hữu hình chớ đâu phải vô hình, tôi không có cái gì là vô cùng tận, tôi có giới hạn, có biên...

- A ha, đây mới là chuyện đáng nói, bộ óc của người cân nặng chỉ hơn 3 ký, nó lại nằm trong một cái rọ hữu biên là cái sọ của ngươi, nhưng cái trí của ngươi vô biên và quan trọng hơn nhất, các tầng (levels) trong cái thức (consciousness) của ngươi cũng vô biên.

- Nhưng tôi chỉ là "trung mô", tôi vẫn thấy có thành ngữ thường thường bậc trung...chẳng ra cái giống gì hết.

- Chính cái thường bậc trung đó mới tốt. Sao người không hỏi tại sao ta đã chọn một cái trung mô nhàng nhàng bậc trung để trả lời? Ngươi hỏi: Vũ trụ, ông là ai? Tại sao ngươi không hỏi chính ngươi vì ngươi cũng là vũ trụ? Loài người nhàng nhàng bậc trung trên Hành tinh nhàng nhàng bậc trung của các ngươi, xoay quanh một Mặt trời cũng nhàng nhàng bậc trung là loài có khả năng tìm được câu trả lời mau lẹ nhất, hơn cả các "vĩ mô" và "vi mô". Bởi vì muốn hiểu vũ trụ là ai, phải hiểu cái lớn, hiểu cái nhỏ rồi mới đến cái trung.

- Vậy ra các ông "vĩ" và "vi" đó cũng dang hỏi như tôi hỏi?

- Dĩ nhiên.

- Vậy Ngài là vũ trụ vĩ mô, chính Ngài cũng đang hỏi, tạo sao Ngài lại trả lời tôi?

- Ta không phải là vũ trụ như ngươi hiểu.

- Vậy Ngài là ai?

- Ta là Ông Trời.

Giấc mộng con.

Các bạn tôi và nhiều người quen biết tôi thường hỏi: Tại sao anh không viết sách? Tôi thở dài, tôi muốn lắm nhưng làm sao có thời giờ để viết. Có người bàn cần gì phải viết, cứ gom lại những gì đã viết rồi sửa qua đem in là thành sách. Tôi không thích những cái cũ như vậy, tôi thích những cái mới.

Tôi không thích viết về chính trị, kinh tế, xã hội hay những đề tài tương tự theo thời sự mà tôi đã viết trên báo hàng ngày. Tôi cũng có một loạt những tiểu thuyết tình cảm hay khoa học giả tưởng đã thành hình trong óc khi còn bị cùm trong trại cải tạo chưa hề được viết ra, nhưng nó đã lỗi thời với hiện tại.

Có anh bạn đề nghị với tôi dịch cuốn "A Brief History of Time" (Một Đoản Sử của Thời gian) của Stephen Hawking, tôi nghĩ cuốn sách này cũng thuộc loại cổ mất rồi

Anh bạn trẻ của tôi thúc giục tôi viết về vũ trụ. Tôi rất thích nhưng nhìn lại thấy có cả ba "đấng" vĩ, vi và trung như vậy tôi thấy toát mồ hôi lạnh. Cố nhiên tôi không phải là một khoa học gia đi tìm những cái biên xa nhất của vũ trụ lớn nhỏ, tôi chỉ là người theo dõi những khám phá mới qua sách báo. Nhưng nếu phải đi từ Big Bang cho đến các câu hỏi về vũ trụ lớn vũ trụ con, vũ trụ bao lớn, ngoài vũ trụ có cái gì, rồi đi đến các "ông" nhỏ nhất, nhỏ hơn cả hạt quark như lý thuyết "siêu vi tuyến" (superstring theory), và không thể bỏ qua ông "nhàng nhàng bậc trung" với các kỹ thuật cloning (cấy tế bào tạo ra sinh vật) đang đến gần con người, cuộc cách mạng kỹ thuật di truyền trong môn sinh hóa, việc gắn "chip" điện toán vào óc con người để tăng thêm trí tuệ và cuộc đấu cờ mới nhất giữa máy và người...đó là giấc mộng quá lớn, chắc tôi không làm nổi hoặc không còn đủ thời giờ để làm nổi.

Tôi chỉ có một giấc mộng con. Từng bước nhỏ, nêu ra các khám phá mới về khoa học, nhưng không phải chỉ làm một việc đãi bôi là dịch ra đó ai muốn hiểu sao thì hiểu. Nghề tôi là nghề làm báo và cái cốt cán của nghề này là nói làm sao cho người ta hiểu. Tôi nghĩ chỉ có các vị phó thường dân thích ôm mộng như tôi mới ham làm cái nghề này.

Đó là mộng nhìn các tiến bộ khoa học với cặp mắt "hữu chiêu" theo sách vở, đôi khi cười cho vui để bớt khô khan, nhưng được tự do đưa ra những lời bàn "vô chiêu" của một bộ óc nhàng nhàng bậc trung cho độc giả giải buồn.

Bài tự sự này hơi dài, nhưng biết đâu nó chẳng là bài mở đầu cho một cuốn sách khoa học với câu hỏi: Vũ Trụ, ông là ai?

(Tháng Năm 1997)
Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh.

DU TỬ LÊ

CUỘC ĐỐI THOẠI ĐÂU CHỪNG MỘT PHÚT GIỮA THÁNH PHÊ RÔ VÀ THI SĨ

- lành thay con đã tới cửa thiên đường
trước khi tra chiếc chìa khóa này vào ổ khóa
ta cần hỏi con vài câu gọi là, chiếu lệ
- vâng thưa ngài. Lành thay cho những kẻ chính trực
- nơi dương gian con thuộc sắc dân nào?
- Việt Nam, ngài có bao giờ nghe tới?
- thế à...! nghề nghiệp sau cùng?
- thi sĩ.
- tốt! tốt! ta nghĩ con nên quay về
- sao vậy, thưa ngài?
- thiên đường không có chỗ cho những hạt giống có tới hai mầm:
dối gian, và buồn bã
như hạt giống Việt Nam, Thi sĩ.
bảy giờ ba phút sáng thứ hai
tôi ngạc nhiên thấy mình vẫn còn xếp hàng ngoài cửa văn phòng INS.
(2-97)

DU TỬ LÊ

NHỮNG DẤU VẾT THỜI ĐỒ ĐÁ

nhân loại hồ hởi tiến về năm 2000
chỉ thiếu số nào thôi
Phi châu/Ấn Độ/.../
vẫn còn những đứa trẻ chết đói.
nhân loại hồ hởi tiến về năm 2000
chỉ thiếu số nào thôi
tôi vẫn tìm thấy trong mắt em
rẫy đầy/dấu vết/thời kỳ đồ đá
(2-97)

Thơ thẩn và thơ thơ

Đỗ Quý Toàn

Sau cùng, giống như Mai Thảo mấy năm trước đây, Võ Phiến cũng không cưỡng được, phải cho ra chào đời những đứa con đầu lòng của mình. Tập thơ sinh ra muộn màng nhưng rất trang trọng, đúng lối người ta chờ đón đứa con đầu. Gọi là đầu lòng, vì nhiều bài trong tập *Thơ Thẩn* viết những năm 1943, 44, đã thai nghén sớm hơn các tác phẩm văn xuôi của Võ Phiến. Trang trọng, vì đây là một cuốn sách đẹp hiếm có, từ giấy, đến bìa, với các phụ bản nhìn ra ngay là những tác phẩm quí, của Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Nguyễn Nhật Tân, nhờ sự trông nom kỹ lưỡng do óc thẩm mỹ và tấm lòng yêu quí sách không giới hạn của Thanh Tuệ, nhà xuất bản An Tiêm. Trang trọng hơn nữa, chính tác giả đã viết ba trang mở đầu để giới thiệu quan niệm về "thơ thẩn" của mình, viết bằng thứ văn xuôi hóm hỉnh, tinh tế của loại tùy bút Võ Phiến đã nổi tiếng lâu nay. Khi chúng ta đọc cái tựa "Bâng Quơ Về Thơ Thẩn" thì ai cũng chờ nghe lối nói chuyện "bâng quơ và vu vơ" hiếm quí của ông. Võ Phiến đã sử dụng lối viết thông minh sở trường đó để giáo đầu, phân tách và giãi bày, với giọng duyên dáng quen thuộc, trước khi mời độc giả vào hội ngộ với hơn năm chục bài thơ viết trong khoảng thời gian cũng dài hơn năm chục năm trong đời ông; nhưng phải nói khi bắt đầu đọc thơ ông chúng ta sẽ thấy chính các bài thơ của ông đọc sảng khoái hơn mấy trang văn xuôi đầu rất nhiều; bởi vì, thơ Võ Phiến có đủ các đặc tính dí dỏm, tế nhị của văn Võ Phiến, mà lại truyền đạt được nhiều; thơ ông đi vào lòng người đọc nhanh, thẳng, sâu và bền hơn, để lại dư vị đượm đà như chung trà quí.

Bảy bài thơ đầu viết những năm 18, 20 tuổi phản ảnh trào lưu thi ca vào lúc đó.

Bẵng đi 27 năm, bài đầu tiên ông giữ lại để in vào tập này viết năm 1975, có lẽ là một bài thơ làm xúc động lòng người nhiều nhất, của Võ Phiến hay của bất cứ ai khác. Bài thơ chỉ có ba câu nên tôi không ngại chép ra đây:

Ra đi tuổi chẵn năm mươi Năm mươi tuổi nữa nào nơi ta về Ngàn năm mây trắng lê thê

Bất cứ ai có ý định viết "ngàn năm mây trắng lê thê" vào bài thơ của mình cũng phải chịu cái rủi ro là cả bài thơ sẽ bị hỏng. Kết thúc một bài thơ bằng câu đó càng rủi ro hơn. Chắc Thôi Hạo cũng chẳng phải là người đầu tiên viết đến mây trắng ngàn năm. Hình ảnh và ngôn từ đó được các thi sĩ tuổi từ lên 9 đến 79 hay 99 tuổi sử dụng từ trước thời Hùng Vương cho đến nay, và mai mốt chắc còn nhiều người sẽ viết như thế nữa. Chắc hẳn Võ Phiến biết vậy, nhưng câu thơ đã tự nó ra đời, "tự nhiên mà có" như ông nói về "thơ thẩn", "tự sinh, tự biến. Như hơi thở, như mồ hôi." Chắc hẳn ông đã nhìn thấy cái rủi ro, và ông đánh cá rằng ở chỗ đó, đúng lúc đó, câu thơ ra đời như vậy, để yên nó như vậy, không cần sửa cho nó diêm dúa, tân kỳ hơn, vì "nó tự sinh, không mang nặng công ơn sinh thành" của ai cả.

Với câu thơ mây trắng, đặt trong khung cảnh ngôn ngữ sau hai câu đầu, Võ Phiến đánh cá và đã được cuộc. Cái câu nói tầm thường này bỗng nhiên phục sinh, sống lại và làm não lòng người.

Những ai sống với tấm lòng mẫn cảm cùng ngôn ngữ Việt Nam sẽ có thể bị xúc động với hình ảnh mây trắng ngàn năm này, vì nó gọi thức dậy trong các nơ ron của não bộ mình cái bóng mây trên núi Thái Hàng mà Địch Nhân Kiệt nhìn thấy ở quê hương xa tắp - năm mươi năm đã qua - lại có cả bạch vân thiên tải nối đời trước với đời sau, nêu câu hỏi về cõi bất biến và vô cùng - năm mươi năm sẽ tới. Những bài thơ rất cũ mà rất mới, ngắn gọn như bài này, chúng ta đã thấy ở các người suốt đời nặng nợ với tiếng Việt, như Phan Khôi, như Mai Thảo. Những người chưa trả nợ với tiếng Việt thì khó chia sẻ được một nửa mối đồng cảm này.

Võ Phiến đã giải thích hai loại "thơ thơ" và "thơ thẩn", đọc hết cả bài giải thích đó vẫn chưa thấy dễ đồng ý rằng hai thứ thơ đó khác nhau thế nào, có thật hai loại như thế đều là thơ hay không. Rõ ràng ông muốn đùa cợt với tên một tập thơ thời tiền chiến. Cứ nghe lời phân bạch của Võ Phiến thì thứ mà ông gọi là "thơ thẩn" mới đúng là thứ thơ mà người đọc như tôi muốn thưởng ngoạn. Mà chắc Võ Phiến không muốn bảo rằng loại "thơ thơ" không phải là thơ.

MÂY CUỐI MÙA XUÂN

LÊ ĐÌNH ĐIỂU ghi

Giáo sư **Tsultim Gyeltsen**, người Tây Tạng, hiện là Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Phật giáo và Văn hóa Tây tạng Thubten Djargye Ling (do chính ngài sáng lập ở Los Angeles từ năm 1978). Nhân đến đài VNCR để trả lời một cuộc phỏng vấn trực tiếp truyền thanh, Giáo sư Tsultim Gyeltsen cũng cho *Thế Kỷ 21* biết Trung tâm của ngài đang chuẩn bị đón Đức Đạt Lai Lạt Ma tới nói chuyện với Phật tử vùng Los Angeles.

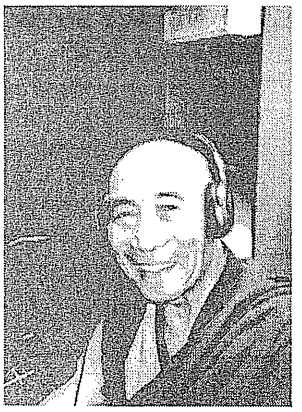

Giáo sư Tsultim Gyeltsen

Giáo sư cũng cho biết một học trò của ngài là Phương Dung (tác giả nhiều cuốn sách và bài báo về Phật giáo Mật tông) sẽ tổ chức một buổi dành riêng cho cộng đồng người Việt vùng quận Cam và Los Angeles, để Đức Đạt Lai Lạt Ma nói chuyện với đề tài 'Từ Bi và Con Người", tại hội trường The Pyramid, đại học Cal State Long Beach.

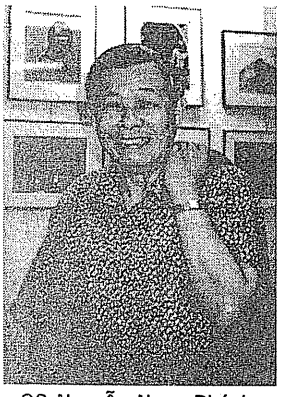

GS Nguyễn Ngọc Phách

Giáo sư **Nguyễn Ngọc Phách** đến từ Melbourne, Úc Châu. Ông vốn là một nhà báo, từng cộng tác với đài BBC, các báo Anh và Mỹ, từ nửa thế kỷ qua. Hiện định cư tại Úc, ông đã hưu trí, nhưng vẫn đảm nhận một số giờ dạy tại trường đại học Melbourne. Khi viết các bài phân tích thời sự cho các báo Việt ngữ, ông thường ký bút hiệu Nam Phong. Gần đây ông còn nghiên cứu chữ Nho. Đến thăm *Thế Kỷ 21*, giáo sư Nguyễn Ngọc Phách cho biết cảm tưởng 'thỉ vài năm không đến quận Cam đã thấy quang cảnh đổi khác nhiều." Ông cũng nói rằng ông rất thích thời tiết quanh năm nắng ấm của California — mùa này ở Úc đang trở lạnh, vì mùa đông ở vùng Nam bán cầu là mùa hè ở Mỹ.

Thụy Lữ, viết báo (tờ *Florida Việt Báo*, do Chu Bá Yến làm chủ nhiệm) ở vùng đông nam Hoa Kỳ. Anh thường đến miền Nam California do công việc của sở, nên thường gặp các thân hữu trong làng văn làng báo ở đây. Nhưng đây là lần đầu anh đến thăm *Thế Kỷ 21*. Đúng ra, anh đã đến trụ sở này một lần, nhưng đến để sinh hoạt với hội VAALA: anh đã đệm dương cầm cho các bạn hát trong buổi ra mắt nhóm "Tù Ca." Thụy Lữ cho biết anh sắp ấn hành một tập truyện gồm 12 truyện ngắn, có tên là "Người Cung Nữ Và Tên Thị Vệ," và một tuyển tập 10 bản nhạc tình có tựa là "Hồi Âm."

Nhà báo Thụy Lữ

Nữ ca sĩ **Thùy Dương** từ San Diego lên quận Cam, nhân dịp ra mắt CD đầu tiên của cô, "Chút Tình Xa Vắng," tại trụ sở VNCR, nói rằng cô rất thích đọc *Thế Kỷ 21*. Sinh ra và lớn lên tại vùng cao nguyên, với rừng thông bạt ngàn, Thùy Dương cho biết có lẽ khung cảnh sống đó đã ảnh hưởng vào tiếng hát của cô. Đoạt giải giọng ca vàng toàn quốc năm 1987 ở Việt Nam, tiếng hát của Thùy Dương từ đó vang xa. Tuy nhiên, Thùy Dương vẫn thích hát cho chính cô; cũng chính vì thế mà *TD Music* ra đời để cô được tự do thâu thanh mà không bị bó buộc bởi một trung tâm nào. Thùy Dương nói với TK 21: 'Thùy Dương hy vọng sẽ cho ra nhiều CD có giá trị cao, nhất là những CD có chủ đề...'

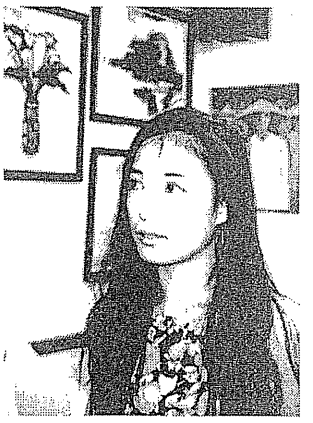

Ca sĩ Thùy Dương

LÊ TAM CA

QUẬN CAM

Ra mắt tập thơ Phạm Kim Khôi

Nhà thơ Phạm Kim Khôi ra mắt tập thơ mới "Bên Bạn Bên Thù" của ông vào lúc 2 giờ chiều thứ Bảy 26 tháng Tư 1997, tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, trên đường Moran, Westminster.

Đây là tập thơ thứ hai, nhưng là cuốn sách thứ năm của Phạm Kim Khôi ra đời trong vòng tám năm. Ông đã in hai truyện dài và một tuyển tập truyện ngắn. Tập thơ đầu tiên của ông là tập "Chinh Khách" in năm 1991.

Tác giả cho biết, trong một thư giới thiệu gửi tới các cơ quan truyền thông, rằng "nội dung tác phẩm gồm hai chủ đề lớn tương phản," và "thơ thể hiện trọn vẹn những nồng ấm thân thương cũng như những rực lửa căm hờn."

WASHINGTON DC

Hội Sách tưng bừng

Vào lúc 2 giờ chiều Chủ Nhật 27 tháng Tư, tại thính đường Thư Viện Trung Ương Arlington, một cuộc trưng bày sách được tổ chức, đã có sự tham dự và hiện diện của rất nhiều tác giả.

Nhà văn Bùi Bảo Trúc đã giới thiệu các tác giả nữ như: Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Lê Thị Hàn, Lê Thị Nhị, Kim Y Phạm Lệ Oanh, Vi Khuê, Hoàng Bích Ty, Trương Anh Thụy, Ngô Thi Vân, Lê Thị Ý... Nhà văn nữ Hoàng Bích Ty đã giới thiệu các tác giả Trần Long Hồ, Bùi Bảo Trúc, Hà Bỉnh Trung, Trương Vũ, Nguyễn Đức Vinh, Phan Vỹ...

Nhân dịp này, nhà xuất bản Văn Nghệ ở California đã gửi lên ra mắt cuốn 'Thư Gửi Bạn Ta III" của Bùi Bảo Trúc. Đây là tập hợp những bài ký của ký mục gia họ Bùi, được độc giả các báo rất ưa thích.

Hội Sách tổ chức lần đầu tiên ở Washington đã thu hút một số lượng đáng kể những người yêu sách ở trong vùng.

QUẬN CAM

Triển lãm mỹ thuật mừng Phật Đản

Vào hồi 11 giờ sáng thứ Bảy 17 tháng Năm, thượng tọa Thích Pháp Châu, Viện Chủ Chùa Việt Nam Orange County, đã cắt băng khai mạc cuộc triển lãm 'mừng Phật Đản" tại một trong những phòng sinh hoạt của chùa này, trên đường Magnolia, thị xã Garden Grove.

Thượng tọa Thích Pháp Châu ký lưu niệm khai mạc triển lãm mừng Phật Đản

Phòng tranh có nhiều tác phẩm mới, xen lẫn một số tranh đã từng triển lãm, của các họa sĩ Ngô Bảo, Lương Văn Tỷ, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyên Khai, Khánh Trường, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Hoàng Vũ, Ann Phong, Phạm Hoàng, Nguyễn Việt, Văn Mộch, Vi Vi, Hồ Anh.

Chùa Việt Nam, vừa được khánh thành cuối tháng Tư, hiện là ngôi chùa lớn nhất của cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Chùa có hai tầng, tầng trên là đại hùng bửu điện, nơi hàng ngàn Phật giáo đồ có thể dự khóa lễ mỗi tuần vào sáng Chủ Nhật. Tầng dưới là một thính đường chứa được hơn 1,000 người, và nhiều phòng nhỏ hơn, có thể dùng làm phòng thuyết trình, phòng triển lãm, phòng trình tấu nhạc, v.v...

Giáo sư Trần Văn Chi, thay mặt ban Tổ chức Triển lãm mỹ thuật mừng Phật đản, cho biết cơ sở này có triển vọng trở thành một trung tâm văn hóa Phật giáo.

Triển lãm Hoàng Vũ tại Sherry Frumkin Gallery

Trên đường đi tìm một chiều thứ tư của không gian

Triển lãm những tác phẩm gần đây nhất của Hoàng Vũ được tổ chức tại Sherry Frumkin Gallery trong khu Bergmot Station, Santa Monica, từ ngày 7 tháng 6 đến ngày 5 tháng 7, 1997. Tiếp tân khai mạc: từ 5 đến 7 giờ, ngày Thứ Bảy 7 tháng 6.

Cuộc triển lãm này cho thấy những bước tiến mới của Hoàng Vũ trong sự khai thác những kiến tạo bằng giây kẽm.

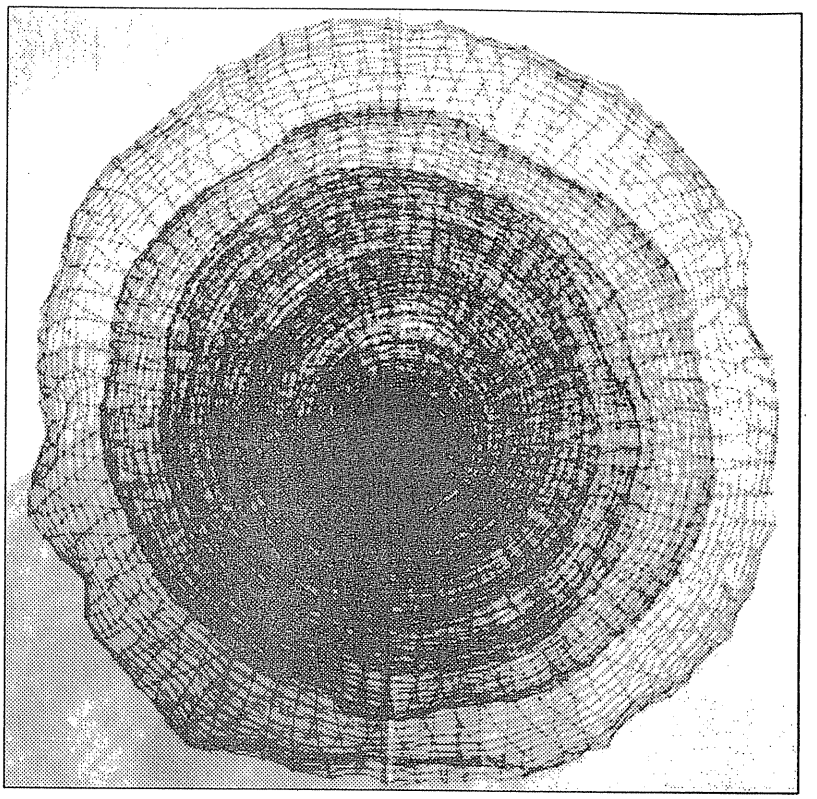

Từ tác phẩm trên đây "Xác Định Vô Hạn", sáng tác năm 1995, mà Hoàng Vũ gọi là hình họa 3 chiều bằng giây kẽm, tới tác phẩm gần đây, ở bìa số báo kỳ này, "Cái Núm Vú", khuynh hướng khai thác đề tài đã được thay thế bằng sự tìm kiếm hình thể thuần túy. Đề tài chỉ là để cho có tên gọi cho sự vật được kiến tạo, cái quan trọng là sự gợi lên một chiều thứ tư trong không gian, cái bóng, cái không sờ mó được, cái linh hồn của sự vật đó.

Những kiến tạo đó, trước đây được chính tác giả đặt tên gọi (và đúng như vậy) là hình họa ba chiều, vẫn còn gợi lên khá nhiều cảm thức về đề tài. Điều hứng thú là mặc dù được cho biết là gợi hứng từ đề tài bẫy lưới, từ một chao đảo đau buồn giữa giam cầm và tự do, giữa hạn chế và khai phóng, những kiến tạo đó vẫn có giá trị tự tại của những đường nét hài hòa trong không gian.

Trong những tác phẩm sau này, khuynh hướng đề tài được gạt bỏ hẳn, những sự vật được kiến tạo bằng đường nét (giây kẽm) trở thành những sự vật hình thể *tự tại*, với đầy đủ xương thịt *tự nó*, và còn được nổi bật hơn lên nhờ sự khai thác ánh sáng để cho thấy cái bóng của nó, cái linh hồn, cái không thể sờ mó được, cái chỉ có thể linh cảm được của sự vật sáng tạo.

Phòng triển lãm Sherry Frumkin nằm trong khu Bergmot, 2525 Michigan Ave. (#T1), Santa Monica. Khu Bergmot Station là một xưởng máy bay cũ, với sáng kiến của Wayne Stewart Blank và sau đó, thêm Tom Patchett, ngày nay từ một khu nhà đất bỏ hoang đã trở thành một khu triển lãm nhiều galleries, tổng cộng rộng đến 75,000 square-foot, với sinh hoạt nghệ thuật rất rộn rịp.

Ảnh bên trái: *Bà Sherry Frumkin và Hoàng Vũ.*

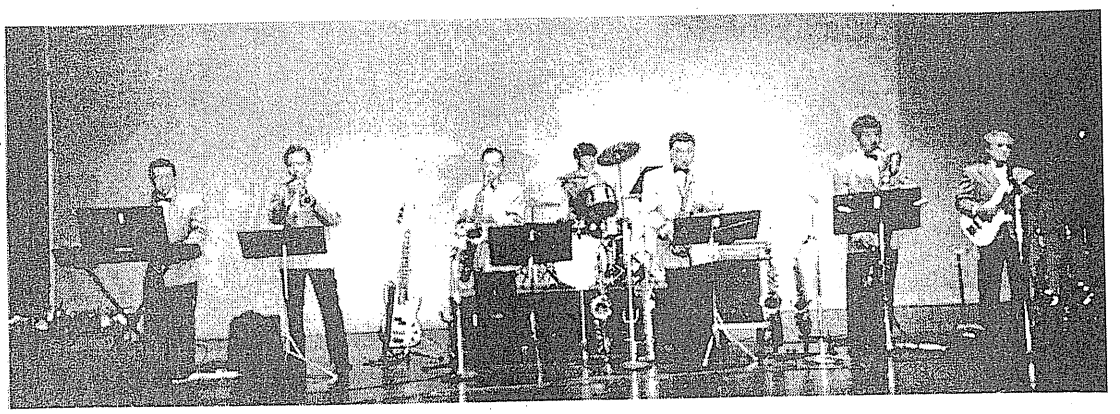

Ban nhạc "The Stars Band": Ngọc Bích, Thanh Hùng, Nguyễn Đức Lưu, Nguyễn Đức Trình (trống), Phan Diệu, Phạm Gia Cổn, và Trần Nhất Hoan, trong buổi trình diễn "Những bước nhạc của một thời để nhớ."

FLORIDA

Ái Khanh ra mắt tập truyện

Ngày 3 tháng Năm 1997, tác phẩm 'Hình Như Là Tình Yêu'' của nhà văn Ái Khanh đã ra mắt tại nhà hàng China Jade, thị xã Maitland, với gần 200 người hiện diện.

Maitland ở gần thành phố Orlando, là nơi đã từng có những sinh hoạt văn học nghệ thuật của các văn nghệ sĩ địa phương cũng như từ các nơi xa đến.

Trong phần mở đầu, ông Đỗ Xuân Hùng, phu quân của nhà văn Ái Khanh, đã thay mặt ban tổ chức chào mừng tân khách. Sau đó, bác sĩ Đỗ Văn Hội, Chủ tịch Cộng Đồng Việt Nam Trung Tâm Florida, giới thiệu tác giả. Phần tác phẩm được nhà văn Bội Điệp nhận định đầy đủ. Ngoài ra, còn có những vị sau đây phát biểu cảm tưởng: bác sĩ nhà văn Nguyễn Đức An, nhạc sĩ Châu Đình An, tiến sĩ Bửu Sao, bác sĩ Võ Văn Nghị (tức nhà văn Vi Đạo Nhân), cựu đại tá Nguyễn Quốc Quỳnh (nguyên chỉ huy trưởng trường Chiến Tranh Chính Trị Dalat), bác sĩ Trần Trọng Cần và bác sĩ Nguyễn Đức Phùng...

Xen kẽ vào các phát biểu cảm tưởng là phần trình diễn ca nhạc, do nhạc sĩ Mai Trí Dũng phụ trách, với sự đóng góp của nhiều ca nhạc sĩ vùng Orlando, tạo thành một buổi sinh hoạt hào hứng, sôi nổi và rất thân tình. (Theo HD).

QUẬN CAM

Võ Tá Hân phát hành CD "Trường Ca Phật Sử"

Tuy là một nhà kinh tế - cố vấn thương mại, đang làm việc tại Singapore, Võ Tá Hân còn tốt nghiệp trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn, vẫn dành thời gian để phổ nhạc cho các bài thơ và các bài kinh, kệ Phật Giáo, được đông đảo thính giả biết đến.

Trong những năm trước, nhạc sĩ Võ Tá Hân đã cho phát hành CD 'Nguyện Cầu,'' phổ thành 10 ca khúc Phật giáo từ thơ của Bảo Nguyên và bốn thi sĩ khác, rồi CD 'Đâng Hương'' phổ nhạc cho Bộ Kinh Khóa Lễ Đại Chúng, CD ''Mặt Trời Hồng Tỉnh Thức,'' gồm 10 bản Thiền Ca, phổ nhạc từ các bài thơ của Sơn Cư, Nhất Hạnh và Quảng Thanh...

Nhân mùa Phật Đản năm nay, nhạc sĩ Võ Tá Hân đã phát hành CD 'Trường Ca Phật Sử,'' phổ nhạc cho một bài kệ dài gần 400 câu thơ, theo thể song thất lục bát, kể lại cuộc đời Đức Phật Thích Ca, qua các giai đoạn như ''Đản Sanh,'' ''Niên Thiếu,'' ''Đối Diện Thực Tại,'' ''Thoát Tục,'' ''Tầm Đạo,'' ''Đắc Đạo,'' ''Chuyển Pháp Luân,'' ''Độ Sanh,'' ''Viên Tịch...''

CD ''Trường Ca Phật Sử'' được trình bày qua các tiếng hát của Bảo Yến, Nhã Phương, Bích Hồng, Quốc Dũng và Kim Tuấn, do Trung Tâm Âm Nhạc Eastern Music ở Singapore sản xuất. (theo Lê Thụy)

QUẬN CAM

Những bước nhạc của một thời để nhớ

Chiều thứ Bảy mùng 10 tháng Năm, một chương trình trình diễn có phối hợp cả văn lẫn võ đã tạo cho khách thưởng ngoạn quận Cam một không khí sôi nổi, thích thú bất ngờ: Hội diễn Âm Nhạc và Võ Thuật, do Hội Sinh Viên Việt Nam tại Rancho Santiago College bảo trợ, cùng một số tổ chức thân hữu khác.

Phần âm nhạc do ban nhạc có tên 'The Stars Band,'' độc đáo với năm cây kèn, trình diễn cùng các ca sĩ Lệ Thu, Xuân Sơn, Ngọc

Tuyết và Nguyễn Năng Tế. Nhạc sĩ lão thành Nguyễn Hiền được mời làm nhạc sĩ khách danh dự, đã đàn dương cầm cùng ban nhạc một ca khúc do chính ông sáng tác. Các nhạc sĩ Ngọc Bích, Thanh Hùng, Nguyễn Đức Lưu, Trần Nhất Hoan, Phan Diệu, Nguyễn Đức Trình và Phạm Gia Cổn, đã trình tấu một nhạc mục tươi vui, dìu dặt, đúng với chủ đề mà ban tổ chức đặt là "những bước nhạc của một thời để nhớ."

Giữa chương trình nhạc là ba màn biểu diễn võ thuật của ba võ đường Quang Trung, Tae Kwondo và Hapkido. Không khí hội trường lúc nào cũng linh hoạt, tưng bừng —dù đó là những tiếng hoan hô cho các thế võ đẹp, hay tiếng reo hò tán thưởng giọng hát và tiếng kèn của "một thời để nhớ."

VIỆT NAM

Nhà văn Phùng Cung qua đời

Nhà văn Phùng Cung, một trong những thành viên nòng cốt của phong trào Nhân Văn - Giải Phẩm, đã từ trần tại Hà Nội vào ngày 9 tháng Năm 1997, vì bệnh ung thư dạ dầy. Đám tang của ông được tiến hành gấp rút vào ngày 11 tháng Năm, và ông được an táng ở cánh đồng làng Đông Ngạc, ngoại ô Hà Nội.

Nhà văn Phùng Cung sinh năm 1922 ở Vĩnh Tường, Vĩnh Yên (nay là Vĩnh Lạc, Vĩnh Phúc), quê quán tổ tiên ở Đường Lâm, Sơn Tây, vốn dòng dõi anh hùng dân tộc Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng.

Năm 1945 Phùng Cung tham gia kháng chiến chống Pháp. Năm 1954, sau hiệp định Genève chia đôi đất nước, Phùng Cung về Hà Nội. Khi còn ở chiến khu, và nhất là càng về sau này, Phùng Cung và một số trí thức trẻ hết sức bất bình trước sự việc các cán bộ văn nghệ bợ đỡ, nịnh hót cấp trên để được khen là phần tử tuyệt đối trung thành với đảng, đoàn, lãnh tụ. Họ nhóm lên phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm nhằm chống lại tệ sùng bái cá nhân, và để tranh đấu cho Tự Do Dân Chủ thật sự.

Phùng Cung viết truyện ngắn "Con Ngựa Già của Chúa Trịnh" trên báo *Nhân Văn* số 4, năm 1956, đã gây xôn xao dư luận lúc đó.

Theo cố học giả Hoàng Văn Chí, ngụ ý của truyện này là đả kích bọn văn nghệ sĩ trước kia có tài như Xuân Diệu, Hoài Thanh, Cù Huy Cận, chỉ vì ham miếng đỉnh nhung mà cam tâm tôi mọi cho chế độ và đời sống tôi mọi đã tiêu diệt hết tài năng trước kia của họ.

Trong đợt học tập cuối năm 1960, Phùng Cung bị đấu tố hai buổi trước đông đảo văn nghệ sĩ tại trụ sở Hội Nhà Văn, bị tố là 'tên phản động ngoan cố." Ngày 19 tháng Mười Hai 1960, công an vây kín ngõ, xông vào nhà ông lục soát, tịch thu toàn bộ bản thảo gồm 30 truyện ngắn và rất nhiều thơ. Phùng Cung bị đưa vào Hỏa Lò Hà Nội, sau đó qua các trại Bất Bạt (Sơn Tây), Yên Bình (Yên Báy), Bảo Thắng (Lào Kay) từ đầu năm 1961 đến cuối năm 1972. Khi được phóng thích, ông bị quản chế rất chặt ở địa phương.

Tuy bị rình mò, nhà văn Phùng Cung vẫn âm thầm sáng tác. Tập truyện 'Đạ Ký" và tập thơ "Xem Đêm" cho thấy tài năng và tinh thần bất khuất của ông. (Theo Vũ Thư)

VIỆT NAM

Nhà văn hóa Nguyễn Khắc Viện qua đời

Ông Nguyễn Khắc Viện sinh ngày mùng 6 tháng Hai 1913, và mất ngày mùng 10 tháng Năm 1997, tại Hà Nội.

Quê quán tại Hà Tĩnh, ông là học sinh Albert Sarraut, Hà Nội. Ông sang Pháp năm 1937, học đại học Y khoa, làm nội trú các bệnh viện Paris, và tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa.

Vào đầu thập niên 1940, ông bị lao. Lúc đó chưa có thuốc trụ sinh, ông phải mổ nhiều lần, bị cắt một lá phổi và 1/3 lá phổi kia. Các bác sĩ giải phẫu cho rằng ông chỉ sống được vài ba năm là cùng. Ông nghiên cứu sinh lý học, luyện khí công, yoga, tập thở, và sống thêm hơn nửa thế kỷ nữa. Ông có viết một cuốn sách về phương pháp rèn luyện thân thể, và vào thập niên 1970, đã mở những lớp luyện thở cho các cụ già ở Hà Nội. Ông còn làm sống lại thú đá cầu ở miền Bắc.

Ông bắt đầu hoạt động chính trị vào đầu thập niên 40. Khởi đầu, lập trường của ông là quốc gia chủ nghĩa. Năm 1945, ông trở thành cảm tình viên của một tổ chức trốt-kít. Đến năm 1947, ông gia nhập đảng Cộng sản Pháp. Năm 1953, khi ông Phạm Huy Thông bị Pháp trục xuất về Việt Nam, ông Viện thay thế ông Thông lãnh đạo phong trào Việt Kiều ủng hộ kháng chiến Việt Minh.

Là một trí thức, thông hiểu văn hóa Việt Nam và văn hóa Pháp, có quan hệ rộng rãi, ông Viện rất có uy tín trong giới trí thức Pháp. Nhờ đó ông thoát được sự đàn áp của nhà cầm quyền Pháp trong thời gian ở Việt Nam diễn ra cuộc kháng chiến.

Mùa xuân năm 1963, chính phủ Ngô Đình Diệm ở miền Nam lung lay, chính phủ Pháp chuẩn bị lá bài Trần Văn Hữu, muốn vận động một số trí thức Việt ở Pháp ủng hộ ông Hữu, và muốn loại trừ ông Viện. Họ trục xuất ông Viện về Hà Nội vào tháng Năm năm 1963. Ông được cử làm Giám đốc nhà Xuất bản Ngoại Văn (nay là NXB Thế Giới). Cơ sở này xuất bản sách báo tuyên truyền cho Cộng sản Bắc Việt bằng ngoại ngữ, chủ yếu là Anh, Pháp, Nga ngữ. Bên cạnh các sách báo tuyên

truyền, cũng có một số ấn phẩm giá trị, như tập san "Nghiên Cứu Việt Nam" (Etudes Vietnamiennes / Vietnamese Studies) giới thiệu được nhiều nghiên cứu về văn hóa, văn học, ngôn ngữ học, sử học Việt Nam.

Ông là dịch giả một bản dịch truyện Kiều ra tiếng Pháp; là tác giả nhiều bài báo, bài khảo cứu, và một số sách như các cuốn 'Lịch sử Việt Nam," "Kinh Nghiệm Việt Nam," "Khái Niệm Văn Học Việt Nam." Cùng với Hữu Ngọc, ông thực hiện bộ 'Hợp Tuyển Văn Học Việt Nam" bằng tiếng Pháp và tiếng Anh.

Năm 1992, Hàn lâm viện Pháp tặng ông Giải Thưởng Lớn Pháp ngữ (Grand Prix de la Francophonie). Ông dùng số tiền thưởng 400.000 quan Pháp (US$80,000) để tài trợ Trung Tâm N-T (nghiên cứu tâm lý trẻ em) do ông lập từ năm 1983 khi ông về hưu.

Năm 1981, trong một thư bảy điểm gửi Quốc Hội Việt Nam, ông Viện phê phán chủ nghĩa "duy ý chí, mao-ít và quan liêu" mà ông cho là nguyên nhân những sai lầm từ sau năm 1975. Sau đó, ông còn đưa ra nhiều kiến nghị và những bài báo đòi hỏi cải tổ và dân chủ hóa.

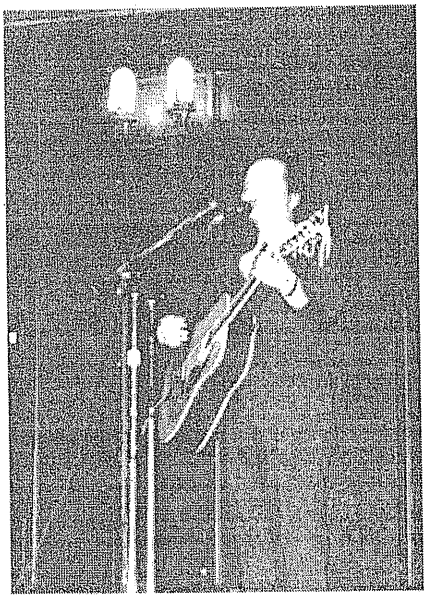

Nhạc sĩ Đỗ Vy Hạ

Thái độ của nhà cầm quyền Hà Nội đối với ông trong 15 năm qua thay đổi từng lúc giữa hai thái cực, mà điển hình là thái độ của ông Nguyễn Văn Linh (nguyên Tổng Bí thư đảng Cộng sản Việt Nam): Tháng Mười 1987, trong một buổi gặp gỡ văn nghệ sĩ, ông Linh bắt tay ông Viện và xin bài phát biểu của ông Viện để "về đọc lại." Tháng Chín 1989, ông Linh nói tại một hội nghị các cán bộ cao cấp của đảng Cộng sản Việt Nam: "Tay Nguyễn Khắc Viện nay lại đi ca ngợi dân chủ tư sản."

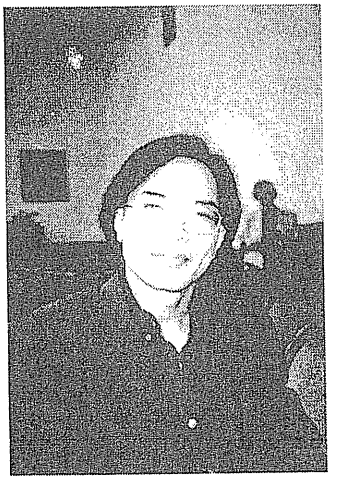

Nhà thơ Chân Phương

Hai tháng trước ngày ông từ trần, ông bệnh nằm một chỗ, nhà nước CSVN trao tặng ông Huân chương Độc Lập hạng nhất. Trong khi đó, suốt nhiều năm trời, các báo được chỉ thị không được nói tới tên ông, và có nhiều bài phê phán quan điểm của ông mà không nêu tên.

BOSTON

Chiều Hạnh Ngộ Thơ Nhạc

Vào lúc 3 giờ chiều ngày thứ Bảy mùng 3 tháng Năm 1997, tại thính đường Gusson, trường Boston College, trong khung cảnh kiến trúc cổ điển Âu châu thanh nhã, khoảng 100 khách yêu văn học nghệ thuật đã tham dự một buổi sinh hoạt mang tên "Chiều Hạnh Ngộ Thơ Nhạc," do một nhóm văn nghệ sĩ Boston tổ chức.

Mở đầu buổi sinh hoạt, ông Lê Đình Điểu, Chủ tịch Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, đến từ California, đã nói chuyện về đề tài 'Truyền thông của cộng đồng người Việt trên thế giới," trong đó ông đặc biệt nói đến phát thanh trên Internet, để chứng minh trái đất ngày một thu nhỏ đối với người Việt.

Tiếp theo là phần giới thiệu tuyển tập ca khúc "Biển Vắng" của Đỗ Vy Hạ. Đây là một tập gồm 10 ca khúc ngợi ca tình yêu, trình bày trang nhã với nhiều phụ bản của Nguyên Long. Những tình khúc này đã được các giọng ca độc đáo của vùng Boston, như Minh Phương, Nguyễn Ngọc Phong, Thế Cường, Hồng Dung, Hồng Duyên, Anh Tuấn, Ngọc Hà, Mỹ Hạnh và Nguyễn Trọng Khôi trình bày, cùng tiếng đàn dương cầm của Nguyễn Hòa Bình và Nhất Chi Vũ, đàn tranh của Hồng Dung và Hồng Duyên, sáo của Lê Trần.

Phần cuối của chương trình 'Hạnh Ngộ" là đọc và ngâm thơ Chân Phương. Nhà thơ Chân Phương cũng đã góp ý về vấn đề truyền thông: ông lo sợ sự phát triển của kỹ thuật sẽ làm nghệ thuật bị lấn át, thí dụ chương trình phát thanh có quá nhiều tin tức và quảng cáo, không còn chỗ cho thơ và nhạc nữa. Bài thơ *Sinh Nhật* của Chân Phương đã được Nguyễn Ngọc Phong ngâm với giọng truyền cảm, làm ấm lòng người đến với chiều "Hạnh Ngộ," dù bên ngoài thành phố Boston chìm trong mưa. (NTK)•

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

HÀ CHÂU

Truyện Người Viết Sử, tập truyện ngắn và kịch của **Trần Nghi Hoàng** Văn Uyển xuất bản tháng 2.1997, 314 trang, $16.00. liên lạc Văn Uyển Publishing Company P.O.Box 1882, San Jose, CA 95109 USA.

Trước đây, người đọc đã biết tác giả qua những tác phẩm thơ, tiểu luận và truyện. Trong tập **Truyện Người Viết Sử,** trừ truyện *"Người đàn bà mặc áo măng tô màu xám",* tám truyện kia và một vở kịch như những hình thức mà tác giả muốn giới thiệu một lối nhìn riêng về nhân vật lịch sử xưa và nay, huyền thoại cổ tích và bây giờ của Việt Nam, và của người Việt hải ngoại.

Phần "Trước khi vào truyện (trang 291 và 292)" của Truyện Người Viết Sử, truyện chót mà cũng là đề tựa của cuốn sách mới này, Trần Nghi Hoàng nói lên sự thao thức về lối nhìn các nhân vật lịch sử, theo ý nghĩ riêng ông.

Cuốn sách này là nỗ lực mới trong diễn trình sáng tác của tác giả.

Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, của Nguyễn Thị Thế, Văn Hóa ngày nay tái bản lần thứ ba, 262 trang, giá $12.00. L/L nhà xuất bản Văn Hóa Ngày Nay 100N Ross St. #A120, Santa Ana CA 92701.

Nhất Linh, Hoàng Đạo, và Thạch Lam là ba anh em ruột cùng trong một gia đình đã trực tiếp gây ảnh hưởng vào văn học (qua Tự Lực Văn Đoàn) và chính trị suốt thời gian từ thập niên 1930 đến đầu thập niên 1960 tại Việt Nam, một giai đoạn sôi động nhất của lịch sử văn học lẫn chính trị cận đại của dân tộc và đất nước ta. Do đó cuốn hồi ký này đặc biệt mang một nội dung ít nhất đáp ứng với nhu cầu chú tâm của giới độc giả về những nét, dù sơ lược, gia đình, thân thế và sự nghiệp của ba nhân vật trên.

Bề dầy cuốn hồi ký đã có sự đặc biệt: Độ 140 trang đầu là một phần tái bản. Trên một trăm trang sau là phần mới viết bổ túc thêm vào.

Về mức độ trung thực của cuốn hồi ký này, người em út của gia đình là Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách đã nhận xét "Những hình ảnh trung thực và sinh động với ngòi bút chất phác, đã phản ảnh được đời sống của gia đình Nguyễn Tường dưới một khía cạnh riêng, với con mắt nhìn của một người phụ nữ duy nhất trong bảy anh chị em."

"Chị tôi đã viết ra những điểm mà anh em trai chúng tôi không thể thấy được hay ít để ý tới." (trang 255).

Về giá trị, nhà văn và họa sĩ Tạ Tỵ Viết: "Cuốn hồi ký về gia đình Nguyễn Tường của nữ sĩ lão thành Nguyễn Thị Thế không những là một tài liệu chính trị chính xác nhất về gia đình này, nó còn là một cuốn sách văn học được viết ngoài văn chương. Chính vì vậy... tác phẩm có sức nặng của cả một dòng sông lịch sử văn học cũng như chính trị qua giòng họ Nguyễn Tường ở Việt Nam trong thế kỷ 20" (trang 24)

Cởi trói truyện dài hai tập của **Vĩnh Hảo,** tập I dầy 355 trang giá $15.00, tập II 360 trang cũng $15.00. Chiêu Hà xuất bản 1997. L/L Chiêu Hà Publisher PO Box 2303, North HIlls, CA 91393 USA.

Tác giả dùng thể kể chuyện để diễn tả hành trình và suy luận của nhân vật xưng "tôi", vốn là một tu sĩ trẻ Phật giáo, tham gia lực lượng Phục Quốc, bị vỡ, ẩn lánh rồi bị bắt tù giam và vượt biên không thành, của giai đoạn miền nam Việt Nam sau năm 1975. Và

tác giả kết luận: "Sự vật muôn đời vẫn thế, vắng lặng như sao trên trời quạnh. Chính cái tâm đã cột trói thế giới thì cái tâm ấy sẽ cởi trói cho thế giới... Tôi ở đây, sống trên cuộc đời này, lao xao nói cười, làm việc, tranh đấu, tụ tập, yêu đương, mong đợi, tìm cầu, hạnh phúc, khổ đau... nhưng luôn luôn, lúc nào cũng vậy, ở trong tôi, là phương trời cao rộng kỳ tuyệt ấy" (trang 715)

Đây có thể nói là một cuốn truyện muốn thể nghiệm triết lý Phật giáo vào đời thường của con người, cụ thể là con người Việt trong giai đoạn lịch sử dân tộc từ 1975 trở đi, trong nỗ lực của tác giả ở mấy trang đầu của hai tập truyện dài này có ghi "Cởi trói tức Phương Trời Cao Rộng IV", phải chăng ý tác giả muốn xếp truyện dài hai tập này vào một loại trường thiên tiểu thuyết, theo cách xếp đặt riêng và mới lạ của ông?

Từ độ đầu thập niên 1990 đến nay, Vĩnh Hảo đã cho xuất bản ít nhất một tập thơ, một tập bút, ba tập truyện và năm truyện dài, theo bản liệt kê của nhà xuất bản Chiêu Hà. Như vậy Vĩnh Hảo đang là tác giả sáng tác vào hạng sung sức nhất ở hải ngoại hiện nay.

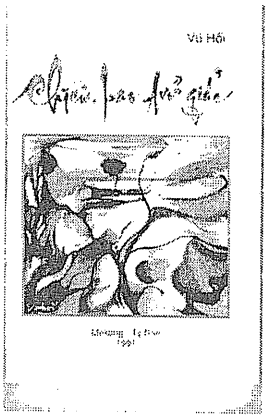

Chiêm bao trở giấc, thơ của **Vũ Hối,** gần 200 trang, giá $15.00 Dân Quyền xuất bản. L/L Vũ Hối 195 Hardy Place, Rockville MD 20852.

Đây là một tập thơ đặc biệt gồm không những thơ, còn cả loại tranh vẽ và thư họa của tác giả, với những ca khúc phổ thơ của tác giả và những lời giới thiệu, phác thảo chân dung tác giả của nhiều nhân vật khác nữa.

Qua lời tựa của giáo sư Nguyễn Thùy, người đọc được biết Vũ Hối đã có tác phẩm xuất bản từ năm 1958, triển lãm tranh khắp thế giới và "người đoạt giả Khôi Nguyên trong tuyển tập những nhân vật lỗi lạc quốc tế trong viện Tiểu Sử Hoa Kỳ ấn hành năm 1996. vân vân. và tiến sĩ Cao Thế Dung cũng viết: "Thư-họa Vũ hối thể hiện cái NGUYÊN THANH của THƠ. Và thơ Vũ hối lại chuyên chở cái chất tinh túy nguyên sơ của TÂM THANH."

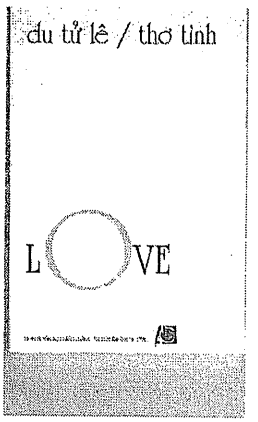

Du Tử Lê/Thơ Tình (1975-1984), tái bản lần thứ tư 1996, 200 trang không đề giá bán. Tủ sách văn học Nhân Chứng xuất bản. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Nửa phần đầu là những bản dịch sang anh ngữ, với tên riêng Du Tử Lê/Love Poems. Phần sau là Du Tử Lê/Thơ Tình. Tập thơ ấn bản mới nhất này còn bao gồm nhiều phụ bản họa và phụ bản nhạc phổ một số bài thơ của tác giả chọn lọc trong giai đoạn sáng tác từ 1975 đến 1984.

Du Tử Lê là một thi sĩ nổi tiếng cả ba thập niên nay, trong nước lẫn hải ngoại.

Trong "vài dòng cho bản in lần thứ tư". Du Tử Lê cho biết rằng ông tái bản tập Thơ Tình này vì nhu cầu từ độc giả và những điều chỉnh mới so với ấn bản trước đây. Cuối cùng, ông viết: "Một lần nữa, tôi xin đặt cuốn sách nhỏ bé này vào lòng tay khoan, lượng đầy thương yêu của bạn." ●

Quý độc giả vì vận nước phải làm thân phiêu dạt xứ người đã gặp lại và thương thêm quê nhà, trong đó có xứ Huế thân yêu với những hoang vu, diêu tàn giữa cuộc biển dâu tan tác trong HOA VẠN HẠT, CUỐI MÙA...

Hãy đón đọc:

CÂU NAM AI THẤT LẠC

của HỒ MINH DŨNG

do Văn Mới xuất bản đầu mùa hạ 1997.

Thăm Dò Xã Hội & Phục Vụ Cộng Đồng: Tìm Hiểu Về Tâm Trạng Buồn Nản

Bài viết ngắn này có hai mục đích, (1) giới thiệu với độc giả vài khái niệm về việc thăm dò xã hội cùng vai trò của nó trong việc phục vụ cộng đồng, và (2) kêu gọi độc giả cùng thân hữu tham gia đắc lực vào cuộc thăm dò sơ khởi về tâm trạng buồn nản trong cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ. Thế Kỷ 21 hợp tác với nhóm nghiên cứu thuộc Boston College thực hiện cuộc thăm dò quan trọng này.

Ý Nghĩa Về Việc Thăm Dò Xã Hội

Chúng tôi dùng từ thăm dò xã hội cùng nghĩa với từ Anh Ngữ "Polls" hay "Surveys." Nói vắn tắt, thăm dò xã hội là phương pháp khoa học dùng để thu thập dữ kiện liên quan đến các khía cạnh đời sống con người trong xã hội. Các cuộc thăm dò thường được thực hiện với một nhóm người được coi như là đại diện chung cho một cộng đồng hay một xã hội. Các nhà nghiên cứu không có mục đích tìm hiểu từng cá nhân, nhưng họ dùng dữ kiện thu thập từ những cá nhân để tìm hiểu về cộng đồng hay xã hội. Như vậy khi bạn tham gia vào các cuộc thăm dò xã hội là bạn trực tiếp giúp phần vào sự hiểu biết những sự việc có liên quan đến đời sống chung của cộng đồng và xã hội.

Từ thập niên 1930, thăm dò xã hội bắt đầu được phát triển và thực hiện cho nhiều mục đích khác nhau có liên quan tới các ngành như báo chí, thị trường học, và nhiều khoa nhân xã học (social sciences). Tại Hoa Kỳ, vào những mùa bầu cử, ta thấy các cơ quan truyền thông như báo chí và truyền hình thực hiện những cuộc thăm dò xã hội để tiên đoán kết quả bầu phiếu, hay tìm hiểu dân ý về các vấn đề liên quan đến các ứng cử viên hay thời cuộc. Phương pháp thăm dò xã hội đã trở nên chính xác nên báo chí và các đài truyền hình đã tiên đoán kết quả những cuộc bầu phiếu từ địa phương đến liên bang rất chính xác trong thập niên qua. Số người được tuyển chọn vào các cuộc thăm dò có tính cách quốc gia thường từ một tới hai ba ngàn. Đây là đặc điểm của phương pháp thăm dò xã hội. Nếu được chuẩn bị cẩn thận, kết quả sẽ chính xác mặc dầu ta chỉ cần thăm dò một nhóm người nhỏ trong cộng đồng hay quốc gia.

Trong hai thập niên qua, nhiều đồng bào ta tại Hoa Kỳ đã được mời tham gia vào các cuộc thăm dò xã hội có liên quan đến nhiều khía cạnh đời sống của người Việt định cư tại đây. Chính phủ Hoa Kỳ, các cơ quan định cư, trường học, hay nhà thương đã áp dụng kết quả của những cuộc thăm dò xã hội, để cải tiến cách phục vụ đồng bào mình, hay soạn thảo những kế hoạch phục vụ mới. Vì lợi ích chung cho cộng đồng, xin quí vị khuyến khích người thân quen tham gia nồng nhiệt vào những cuộc thăm dò xã hội có liên quan đến đời sống cộng đồng Việt Nam tại Hoa Kỳ. Thăm Dò Về Sự Buồn Nản

Các chuyên gia y tế, phân tâm bệnh, tâm lý học, xã hội học, hay nhân xã vụ học (social work) không đồng nhất trong việc dịch từ "depression" trong Anh Ngữ sang tiếng Việt. Chúng tôi tạm dùng từ buồn nản đồng nghĩa với từ "depression" trong Anh Ngữ. Buồn nản được coi như là một căn bệnh có ảnh hưởng đến mọi khía cạnh trong đời sống tình cảm, thể xác, sự suy nghĩ, và cử chỉ. Người mang bệnh này thường có những triệu chứng như: buồn hay thấy lòng trống rỗng, không còn thiết hay thích thú vào việc thường làm kể cả sinh hoạt sinh lý, kiệt sức hay mệt mỏi bần thần, giấc ngủ trằn trọc, ăn không ngon miệng, hay chia trí, áy náy hối hận về một chuyện gì, muốn kết liễu đời mình, dễ bực mình khó chịu, dễ bị khóc hay rơi nước mắt bất thường, hay thấy mình mẩy đau nhức vô cớ.

Thăm dò xã hội về y tế cho biết tại Hoa Kỳ cứ tám người thì có một người bị bệnh buồn nản. Tốn kém về chi phí chữa trị và thiệt hại tính theo năng xuất cá nhân vào khoảng 16 tỷ Mỹ Kim một năm (Agency for Health Care Policy and Research, Publication No. 93-0550, 1993). Đây không phải là số tiền nhỏ. Chính phủ Hoa Kỳ hàng năm vẫn tài trợ cho nhiều cuộc thăm dò xã hội có liên quan đến bệnh buồn nản. Ai trong chúng ta cũng có thể bị chứng bệnh này. Vì các nghành học như Tâm Y Học (Psychiatry), Tâm Lý Học (Psychology), Nhân Xã Vụ Học (Social Work), và những ngành học liên quan đến đời sống tâm trí (hay tâm thần) chưa được phát triển đúng mức trong xã hội Việt Nam nên chúng ta chưa biết nhiều về bệnh buồn nản. Hậu quả là nhiều khi ta mang chứng bệnh này nhưng bác sĩ Y Khoa không chẩn bệnh đúng vì bệnh nhân không diễn tả nổi chứng bệnh và bác sĩ thì thiếu chuyên môn về Tâm Y Học. Ngày nay bác sĩ Tâm Y có thể dùng thuốc và những phương pháp trị liệu tâm lý khác (psychotherapy) để chữa trị bệnh buồn nản với kết quả rất khả quan.

Gần đây, tác giả và nhóm nghiên cứu tại trường cao học Nhân Xã Vụ thuộc Boston College tại Massachusetts được sự hỗ trợ của viện Đại Học và viện Y Tế Quốc Gia (National Institute of Health) thực hiện một cuộc thăm dò sơ khởi về bệnh buồn nản trong cộng đồng Việt Nam. Mục đích của cuộc thăm dò xã hội này là thâẩm định một số câu tiếng Việt được dịch từ tiếng Anh để dùng vào việc chẩn bệnh buồn nản cho người Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên tại Hoa Kỳ hay trên thế giới. Đây là việc làm có ích lợi chung và lâu dài cho đồng bào ta. Nếu quí vị nhận được bản thăm dò, xin quí vị tham gia tận tình. Nếu có thể, xin chụp thêm bản thăm dò và kêu gọi người quen điền rồi gửi lại cho nhóm nghiên cứu về địa chỉ sau: Professor Trần Văn Thành Boston College-216 McGuinn Hall Graduate School of Social Work 140 Commonwealth Avenue Chestnut Hill, MA 02167-3807.

Nói chung thì việc thăm dò xã hội chưa được các nhà nghiên cứu Việt Nam sử dụng nhiều. Hy vọng

trong tương lai các giới truyền thông, thương mại, y tế, giáo dục, và các ngành nhân xã học sẽ áp dụng các cách thăm dò xã hội trong những công trình hữu ích cho đồng bào ta. Riêng với chứng bệnh buồn nản, các giới có liên hệ tới y tế công cộng nên bắt tay tìm hiểu nguyên nhân và tìm cách trị liệu cho thích hợp với đồng bào ta. Trong tương lai, nếu có dịp, chúng tôi sẽ trình bày thêm về khoa nghiên cứu nhân xã học, và các khía cạnh của bệnh buồn nản.●

Boston College, Graduate School of Social Work, Chestnut Hills, Massachussetts
Tạp chí *Thế Kỷ 21*, Garden Grove, California

Bản Thăm Dò Ý Kiến Độc Giả Và Thân Hữu Về Sự Buồn Nản

Nếu quý vị 18 tuổi trở lên và đã định cư tại Hoa Kỳ ít nhất là một năm, xin quý vị đọc và điền bản thăm dò bằng cách đánh dấu, hoặc khoanh tròn, vào các câu trả lời thích hợp nhất đối với mình, hay viết câu trả lời vào chỗ trống. Khi xong, làm ơn bỏ vào bao thơ có sẵn và gửi lại chúng tôi. Để bảo toàn danh tánh, xin đừng ghi tên hay địa chỉ lên bao thư hay bản thăm dò.

Nhóm nghiên cứu sẽ phân tích và tường trình trên tạp chí *Thế Kỷ 21*. Kết quả cuộc thăm dò sẽ dùng cho các cuộc thăm dò cộng đồng để giúp tìm giải pháp thích hợp cho những vấn đề của cộng đồng. Nếu quý vị không trả lời bản thăm dò được, xin đưa cho một người khác điền và nhắc họ gửi lại cho chúng tôi. Quý vị nào có bạn bè, người thân muốn trả lời, xin cứ sao bản câu hỏi này, điền câu trả lời và gửi về cho chúng tôi. Có thắc mắc xin liên lạc về Giáo Sư Trần Thành, điện thoại: (617) 552-4028 hay Ô. Lê Đình Điểu, tạp chí *Thế Kỷ 21*, điện thoại: (714) 638-9510. Xin chân thành cảm ơn quý vị.

Xin Bắt Đầu Đọc Kỹ Và Điền Hết Những Câu Trong Bản Thăm Dò

Sau đây là một số những điều, hay cảm giác, mà bạn đã cảm nghiệm trong tuần qua. Xin chọn một câu trả lời thích hợp nhất với mức độ cảm nghiệm của bạn. Các câu từ 1 đến 20 có chung một cách trả lời. Mức độ cảm nghiệm của bạn có thể đi từ:

(1) Ít khi hoặc không bao giờ;
(2) Đôi khi hay họa hoằn — cảm giác kéo dài một hai ngày trong tuần;
(3) Khá thường — cảm giác kéo dài ba bốn ngày trong tuần; và
(4) Rất thường — cảm giác kéo dài từ năm đến bảy ngày trong tuần.

	Không bao giờ (1)	Đôi khi (2)	Khá thường (3)	Rất thường (4)
1. Tôi thấy e dè sợ sệt	☐	☐	☐	☐
2. Tôi thấy buồn	☐	☐	☐	☐
3. Chuyện gì cũng làm tôi khóc được	☐	☐	☐	☐
4. Tôi thường ngủ không ngon giấc vì trằn trọc	☐	☐	☐	☐
5. Tôi cảm thấy không thể gạt khỏi nỗi buồn ngay cả khi có sự giúp đỡ của gia đình hay bạn bè	☐	☐	☐	☐
6. Tôi cảm thấy buồn rầu chán nản	☐	☐	☐	☐
7. Tôi cảm thấy cô đơn	☐	☐	☐	☐
8. Tôi thấy đời tôi là một sự thất bại	☐	☐	☐	☐
9. Tôi dễ bực mình vì những chuyện không đâu	☐	☐	☐	☐
Không bao giờ Đôi khi Khá thường Rất thường				
10. Tôi chẳng thiết ăn hoặc ăn không thấy ngon	☐	☐	☐	☐
11. Phải cố gắng lắm tôi mới làm được những việc tôi thường làm	☐	☐	☐	☐
12. Tôi không thể bắt đầu một việc gì	☐	☐	☐	☐
13. Tôi khó chú tâm vào công việc đang làm	☐	☐	☐	☐
14. Tôi nói ít hơn thường lệ	☐	☐	☐	☐
15. Tôi thấy mình chẳng hơn ai	☐	☐	☐	☐
16. Tôi thấy có hy vọng ở tương lai	☐	☐	☐	☐
17. Tôi thấy vui	☐	☐	☐	☐
18. Tôi yêu đời	☐	☐	☐	☐
19. Mọi người có vẻ khó thân thiện	☐	☐	☐	☐
20. Tôi cảm thấy người ta không thích tôi	☐	☐	☐	☐

21. Bạn bao nhiêu tuổi? _____
22. Bạn đến nước Mỹ được mấy năm?_____
23. Bạn là: 1. Phái Nam 2. Phái Nữ
24. Tổng số năm bạn đi học ở nhà trường:_____
25. Xin cho biết tình trạng gia cảnh hiện tại của bạn : 1. Đã lập gia đình 2. Ly thân 3. Ly dị 4. Góa bụa 5. Chưa bao giờ lập gia đình
26. Bạn hiện đang: 1. Đi làm 2. Thất Nghiệp 3. Không đi làm vì lý do riêng
27. Bạn có đang gặp trở ngại về tài chánh không? 1. Có 2. Không

Xin cố gắng trả lời hết mọi câu rồi cho vào phong bì gửi ngay lại chúng tôi. Chân thành cảm tạ.●

Tìm đọc:

LÊ HOA

Đặc san mùa Xuân 1997
của
LÊ TỘC HỘI HẢI NGOẠI

Liên lạc:
10444 Flanders Place, San Diego CA 92126 USA. ĐT: (619) 586-1867

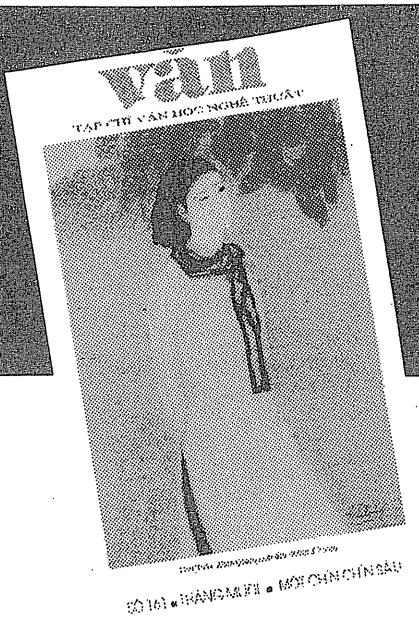

văn

tạp chí văn học nghệ thuật
phát hành hàng tháng

Chủ nhiệm: MAI THẢO
Chủ bút: NGUYỄN XUÂN HOÀNG
ĐT: (714) 531-7297

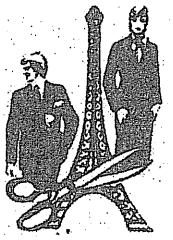

"THUẬN" PHOUTTA PHASOUK

Master Tailor
Diplome d'Honneur L'Académie Internationale
De Coupe de Paris

** Từ 1963 đã từng may mặc cho Hoàng Gia Lào và giới ngoại giao tại Vientiane*
** Hoạt động trong ngành May Mặc Paris trong 15 năm:*
Làm Huấn luyện viên tại Académie Internationale de Coupe de Paris
Làm Coupeur cho Trường Ecole Superieure de Guerre.

• Nhận cắt may đồ Veste,
sang trọng và nghệ thuật
• Huấn luyện từ A đến Z
những ai muốn học nghề may
hoặc muốn tu nghiệp
nâng cao tay nghề.

7871 Hazard Ave.,#B (at Beach) Westminster, CA 92683
Điện thoại: **(714) 373-4085**

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

- Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
- Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ___. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không)
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341

Le's Florist Boutique

Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions

14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Orange County, California, USA

Thuh

Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

325 5th Street
Huntington Beach
CA 92648

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949
(714) 960-0311

NHẬN VISA & MASTER CARD

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận

* **GIẢI PHẪU**
  - Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
  - Căng da mặt, da bụng.
* **PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI:** (Endoscopie plastic surgery)
  - Sữa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
  - Căng da trán, nâng chân mày với thẹo nhỏ trong tóc.
* **TIA LASER:**
  - Xóa nếp nhăn trên mắt.
  - Lấy mỡ mắt dưới không để thẹo, không chảy máu, không may chỉ, vì cắt bên trong mí mắt.
* **HÚT MỠ:**
  - Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.
* **Cấy tóc.**
* **Chích Mỡ**
* **Chữa trị các hình thức Silicone.**
* **Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.**

CHUYÊN MÔN:

* *Facial*	* *Lột da mặt*	* *Dầu thơm Pháp*
* *Dưỡng Da*	* *Xâm Thẩm Mỹ*	* *Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)*
* *Trang điểm cô dâu, dạ hội*		

* *Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.*
* *Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ*
* *Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.*

Bp: (714) 218-6262

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

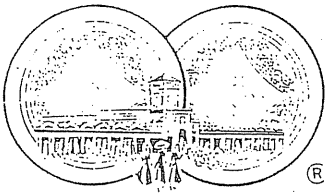

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
永西貴港超市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME
ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGON

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

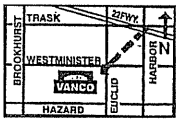

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999
MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

THẾ KỶ GOLDEN MATE INC.

GIỚI THIỆU 2 MÁY MỚI NHẤT Hoàn Mỹ EV-97

TỪ ĐIỂN ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-ANH

Lớn nhất bao gồm
Từ điển thông dụng
+ Từ điển kỹ thuật tổng hợp

Ngoài ra, còn riêng một bộ từ điển Bách Khoa với 8 ngành đặc biệt thích ứng nhu cầu học đường và nghề nghiệp chuyên môn chưa một từ điển nào có được. Tổng thiết lập riêng cho bộ bách khoa này.
Y Khoa, Toán Học, Thương Mại, Kinh Tế, Điện Tử, Điện Toán, Cơ Khí và đặc biệt ngành Thẩm Mỹ với từ chuyên môn cùng các câu hỏi trắc nghiệm mẫu

Gộp chung trong bộ từ điển Anh-Việt để tiện việc tra cứu.
Do Whizmate, phân bộ của Golden Mate thực hiện

Anh-Việt Việt-Anh Anh-Anh

Giá $ 279 + Tax
(Cho những người đặt mua trước. Giới hạn trong thời gian khai trương)
Giá chính thức $319+Tax

LINH KIỆN THIẾT BỊ CỦA SHARP CHẾ TẠO
BẢO ĐẢM BỀN BỈ VÀ TINH VI
HỆ THỐNG PHÁT ÂM CỦA VIỆN TIÊU CHUẨN
KỸ THUẬT BERKELEY-USA ĐÀI LOAN SẢN XUẤT

BẠN ĐANG SỐNG TRONG THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYỆN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÀNG.

Đừng Bỏ Lỡ Cơ Hội !!!
Một máy bằng 3 máy cộng tại mà chỉ tốn nửa số tiền.

Hãy nhớ đến
ĐẠI TỪ ĐIỂN TỬ PHÁT ÂM
GOLDEN

NHẬN SỬA CHỮA TẤT CẢ CÁC LOẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ

Thế Kỷ VEC- 888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM

ENGLISH DICTIONARY

+

ENGLISH-VIETNAMESE VIETNAMESE-ENGLISH EV-555

+

ENGLISH-CHINESE CHINESE-ENGLISH EC-9001C

=

ĐẠI TỪ ĐIỂN VEC-888

CẦN THÊM NHIỀU ĐẠI LÝ TẠI CÁC NƯỚC ÂU CHÂU

MONTEREY PARK Xin liên lạc: Tel. (818) 571-6598

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ & CANADA
GOLDEN MATE INC.
NÓI TIẾNG VIỆT: 1-800-248-3988 1-818-279-9911
Tel: (818) 279-9898 . Fax: (818) 279-9899

LITTLE SAIGON
PACIFIC GIFTS & SHOES
PHONG LÊ CO.
PHƯƠNG MY LASER & VIDEO
SOUND CITY
VIETNAM BOOK STORES

Ấn Phí: Bến Mỹ Kim